



C.W. LEADBEATER

Dịch giả : NGUYỄN HỮU KIỆT

CHƠN SƯ VÀ THÁNH ĐẠO

(THE MASTERS AND THE PATH)

Nhóm hội viên Thông Thiên Học hải ngoại
hiệu đính, bổ túc và xuất bản tại Hoa Kỳ

2006

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
CHƯƠNG 1 SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC CHƠN SỰ	3
ĐẠI LƯỢC	3
SỰ CHỨNG MINH CỦA CÁC TÔN GIÁO	7
NHỮNG BẰNG CHỨNG GẦN ĐÂY	8
SỰ KINH NGHIỆM CÁ NHÂN CỦA TÔI	11
SỰ TIẾN HÓA CỦA VẠN VẬT	15
ĐỜI SỐNG SIÊU NHÂN LOẠI	21
QUẦN TIÊN HỘI	23
CHƯƠNG 2 THỂ XÁC CỦA CÁC CHƠN SỰ	26
HÌNH DÁNG CỦA CÁC NGÀI	26
MỘT THUNG LŨNG Ở TÂY TẠNG	28
NHÀ CỦA CHƠN SỰ KUTHUMI	31
NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CHƠN SỰ	34
NHỮNG NHÀ KHÁC	38
CÁC CHƠN SỰ THUỘC CUNG SỐ 1	39
CÁC CHƠN SỰ THUỘC CUNG THỨ 2	42
NHỮNG CHƠN SỰ THUỘC CÁC CUNG KHÁC	44
NHỮNG THỂ XÁC KIỆN TOÀN	47
MƯỢN THỂ XÁC	50
PHẦN THỨ HAI	54
CÁC VỊ ĐỆ TỬ	54
CHƯƠNG 3 CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHƠN SỰ	55
VÀO CỬA ĐẠO	55
TÁNH CÁCH VĨ ĐẠI CỦA VIỆC PHỤNG SỰ THIÊN CƠ	57
QUYỂN SÁCH «DƯỚI CHÂN THẦY»	61
THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ	65
KẾT DÂY LIÊN LẠC VỚI CHƠN SỰ	67
KHÔNG AI LÀ NGƯỜI BỊ BỎ ROİ	69
NHỮNG CHƯỚNG NGẠI THÔNG THƯỜNG	73
PHẢI CÓ SỰ TRUNG THÀNH TUYỆT ĐỐI	77

CHƯƠNG 4 THỜI KỲ DỰ BỊ.....	79
<i>CHIẾC HÌNH NỘM</i>	79
<i>NHỮNG ĐỆ TỬ DỰ BỊ TRẺ TUỔI</i>	83
<i>HẬU QUẢ CỦA SỰ TÀN NHẢN ĐỐI VỚI TRẺ CON</i>	86
<i>BẬC THẦY CỦA NHÂN LOẠI</i>	89
<i>VÀO HÀNG DỰ BỊ</i>	91
<i>LỜI DẠY BẢO CỦA CHON SŨ</i>	94
<i>TÁNH NÓNG NÀY</i>	102
<i>TÁNH ÍCH KỶ</i>	104
<i>SỰ LO ÂU</i>	106
<i>SỰ VUI CƯỜI</i>	107
<i>NHỮNG LỜI NÓI VÔ ÍCH</i>	109
<i>TÁNH HẤP TẮP VÀ KHOE KHOANG</i>	110
<i>GIÁ TRỊ CỦA SỰ TẬP ĐOÀN</i>	112
CHƯƠNG 5 THỜI KỲ NHẬP MÔN.....	114
<i>MỘT CUỘC LỄ NHẬP MÔN CHÁNH THỨC</i>	114
<i>SỰ HỢP NHÚT VỚI CHON SŨ</i>	117
<i>VIỆC CHUYỂN DI THẦN LỰC</i>	122
<i>GỎI THÔNG ĐIỆP</i>	125
<i>KIỂM ĐIỂM TƯ TƯỞNG</i>	126
<i>SỰ TIÊU KHIỂN</i>	128
<i>SỰ THÀNH CÔNG CHẮC CHẮN</i>	129
CHƯƠNG 6 THỜI KỲ CHUẨN BỊ ĐIỂM ĐẠO.....	131
<i>BỐN NHÂN DUYÊN ĐƯA ĐẾN CỬA ĐẠO</i>	133
<i>NHỮNG ĐỨC TÁNH CẦN THIẾT</i>	136
<i>PHẦN THỨ BA</i>	140
<i>NHỮNG CUỘC ĐIỂM ĐẠO LỚN</i>	140
CHƯƠNG 7 CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHẤT.....	141
<i>ĐẮNG ĐIỂM ĐẠO ĐỘC TÔN</i>	141
<i>NGƯỜI TÂN ĐẠO ĐỒ ĐỐI VỚI QUẦN TIÊN HỘI</i>	144
<i>NHỮNG TRƯỜNG HỢP THẤT BẠI</i>	149
<i>CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHÚT</i>	151
<i>THỜI GIAN CUỘC LỄ ĐIỂM ĐẠO</i>	166
<i>ĐỊA VỊ «CON ĐỨC THẦY»</i>	167
<i>TRÌNH ĐỘ ĐIỂM ĐẠO</i>	170
<i>CƠ HỘI HIỆN TẠI</i>	172
<i>NHỮNG THIẾU NIÊN ĐƯỢC ĐIỂM ĐẠO</i>	174

CHƯƠNG 8 CÁC CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHÌ VÀ THỨ BA.....	179
BA CHƯƠNG NGẠI ĐẦU TIÊN.....	179
MỘT CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHÌ.....	184
SỰ PHÁT TRIỂN TRÍ HUỆ.....	196
GIAI ĐOẠN NGUY HIỂM.....	198
CUỘC ĐIỂM ĐẠO LẦN THỨ BA.....	201
NHỮNG CHƯƠNG NGẠI THỨ TƯ VÀ THỨ NĂM.....	201
PHẦN THỨ BA	204
NHỮNG CUỘC ĐIỂM ĐẠO LỚN	204
CHƯƠNG 9 CHƠN NHƠN.....	205
SỰ CẤU TẠO CỦA CHƠN NHƠN.....	205
CHƠN THẦN VÀ CHƠN NHƠN.....	207
SỰ GIAO TIẾP CỦA CHƠN NHƠN VÀ PHẠM NHƠN ..	210
CHƠN NHƠN TRÊN CÔI RIÊNG CỦA NÓ.....	212
SỰ CHÚ TRỌNG CỦA CHƠN NHƠN ĐỐI VỚI PHẠM NHƠN.....	215
THÁI ĐỘ CỦA PHẠM NHƠN.....	219
THỰC HIỆN SỰ HỢP NHỨT.....	221
THẾ NÀO LÀ MỘT VỊ LA HÁN ?.....	225
QUẢ VỊ LA HÁN (ARHAT) THEO KHOA BIỂU TƯỢNG.....	226
NIẾT BÀN (NIRVANA).....	232
CÔNG VIỆC CỦA VỊ LA HÁN.....	236
CUỘC ĐIỂM ĐẠO LẦN THỨ NĂM.....	237
CÁC QUẢ VỊ CAO HƠN.....	239
BẢY CON ĐƯỜNG SIÊU NHÂN LOẠI.....	242
PHẦN THỨ TƯ	246
CÁC CẤP ĐẲNG THIÊN ĐÌNH	246
CHƯƠNG 11 CÔNG VIỆC CỦA CÁC CHƠN SƯ.....	247
KHU VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CHƠN SƯ.....	249
SỰ PHÂN PHỐI THẦN LỰC.....	251
CÁCH SỬ DỤNG LÒNG SÙNG TÍN.....	253
CÔNG VIỆC CỦA CÁC ĐỆ TỬ.....	257
SỰ CỐ GẮNG CỦA MỖI THẾ KỶ.....	259
CÁC GIỐNG DÂN.....	263
ĐỨC CHƯỜNG GIÁO LÂM PHẠM.....	264
CHỦNG CHI THỨ SÁU.....	265

GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ SÁU.....	265
CHƯƠNG 12 NHỮNG VỊ ĐẾ QUÂN VÀ CÁC CUNG ...	268
NHỮNG VỊ ĐẾ QUÂN	268
BẢN LƯỢC ĐỒ CÁC CUNG	269
CON SỐ BẢY TRONG VŨ TRỤ.....	272
BẢY VỊ ĐẠI TINH QUÂN.....	275
7 HẠNG CHÚNG SINH TRONG MUÔN LOÀI.....	277
NHỮNG PHƯƠNG PHÁP HÀNH ĐỘNG CỦA MỖI CUNG	280
NHỮNG VỊ ĐẾ QUÂN ĐỪNG ĐẦU CÁC CUNG	282
NHỮNG ĐỨC TÁNH CẦN PHÁT TRIỂN.....	287
NHỮNG SỰ BIẾN ĐỔI TỪNG CHU KỲ.....	289
CUNG SÙNG TÍN	291
CUNG NGHI THỨC.....	297
CHƯƠNG 13 BA NGÔI VÀ NHỮNG HÌNH TAM GIÁC	299
BA NGÔI CỦA THƯỢNG ĐẾ	299
ĐỨC MẸ THẾ GIAN.....	300
CHƯƠNG 14 MINH TRIẾT TRONG BA NGÔI.....	316
ĐỨC PHẬT.....	316
CHƯƠNG 15 QUYỀN NĂNG TRONG BA NGÔI	363
ĐỨC NGỌC ĐẾ.....	363
HỘI THÔNG THIÊN HỌC	374
CÓ BA MỤC ĐÍCH.....	374
CHÂN THÀNH TRI ÂN	Error! Bookmark not defined.

TỰA

Quyển sách này trình bày rất nhiều vấn đề từ trước đến nay, chỉ được nghiên cứu và thảo luận trong những buổi nhóm họp của một số ít người, gồm những sinh viên huyền môn đã hiểu biết thâm sâu về đạo lý. Những người này, sẵn sàng khảo cứu mọi vấn đề liên quan đến những địa hạt tâm linh mà họ chưa có thể bước vào ngay bây giờ, nhưng hy vọng họ sẽ bước vào trong tương lai.

Tôi có thể bảo đảm và chứng thực những điều đã được viết trong quyển sách này, ghi chép đúng đắn tất cả những điều mà tác giả đã quan sát, một cách tỉ mỉ và cẩn thận; nhưng không tuyên bố một uy tín nào, cũng như không đòi hỏi độc giả phải chấp nhận hay tin theo. Tác giả không tự hào đã viết ra do một sự cảm hứng tâm linh, mà chỉ là một sự tường thuật những điều mắt thấy tai nghe của chính mình.

ANNIE BESANT ¹

¹ Khi đề tựa quyển sách này, bà Annie Besant là chánh hội trưởng Hội Thông Thiên Học thế giới (Lời dịch giả).

PHẦN THỨ NHỨT

CÁC ĐĂNG CHƠN SỰ

CHƯƠNG 1

SỰ HIỆN DIỆN CỦA CÁC CHƠN SỰ

ĐẠI LƯỢC

Sự có mặt trên thế gian của những Người đã trở nên toàn thiện là một điều rất quan trọng, trong những điều mà Thông Thiên Học trình bày cho chúng ta. Điều này rất hợp lý sau khi chúng ta đã hấp thụ được những giáo lý Thông Thiên Học về luật nhân quả và luật tiến hóa bằng phương pháp luân hồi. Nếu chúng ta để ý quan sát chung quanh, chúng ta thấy con người ở nhiều trình độ tiến hóa khác nhau: có nhiều người còn kém chúng ta rất xa và có những người, trên phương diện này hay phương diện khác, đã vượt khỏi chúng ta một cách rõ rệt.

Vì lẽ đó, có thể có những người khác càng tiến nhiều hơn nữa; thật vậy nếu nhân loại cứ tuần tự tiến hóa trải qua một loạt nhiều kiếp sống liên tiếp, nhằm một mục đích nhất định, thì tất là phải có những người đã đạt được mục đích ấy.

Vài người trong chúng ta, trong thời kỳ tiến hóa đó, đã khai mở một vài giác quan thượng đẳng, những giác quan này hãy còn tiềm tàng trong mỗi người và sẽ là sở đắc chung cho tất cả mọi người trong tương lai.

Nhờ những giác quan đó, chúng ta có thể nhìn thấy những nấc thang tiến hóa ở trên, cũng như ở dưới chúng ta, và chúng ta nhận thấy tất cả mọi nấc thang tiến hóa đều có người đã đạt đến.

Có rất nhiều bằng chứng trực tiếp về sự hiện hữu của những bậc toàn thiện mà ta gọi là những Chon Su. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng trước hết mỗi người trong chúng ta phải tự quả quyết rằng những bậc đó hẳn là phải có; sau đó, chúng ta mới có thể suy diễn ra những bậc mà chúng ta được tiếp xúc thuộc về những hạng người này.

Lịch sử của tất cả các quốc gia, đều chứa đựng những công trình của những bậc vĩ nhân thuộc về tất cả mọi ngành hoạt động của con người. Những người ấy, trong phạm vi hoạt động riêng của họ, đã vượt khỏi quần chúng ở một mức quá cao đến nỗi có những thời kỳ những lý tưởng của họ thật là quá tầm hiểu biết của người đương thời. Lẽ tất nhiên, không những công việc của họ làm đã bị mất đi đối với nhân loại, mà cho đến tên tuổi của họ cũng không được lưu truyền.

Người ta nói lịch sử của một quốc gia có thể tóm tắt bằng tiểu sử của một số rất ít người, một số ít những người xuất sắc, vượt khỏi đám đông và thực hiện những bước tiến lớn lao trong tất cả các ngành nghệ thuật, âm nhạc, văn chương, khoa học, triết lý, từ thiện, chánh trị và tôn giáo. Những người này vượt khỏi trình độ của giới họ, hoặc về phương diện sùng

tín và bác ái, như những bậc thánh và những nhà từ thiện; hoặc về phương diện hiểu biết thâm sâu về vũ trụ và nhân sinh, như những triết gia và những nhà bác học; hoặc về phương diện phụng sự nhân loại, như những bậc đại văn hào và những nhà cải tạo xã hội.

Nếu ta thử xét xem những người đó đã vượt khỏi nhân loại được bao nhiêu, và đã đi bao xa trên đường tiến hóa, thật ra chúng ta không thể nhận thấy giới hạn của sự tiến hóa đó.

Rất có thể, trong thời quá khứ, và cho đến ngày nay, vẫn có những người tiến hóa hơn cả những nhân vật lịch sử lưu danh hậu thế, những người cao cả về tâm linh cũng như về kiến thức hay về nghệ thuật, những người hoàn toàn về phương diện toàn thiện của nhân loại, những người mà ta gọi là những Đấng Thánh Nhân hay Siêu Nhân, có vài người trong chúng ta đã có điểm phúc vô biên được gặp gỡ.

Những Đấng siêu nhân ấy làm vẻ vang và tô điểm thêm cho những trang lịch sử, đồng thời cũng làm vinh diệu và hy vọng cho nhân loại, vì chúng ta biết các Ngài là những Đấng tiên phong lâu lâu chói rạng như ngọn hải đăng, để soi đường cho chúng ta noi theo, nếu chúng ta muốn đạt đến quả vị tốt đẹp huy hoàng của các Ngài. Chúng ta đã chấp nhận từ lâu, thuyết tiến hóa của mọi hình thể để biểu lộ sự sống thiêng liêng. Một tư tưởng bổ túc và lớn lao hơn nhiều là sự tiến hóa của chính sự sống thiêng liêng đó, nó chỉ

rằng lý do của sự tiến hóa hình thể, để càng ngày càng trở nên tốt đẹp, mềm dẻo tế nhị hơn, là vì sự sống bên trong cần tự biểu lộ qua những hình thể đó. Những hình thể sinh ra, trưởng thành, già cỗi và chết, nhưng tinh thần bên trong vẫn sống trường cửu, nó đem đến cho linh hồn những hình thể đó và tiến hóa bằng sự kinh nghiệm thu thập được do các hình thể ấy. Khi một hình thể đã đạt được mục đích và trở nên già cỗi thì nó bị loại bỏ, để nhường chỗ cho một hình thể khác.

Phía sau cái hình thể đang tiến hóa, luôn luôn có một sự sống vô cùng; sự sống thiêng liêng đó thấm nhuần trong toàn cõi thiên nhiên, như cái áo khoác muôn màu của Thượng Đế. Chính Thượng Đế tự biểu lộ trong sắc đẹp của cái hoa, trong sức mạnh của cái cây, trong sự dịu dàng mềm mại của con thú cũng như trong tâm hồn con người. Chính vì ý chí của Ngài hỗn hợp với cơ tiến hóa mà ta thấy sự sống ở khắp nơi, luôn luôn tiến hóa không ngừng và vì đó sự hiện hữu của những người toàn thiện là vấn đề rất tự nhiên, do sự kết tinh đến chỗ tuyệt đích của một con đường tiến hóa dài và liên tục về cả những phương diện quyền năng, minh triết và bác ái. Trên những Đấng cao cả đó, vượt khỏi tầm nhãn quang và tầm hiểu biết của chúng ta, còn có những chân trời xán lạn huy hoàng hơn nữa, mà chúng tôi sẽ trình bày sau.

Hậu quả hợp lý của sự kiện trên, tất phải có những người toàn thiện trên thế gian. Thật vậy, có rất nhiều bằng chứng về sự hiện hữu của những bậc Siêu

Nhân trải qua mọi thời đại. Những Bực này, thay vì hoàn toàn từ già cõi trần để tiếp tục một đời sống cá nhân trong những cõi siêu nhiên, vì tình thương nhân loại, các Ngài đã ở lại tiếp xúc với thế gian.

Những Bực ấy giúp đỡ nhân loại tiến hóa về mọi mặt mỹ lệ, bác ái và chân lý, để giúp họ trở thành những người toàn thiện, cũng ví như thỉnh thoảng ta gặp một nhà trồng tía học yêu các giống cây cỏ và cố gắng vun trồng một giống cam quít hay một giống hoa hường thượng hạng.

SỰ CHỨNG MINH CỦA CÁC TÔN GIÁO

Các kinh thánh của tất cả mọi tôn giáo đều chứng minh sự hiện diện của những Bực siêu nhân đó, tràn đầy sức sống thiêng liêng đến nỗi người ta coi các Ngài như những đại diện của Thượng Đế vậy. Trong mỗi tôn giáo, và đặc biệt nhất ngay từ khi thành lập tôn giáo ấy, một và có khi nhiều Đấng cao cả như thế xuất hiện. Người Ấn Độ giáo có những Đấng thần linh của họ, hay những hiện thân của Thượng Đế như đức Krishna, Shankaracharya và đức Phật Thích Ca cùng nhiều bực Chơn Sư, Đại Thánh và Giáo Chủ. Những Đấng cao cả đó chú ý không những đến sự thức tỉnh tánh chất tâm linh con người, mà còn chú ý đến tất cả những gì có thể góp phần vào sự sống thiện nghi của nó ở cõi hạ giới này. Tất cả những người thuộc về đạo Gia Tô đều biết rõ – hay ít nhất cũng phải biết – sự nổi gót

kế nghiệp nhau của những nhà Tiên Tri, Giáo Chủ và bực Thánh của tôn giáo họ; họ biết rằng, theo một ý nghĩa nào đó (có lẽ không được hiểu rõ) đấng Giáo Chủ tối cao của họ, đấng Jésus Christ, vừa là người, vừa là trời. Và tất cả những tôn giáo cổ, đã suy tàn cùng với sự suy vong của các quốc gia, thậm chí đến những tôn giáo của những bộ lạc dã man, đều chủ trương rõ rệt sự hiện hữu của những bực Siêu Nhân, là những bực giúp đỡ bằng mọi cách những dân tộc còn ấu trĩ đã sống cùng một thời với các Ngài.

NHỮNG BẰNG CHỨNG GẦN ĐÂY

Gần đây, không thiếu chi những điều để chứng minh trực tiếp sự hiện diện của các Đấng cao cả. Thuở thiếu thời của tôi, tôi không cảm thấy cần những sự chứng minh như thế, vì sự học hỏi của tôi đã giúp tôi hoàn toàn tin tưởng những Đấng cao cả ấy có thật. Theo tôi thì thật là một sự tự nhiên mà tin nơi sự hiện hữu của những bực Siêu Nhân đó, tôi có ý muốn rất mãnh liệt là gặp gỡ các Ngài một cách trực tiếp. Tuy nhiên, có nhiều người trong số những tân hội viên Thông Thiên Học muốn biết những bằng chứng về điều ấy. Tôi xin nói ngay bà Blavatsky và đại tá Olcott (là những nhà sáng lập Hội Thông Thiên Học), bà Annie Besant và chính tôi đều đã thấy một vài vị trong các Đấng cao cả đó; những hội viên Thông Thiên Học khác cũng đã có cái ân huệ nhìn thấy một hay hai vị

Chon Sur. Điều này, người ta có thể tìm thấy nhiều chứng minh cụ thể trong những tác phẩm của các vị mà tôi vừa kể trên.

Có người cho rằng những kẻ nhìn thấy – hay tưởng họ nhìn thấy các đấng Chon Sur – có thể chỉ là nằm mơ hay là bị một ảo ảnh. Có điều chắc rằng chúng tôi rất ít khi nhìn thấy các Ngài, trong khi các Ngài cũng như chúng tôi còn ở trong thể xác. Trong thời gian đầu của Hội Thông Thiên Học, khi chỉ có một mình bà Blavatsky mở được năng khiếu thần thông, các Chon Sur thường hay hiện hình để cho mọi người đều thấy các Ngài.

Người ta có thể tìm thấy nhiều bằng chứng về điều này trong lịch sử thuở ban đầu của Hội Thông Thiên Học; những Đấng cao cả xuất hiện như thế, tự nhiên không phải bằng xác thân các Ngài, mà đó chỉ là một sự hiện hình.

Nhiều người trong chúng ta nhìn thấy các Ngài một cách thường xuyên và đều đều trong giấc ngủ. Trong khi ngủ chúng tôi xuất vĩa (hay đi bằng thể trí, tùy trình độ tiến hóa của mỗi người) để đến viếng các Ngài và chúng tôi nhìn thấy các Ngài trong thể xác, nhưng khi đó chúng tôi không còn ở trong xác thân và vì vậy, ở cõi trần, người ta hay có sự nghi ngờ về loại kinh nghiệm này. Họ phản đối rằng: «Trong trường hợp đó, anh đã ở ngoài xác thân và vì thế, có thể anh đã nằm mơ hay là bị một ảo ảnh; hoặc là những người

mà anh nhìn thấy đã xuất hiện như một cái bóng rồi lại biến mất. Làm sao anh biết chắc rằng đó là đức Thầy?»

Có một vài trường hợp, Chon Sur và người nhìn thấy Ngài đều ở trong thể xác. Đó là trường hợp bà Blavatsky; tôi đã nghe bà chứng minh bà đã từng sống một thời gian trong một đạo viện ở xứ Népal, tại đây bà thấy 3 Vị trong các đấng Chon Sur, luôn luôn ở trong thể xác của các Ngài. Một vài Vị trong số đó đã nhiều lần xuống núi từ những đạo viện của các Ngài trong dãy Hi Mã Lạp Sơn, để vào tận xứ Ấn Độ. Đại tá Olcott thuật lại ông thấy 2 vị Chon Sur trong những dịp vừa kể trên đó là đức Chon Sur Morya và đức Chon Sur Kuthumi. Sư huynh Damodar K. Mavlankar, mà tôi được quen biết hồi năm 1884, đã gặp Chon Sur Kuthumi trong thể xác của Ngài. Ngoài ra còn trường hợp của sư huynh S. Ramaswami Iyer, tôi đã quen biết ông lúc đó, đã có dịp gặp Chon Sur Morya bằng thể xác, người ta có thể đọc bài thường thuật về việc này nhan đề là: «Bằng cách nào đệ tử đã gặp Chon Sur» trong quyển «5 năm với giáo lý Thông Thiên Học.» Ông W.T. Brown, thuộc chi bộ Luân Đôn, cũng đã có diễm phúc gặp một trong những Đấng cao cả đó trong những hoàn cảnh tương tự. Ngoài ra, còn rất nhiều chứng minh của các vị sư huynh người Ấn Độ, không bao giờ được gộp nhặt hoặc kiểm điểm lại, lý do chánh là các vị từng có sự kinh nghiệm đó đều hoàn toàn tin tưởng nơi sự hiện diện của các bậc Siêu Nhân và việc

có thể gặp gỡ các Ngài, đến nỗi họ thấy không cần phải ghi chép những sự kinh nghiệm cá nhân như thế.

SỰ KINH NGHIỆM CÁ NHÂN CỦA TÔI

Riêng cá nhân tôi, tôi có thể thuật 2 lần, tôi đã gặp Chon Sur, trong khi Ngài và tôi đều ở trong thể xác. Một vị là đấng Chon Sur được mệnh danh là Jupiter trong quyển sách nhan đề «Những tiền kiếp của Alcyone,» chính Ngài đã giúp bà Blavatsky rất nhiều, để viết một vài phần của bộ sách «Isis Dévoilée» trong khi bà trước tác bộ sách này tại Philadelphie và New York. Khi tôi còn ở tại Adyar, Ngài đã ưu ái nhờ sư huynh đáng kính của tôi là T. Subba Row hãy đưa tôi đến viếng Ngài. Vâng lời Ngài dạy, chúng tôi lên đường đến đạo viện của Ngài, và được Ngài tiếp đón rất lịch sự. Sau cuộc nói chuyện dài và vô cùng lý thú, chúng tôi được hân hạnh dùng cơm với Ngài mặc dầu Ngài thuộc giai cấp Bà La Môn, và trải qua một đêm với nửa ngày hôm sau dưới mái nhà của Ngài. Trong trường hợp này chúng ta phải nhìn nhận không thể có vấn đề ảo tưởng. Còn vị Chon Sur thứ nhì mà tôi đã có cái hạnh phúc được gặp là Chon Sur bá tước Saint Germain, có khi người ta gọi Ngài là hoàng tử Rakoczy. Tôi gặp Ngài trong dịp rất thông thường, không hẹn trước, như có vẻ tình cờ, trong khi Ngài đi bộ chơi ở đường phố Corso tại La Mã và phục sức như một người trưởng giả nước Ý. Ngài đưa tôi vào khu

vườn trên đồi Rincio, Ngài và tôi cùng ngồi đàm đạo trên một giò về Hội Thông Thiên Học và công việc của Hội; có lẽ tôi nên nói chính Ngài nói, còn tôi ngồi nghe thì đúng hơn, và trả lời khi Ngài hỏi.

Tôi đã thấy những vị nhân viên khác của Quần Tiên Hội trong nhiều dịp khác nhau. Lần đầu, tôi gặp một vị trong các Ngài, ở một khách sạn tại Cairo; trong dịp đó, tôi đi qua Ấn Độ cùng với bà Blavatsky và những người khác, và chúng tôi ghé lại thủ đô Ai Cập trong ít lâu. Chúng tôi có thói quen hay tụ họp trong phòng bà Blavatsky để làm việc; hôm ấy tôi ngồi trên sàn của phòng, cắt và dán những bài báo mà bà muốn cắt để dành. Bà ngồi ở một bàn gần đó, cánh tay trái của tôi đung vào áo dài của bà. Cánh cửa phòng ở ngay trước mặt chúng tôi, trong lúc đó được khép chặt. Thành linh, không có gì chuẩn bị trước, tự nhiên có một người đứng sững giữa bà và tôi, mà chúng tôi có thể chạm Ngài được. Tôi giật mình và tỏ vẻ luống cuống. Bà Blavatsky lấy làm thú vị lắm và bảo tôi: «Nếu anh không giữ bình tĩnh để hiểu biết trước một sự nhỏ nhặt như thế, thì anh sẽ không đi xa trên đường huyền môn!» Tôi được giới thiệu với người khách lạ, vị này lúc đó chưa phải là một vị Chơn Sư, nhưng một vị La Hán, còn dưới các Chơn Sư một bậc. Tới nay, vị ấy đã trở nên Chơn Sư Djwal Kul.

Vài tháng sau đó, một ngày nọ đức Chơn Sư Morya đến thăm chúng tôi. Ngài có hình dáng bề ngoài như một người thường với thể xác vật chất. Ngài

đi qua gian phòng của tôi để đến gặp bà Blavatsky lúc ấy đang làm việc trong phòng bà. Đó là lần đầu tiên, tôi thấy Ngài một cách rõ ràng, vì lúc ấy tôi chưa khai mở đầy đủ những năng khiếu tiềm tàng để nhớ lại những gì tôi thấy, trong thể thanh của tôi. Một lần khác, tôi thấy đức Chon Sur Kuthumi trong trường hợp tương tự, trên nóc trụ sở trung ương của Hội Thông Thiên Học tại Adyar. Lúc đó Ngài đang bước qua một hàng rào lang cang, dường như Ngài vừa hiện hình từ khoảng trống không, ở bên kia hàng rào. Tôi cũng đã nhiều lần, nhìn thấy đức Chon Sur Djwal kul với một dáng điệu như vậy ở trên nóc trụ sở đó.

Những sự chứng minh vừa kể trên, có vẻ ít giá trị hơn, vì các vị Chon Sur xuất hiện như những hình bóng. Nhưng từ khi đó, tôi đã tập sử dụng tự do những thể thanh cao của tôi và đến viếng các Chon Sur bằng cách đó, nên tôi có thể chứng thật rằng những vị đã hiện hình cho chúng tôi thấy trong những năm đầu tiên của Hội Thông Thiên Học, chính là những vị Chon Sur mà tôi vẫn thường thấy trong những đạo viện của các Ngài. Có người cho rằng, tôi chỉ là nằm mơ, vì những cuộc thăm viếng nói trên đã xảy ra trong giấc ngủ của thể xác. Tôi chỉ có thể đáp lại đó là một giấc mơ trường cửu một cách lạ lùng, và trong trường hợp riêng của tôi, nó đã kéo dài trên 40 năm, và đồng thời có một số đông người cũng đã có kinh nghiệm giống như thế!

Tôi xin mời những ai muốn có những sự chứng minh về vấn đề này (và sự muốn đó rất là hợp lý), hãy tra cứu những tài liệu sách vở có từ lúc khởi đầu thành lập Hội Thông Thiên Học. Những người có dịp gặp bà Hội Trưởng của chúng ta (bà Annie Besant) có thể được nghe bà thuật lại có tất cả bao nhiêu vị Chơn Sư mà bà đã gặp trong nhiều dịp khác nhau. Nhiều hội viên của chúng ta cũng sẽ không ngần ngại mà chứng minh rằng họ đã thấy được một vị Chơn Sư; có thể trong cơn tham thiền họ đã thấy dung nhan của Ngài và sau đó, đã có bằng chứng chính xác rằng đó là vị nào. Ngoài ra, người ta sẽ tìm thấy nhiều chứng minh trong bộ sách «Nhật Ký» của đại tá Olcott, hay trong quyển sách nhan đề: «Các Chơn Sư có thật không?» mà tác giả là ông M.A.O. Hume, ông này trước kia đã từng có một địa vị cao trong ngành hành chánh ở Ấn độ và đã từng hợp tác nhiều với vị nguyên phó hội trưởng của chúng ta, ông A.P. Sinnett. Việc này đã được công bố trong quyển «Thông Thiên Học bí truyền.» Ông Hume, một người Anh lai Ấn Độ, tính đa nghi, với một tâm hồn tích cực của một luật gia, đã đích thân mở một cuộc điều tra về sự hiện diện của các Chơn Sư, (mà có khi người ta gọi là những bực Anh cả, vì các Ngài thuộc về nhóm Quân Tiên Hội và là những bực Anh cả của nhân loại). Dầu rằng ở vào thời kỳ xa xăm đó, ông Hume cũng đã kết luận ông đã thu thập được những bằng chứng không thể chối cãi về sự hiện diện của các Ngài. Lẽ tất nhiên sau này còn có nhiều

bằng chứng khác nữa đã chồng chất thêm, kể từ khi ông viết quyển sách đó.

Nhờ có được nhân quang siêu linh và những năng khiếu khác do sự phát triển những quyền năng tiềm tàng, mà chúng tôi có được kinh nghiệm một cách thường xuyên rằng ngoài ra con đường tiến hóa của nhân loại, còn có những con đường tiến hóa khác và trong số đó có những bậc ngang hàng với các vị Chon Su, thuộc về cấp đẳng sinh hoạt cao hơn chúng ta. Chúng tôi đã gặp một vài vị mà ta gọi là Thiên Thần, và những vị khác tiến hóa cao hơn chúng ta nhiều về đủ mọi phương diện.

SỰ TIẾN HÓA CỦA VẠN VẬT

Từ khi chúng tôi có thể giao tiếp với các vị Chon Su trong thời gian phát triển của chúng tôi, chúng tôi đã hỏi các Ngài, với tất cả tấm lòng thành kính, rằng bằng cách nào các Ngài đã đạt tới trình độ ấy? Các Ngài đều trả lời rằng cách đây không lâu các Ngài cũng đã từng ở vào trình độ tiến hóa của chúng ta bây giờ. Các Ngài đã bước ra khỏi hàng ngũ của nhân loại và một Vị trong các Ngài đã nói rằng một ngày kia chúng ta cũng sẽ trở nên như các Ngài vậy. Toàn thể thái dương hệ của chúng ta là một biểu lộ của sự sinh hoạt, tiến hóa từ trình độ thấp đến cao và càng lên cao

mãi, vượt khỏi sự hiểu biết của con người, cho đến quá vị thiêng liêng.

Lúc bắt đầu sự tiến hóa của vạn vật, có những giai đoạn rõ rệt, loài thảo mộc là kết tinh của loài kim thạch, loài cầm thú tiếp diễn sau loài thảo mộc, và loài người tiếp theo sau loài cầm thú. Cũng như thế, loài người có một cứu cánh nhất định, một giới hạn mà khi họ vượt qua, thì họ bước sang một giai đoạn cao hơn một cách rõ rệt, tức là: trên loài người còn có những Bực siêu nhân loại.

Trong khi nghiên cứu hệ thống tiến hóa đó, chúng ta được biết trong mỗi người đều có ba phần chánh: xác thân, linh hồn và tinh thần, mỗi phần như thế lại có thể chia ra làm nhiều chi nhánh khác. Đó là sự định nghĩa con người, mà thánh Paul đã đưa ra cách đây 2.000 năm. Tinh thần hay là Nhứt Nguyên Chơn Thần (Monade) là hơi thở của Thượng Đế (vì danh từ spirit (tinh thần) gốc do chữ La Tinh spiro, có nghĩa là hơi thở), tức là điểm linh quang của Thượng Đế, và là con người thật, mặc dầu người ta có thể diễn tả đúng hơn là nó phảng phất ở trên đầu con người. Chương trình tiến hóa của nó là phải giáng xuống cõi vật chất, để thu hoạch những kinh nghiệm rõ ràng và minh bạch trong mọi chi tiết về vật chất. Theo chúng tôi được biết, điểm Chơn Thần đó, tức là một điểm linh quang của Thượng Đế, không thể hạ xuống thấp đến cõi trần, là nơi chúng ta đang tư tưởng và hoạt động. Vì tỷ lệ rung động của nó khác biệt quá nhiều với tỷ lệ rung động

của vật chất, do đó phải có những trạng thái vật chất trung gian. Điểm linh quang đó vốn có tự cõi nào trong thiên nhiên, điều đó chúng tôi không được biết, vì nó vượt quá tầm hiểu biết của con người. Sự biểu lộ thấp hơn của Chơn Thần, mà người ta có thể gọi là sự phản chiếu của điểm linh quang của Thượng Đế, giáng xuống cõi thấp nhất trong các cõi của vũ trụ, như chúng tôi đã nói trong quyển «Thông Thiên Học dẫn giải.»

Chúng ta thường nói 7 cõi trong thiên nhiên, tức là cõi vật chất của vũ trụ. Chơn Thần có thể giáng xuống cõi thứ 2 của những cõi này, tức là cõi mà ta gọi là cõi Chơn Thần, nhưng nó dường như không thể xuống thấp hơn nữa được. Để có sự tiếp xúc cần thiết với cõi vật chất nặng trọc hơn, nó tự phân thân ra một phần xuyên qua hai cõi và phần đó ta gọi là Chơn Nhơn hay Linh Hồn.

Tinh thần của Thượng Đế, cao hơn phạm nhơn của ta nhiều, phảng phất ở trên. Linh hồn chỉ là một phần yếu đuối và thô thiển của nó, có thể gọi là một đầu của ngón tay bằng lửa mà Chơn Thần chỉ xuống cõi chúng ta. Chính linh hồn cũng không thể giáng xuống thấp hơn phần trên của cõi thượng giới – cõi thứ 5 kể từ cõi trên hết, cõi trần là cõi thứ 7 và là cõi thấp nhất – để có thể xuống một vị trí thấp hơn, nó phải chiết ra một phần của nó, phần này trở nên phạm nhơn mà chúng ta được biết. Như thế, phạm nhơn đó,

mà mỗi người trong chúng ta tưởng là chính mình, thật ra chỉ là một phần của một mảnh.

Mọi sự tiến hóa trải qua những loài thấp trong cõi thiên nhiên đều có một mục đích, là chuẩn bị sự phát triển của thành phần con người. Một con thú, trong cuộc sống ở cõi trần, ít lâu sau ở cõi trung giới, cũng có một linh hồn riêng biệt và độc lập như linh hồn con người. Linh hồn đó không tái sinh trở lại trong một thể xác riêng biệt, nó trở lại kho vật chất tinh anh mà giáo lý Thông Thiên Học gọi là «hồn khóm» (âme groupe). «Hồn khóm» đó ví như một hồ nước, đem sự sống đến cho nhiều con thú đồng loại, thí dụ như 20 con ngựa. Khi một con ngựa sắp do hồn khóm đó mà sinh ra, thì sự vật diễn ra như người ta đem một cái bình vào trong hồ nước để múc nước đầy bình đem ra ngoài. Trong kiếp sống của con ngựa, nó thu thập được mọi sự kinh nghiệm làm thay đổi linh hồn của nó và do đó nó học được những bài học nhất định; những bài học đó có thể ví như những thuốc nhuộm với nhiều màu sắc riêng biệt được trộn vào bình đầy nước. Khi con ngựa chết, linh hồn nó trở về hồn khóm, ví như nước trong bình được đổ vào cái hồ nước trở lại và những màu trong bình nước hoà lẫn trong hồ. Nếu một con ngựa khác cũng do một hồn khóm sinh ra, thì phần nước tượng trưng cho linh hồn của nó, và đổ vào một bình khác, không thể giống như phần nước tượng trưng cho con ngựa trước.

Khi một con thú đã phát triển đầy đủ để có thể trở nên người, thì sau khi chết, linh hồn nó không còn trở về hồn khóm nữa, mà thành một cá tính riêng biệt. Và khi đó mới diễn ra một sự kiện vừa lạ lùng vừa tốt đẹp. Cái tinh hoa của linh hồn đó, tượng trưng bằng nước trong bình trở nên một cái thể, hoạt động cho một cái gì cao hơn nhiều, thể hiện cho một đời sống thanh cao hơn. Chúng ta không có một thí dụ nào đúng ở cõi trần để diễn tả điều đó, trừ ra thí dụ bơm không khí vào chất nước bằng áp lực mạnh để làm nước sủi bọt có chất hơi. Nếu ta chấp nhận cái biểu tượng đó, chất nước tượng trưng cho linh hồn con thú, nay đã trở nên thượng trí của một người, và chất không khí bơm vào nước tức là Chơn Nhơn mà tôi đã có dịp nói qua, linh hồn con người, biểu lộ tinh thần của Thượng Đế. Việc linh hồn giáng trần được tượng trưng trong truyện thần thoại cổ Hy Lạp bằng biểu tượng cái chén. Cái chén tượng trưng toàn hảo của cơ tiến hóa hạ tầng, trong đó được rót chất rượu của sự sống thiêng liêng, để linh hồn người có thể sinh ra. Như chúng tôi đã nói, linh hồn con thú trước kia nay trở nên thể thượng trí con người, thể này vốn ngự tại phần trên của cõi thượng giới, tức là cái thể bất diệt trường cửu của Chơn Nhơn hay linh hồn người. Tất cả những bài học đã thâm nhập được trong giai đoạn tiến hóa đầu tiên của các hình thể, lúc ấy mới được chuyển qua trung tâm sinh hoạt mới này.

Sự tiến hóa của linh hồn tức là sự tuần tự trở về cõi giới siêu việt thanh cao, ở ngay dưới cõi Chơn Thần, nó đem theo những kết quả của sự giáng trần, dưới hình thức những kinh nghiệm và đức tánh đã thu thập được.

Thế xác của chúng ta đã hoàn toàn phát triển, như thế, chúng ta đáng lẽ phải làm chủ nó; nhưng chúng ta chỉ thật sự làm chủ nó khi nào xác thân được hoàn toàn đặt dưới sự kiểm soát của linh hồn. Nói chung sự kiểm soát đó đã được thực hiện trong những giống dân tiến hóa của nhân loại hiện thời, tuy có lúc xác thân cũng còn quật khởi trở lại. Thế vía cũng đã hoàn toàn phát triển, nhưng nó hãy còn lâu, mới được đặt dưới sự hoàn toàn kèm chế của chúng ta. Dẫu cho trong những giống dân tiến hóa, mà chúng ta là những phần tử, người ta hãy còn thấy có nhiều người bị lệ thuộc những tình cảm của chính họ. Thay vì họ chủ trị những cảm xúc đó theo ý muốn, họ lại thường khi bị những cảm xúc đó chế ngự họ. Họ để cho những điều xúc cảm của họ chạy loạn xạ, như một con ngựa rừng chạy lồng lên vì sợ hãi, chở người kỵ mã trên lưng nó đi đến những nơi mà y không bao giờ muốn đến.

Người ta có thể nói rằng đối với những phần tử tốt của những giống dân tiến hóa nhứt hiện thời, thì xác thân của họ đã phát triển hoàn toàn và được kèm chế, còn thế vía của họ cũng phát triển không kém, nhưng chưa được chủ trị. Thế trí của họ còn đang phát triển, nhưng chưa được đầy đủ. Do đó họ còn phải cố

gắng nhiều trước khi ba thể: xác, vía và trí hoàn toàn chịu khuất phục linh hồn. Khi nào điều ấy được thực hiện, thì chơn tánh con người sẽ thu hút được phàm tánh, và Chơn Nhơn, hay linh hồn, sẽ chủ trị được phàm nhơn. Mặc dầu con người vẫn chưa được hoàn toàn, những thể của nó đã được khá thuần nết để chỉ còn theo đuổi một mục đích duy nhất mà thôi.

Từ trước đến giờ, linh hồn đã cố gắng từ từ và chậm chạp để kiểm soát những thể riêng của nó cho đến khi hoà hợp với chúng làm một. Sau đó, đến lượt Chơn Thần phải làm chủ linh hồn và sẽ đến một thời kỳ mà Chơn Thần với linh hồn sẽ hỗn hợp làm một, cũng như phàm nhơn hiệp nhất với Chơn Nhơn. Đó là Chơn Nhơn hiệp nhất với Chơn Thần. Khi nào kết quả đó được thành tựu, thì con người sẽ đạt được mục đích của sự nhập thể: y sẽ trở nên một bậc Siêu Nhân, tức là một vị Chơn Tiên vậy.

ĐỜI SỐNG SIÊU NHÂN LOẠI

Đến khi đó, lần đầu tiên, con người mới bước vào đời sống thật sự, vì cơ tiến hóa vĩ đại đó, trước hết trải qua các loài sinh hoạt thấp và sau đó trải qua loài người cho đến các bậc siêu nhân loại, chỉ là một cuộc chuẩn bị cho đời sống thật sự của tinh thần, nó chỉ bắt đầu khi con người đã vượt khỏi trình độ làm người. Nhân loại là lớp học cuối cùng của trường đời ở thế

gian, khi nào con người đã hoàn thành sự học hỏi của y ở dưới trần thì y mới bước vào đời sống thật sự, đời sống của tinh thần đến lúc vinh quang, hay đời sống của đấng Christ. Đời sống đó thế nào, chúng ta chưa thể biết được, mặc dầu chúng ta thấy những vị đã từng sống cuộc đời đó, là một đời sống huy hoàng và tốt đẹp không có gì so sánh được, và thậm chí nó vượt quá tầm hiểu biết của chúng ta. Tuy nhiên, nó là một sự thật sống động và sâu xa mà sau cùng mỗi người trong chúng ta sẽ có được một cách tuyệt đối chắc chắn. Chúng ta không thể tránh khỏi đời sống đó, dù chúng ta muốn, khi chúng ta hành động ích kỷ và đi ngược dòng tiến hóa, chúng ta làm chậm trễ sự tiến bộ của mình, nhưng rốt cuộc chúng ta không thể chặn đứng trào lưu tiến hóa.

Sau khi đã giải thoát khỏi kiếp sống làm người, Bực toàn thiện thường bỏ lại những thể vật chất của Ngài, nhưng Ngài vẫn giữ quyền năng khoác lấy bất cứ một thể nào, nếu Ngài xét thấy cần dùng cho công việc của Ngài. Trong đa số trường hợp, Bực siêu nhân đã đạt đến trình độ ấy rồi thì không còn cần dùng một thể xác nữa. Ngài không còn giữ lại thể vía, thể hạ trí hay chí đến thể thượng trí, mà sống một cách thường xuyên ở cảnh giới cao nhất của Ngài. Khi vì một mục đích gì, mà Ngài cần tiếp xúc với một cõi giới thấp hơn, Ngài phải dùng một cái thể tạm thời thuộc về cõi giới đó, bởi vì Ngài chỉ có thể tiếp xúc với những người ở cõi đó qua sự trung gian của vật chất thuộc về cõi giới

liên hệ. Nếu Ngài muốn nói chuyện với người khác bằng phương tiện vật chất, Ngài phải khoác lấy một xác thân; ít nhất Ngài có sự hiện hình dù là chỉ có một phần, nếu không Ngài sẽ không thể nói cho người ta hiểu được.

Cũng thế, nếu Ngài muốn ghi một ấn tượng trong trí của ta, Ngài phải khoác lấy một thể trí. Bất cứ lúc nào Ngài cần khoác lấy một hạ thể để làm công việc của Ngài, Ngài có quyền năng để làm như vậy tùy theo ý muốn, nhưng Ngài chỉ giữ thể đó trong một thời gian cần thiết mà thôi.

Có 7 con đường chờ sẵn Bực toàn thiện trong giai đoạn tiến hóa siêu nhân loại. Chúng tôi sẽ nói đến vấn đề này trong một chương sau.

QUẦN TIÊN HỘI

Thế gian được diu dắt và điều khiển một phần lớn do một Hội Quần Tiên trong đó các Chơn Sư của chúng ta có dự phần. Những người học đạo thường có quan niệm sai lầm về các Ngài. Họ thường coi các Ngài như một nhóm sống chung nhau trong các đạo viện lớn ở một nơi bí mật. Những người khác tưởng các Ngài là thiên thần; nhiều sinh viên huyền môn của chúng ta tưởng rằng các Ngài tất cả đều là người Ấn Độ, hay tất cả đều ở trên dãy Hi Mã Lạp Sơn. Những điều đó đều không đúng. Nhân viên Quần Tiên Hội

đều có sự giao tiếp thường xuyên với nhau luôn luôn, nhưng sự giao tiếp đó diễn ra ở các cõi trên và các Ngài không nhất thiết phải sống chung với nhau. Vài Vị trong các Ngài, mà chúng ta gọi là các Chơn Sư minh triết, bằng lòng thâm nhận đệ tử để dạy đạo, và coi đó như một phần công việc của các Ngài. Nhưng các vị ấy chỉ gồm một thiểu số trong cái thành phần vĩ đại của các Bực toàn thiện.

Các Chơn Tiên đều có nhiều quyền năng kỳ bí, nhưng hết thảy những quyền năng đó đều phát triển một cách tự nhiên từ những khả năng mà chúng ta hiện có Sự thật vị Chơn Tiên có những khả năng đó ở một mức độ cao hơn ta rất nhiều. Tôi nghĩ rằng đặc tính cao quý nhất của Chơn Sư, so với chúng ta, là Ngài xét mọi vật với một quan điểm khác hẳn chúng ta, vì Ngài tuyệt đối không còn giữ một dấu vết ích kỷ nào trong tư tưởng, nó thường hiện rõ ở đa số chúng ta. *Chơn Sư đã loại trừ cái ngã thấp hèn và sống không phải cho mình, mà cho tất cả.* Tuy nhiên với ý nghĩa mà chỉ có một mình Ngài có thể hiểu một cách thật sự, cái «tất cả» đó thật ra không phải cái gì khác hơn là Ngài. Ngài đã đạt tới trình độ không còn một máy may sơ sót trong tánh tình, không còn một tư tưởng hay tình cảm vị kỷ, động lực duy nhất của Ngài là hợp tác với thiên cơ, cùng hoà hợp với đức Thượng Đế điều khiển cơ tiến hóa.

Đặc tính rõ rệt nhất của vị Chơn Sư, sau các đặc tính kể trên, là sự phát triển hoàn toàn về tất cả mọi

phương diện. Tất cả chúng ta đều bất toàn; không một ai trong chúng ta đã đạt đến mức độ cao nhất trên bất cứ lãnh vực nào; thậm chí nhà thông thái hay bậc đại thánh cũng chỉ đạt đến một cao độ phi thường ở trên một điểm mà thôi, và còn nhiều khía cạnh của tánh chất họ vẫn chưa phát triển. Tất cả chúng ta đều có vài mầm mống của vô số những đặc tính, nhưng ở mỗi người, cái mầm đó chỉ mới thức động có một phần và một cách không đồng đều. Trái lại, một vị Chơn Sư là một người hoàn toàn phát triển về tất cả mọi phương diện, một người mà lòng sùng tín, bác ái, thiện cảm và lòng thương xót chúng sinh đều nảy nở hoàn toàn. Đồng thời, phần trí huệ của Ngài là một cái gì vượt khỏi tầm hiểu biết của ta rất xa trong lúc hiện tại, và phần tâm linh của Ngài vô cùng tuyệt diệu và thiêng liêng. Ngài vượt trội lên hẳn tất cả mọi người mà chúng ta được biết, bởi vì Ngài đã hoàn toàn phát triển.



CHƯƠNG 2

THỂ XÁC CỦA CÁC CHƠN SƯ

HÌNH DÁNG CỦA CÁC NGÀI

Những người học đạo thường có quan niệm mập mờ và không rõ ràng về các đấng Chơn Sư. Có lẽ chúng tôi sẽ giúp họ nhận định rằng đời sống của các Ngài là tự nhiên như thế nào, và các Ngài có hình dáng về thể chất ra sao, bằng cách nói vài lời về đời sống hằng ngày và hình dáng bề ngoài của một vài vị Chơn Sư. Vị Chơn Sư không có một đặc tính nào về thể chất để có thể phân biệt Ngài với người thường, nhưng Ngài luôn luôn có diện mạo oai nghiêm, quý phái, hùng dũng, thánh thiện và yên lặng, và ai đã gặp Ngài thì không khỏi nhận ra rằng họ đã đứng trước một người phi thường. Ngài là người hùng im lặng; Ngài chỉ nói khi nào có một mục đích nhất định hoặc để khuyến khích, giúp đỡ hay ngăn ngừa. Tuy nhiên, Ngài có hảo ý một cách lạ lùng, và có tinh thần hài hước rất dồi dào, một sự hài hước có thiện cảm luôn luôn, không bao giờ chạm lòng người khác, mà luôn luôn để làm nhẹ bớt những sự khó khăn của đời sống hằng ngày. Đức Chơn Sư Morya có lần nói rằng người ta không thể tiến trên đường đạo nếu không có một tinh thần hài hước, và tôi quả có nhận thấy rằng tất cả các vị Chơn Sư mà tôi đã gặp đều có đức tánh đó.

Phần nhiều các vị Chơn Sư đều có hình dáng bề ngoài tốt đẹp; xác thân các Ngài được hoàn toàn về đủ mọi phương diện, vì các Ngài sinh hoạt hoàn toàn đúng theo phép dưỡng sinh, các Ngài không bao giờ lo lắng ưu phiền về bất cứ một việc gì. Tất cả những nghiệp quả xấu của các Ngài đã dứt tuyệt từ lâu; thể xác của các Ngài là thể hiện rõ ràng của Chơn Nhơn, trong phạm vi giới hạn của cõi hồng trần. Do đó, không những thể xác hiện thời của Chơn Sư thường rất phong nhã tuấn tú, mà cho đến bất cứ thể xác mới nào mà Ngài có thể khoác lấy trong một kiếp lai sinh, đều có thể sẽ giống như xác thân cũ, ngoại trừ một vài sự khác biệt về chủng tộc và gia đình, vì không có cái gì có thể làm thay đổi thể xác đó. Nếu vì một lẽ gì mà vị Chơn Sư quyết định dùng một thể xác mới, nhờ sự giải thoát khỏi mọi điều trói buộc của nghiệp quả, mà các Ngài có trọn quyền tự do chọn lựa một thể xác thuận lợi nhất cho công việc mà Ngài sẽ phải làm. Do đó, quốc tịch của xác thân mới mà Ngài khoác lấy trong một thời gian nhất định, không phải là điều tối quan trọng.

Muốn biết rõ một người nào có phải là Chơn Sư hay không, cần phải quan sát thể thượng trí của người ấy, vì sự tiến hóa của người biểu lộ bằng thể thượng trí này nở rất lớn với những màu sắc đặc biệt sắp thành nhiều vòng cùng một trung tâm như đã phác họa trong bức hình vẽ thể thượng trí của một vị La Hán, ở trong quyển sách «Con Người, hữu hình và vô hình.»

MỘT THUNG LŨNG Ở TÂY TẠNG

Có một vùng thung lũng ở Tây Tạng, hiện nay có 3 vị Chon Su đang sống ở đó là Chon Su Morya, Chon Su Kuthumi và Chon Su Djwal Kul.

Hai vị Chon Su Morya và Kuthumi, hai ngôi nhà của các Ngài ở hai bên thung lũng đối diện với nhau, những triền núi hai bên, đều có rừng thông bao phủ, và có khe suối chảy. Có con đường mòn đưa từ hai ngôi nhà này xuống tận đáy thung lũng, và gặp nhau ở nơi cuối đường, tại đó có một nhịp cầu nhỏ bắc ngang qua khe suối. Gần chiếc cầu này có một con đường hầm nhỏ hẹp đưa đến một hệ thống những động phủ rộng lớn ở dưới mặt đất, chứa đựng một viện cổ tàng huyền bí dưới sự trông nom của đức Chon Su Kuthumi, nhân danh Quần Tiên Hội.

Viện cổ tàng này chứa đựng nhiều tài liệu rất dồi dào phong phú, dường như để ghi lại dấu tích toàn thể lịch trình tiến hóa của con người. Người ta thấy có những hình thể, xem tự nhiên như khi còn sống, của mỗi loại, mỗi kiểu người, từng sống trên quả địa cầu, từ những giống người Lumuriens to lớn có những khớp xương rời rạc lỏng lẻo đến những người lùn, di tích cuối cùng của những giống dân còn cổ lỗ hơn và cách xa với nhân loại ngày nay. Những kiểu hình nổi, diễn tả sự biến đổi kế tiếp nhau của lớp vỏ địa cầu, đặc biệt nhất là hình dáng tổng quát của lớp vỏ địa cầu trước và sau mỗi kỳ thiên tai lớn đã gây nên những sự

biến đổi đó. Những bản đồ to lớn ghi dấu những cuộc di chuyển của những giống dân trên địa cầu và chỉ rõ những quãng đường dài mà họ đã vượt qua từ những địa điểm xuất phát.

Những bản đồ khác ghi chép ảnh hưởng của các tôn giáo trên thế gian, chỉ rõ nơi nào mỗi tôn giáo đó được thực hành một cách nguyên thủy thuần túy, và nơi nào bị lẫn lộn với những tàn tích của những tôn giáo khác.

Những pho tượng lớn bằng hình người ghi dấu hình thể của một vài bậc lãnh tụ và đạo sư của những giống dân cổ đã biệt tích từ lâu; nhiều di vật liên hệ đến những trào lưu tiến hóa quan trọng của nền văn minh nhân loại được giữ gìn cho hậu thế xem. Người ta cũng thấy có những bản thảo bút tự nguyên văn rất cổ xưa và quý vô giá, thí dụ một bản bút tự của chính đức Phật viết khi Ngài còn là thái tử Sĩ Đạt Ta, và một bản thảo khác của đấng Christ viết lúc thiếu thời, khi Ngài sinh ở xứ Palestine. Tại đây cũng được giữ gìn bản nguyên văn vô giá bộ «Thiên Thơ» (The Book of Dzyan), mà bà Blavastsky đã miêu tả trong đoạn mở đầu bộ sách «Giáo Lý Nhiệm Mâu» (Doctrine Secrète). Tại đây cũng có những sách viết bằng những văn tự lạ lùng, thuộc về những thế giới khác chúng ta. Cũng có những di tích các hình thể động vật và thảo mộc, một vài thứ rất xưa, đào lên từ dưới đất, còn phần lớn hoàn toàn khác lạ đối với khoa học hiện nay. Những kiểu mẫu của một vài thành phố cổ xưa thuộc về một thời

quá khứ xa xăm đã bị lãng quên trong ký ức loài người cũng được trưng bày tại đây để dùng cho sự học hỏi của các vị đệ tử.

Tất cả những pho tượng và kiểu mẫu đều được màu sắc tự nhiên giống như thật; tất cả đều đặt chung một chỗ tại đây một cách hữu ý, để cho hậu thế thấy rõ những giai đoạn tuần tự trước sau của lịch trình tiến hóa của nhân loại chứ không phải chỉ trình bày có những mẫu rời rạc, bất toàn, như ở các viện bảo tàng của thế gian. Tại đó người ta cũng thấy những kiểu mẫu của tất cả mọi thứ máy móc cơ khí, sản phẩm của những nền văn minh khác nhau, cùng là những hình ảnh rất dồi dào phong phú cho ta thấy những loại pháp môn phù thủy thông dụng ở những thời kỳ khác nhau trong lịch sử.

Trong dãy hành lang đưa đến những gian phòng rộng rãi đó, được gìn giữ những hình nộm của những vị đệ tử còn sống đang ở trong thời kỳ dự bị của hai vị Chơn Sư Morya và Kuthumi. Những hình nộm đó được sắp hàng như những pho tượng chung quanh những vách tường và tiêu biểu cho những vị đệ tử nói trên một cách rất đúng đắn.

Tuy nhiên, người ta không nhìn thấy được những hình nộm đó bằng cặp mắt phàm, vì thứ vật chất thấp nhứt để tạo nên những hình nộm đó là chất dĩ thái.

Gần chiếc cầu, cũng có một ngôi chùa nhỏ với kiểu nóc nhọn giống như chùa Miến Điện, nơi đó vài

người dân làng đến đốt hương tụng niệm và dung hoa quả cúng Phật.

Một con đường mòn, gồ ghề khúc khuỷu đưa xuống tận thung lũng bên cạnh dòng suối. Từ hai ngôi nhà của các Chon Su, người ta có thể nhìn thấy lẫn nhau; cả hai đều ở trên đồi cao hơn chiếc cầu, nhưng vì chỗ đó dòng suối uốn quanh nên từ trên cầu, người ta thấy hai nhà đều khuất. Nếu ta theo con đường mòn ấy lên tận thung lũng qua khỏi nhà đức Chon Su Kuthumi, nó sẽ đưa ta đến một ghềnh đá cao nhô lên, qua khỏi chỗ đó, dòng suối lại uốn quanh và không thấy nhà Chon Su nữa. Cách xa chỗ ấy một đoạn đường, thung lũng trở ra một vùng cao nguyên trên đó có một cái hồ, nghe nói bà Blavatsky thường tắm ở đó, và bà thấy nước hồ rất lạnh. Thung lũng được che khuất và hướng về phía nam, mặc dầu vùng chung quanh đó mùa đông phủ đầy tuyết, tôi không nhớ rõ, có nhà nào ở gần bên nhà của Chon Su chẳng? Những nhà này được xây bằng đá một cách rất dày và chắc chắn.

NHÀ CỦA CHON SU KUTHUMI

Ngôi nhà của đức Chon Su Kuthumi chia làm hai phần do một đường hành lang ở giữa. Khi bước vào đường hành lang này, cửa đầu tiên bên tay mặt đưa đến gian phòng chính. Chon Su thường hay ngồi tại

đây. Gian phòng này rất rộng và cao, chiếm trọn mặt tiền. Đằng sau gian phòng này, có hai buồng khác gần vuông vức, một buồng Ngài dùng làm thư phòng, và buồng kia làm buồng ngủ.

Những gian phòng đó chiếm trọn một bên dãy hành lang, hình như để dùng làm tư thất của Chon Su, có một hàng ba rộng rãi bao chung quanh. Phần bên kia của ngôi nhà, ở bên trái dãy hành lang từ cửa bước vào, hình như chia làm nhiều buồng nhỏ hơn và nhiều văn phòng. Chúng tôi không có dịp quan sát tỉ mỉ những buồng này, nhưng chúng tôi nhận thấy từ buồng ngủ đi qua bên này hành lang có một cái buồng tắm.

Gian phòng lớn có nhiều cửa sổ ở cả mặt tiền và mặt hậu, dưới các cửa sổ có để một cái ghế dài. Có một lò sưởi lớn ở giữa vách tường đối diện với các cửa sổ mặt tiền. Lò sưởi đặt nơi đó để có thể sưởi ấm tất cả ba buồng, và có một nóc che bằng sắt cán mỏng kiểu lạ, người ta nói đó là kiểu độc nhất ở Tây Tạng. Gần bên có chiếc ghế bành của Ngài, làm bằng gỗ chạm rất xưa, chỗ ngồi êm ái khỏi cần dùng nệm lót. Trong phòng có đặt cái bàn và ghế trường kỷ, phần nhiều không có chỗ dựa, và ở một góc có đặt một cây dương cầm của Chon Su, trần nhà cao chừng 7 thước, kèo và cột chạm trổ rất đẹp. Buồng ngủ trang hoàng rất giản dị. Có một chiếc giường treo như cái võng giữa hai cây đà bằng gỗ chạm, gắn chặt trong vách, một cây đà chạm hình đầu

sư tử, một cây chạm đầu voi. Lúc không dùng đến, thì giường được xếp vào vách.

Thư phòng là một gian buồng xinh xắn, chứa đựng hàng ngàn quyển sách. Trên vách có những chiếc kệ rất cao, đựng sách viết bằng nhiều thứ chữ, trong số đó có những tác phẩm cận đại Âu Châu và ở trên cao có những kệ đựng những bộ sách cổ viết bằng tay. Chon Sư là một nhà ngôn ngữ học uyên bác, không những Ngài là một học giả Anh ngữ, Ngài còn biết tiếng Pháp và tiếng Đức một cách tường tận. Thư phòng còn có một cái máy đánh chữ, do một vị đệ tử tặng cho đức Chon Sư.

Về gia quyến của Chon Sư, tôi biết rất ít. Trong nhà có một người đàn bà, hiển nhiên người này là một vị đệ tử, Ngài gọi bà ta bằng chị. Tôi không biết bà ấy có phải là chị ruột của Ngài hay không; có thể bà là chị em họ, hay cháu gái của Ngài. Bà ấy có vẻ già hơn Ngài nhiều, nhưng không phải vì thế mà sự liên hệ gia đình nói trên không có được, vì từ lâu Ngài có vẻ như không thay đổi về tuổi tác và hình dáng bề ngoài. Bà ấy có hơi giống Ngài đôi chút, và một đôi khi bà cũng góp mặt khi có những cuộc hội họp tại nhà, mặc dầu công việc chính của bà hình như coi về việc quản gia và trông nom người làm. Trong số những người giúp việc nhà, có hai vợ chồng một người lão bộc ở với Chon Sư từ lâu. Họ không biết gì về sự cao cả của vị chủ nhân họ, nhưng họ coi Ngài như một người chủ

rất khoan dung và khả ái, và lẽ tự nhiên là họ được rất nhiều ân huệ trong khi phụng sự Ngài.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA CHON SU

Đức Chon Su có một khu vườn riêng biệt của Ngài. Ngài cũng có một thửa ruộng, đất, và Ngài mướn lao công trồng trọt. Gần nhà có những bụi cây trở bông và những khóm hoa mọc tự do, cùng với những bụi hoa rừng. Xuyên qua vườn, có một dòng suối nhỏ, và một ghềnh thác với một nhịp cầu nhỏ bắc ngang khe suối ...

Đức Chon Su thường hay ngồi tại đây khi Ngài ban tư tưởng lành và ân huệ cho những người chung quanh. Nhìn thoáng qua thì hình như lúc đó Ngài chỉ ngồi ngắm cảnh, nghe chim hót hoặc nghe nước suối chảy dưới khe. Đôi khi Ngài ngồi yên trên chiếc ghế bành và khi những người chung quanh thấy Ngài như thế, họ biết Ngài đang cần sự yên tĩnh, không nên quấy rầy, họ không biết rõ Ngài đang làm gì, nhưng định chừng Ngài đang nhập định. Sự kiện người phương đông hiểu và kính trọng sự thiền định có thể là một trong những lý do, vì sao các Chon Su thích sống ở đông phương hơn là ở tây phương.

Như thế chúng ta thấy Chon Su ngồi im lặng gần như suốt ngày và nhập định. Trong khi Ngài hình như ngồi vô vi bất động như thế, sự thật Ngài luôn luôn

hoạt động không ngừng ở cõi trên; Ngài sử dụng những sức mạnh thiên nhiên và ban rải ảnh hưởng cùng ân huệ cho hàng ngàn linh hồn cùng một lúc, các Chon Sur là những vị bận rộn nhất trên đời. Tuy nhiên, Chon Sur cũng làm nhiều công việc thuộc về thế gian; Ngài có soạn ít nhiều nhạc phẩm và viết nhiều văn thư cùng bài vở với nhiều mục đích khác nhau. Ngài cũng chú trọng đến sự tiến bộ của khoa học vật lý, mặc dầu đó là một ngành hoạt động đặc biệt của một trong những vị Chon Sur khác.

Thỉnh thoảng, Chon Sur Kuthumi cưới con ngựa lớn, khi các Ngài làm việc chung với nhau, Ngài cùng đi với Chon Sur Morya, vị này luôn luôn cưới con ngựa bạch tuyệt đẹp. Ngài thường viếng thăm một vài tu viện, và có khi Ngài cưới ngựa lên một truông núi để viếng một đạo viện hẻo lánh ở trên núi cao. Cưỡi ngựa trong khi đi làm công việc hằng ngày hình như là môn thể dục chính của Ngài, nhưng có khi Ngài cũng đi bộ với Chon Sur Djwal Kul, vị này sống trong một trại nhỏ mà Ngài tự xây cất lấy, ở gần thung lũng đến vùng cao nguyên.

Đôi khi, Chon Sur đánh đàn dương cầm, đặt tại gian phòng lớn trong nhà Ngài. Cây đàn này Ngài đặt làm ở Tây Tạng dưới sự trông nom của Ngài, với tấm bảng nhận nút giống như kiểu đàn bên tây phương, và Ngài có thể chơi một bản nhạc phương tây. Cây đàn này không giống như những cây đàn khác, vì nó có hai mặt, và người ta có thể chơi đàn hoặc từ phòng

khách, hoặc từ thư phòng. Những bản nhận nút, có thể dùng chung một lượt hoặc dùng riêng biệt.

Bằng phương pháp truyền từ điển, Ngài làm cho cây đàn này giao tiếp với các vị thiên thần âm nhạc (gandharvas) để cho khi nào đánh đàn, thì có sự hợp tác của những vị thiên thần đó. Theo cách ấy, Ngài có được một sự phối hợp âm thanh rất huyền diệu khác hẳn âm nhạc của trần gian.

Khúc ca của thiên thần luôn luôn vang rền trong vũ trụ. Nó vẫn luôn luôn văng vẳng bên tai người thế gian, nhưng họ không muốn nghe âm thanh kỳ diệu đó. Nó là tiếng sóng gầm dưới biển, tiếng gió than thở trên nhánh cây, tiếng suối chảy trong khe núi, âm nhạc của dòng sông và thác đổ, cùng với bao nhiêu âm thanh khác hợp thành khúc ca hùng mạnh của thiên nhiên. Đó chỉ là dư âm trên cõi thế tục, của một âm thanh huyền diệu hơn, tức là khúc ca của thiên thần.

Trong quyển «Ánh Sáng trên Đường Đạo» có viết:

«Chỉ có những đoạn rời rạc của khúc ca huyền diệu lọt vào tai người trong khi người còn là người thế tục. Nhưng nếu người lắng nghe, người hãy nhớ kỹ để không cho mất một âm thanh nào, và cố gắng tìm hiểu ở đó ý nghĩa của sự diệu huyền nó bao phủ chung quanh người. Trải qua dòng thời gian, người sẽ không cần có thầy. Vì cũng như con người có giọng nói, thì vũ trụ mà y sống trong đó cũng có âm thanh. Sự sống vốn

có âm thanh và không bao giờ im lặng. Âm thanh đó không phải là một tiếng khóc than, như người có thể tưởng; nó là một tiếng ca thần diệu. Người hãy biết rằng người là một phần tử của sự hòa hiệp chung; và người hãy học tuân theo những định luật của sự điều hòa trong vạn vật.»

Mỗi sáng sớm, một số người – không hẳn là đệ tử, mà là những người theo Ngài – đến nhà Chơn Sư, ngồi ngoài hàng ba và ngoài ngõ. Đôi khi Ngài dạy họ một vài điều, trong một bài thuyết pháp ngắn; nhưng thường khi Ngài tiếp tục công việc của Ngài và không chú ý đến họ, ngoài ra Ngài ban cho họ một nụ cười thân thiện, họ cũng bằng lòng nhận một cách vui vẻ. Hiển nhiên là họ đến để được ngồi trong vòng hào quang của Ngài và chiêm ngưỡng Ngài. Đôi khi, Ngài dùng cơm trước mặt họ, ngồi ngoài hàng ba cùng với những người dân Tây Tạng và những người khác ngồi dưới đất, chung quanh Ngài; nhưng thường thì Ngài dùng bữa một mình trong phòng riêng. Có thể Ngài chỉ dùng bữa ngộ theo luật nhà chùa, vì tôi không thấy Ngài dùng cơm chiều bao giờ. Cũng có thể Ngài không cần ăn mỗi ngày. Khi Ngài muốn dùng bữa, thì Ngài dặn người nhà, làm những thức ăn mà Ngài thích, chớ không ăn đúng giờ. Tôi có thấy Ngài dùng những chiếc bánh nhỏ tròn, màu nâu và ngọt; bánh này làm bằng bột mì, đường, bơ, và là loại bánh được thường dùng trong nhà, do bà chị của Ngài làm. Ngài cũng dùng cơm với cari, thứ cari này nấu lỏng như

súp. Ngài dùng một cái mũ bằng vàng kiểu lạ và rất đẹp, cán mũ có chạm hình con voi. Đó là một báu vật gia truyền, rất cổ và rất quý. Ngài thường mặc y phục trắng, nhưng tôi không thấy Ngài đội mũ trên đầu bao giờ, ngoại trừ những dịp rất hiếm, khi Ngài mặc áo vàng của phái Gelugpa và đội một cái mũ cao, giống như chiếc mũ sắt của người La Mã thời xưa. Còn Chon Su Morya thì thường hay bị khấn.

NHỮNG NHÀ KHÁC

Nhà của đức Chon Su Morya ở phía bên kia thung lũng nhưng ở chỗ đất thấp hơn, kế cận ngôi chùa nhỏ và cửa vào những động đá. Nhà này có một lối kiến trúc hoàn toàn khác hẳn, có hai tầng, mặt tiền hướng ra đường chính có hàng ba và cửa kiếng. Sự sinh hoạt hằng ngày của Ngài cũng tương tự như cách sinh hoạt của đức Chon Su Kuthumi.

Nếu chúng ta đi theo đường bên trái dòng suối, và đi lên cao dần dần dọc theo bờ thung lũng, chúng ta đi ngang qua biệt thự và công viên của Chon su Kuthumi ở bên mặt; và lên cao hơn nữa, ta thấy cùng một bên đường có một cái chòi nhỏ của Chon Su Djwal Kul tự Ngài xây lúc Ngài còn là đệ tử, để có chỗ ở và học đạo gần bên Sư Phụ Ngài. Trong chòi có treo một bức họa do một vị đệ tử người Anh của đức Chon Su Kuthumi vẽ lại quang cảnh hội họp trong gian phòng lớn tại nhà Chon Su Kuthumi, trong đó có

nhiều vị Chon Sur và đệ tử tham dự. Bức họa này được vẽ để kỷ niệm một buổi hội họp đặc biệt thú vị và có kết quả rực rỡ tại nhà Chon Sur.

CÁC CHON SU THUỘC CUNG SỐ 1

Nói về hình dáng bề ngoài của các vị Chon Sur, tùy theo mỗi vị thuộc về cung nào, mà xác thân của các Ngài chịu ảnh hưởng phần nào của cung đó. Cung số 1 có đặc điểm trội nhất là uy quyền, những người thuộc về cung này là những vị vua chúa, những nhà lãnh đạo, những nhà cai trị và chỉ huy, trước hết của thế giới tâm linh, và sau nữa của cõi giới hồng trần. Bất cứ người nào có mức độ phi thường khả năng lãnh đạo người khác và hướng dẫn họ một cách khéo léo theo đường của mình chọn, thì chắc người ấy thuộc về cung số 1, hoặc có khuynh hướng về cung số 1.

Đó là những đặc tính của đức Bàn Cổ Vaivasvata, Đấng cao cả điu dất giống dân thứ 5. Ngài cao lớn hơn tất cả các đấng Chon Sur và có thân hình cân đối hoàn toàn. Ngài là kiểu mẫu của giống dân thứ 5, và mỗi người của giống dân này đều là con cháu của Ngài. Đức Bàn Cổ có một gương mặt rất oai nghiêm, biểu lộ một uy quyền lớn, mũi cao, cặp mắt màu nâu, một chòm râu đầy đặn và tướng mạo hùng dũng như tướng sư tử. Bà Annie Besant tả hình dạng Ngài như sau: Ngài cao lớn và hùng vĩ như một vị vua, cặp mắt tinh anh như mắt phụng, rạng ngời ánh sáng như màu

hoàng kim. Hiện nay, Ngài ở trên dãy Hi Mã Lạp Sơn, cách nhà của đức Bồ Tát Di Lạc không xa.

Cùng một phong độ giống như thế là đức Chon Sur Morya. Ngài sẽ là vị kế nghiệp đức Bàn Cổ Vaivasvata sau này và là vị Bàn Cổ tương lai của giống dân thứ 6. Ngài vốn là một vị vua xứ Rajputana. Ngài có một chòm râu đen chẻ ra làm hai phần, tóc Ngài màu sậm gần như đen, xoã xuống tận vai, cặp mắt đen và sáng, đầy vẻ oai nghi. Ngài có oai phong của một vị tướng soái. Ngài nói từng câu vắn, như ra lệnh, Ngài vẫn quen được thiên hạ tuân lệnh một cách mau chóng. Ngài có tác phong uy nghi lắm liệt, tỏa ra chung quanh Ngài, một sức mạnh và uy quyền làm cho người khác phải cung kính rất mực.

Bà Blavatsky thường hay thuật chuyện bà gặp đức Chon Sur Morya tại công viên Hyde Park ở Luân Đôn, hồi năm 1851, khi Ngài đến đó cùng với những ông hoàng Ấn Độ để dự cuộc triển lãm quốc tế lần đầu tiên. Một chuyện lạ; hồi đó, tuy là một đứa trẻ mới 4 tuổi, tôi cũng thấy Ngài, nhưng không biết chi cả. Tôi vẫn còn nhớ, được cha tôi dắt đi xem một cuộc biểu diễn đồ sộ huy hoàng, trong đó có một đoàn kỵ mã Ấn Độ mặc sắc phục rực rỡ. Đoàn kỵ mã oai nghi hùng dũng, cưỡi những con ngựa rất đẹp; lẽ tất nhiên tôi nhìn xem mê man, và cho rằng đoàn kỵ mã ấy là một đoàn biểu diễn đẹp nhất trong hội chợ huy hoàng đó. Trong khi tôi vừa nhìn đoàn kỵ mã đi qua, vừa nắm lấy bàn tay cha tôi, thì một người cao lớn trong số

những vị anh hùng cưỡi ngựa đó nhìn tôi với cặp mắt đen lánh và sáng ngời. Cái nhìn đó làm cho tôi vừa sợ hãi, nhưng đồng thời cũng vừa làm cho tôi cảm thấy một nguồn hạnh phúc tràn ngập không thể tả. Đoàn kỵ mã đi qua, tôi không thấy người nữa, nhưng hình ảnh cái nhìn như chớp nhoáng đó luôn luôn trở lại với trí nhớ còn non nớt của tôi.

Tự nhiên, hồi đó tôi không biết Ngài là ai, và có lẽ tôi không bao giờ có thể nhận ra Ngài, nếu Ngài không nhắc lại việc đó với tôi nhiều năm về sau. Một ngày nọ, nhân lúc nói chuyện với Ngài về những thuở ban đầu của Hội Thông Thiên Học, tôi tình cờ nói rằng lần đầu tiên tôi có điểm phúc được gặp Ngài trong thế xác, nhân dịp Ngài đến viếng Bà Blavastky ở Adyar, để giúp thêm sức và đưa cho bà một vài chỉ thị. Lúc ấy Ngài đang nói chuyện với vài vị Chơn Sư khác, bèn quay lại bên tôi một cách đột ngột và nói: «Không, đó không phải là lần đầu tiên. Con đã thấy Ta trước đó trong xác phàm của Ta. Con còn nhớ chăng khi con là một đứa trẻ nhỏ, con có xem đoàn kỵ mã Ấn Độ cưỡi ngựa đi qua vườn Hyde Park, và lúc đó chính Ta đã để ý đến con?» Tôi sực nhớ ra ngay, và nói: «Bạch Sư Phụ, Người kỵ mã ấy là Sư Phụ hay sao? Lẽ ra con phải biết ngay từ lúc đó.» Tôi không nhắc đến việc này khi kể lại những dịp gặp gỡ Chơn Sư trong xác phàm của Ngài, vì hồi đó tôi không biết Người kỵ mã ấy chính là đức Sư Phụ, và cũng vì lời chứng minh của một đứa trẻ có thể không có giá trị bao nhiêu.

Một nhân vật khác cũng có phong độ đế vương là đức Bàn Cổ Chakshusha, vị Bàn Cổ của giống dân thứ 4. Ngài là người Trung Hoa, thuộc giai cấp rất quý phái. Ngài có lương quyền cao như người Mông Cổ, và gương mặt có vẻ như một pho tượng tạc bằng ngà. Ngài thường mặc áo dài thêu chỉ vàng óng ánh rất đẹp. Theo lệ thường, chúng tôi không tiếp xúc với Ngài trong công việc hằng ngày, trừ khi nào chúng tôi có dịp săn sóc một vị đệ tử thuộc về giống dân của Ngài.

CÁC CHƠN SƯ THUỘC CUNG THỨ 2

Đức Di Lạc Bồ Tát (Maitreya), là vị Chưởng Giáo của thế gian, vị phụ tá chính của Ngài là đức Chơn Sư Kuthumi, các Ngài có một đặc điểm trội nhứt là toàn thân tỏa ra một lòng bác ái vô biên, bao trùm tất cả muôn loài vạn vật. Hiện nay, đức Di Lạc Bồ Tát có xác thân thuộc về chủng tộc Celte, đến lúc Ngài lâm phạm để dạy dỗ nhân loại trong tương lai gần đây, như Ngài đã định, Ngài sẽ dùng một xác thân đã chuẩn bị sẵn của một trong các vị đệ tử của Ngài. Gương mặt Ngài có một vẻ đẹp phi thường, đây nghị lực nhưng cũng không kém nét hòa nhã, tóc Ngài màu vàng đỏ, xoã xuống vai; chòm râu dài như người trong bức tranh cổ. Cặp mắt Ngài màu tím rất đẹp, giống như hai cái bông nhỏ, sáng như sao, trong như mặt hồ phẳng lặng với một niềm an tịnh trường cửu. Nụ cười của Ngài thật hiền lành khôn tả; toàn thân Ngài tỏa ra một hào

quang sáng chói, chiếu diệu một ánh sáng màu hồng rất đẹp, mà các Đấng cao cả biểu hiện lòng bác ái vẫn thường có.

Ngài thường ngồi trong gian phòng chính của nhà Ngài trên dãy Hi Mã Lạp Sơn, có nhiều cửa sổ trở ra vườn và dưới chân núi là miền đồng bằng bao la của xứ Ấn Độ. Ngài mặc áo dài trắng có nẹp vàng, thường dạo chơi trong vườn buổi chiều gió mát, giữa những khóm hoa tỏa ra trong không khí một mùi hương thơm dịu.

Ngài có cốt cách phi thường không thể tả, vì toàn thân Ngài toát ra một lòng bác ái bao la đem nguồn an ủi cho hàng triệu chúng sinh. Giọng nói của Ngài thốt ra những giáo lý đem lại sự bình an cho cả thiên thần và nhân loại. Tương lai gần đây, tiếng nói của Ngài sẽ xuất hiện trên thế gian, và tình thương của Ngài sẽ được ban rải cùng khắp cả những nơi tối tăm đau khổ.

Mong rằng chúng ta hãy chuẩn bị đón rước Ngài khi Ngài lâm phạm và để phụng sự Ngài với tấm lòng trung kiên, thành kính.

Đức Chon Sư Kuthumi hiện thân là một người Bà La Môn xứ Cachemire, nước da trắng như người Âu. Ngài cũng có mái tóc xoã xuống vai, đôi mắt Ngài màu xanh, đầy vẻ an lạc và tình bác ái. Râu tóc Ngài màu nâu chiếu ánh vàng dưới ánh nắng mặt trời. Gương mặt Ngài thật khó tả, thường thay đổi sắc thái khi Ngài mỉm cười; mũi thẳng, mắt lớn và xanh biếc. Cũng như

đức Chương Giáo, Ngài là một nhà đạo sư và pháp sĩ, và nhiều thế kỷ nữa trong tương lai, Ngài sẽ thừa kế đức Bồ Tát ở ngôi vị tối cao của Ngài. Ngài sẽ đảm nhiệm chức vụ đức Chương Giáo của thế gian, và trở nên vị Bồ Tát của giống dân thứ 6.

NHỮNG CHON SƯ THUỘC CÁC CUNG KHÁC

Đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan) thuộc về cung của nhà chánh trị, nhà tổ chức, mặc dầu Ngài cũng có nhiều đức tánh của bậc quân nhân. Ngài có xác thân của người Ấn Độ, cao và hơi gầy, với nét mặt như tượng tạc trong đá, nhẵn nhụi không đẽ râu. Gương mặt cứng rắn, cằm vuông, đầy nghị lực, cặp mắt sắc sảo như thấu rõ mọi sự. Ngài nói một cách vắn tắt như vị tướng quân ra lệnh. Ngài thường mặc áo dài theo kiểu Ấn Độ và bịt khăn trắng.

Đức Chon Sư Bá Tước St.Germain có nhiều điểm giống đức Văn Minh Đại Đế. Mặc dầu vóc dáng Ngài không cao lớn, Ngài có tác phong của một vị quân nhân. Ngài có lễ độ và uy nghi của một vị lãnh chúa ở thế kỷ 18; người ta nhận ra ngay, Ngài thuộc về một gia đình quý phái rất cổ xưa, Ngài có đôi mắt lớn màu nâu, chứa đầy vẻ dịu dàng và hài hước, với ít nhiều nét uy quyền; tác phong oai nghi của Ngài bắt buộc người ta phải vâng lời. Gương mặt Ngài nước da hơi sậm như màu trái ô liu; vùng tóc màu nâu của Ngài chia

làm hai phần, từ vầng trán chải ngược ra phía sau, bộ râu ngắn và giùm lại dưới cằm. Ngài thường mặc một bộ đồng phục màu sậm, buộc dây vàng, điều này làm nổi bật sự oai vệ sẵn có của Ngài. Ngài thường ở tại một tòa lâu đài cổ ở vùng đông Âu, thuộc sở hữu của gia đình Ngài từ nhiều thế kỷ.

Đức Chon Sư Serapis thân hình cao, nước da trắng. Ngài sinh trưởng ở Hy Lạp, mặc dầu công việc của Ngài thuộc về địa phận xứ Ai Cập. Gương mặt Ngài rất nhã nhặn và có vẻ khắc khổ.

Đức Chon Sư Venetian có lẽ là vị khôi ngô tuấn tú nhất trong các Đấng cao cả trong Quần Tiên Hội. Dáng vóc Ngài rất cao, chòm râu dài và tóc ánh vàng như của đức Bàn Cổ, cặp mắt xanh. Mặc dầu Ngài sinh trưởng ở thành phố Venise, gia đình Ngài có dòng máu Gothique trong huyết quản.

Đức Chon Sư Hilarion là người Hy Lạp. Ngài có một vầng trán thấp và rộng, giống như pho tượng Hermès của Praxitèles. Ngài cũng rất khôi ngô, và có vẻ trẻ nhất so với các vị Chon Sư khác.

Đức Chon Sư Jesus hiện nay có xác thân người Syrie. Ngài có nước da sậm, đôi mắt đen và râu đen của người Á Rập, Ngài thường mặc áo rộng, bịt khăn trắng. Ngài là đức Thầy của những người sùng tín, đặc điểm của Ngài là sự thanh khiết và sùng tín vô biên, không bao giờ có việc gì làm chướng ngại. Ngài sống trong bộ lạc Druses ở núi Liban (Lebanon).

Có hai vị Chon Sư mà chúng tôi được gặp, hơi khác về hình dáng bề ngoài với những Đấng cao cả khác. Một trong hai vị ấy là đức Chon Sư Agastya, có nhiệm vụ coi sóc về sự tiến hóa tinh thần của xứ Ấn Độ. Đại tá Olcott có viết về Ngài nhiều lần; Ngài chính là vị Chon Sư đã được mệnh danh là Jupiter trong quyển sách: «Con Người, từ đâu đến và sẽ đi về đâu?» Ngài có hình dáng hơi thấp hơn nhiều vị Chon Sư khác trong Quần Tiên Hội, và là vị duy nhất, mà tôi nhận thấy tóc đã điểm bạc. Ngài có vẻ quắc thước, đi đứng mau lẹ như một quân nhân. Ngài là một địa chủ có nhiều đất ruộng; trong một dịp khi tôi và đại đức T. Subba Row đến viếng Ngài, tôi thấy Ngài nhiều lần bàn tính công việc với những kẻ bộ hạ, hình như là những tá điền, đến phúc trình công việc và nhận chỉ thị của Ngài. Còn vị thứ hai là Chon Sư Djwal Kul, Ngài vẫn còn mang xác phàm cũ khi Ngài đạt quả vị Chon Tiên (Asekha) cách đây không lâu, Ngài có gương mặt của người Tây Tạng, với lưỡng quyền cao, và đã có những nét biểu lộ sự già nua.

Đôi khi một vị Chon Tiên muốn có một xác thân để dùng tạm thời, giữa cảnh náo nhiệt của thế gian vì một mục đích đặc biệt. Đó sẽ là trường hợp khi đức Chương Giáo lâm phạm, và chúng tôi được cho biết, khi đó nhiều vị Chon Sư khác có thể xuất hiện, để làm những vị phụ tá, trợ giúp Ngài trong việc giúp đỡ nhân loại.

Phần nhiều những vị Chon Sư đó sẽ noi theo gương của đức Chương Giáo và sẽ dùng tạm xác thân của những vị đệ tử, như thế, một số những xác thân đó cần phải được chuẩn bị sẵn cho các Ngài sử dụng. Đôi khi các sinh viên huyền môn đặt câu hỏi, các Chon Sư đã có xác phàm, thì tại sao các Ngài lại còn cần dùng những xác phàm khác trong dịp này.

NHỮNG THỂ XÁC KIỆN TOÀN

Những Đấng cao cả sau khi đã đạt quả vị Chon Tiên, các Ngài chọn con đường ở lại thế gian để trực tiếp giúp đỡ sự tiến hóa của nhân loại, nhận thấy cần giữ lại xác phàm để tiện cho công việc của các Ngài. Để thích ứng với mục đích phụng sự của Chon Sư, những xác phàm đó phải là một loại đặc biệt khác thường. Không những chúng phải tuyệt đối lành mạnh về sức khoẻ, mà còn phải hoàn toàn biểu lộ Chon Nhon trên một mức tối đa mà nó có thể biểu lộ dưới thế gian.

Sự cấu tạo một xác thân như thế không phải là chuyện dễ dàng. Khi linh hồn của một người thường, chuyên kiếp đầu thai vào xác thân mới là một hài nhi, thì y nhận thấy xác thân này chịu ảnh hưởng của một vong linh giả tạo do nghiệp quả của y gây ra. Vong linh đó bện rộn tạo nên hình hài của xác thân sẽ sinh ra trên thế gian, và sau khi sinh ra, nó còn tiếp tục thay đổi hình hài đó cho đến khi xác thân đưa trẻ được 6 hay 7 tuổi. Trong thời kỳ này, linh hồn lần lần tiếp xúc chặt chẽ hơn với những thể mới của nó, tức là những

thể trí, thể vía, thể xác, và trở nên quen thuộc với những thể này. Nhưng trong nhiều trường hợp, linh hồn không có ảnh hưởng bao nhiêu đối với những thể mới, trước khi vong linh giả tạo rút lui. Linh hồn đương nhiên là có liên lạc với thể xác, nhưng thường chỉ chú ý rất ít đến thể xác đó cho đến khi thể xác này đến thời kỳ khả dĩ đáp ứng lại những cố gắng của nó.

Trường hợp của một vị Chon Tiên thì khác hẳn. Vì một đấng Chon Tiên không cần phải trả nghiệp quả xấu, nên không có vong linh giả tạo nào hoạt động: Chon Nhon tức linh hồn của Ngài tự lãnh phần trách nhiệm coi sóc sự phát triển của thể xác ngay từ lúc đầu, và chỉ bị hạn chế bởi huyết thống di truyền của thể xác ấy mà thôi. Điều này giúp cho việc cấu tạo nên một thể xác tinh anh và tế nhị hơn nhiều, nhưng cũng gây thêm sự khó khăn cho Chon Nhon và làm tiêu hao rất nhiều thời giờ và nghị lực của nó trong nhiều năm. Vì lẽ đó, và cũng vì những lý do khác nữa, mà một vị Chon Tiên không muốn tái diễn cái công trình khó nhọc này ngoài sự tối cần thiết, vì lẽ đó Ngài làm cho thể xác của Ngài kéo dài sự sống của nó càng lâu càng hay. Thể xác chúng ta trở nên già nua và chết đi vì nhiều lý do khác nhau, như sự yếu đuối di truyền từ cha mẹ, bệnh tật, tai nạn, sự vô tiết độ, sự ưu phiền và làm việc quá sức. Nhưng trong trường hợp của một vị Chon Tiên thì những nguyên nhân kể trên đều hoàn toàn không có, ta nên nhớ thể xác của Ngài có sức hoạt động và sức chịu đựng dẻo dai nhiều hơn bội phần của người thường.

Vì thể xác của các vị Chon Tiên có những đặc tính như đã kể trên, nên các Ngài thường có thể duy trì thể xác ấy và sống lâu hơn người thường rất nhiều. Do đó, xác phàm của các Ngài thường có tuổi tác lớn hơn rất nhiều, mặc dầu hình dáng bề ngoài xem có vẻ trẻ trung, lâu già. Thí dụ như đức Chon Sư Morya có hình dáng của một thanh niên vào độ 35 đến 40 tuổi; nhưng theo những vị đệ tử thuật lại về cuộc đời của Ngài, thì tuổi Ngài có lẽ lớn hơn gấp bốn hay năm lần như thế, và chính bà Blavatsky đã nói khi bà thấy Ngài lần đầu tiên lúc bà còn nhỏ, thì Ngài vẫn có dung mạo giống như bây giờ.

Đức Chon Sư Kuthumi có vẻ đồng một lứa tuổi với bạn Ngài là Chon Sư Morya; nhưng có người nói Ngài đã thi lấy bằng cấp đại học ở Âu Châu vào khoảng giữa thế kỷ trước, như vậy chắc chắn là Ngài đã hơn một trăm tuổi. Hiện thời chúng ta không thể biết các Ngài có thể kéo dài sự sống của xác phàm đến một giới hạn tuổi là bao nhiêu, mặc dầu có những bằng chứng chỉ rằng các Ngài có thể sống lâu hơn gấp đôi số tuổi trung bình 70 của một kiếp người.

Một thể xác được cấu tạo bằng cách đó để dùng làm việc các cõi trên, tất nhiên là rất nhạy cảm, vì lý do đó, nó cần phải được chăm sóc cẩn thận chu đáo, nếu muốn nó được luôn luôn khoẻ mạnh. Thể xác ấy có thể hư hoại như xác phàm của chúng ta, nếu nó phải chịu bao nhiêu va chạm phũ phàng, và những sự rung động nặng nề xấu xa của thế gian. Do đó, các Đấng cao

cả thường hay sống cuộc đời ẩn dật, và ít khi xuất hiện nơi chốn phồn hoa náo nhiệt của đời sống hằng ngày. Nếu các Ngài xuất hiện trong những thể xác như thể giữa sự tọc mạch hiếu kỳ và những cảm xúc mãnh liệt của người đời, là những điều rất có thể xảy ra khi đức Chương Giáo lâm phạm, thì chắc chắn là những thể xác đó sẽ bị tàn tạ rất mau chóng, và cũng vì chúng rất vô cùng nhạy cảm, nên có thể chịu nhiều sự đau đớn vô ích.

MƯỢN THỂ XÁC

Bằng cách mượn tạm thể xác của một vị đệ tử, đức Chơn Sư tránh được những điều bất tiện kể trên, và đồng thời giúp thêm rất mạnh cho sự tiến hóa của vị đệ tử. Ngài chỉ dùng thể xác ấy khi cần, hoặc để thuyết pháp, hoặc để ban một nguồn ân huệ đặc biệt; khi Ngài đã làm xong điều Ngài muốn, thì Ngài rời khỏi thể xác ấy. Khi đó vị đệ tử nhập trở lại vào thể xác của mình, và Chơn Sư cũng nhập vào thể xác của Ngài để tiếp tục công việc giúp đỡ thế gian. Bằng cách đó, công việc thường nhật của Ngài sẽ không bị ảnh hưởng bao nhiêu; tuy nhiên, luôn luôn Ngài có sẵn dưới tay một thể xác mà Ngài có thể tạm dùng để hợp tác khi cần, trong công việc của đức Chương Giáo trên thế gian.

Chúng ta có thể tưởng tượng điều đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến người đệ tử, khi vị này được danh dự rất lớn là đưa thể xác của mình cho Chơn Sư dùng tạm. Một cơ hội to tát như thế thật là một sự giúp

đỡ cho người đệ tử chớ không phải là một điều bất lợi; trong khi thể xác của y được sử dụng, vị đệ tử có niềm phúc được thấm nhuần luồng từ điển thiêng liêng của đức Chơn Sư. Y phải tức trực sẵn sàng một bên để trở về xác phàm của mình sau khi Chơn Sư đã dùng xong.

Phương pháp mượn tạm một thể xác thích nghi luôn luôn được các Chơn Sư áp dụng khi các Ngài thấy cần xuất hiện dưới thế gian trong tình trạng hiện thời. Đức Phật Thích Ca đã dùng phương pháp ấy khi Ngài xuất thế để đạt quả vị Phật, và đức Bồ Tát Di Lạc (Maitreya) cũng vậy, khi Ngài đến viếng xứ Palestine cách đây 2.000 năm. Một trường hợp ngoại lệ duy nhất mà tôi được biết là khi một vị Bồ Tát kế nghiệp chức vụ một đức Chương Giáo sau khi vị này đã thành Phật, trong dịp xuất hiện lần đầu tiên dưới thế gian với chức vụ đó, Ngài đầu thai và sinh ra như một đứa hài nhi, theo phương pháp thai sinh thông thường. Đó chính là trường hợp của vị đương kim Bồ Tát, khi Ngài chuyển kiếp làm Sri Krishna ở vùng đồng bằng Ấn Độ, và được người Ấn tôn thờ với một lòng sùng tín mãnh liệt vô cùng trên thế gian.

Người ta không nên lầm lộn việc dùng tạm thể xác của một vị đệ tử với việc sử dụng vĩnh viễn một thể xác được chuẩn bị sẵn cho một nhân vật tiến hóa cao. Các vị đệ tử của bà Blavatsky, nhà sáng lập Hội Thông Thiên Học chúng ta, tin rằng sau khi bà từ trần, bà liền nhập vào thể xác của một người khác vừa bỏ trống. Tôi không biết rõ cái thể xác đó có được chuẩn bị

cho bà dùng hay không, nhưng có những trường hợp khác nó được chuẩn bị sẵn. Trong những trường hợp này, luôn luôn có ít nhiều sự khó khăn là làm sao cho thể xác hòa hợp thích ứng với nhu cầu và tánh chất của người sử dụng nó; và rất có thể sự hòa hợp đó không bao giờ được hoàn toàn. Linh hồn sắp sửa trở xuống thế gian được chọn lựa một trong hai điều: một là dành rất nhiều thời giờ và công lao để trông nom sự cấu tạo một thể xác mới, thể xác này sẽ là một sự biểu lộ hoàn toàn con người thật của y ở cõi hồng trần; và hai là: tránh được tất cả sự phiền phức đó bằng cách nhập vào thể xác có sẵn của một người khác. Phương pháp này sẽ giúp cho y có được một thể xác khá tốt để dùng vào mọi mục đích thông thường, nhưng nó sẽ không bao giờ thi hành một cách hoàn toàn đủ mọi phương diện những điều mà y mong muốn. Trong mọi trường hợp, một vị đệ tử tự nhiên ước muốn có cái hân hạnh giao thể xác của mình cho Chơn Sư dùng tạm, nhưng thật ra, ít có những thể xác được hoàn toàn tinh khiết để được sử dụng như thế.

Một câu hỏi thường được nêu ra, tại sao một vị Chơn Sư, mà công việc hầu như hoàn toàn thuộc về các cõi trên, lại cần dùng một thể xác phàm trần? Việc này thật ra không phải là việc của chúng ta can dự vào, nhưng nếu bàn về điều này không phải là phạm thượng và bất kính, thì có nhiều lý do được đưa ra. Đức Chơn Sư phí nhiều thời giờ của Ngài để ban rải những nguồn ân huệ cho thế gian. Mặc dầu những nguồn ân huệ này thường được phát ra từ cõi thượng

thiên hay từ cõi trên nữa, đôi khi Ngài cũng rải những nguồn thần lực thuộc về chất dĩ thái hồng trần. Bởi đó, việc sử dụng một xác phàm tất nhiên là một điều tiện lợi. Phần nhiều các Chơn Sư mà tôi đã thấy ở cõi phàm trần đều có vài vị đệ tử hoặc thính văn² cùng sống chung, hoặc ở gần các Ngài; do đó việc sở hữu một xác phàm có thể là một điều hữu ích cho các Chơn Sư dùng để tiếp xúc với họ. Dầu sao, ta có thể tin chắc rằng khi một vị Chơn Sư quyết định dùng một thể xác hồng trần, thì hẳn là Ngài có một lý do chánh đáng. Chúng tôi cũng được hiểu biết ít nhiều về những phương pháp làm việc của các Ngài để có thể quả quyết rằng các Ngài làm tất cả mọi việc với mục đích thu hoạch kết quả tối đa, bằng những phương tiện làm tiêu hao sinh lực một cách tối thiểu.



² Thính văn: Những người có học thức, có danh dự, người nổi tiếng.

PHẦN THỨ HAI

CÁC VỊ ĐỆ TỬ

CHƯƠNG 3

CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHƠN SỰ

VÀO CỬA ĐẠO

Đã từ lâu vẫn có một tổ chức gồm các vị Chơn Tiên, Đại Thánh gọi là nhóm Quần Tiên Hội. Từ bao giờ vẫn có những vị đã thông hiểu mọi sự và đạt được minh triết, trong số những vị tiêu biểu cho những bậc thánh nhân, hiền triết đó, có những vị Chơn Sư của chúng ta. Một phần của kho tàng minh triết mà các Ngài đã thu thập trải qua nhiều thế hệ vô biên, nay được đưa ra công hiến cho người thế gian dưới cái tên là Thông Thiên Học. Ngoài ra còn một phần được gìn giữ, chưa được tiết lộ, còn quan trọng hơn nhiều. Có người nói với đức Thầy Kuthumi: «Giáo lý Thông Thiên Học và thuyết luân hồi đã đem lại cho cuộc đời của họ sự thay đổi lớn,» đức Thầy mỉm cười đáp rằng: «Lẽ tự nhiên; Chúng Tôi chỉ mới hé mở một phần màn bí mật của thiên cơ mà thôi.» Khi chúng ta đã hoàn toàn thấm nhuần giáo lý đưa đến cho chúng ta và sống với những giáo lý đó, thì Quần Tiên Hội sẽ vén tấm màn kia thêm một ít nữa; nhưng điều này sẽ không được thực hiện trước khi chúng ta làm tròn những điều kiện kể trên.

Những người nào, mong muốn hiểu biết thêm và tiến đến gần Chơn Sư, thì đường đạo sẽ mở cho họ.

Người ấy chỉ có thể đến gần Chon Sur bằng cách trở nên vị tha cũng như các Ngài, bằng cách quên bản ngã của mình và tự hiến mình trọn vẹn cho công việc phụng sự nhân loại, như các Ngài đã làm. Quan niệm của Chon Sur hoàn toàn khác hẳn quan niệm của chúng ta đến nỗi ta khó mà hiểu được Ngài ngay từ lúc đầu. Như chúng ta, các Ngài cũng có những sự thương mến riêng tư, và tự nhiên cũng có khi các Ngài thương người nọ nhiều hơn người kia; tuy nhiên không bao giờ các Ngài để cho những tình cảm riêng tư đó ảnh hưởng, dầu là rất ít, đến thái độ của các Ngài đối với công việc chung. Các Ngài chịu phí công lao khó nhọc để giúp đỡ một người nào, nếu các Ngài thấy nơi người ấy có những triển vọng lớn lao về tương lai; nếu các Ngài xét sự tiêu phí thì giờ và sinh lực để giúp đỡ người nào như một cuộc bỏ vốn đầu tư có lợi. Các Ngài tuyệt nhiên không bao giờ có một mảy may thiên vị một người nào. Các Ngài chỉ nghĩ đến công việc phải làm, công việc tiến hóa chung, và xét giá trị của một người tùy theo sự liên hệ của y đối với công việc. Bởi vậy, nếu chúng ta tự luyện mình cho có đủ khả năng tham dự vào công việc đó, thì chúng ta sẽ tiến hóa rất mau.

TÁNH CÁCH VĨ ĐẠI CỦA VIỆC PHỤNG SỰ THIÊN CO

Ít người nhận thức được tánh cách vĩ đại của một công cuộc như thế, và sự nghiêm trọng của nó đến bậc nào, khi họ muốn được thu nhận vào hàng đệ tử. Các Chơn Sư ảnh hưởng đến toàn thể địa cầu bằng những luồng thần lực rất lớn; các Ngài ảnh hưởng đến hằng triệu người xuyên qua thể thượng trí của họ. Từ trên cõi bồ đề, các Ngài nâng cao một cách liên tục không gián đoạn, mặc dầu điều này rất ít khi nhận thấy được, những thể thanh cao những người thể gian trên một quy mô rộng lớn. Mặc dầu Chơn Sư làm công việc đó hằng ngày, đôi khi Ngài cũng tạm ngưng công việc để săn sóc một vị đệ tử trong những chi tiết nhỏ nhất. Vậy những ai là người dám xin làm đệ tử, hãy thử nhận định tánh cách kinh thiên vĩ đại của những nguồn thần lực vận chuyển và của công việc liên hệ, cũng như của những Đấng cao cả mà họ định tiếp xúc. Một sự hiểu biết tối thiểu về điều này sẽ giúp cho họ hiểu rằng tại sao các Chơn Sư không thể tiêu phí một phần sinh lực, dầu là ít ỏi, của Ngài để giúp cho một đệ tử, trừ khi Ngài hy vọng rằng trong một thời gian không lâu, vị đệ tử đó sẽ trợ giúp thêm một luồng sinh lực và quyền năng đáng kể theo chiều hướng và mục đích giúp đỡ nhân loại. *Các Chơn Sư sống để thực hiện công trình của đức Thái Dương Thượng Đế, và những ai là người muốn đến gần các Ngài, phải tập bắt chước các Ngài bằng cách hiến dâng trọn vẹn cuộc đời của mình vào*

công việc đó. Người nào làm được như thế sẽ không khỏi hấp dẫn sự chú ý của những Đấng cao cả và sẽ được các Ngài huấn luyện để giúp đỡ và ban ân huệ cho thế gian.

Sự tiến hóa của nhân loại tuy chậm chạp nhưng diễn ra một cách thường xuyên; do đó số người trở nên toàn thiện cũng tăng thêm không ngừng, bất cứ người nào sẵn sàng đảm đương lấy sự cố gắng lớn lao cần thiết, cũng có thể đạt tới trình độ của những người toàn thiện đó. Trong lúc bình thường chúng ta cần phải trải qua nhiều kiếp luân hồi trước khi đạt tới quả vị Chơn Tiên; nhưng trong giai đoạn này, chúng ta có thể hồi thúc sự tiến hóa của chúng ta trên đường đạo đưa tới quả vị đó, thu gọn chỉ trong vài kiếp một cuộc tiến hóa đáng lẽ ra phải kéo dài đến hàng ngàn năm. Đó là sự cố gắng mà hiện nay nhiều hội viên Hội Thông Thiên Học đang theo đuổi; vì trong Hội có một trường bí giáo dạy cho họ biết cách tự chuẩn bị mau chóng hơn cho công việc tinh thần về sau. Sự chuẩn bị đó đòi hỏi một sự tự chủ rất lớn, một cố gắng nhất định, theo dõi trong nhiều năm liên tiếp và thường không có hiện hiện kết quả bao nhiêu để cho ta thấy rõ sự tiến bộ đã thu hoạch được. Thật vậy, sự chuẩn bị đó gồm có sự tinh luyện các thể thanh cao nhiều hơn là thể xác hồng trần, và sự tiến bộ của những thể thanh cao đó thường không biểu lộ rõ rệt ở cõi phàm trần.

Người nào đã nghe nói đến Chơn Sư, giáo lý của các Ngài và nhận định được ít nhiều tánh cách thâm

sâu của giáo lý đó, thường có một sự mong ước sâu xa muốn hiểu biết và phụng sự các Ngài. Họ càng học hỏi, và thấm nhuần bao nhiêu sự mỹ lệ, lộng lẫy và huy hoàng của thiên cơ, thì họ càng khát khao mong muốn tham dự vào công việc ấy bấy nhiêu. Ngay từ khi họ nhận định được rằng Thượng Đế có một cơ tiến hóa, thì họ mong muốn hợp tác với cơ trời, ngoài ra không có gì có thể làm cho họ thỏa mãn được nữa.

Khi ấy họ bắt đầu tự hỏi: «Bây giờ, ta phải làm gì?» Câu trả lời là: «Hãy làm việc.» Nghĩa là: Hãy làm việc gì mà bạn có thể làm để giúp đỡ sự tiến hóa của nhân loại, theo đường lối của Chơn Sư. Bạn hãy bắt đầu bằng công việc gì mà bạn có cơ hội làm ngay bây giờ, việc ấy có thể chỉ là một việc nhỏ nhất tầm thường trước hết. Về sau, khi bạn đã có được những đức tánh cần thiết, bạn sẽ được giao phó phần việc quan trọng hơn; sau cùng, vì đã cố gắng không ngừng để cầu tiến đến chỗ chí thiện, bạn sẽ có được những đức tánh và khả năng nó mở cho bạn bước vào cửa đạo và được thâm nhận vào hàng Quần Tiên Hội. Tôi còn nhớ lần đầu tiên khi tôi được vinh dự tiếp xúc một cách thân mật hơn với Chơn Sư, tôi hỏi Ngài trong một bức thơ, rằng tôi phải làm gì? Ngài trả lời như sau: «Con phải tự tìm lấy công việc làm hữu ích. Con biết rằng Chúng Ta đang làm gì hiện nay. Con hãy tự lao mình vào công việc của Chúng Ta bằng bất cứ cách nào mà con có thể. Nếu Ta biểu con làm một việc nhất định, thì chắc là con sẽ làm ngay; nhưng trong trường hợp đó, nghiệp

quả của việc làm sẽ về tay Ta, vì chính Ta đã biểu con làm việc đó. Con chỉ có được nghiệp tốt của sự thiện chí và sự vâng lời. Tự nhiên nó cũng là một điều có ích, nhưng nó không phải là thứ nghiệp quả sáng tạo nên một đường lối hành động hữu hiệu. Ta muốn cho con hãy tự mình hành động, như vậy nghiệp tốt của việc làm sẽ về tay con.»

Tôi nghĩ mỗi người trong chúng ta đều có thể áp dụng câu trả lời đó cho chính mình, và nhận định rằng ta không cần phải đợi ai yêu cầu ta làm một việc nào đó, mà hãy tự mình bắt tay vào việc. Có rất nhiều việc phải làm để phụng sự đạo lý. Có lẽ vài người trong chúng ta muốn chọn lấy phần công việc to tát lớn lao nhất; thí dụ như chúng ta muốn đăng đàn thuyết pháp trước một số cử tọa đông đảo. Người ta thường thấy có nhiều người sẵn lòng làm công việc này; nhưng còn có nhiều việc khiêm tốn nhỏ nhặt trong văn phòng, cần phải làm để cho Hội chúng ta được hoạt động trôi chảy, và chúng ta thấy không phải lúc nào cũng có nhiều người tình nguyện làm những việc đó. Lòng thành kính và yêu mến của chúng ta đối với các Chơn Sư khiến cho chúng ta sẵn lòng làm bất cứ việc gì để phụng sự các Ngài, dầu là việc nhỏ mọn đến đâu; chúng ta có thể tin chắc rằng chúng ta phụng sự các Ngài khi chúng ta làm việc để giúp đỡ Hội Thông Thiên Học mà hai vị Chơn Sư đã sáng lập.

QUYỂN SÁCH «DUỚI CHÂN THẦY»

Những đức tánh mà người đệ tử cần phải thu hoạch trong giai đoạn đầu của đường đạo, để được thâm nhập vào Quần Tiên Hội đã chỉ định rõ ràng và đại cương vẫn không thay đổi, tuy rằng chúng được người ta gọi dưới những danh từ khác nhau trong vòng 25 thế kỷ vừa qua. Những đức tánh đó được trình bày một cách mới mẻ và giản dị nhất trong quyển sách nhỏ của ông Krishnamurti nhan đề: «Dưới Chân Thầy.» Mặc dầu quyển sách này do ông Krishnamurti đưa ra cho thế gian; nhưng lời lẽ trong đó hầu hết là của đức Chon Sư Kuthumi. Tác giả viết trong lời mở đầu: «Những lời này không phải của tôi, đó là của Sư Phụ tôi đã dạy tôi.»

Khi quyển sách được viết xong, xác thân của vị đệ tử còn trẻ này mới có 13 tuổi, và theo dự định của Chon Sư thì những sự hiểu biết cần thiết cho sự điếm đạo cần phải được chỉ dạy cho vị đệ tử ấy trong một thời gian tối thiểu. Những lời lẽ được chép lại trong quyển sách, chính là những lời lẽ mà Chon Sư đã dùng với mục đích thu gọn toát yếu của giáo lý cần thiết dưới hình thức vắn tắt và giản dị nhất. Nếu không có trường hợp đặc biệt này, thì có lẽ chúng ta không bao giờ có được một sự trình bày giản dị, gọn gàng mà lại đầy đủ và rõ ràng như thế. Nhiều quyển sách đã được viết ra, kể từng chi tiết những giai đoạn của con đường dự bị nhập môn, và ý nghĩa đúng đắn của những danh

từ nam Phạn (Pali) và bắc Phạn (Sanskrit) dùng trong đó đã gây nên nhiều cuộc tranh luận sôi nổi. Nhưng trong quyển sách nhỏ này, Chon Sur đã loại bỏ những điều rườm rà, chỉ đưa ra tinh hoa của giáo lý bằng cách dùng những câu văn mới mẻ hợp thời và theo sát cách sinh hoạt của chúng ta hiện nay. Thí dụ, Ngài dịch 4 đức tánh Viveka, Vairagya, Shatsampati và Mumukshuiva như là Phân Biệt, Vô Dục (Dứt Bỏ), Hạnh Kiêm Tốt và Bác Ái. Không có từ điển nào diễn dịch chữ Mumukshuiva thành ra chữ bác ái, vì chữ Phạn đó có nghĩa là: «ý muốn giải thoát.» Hình như Chon Sur cho rằng sự mong muốn giải thoát tức là muốn thoát khỏi mọi sự trói buộc của thế gian, dầu cho ta có sống giữa chốn trần ai, ta cũng vẫn có thể hoàn toàn ung dung tự tại. Một sự dứt khoát như thế, ta chỉ có thể đạt tới bằng sự hợp nhứt với Thượng Đế, mà Thượng Đế tức là bác ái. Chỉ có bằng cách để cho lòng bác ái thiêng liêng thấm nhuần con người của chúng ta, ta mới có thể đạt tới sự giải thoát.

Không có quyển sách nào trình bày những đức tánh trên đường đạo một cách tốt đẹp và rõ ràng bằng quyển sách này, và ta có thể nói quả quyết rằng bất cứ người nào thực hành trọn vẹn giáo lý trong đó, chắc chắn sẽ vượt qua cửa điểm đạo ngay tức khắc. Đây là một trường hợp vô cùng đặc biệt mà Chon Sur bỏ ra nhiều thời giờ của Ngài để dạy trực tiếp một người, nhưng chính nhờ ông Krishnamurti mà giáo lý của Ngài được hấp thụ bởi hàng muôn người khác, và đã

giúp đỡ nhân loại đến một mực độ không thể đo lường được.

Quyển sách nhỏ này được viết ra bằng cách nào? Câu chuyện cũng khá giản dị. Mỗi đêm, tôi phải đưa em bé Krishnamurti trong thế vía của em đến nhà Chon Sur, để được thụ huấn Ngài. Chon Sur bỏ ra độ 15 phút mỗi đêm để nói chuyện với em, nhưng sau mỗi buổi nói chuyện, Ngài luôn luôn tóm tắt những điểm chính của câu chuyện trong một câu, hoặc vài câu để làm một bài toát yếu mà Ngài lặp lại cho em nghe một lần nữa, để cho em học thuộc lòng. Buổi sáng khi thức dậy, em nhớ và viết lại bài học trong đêm đó. Quyển sách gồm có những câu văn trong đó, tóm tắt giáo lý của Chon Sur, do Ngài đặt và bằng những lời lẽ của Ngài thốt ra. Em Krishnamurti viết lại những câu văn một cách chăm chỉ, vì trình độ Anh Văn của em hồi ấy chưa được khá lắm. Em nhớ thuộc lòng tất cả những điều đã học, và không bận rộn lắm với những trang mà em đã chép. Sau đó ít lâu, em đi Benares cùng với bà Annie Besant. Tại đó, em viết thơ về Adyar, yêu cầu tôi sưu tầm và gởi cho em những trang giấy mà em đã chép lại lời dạy của Chon Sur. Tôi sắp lại những trang giấy đó và đem đánh máy.

Lúc ấy, tôi nghĩ rằng hầu hết là những lời dạy của Chon Sur, tốt hơn tôi nên kiểm điểm lại cho khỏi bị sơ sót. Do đó, tôi đem bản đánh máy mà tôi vừa hoàn thành, cho đức Thầy Kuthumi và yêu cầu Ngài vui lòng đọc lại.

Ngài đọc qua, sửa một vài chữ, thêm vào đó vài lời chú thích, và vài câu khác mà tôi nhớ có nghe Ngài nói với Krishnamurti. Rồi, Ngài nói: «Được rồi; vậy là đúng; như vậy được lắm,» và Ngài nói thêm: «Chúng ta hãy trình đức Di Lạc xem.»

Kế, Ngài cầm tập bản thảo đó, và cùng tôi đi đến yết kiến đức Chương Giáo. Đức Chương Giáo cũng đọc qua và chấp thuận. Chính đức Di Lạc nói: «Con hãy cho in tập này thành một quyển sách nhỏ để giới thiệu Alcyone cho thế gian.» Lúc đầu chúng tôi không định giới thiệu em cho người đời, vì thấy rằng làm như thế là bất lợi; nó sẽ làm cho một khối tư tưởng của thế gian tập trung vào một đứa trẻ có 13 tuổi, hãy còn cả một sự học vấn tương lai ở trước mặt nó. Nhưng trong thế giới huyền linh, chúng tôi chỉ biết vâng lệnh bề trên, bởi thế quyển sách nhỏ này được cho in ra một cách mau chóng.

Tất cả những hậu quả bất lợi mà chúng tôi đã đoán trước về sự quảng cáo quá sớm cho một đứa trẻ, đã xảy ra như dự tính. Tuy nhiên, đức Bồ Tát Di Lạc vẫn có lý, và chúng tôi đã lầm lạc; vì ảnh hưởng tốt đẹp mà quyển sách gây ra cho thế gian nhiều hơn gấp bội phần những sự phiền phức mà nó đem đến cho chúng tôi. Thật vậy, hằng ngàn người đã viết thơ cho chúng tôi biết cuộc đời họ đã thay đổi như thế nào, và sau khi đọc quyển ấy, thì họ thay đổi quan niệm về sự vật thế gian như thế nào. Quyển sách ấy đã được dịch ra 27 thứ tiếng; tái bản ít nhất 40 lần, nếu không nhiều

hơn; và in ra trên 100.000 quyển. Nhờ nó, người ta đã làm được một công việc tốt đẹp. Và trên hết, nó có sự ưng thuận của đức Chương Giáo của thế gian, chính điều đó làm cho nó có giá trị nhất.

Ngoài ra, còn có những quyển sách khác rất hữu ích cho người sinh viên muốn bước vào đường đạo; đó là những quyển: «Tiếng Nói Vô Thinh» và «Ánh Sáng trên đường đạo.» Những quyển «Trước thềm Thánh Điện» và «Con đường của Người Đệ Tử» của bà Annie Besant đều có giá trị rất lớn.

THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ

Sau khi đã có những quyển sách kể trên, người học đạo không còn nghi ngờ gì nữa về công việc mà y phải làm. Lẽ tất nhiên, y phải hướng mọi cố gắng về hai mục đích đặc biệt: sự phát triển tánh tình và việc phụng sự nhân loại. Những giáo lý đó vạch ra cho y một con đường xử thế gồm có một thái độ hoàn toàn khác hẳn đối với cuộc đời. Một vị Chơn Sư đã diễn tả điều đó trong câu sau: «Kẻ nào muốn làm việc với Chúng Ta và cho Chúng Ta. Phải từ bỏ cái thế giới riêng của họ và bước qua thế giới của Chúng Ta.» Điều này không có nghĩa, như các người học sách vở đạo lý đông phương thường hiểu lầm, là người thí sinh phải từ bỏ thế gian của cuộc đời hằng ngày, để lui về ở ẩn trong rừng sâu, hoặc non cao động cả, mà có nghĩa là y

phải từ bỏ hoàn toàn cái thái độ tư tưởng của thế gian, để áp dụng cái thái độ của Chơn Sư.

Người thế gian nhìn những sự việc xảy ra trong đời sống hằng ngày với quan niệm rằng những sự việc ấy sẽ ảnh hưởng như thế nào đến bản thân và quyền lợi cá nhân của họ. Trái lại, Chơn Sư nhìn những sự việc đó với quan niệm rằng nó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sự tiến hóa chung của nhân loại.

Bất cứ việc gì giúp cho sự tiến bộ, sự tăng trưởng của nhân loại theo con đường tiến hóa là tốt và đáng khuyến khích; còn việc gì làm ngăn trở điều đó bằng cách này hay bằng cách khác, là xấu xa và cần phải loại bỏ.

Việc gì thúc đẩy sự tiến hóa là tốt; việc gì làm trở ngại hay đình trệ sự tiến hóa là xấu. Đó là tiêu chuẩn khác hẳn với tiêu chuẩn của thế gian bên ngoài, mục thước để giúp cho chúng ta quyết định mau chóng những gì ta cần phải ủng hộ và những gì ta cần phải chống đối, và áp dụng nó vào tánh tình của ta, cũng như vào những biến cố bên ngoài. Chúng ta chỉ có ích lợi cho Chơn Sư khi nào chúng ta có thể làm việc theo đường lối của Ngài, dầu bằng cách khiêm tốn nhứt. Chúng ta cũng chỉ làm việc theo đường lối của Chơn Sư khi nào chúng ta làm giống như Ngài và nhìn thế gian cũng đồng quan điểm như Ngài vậy.

Nếu chúng ta làm việc theo cùng một lối với Chơn Sư, chúng ta sẽ càng ngày càng thông cảm chặt

chẽ hơn với Ngài và tư tưởng của chúng ta sẽ càng ngày trở nên giống như Ngài. Như thế chúng ta càng ngày càng tiến đến gần Ngài bằng tư tưởng và hành động, bằng cách đó, chúng ta sẽ làm cho Ngài chú ý, vì Ngài luôn luôn xem xét cõi thế gian để tìm ra những người hữu ích cho công việc của Ngài. Khi Chon Sur đã để ý đến chúng ta, Ngài sẽ hấp dẫn chúng ta lại gần để quan sát chúng ta một cách tỉ mỉ và đầy đủ chi tiết hơn. Thường thường, Ngài để cho ta tiếp xúc với một vị đệ tử cao cấp của Ngài. Vậy thì ta không cần phải làm một cố gắng trực tiếp nào cả để làm cho Ngài chú ý đến ta.

KẾT DÂY LIÊN LẠC VỚI CHON SU

Bà Blavatsky có nói với chúng tôi, khi một người nào gia nhập Hội Thông Thiên Học, thì Chon Sur chăm chú nhìn người ấy. Bà nói thêm rằng trong nhiều trường hợp, những Đấng cao cả dìu dắt chúng ta vào Hội vì những kiếp trước của ta. Như vậy, các Ngài biết rõ chúng ta trước khi chúng ta biết được một điều gì về các Ngài.

Chon Sur không bao giờ quên một việc gì. Dường như Ngài luôn luôn nhớ rõ bất cứ việc gì xảy đến với Ngài, cho nên khi Ngài đã để mắt nhìn một người nào, đầu là chỉ nhìn thoáng qua, từ khi đó Ngài không bao giờ quên người ấy.

Khi một người gia nhập vào trường bí giáo, thì sợi dây liên lạc được tạo nên, tuy chưa phải là trực tiếp với Chon Sur, nhưng trước hết với vị ngoại trưởng của trường, do sự trung gian của vị này, với đức Thầy của ngài là vị Nội Trưởng.

Sự liên lạc tạo nên với vị ngoại trưởng bằng cách đó, được siết chặt và tăng cường thêm ở mỗi cấp bậc cao hơn của trường. Trong thời kỳ sơ cơ, sự liên lạc ấy hãy còn ít, nhưng nó sẽ rõ rệt hơn ở giai đoạn tuyên thệ của trường, và những người nào bước qua giai đoạn tuyên thệ ở những cấp đẳng cao hơn lại càng tiến đến gần thêm nữa. Điều này được biểu lộ bằng sự tăng cường sợi dây liên lạc nối liền mỗi nhân viên của trường với vị ngoại trưởng, vì người ấy luôn luôn nghĩ đến ngài trong lúc tham thiền. Điều này giúp cho sợi dây liên lạc càng sáng tỏ và chắc chắn.

Vị ngoại trưởng đã trở nên hợp nhất với Sư Phụ ngài; do đó, liên lạc với ngài tức là liên lạc với đức Chon Sur. Những người thuộc về trường bí giáo đều liên lạc bằng cách đó với vị Nội Trưởng của trường là đức Chon Sur Morya, mặc dầu họ thường hoạt động theo đường lối khác hẳn với Ngài và họ sẽ trở nên đệ tử của những vị Chon Sur khác khi họ được thâm nhập vào hàng dự bị. Tuy nhiên trong trường hợp đó, họ cũng sẽ nhận được ân huệ của đức Sư Phụ tương lai của họ xuyên qua những đường lối riêng của mỗi người, vì các Chon Sur tuy ở cách xa nhau về phương diện thể xác, nhưng các Ngài vẫn có một sự giao tiếp

rất chặt chẽ với nhau, do đó liên lạc với một vị Chơn Sư tức là liên lạc với tất cả. Điều này dường như là một sự liên lạc gián tiếp nhưng nó ít phức tạp hơn ta tưởng, vì sự hợp nhứt rất chặt chẽ giữa những Đấng cao cả ở những cõi trên.

Dầu ở giai đoạn đầu của sự liên lạc gián tiếp xuyên qua vị ngoại trưởng như đã kể trên, đức Chơn Sư có thể, nếu Ngài muốn, hành động qua sự trung gian của một sinh viên. Đó là một điều ngoài thói quen của Ngài, vì Ngài ít khi chuyên di thần lực xuyên qua một đường vận hà không được đặc biệt chuẩn bị sẵn. Thật vậy, Chơn Sư ý thức được những hành động của những sinh viên ở trong trường của Ngài. Sự ý thức đó đôi khi được biểu lộ bằng cách gọi một tư tưởng khích lệ cho người thí sinh trong khi người ấy làm công việc nhân danh Ngài. Tôi đã thấy, Ngài từng sử dụng một nhân viên của trường trong khi người này đang diễn thuyết, bằng cách giúp ý kiến để cho y trình bày thêm cho thính giả một khía cạnh mới của vấn đề đang được thuyết trình. Lẽ tất nhiên Ngài thường làm như vậy đối với các đệ tử của Ngài, nhưng Ngài cũng giúp những người khác bằng cách đó.

KHÔNG AI LÀ NGƯỜI BỊ BỎ RƠI

Khi một sinh viên huyền môn đã hiểu rõ tất cả những điều kể trên, y không cần phải hỏi: «Tôi có thể làm gì để cho Chơn Sư chú ý đến tôi?» Y hiểu rằng thật

ra chúng ta không cần phải làm gì để cho Ngài chú ý, và cũng không cần phải lo sợ mình bị bỏ rơi.

Tôi còn nhớ rõ câu chuyện về việc này, những ngày đầu khi tôi mới tiếp xúc với những Đấng cao cả. Tôi có quen một người học lực uyên thâm và đức hạnh rất cao khiết, người ấy hoàn toàn tin tưởng nơi sự hiện diện của các Chơn Sư, và trọn đời chỉ nhắm vào mục đích dọn mình để phụng sự các Ngài. Tôi thấy người ấy hoàn toàn đầy đủ mọi điều kiện để có thể làm đệ tử, và hơn tôi một cách rõ rệt trên nhiều phương diện, tôi không thể hiểu tại sao y chưa được nhìn nhận. Lúc đó tôi mới tập sự trong công việc, hãy còn non nớt và ngây thơ, một hôm, có cơ hội, tôi mạo muội giới thiệu tên y với Chơn Sư, và đề nghị y có thể trở nên khí cụ tốt cho Ngài dùng. Chơn Sư nở một nụ cười khả ái trên gương mặt của Ngài, và nói: «Con không cần sợ người bạn con bị bỏ rơi; không ai có thể bị bỏ rơi, nhưng trong trường hợp này, người bạn con hãy còn một nghiệp quả phải trả cho dứt, nên Ta không thể chấp thuận lời đề nghị của con ngay bây giờ. Không bao lâu người bạn con sẽ từ già cõi trần, và sẽ tái sinh trở lại. Chừng đó khi quả kia đã trả xong, thì ý nguyện của con đối với y mới có thể thực hiện được.»

Kể đó với một sự ưu ái dịu dàng luôn luôn là đặc tánh rõ rệt của Ngài, Ngài hòa lẫn tâm thức của tôi với Ngài một cách mật thiết hơn nữa, và nâng nó lên một cõi giới cao siêu, Ngài chỉ cho tôi thấy các Đấng cao cả nhìn xuống thế gian như thế nào. Toàn thể địa cầu

diễn ra trước mắt chúng tôi với hàng triệu sanh linh, phần nhiều chưa tiến hóa, nên hãy còn lu mờ; nhưng trong rừng người đông đảo đó, nếu có một linh hồn nào tiến lên, dầu rằng hãy còn cách rất xa trình độ mà y có thể được sử dụng, thì linh hồn đó nổi bật lên giữa đám đông cũng như ngọn đèn «pha» chiếu ánh sáng giữa đêm tối vậy.

Lúc ấy Chon Sur nói: «Con có thấy chằng, thật là không thể nào có một người bị bỏ rơi hay quên lãng, dầu cho người ấy hãy còn cách rất xa mục độ mà y có thể được thâm nhận làm đệ tử dự bị.»

Như thế, chúng ta không còn làm cách nào khác hơn là luôn luôn cố gắng sửa đổi tánh tình, và rán sức bằng mọi phương diện, như học hỏi các sách vở đạo lý, tự đào luyện mình, và làm việc phụng sự đời một cách vị tha, để chuẩn bị và dọn đường đi đến sự vinh diệu mà chúng ta hằng ao ước, với một sự quả quyết chắc chắn rằng khi nào ta sẵn sàng thì ta sẽ được nhìn nhận. Nhưng ngày nào ta chưa có thể được sử dụng một cách hữu ích, nghĩa là nếu những hành động của ta không đem lại ít nhất là một kết quả tương xứng với sự giúp đỡ mà ta thụ hưởng, thì Chon Sur không thể nào đem ta lại gần Ngài.

Chúng ta có thể chắc chắn đó là một luật lệ bất di dịch, mặc dầu đôi khi ta thấy có những trường hợp ngoại lệ. Một người có thể được Chon Sur thâm nhận làm đệ tử dự bị trong khi y hãy còn một vài tánh xấu

rõ rệt, nhưng ta có thể chắc rằng trong trường hợp đó, y có những đức tánh tốt ẩn tàng nó vượt trội hẳn rất xa những thói xấu lộ liễu bên ngoài.

Những vị Chơn Sư minh triết đều có, cũng như chúng ta, một dĩ vãng gồm cả bao nhiêu kiếp luân hồi sanh tử, và trong những kiếp đã qua, các Ngài đã tạo những dây duyên nghiệp với một số người. Do đó, đôi khi có những người được các Ngài chiếu cố hơn, vì có lúc họ đã từng giúp đỡ các Ngài trong dĩ vãng xa xăm đó. Khi chúng tôi xem xét những tiền kiếp của một số người, có khi chúng tôi cũng gặp những trường hợp về những nghiệp duyên như thế.

Người nào suy gẫm về Chơn Sư trong con thiên định tạo nên một sợi dây liên lạc rõ rệt với Ngài; người có thần nhãn nhìn thấy sợi dây đó là một đường từ khí sáng rõ. Chơn Sư luôn luôn cảm giác được đường liên lạc đó trong tiềm thức của Ngài, và đáp lại bằng cách phóng một luồng từ điển dồi dào, nó sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến người hành giả trong một thời gian rất lâu sau khi con thiên định đã dứt. Như vậy, sự thực hành môn thiên định một cách có phương pháp sẽ giúp đỡ rất nhiều cho người học đạo, và sự tham thiên một cách đều đều liên tục là một trong những yếu tố chánh sẽ đem lại kết quả. Con thiên định phải được thực hành hằng ngày vào một giờ nhất định, và chúng ta nên kiên nhẫn tiếp tục luôn luôn, dầu cho ta không thấy có kết quả rõ rệt. Nếu ta không thấy kết quả hiển hiện, ta không nên ngã lòng thối chí, vì như thế ta khó

mà tiếp nhận ảnh hưởng của Chon Su, và điều này cũng chỉ rằng chúng ta nghĩ đến mình nhiều hơn là nghĩ đến Ngài.

NHỮNG CHUÔNG NGẠI THÔNG THƯỜNG

Người ta thường viết thơ hỏi tôi: «Tại sao Chon Su không dùng tôi? Tôi luôn luôn sốt sắng và thành tâm đối với Ngài. Tôi muốn được Ngài thấu nhận và dạy dỗ tôi. Tại sao Ngài không nhận?»

Có nhiều lý do tại sao Ngài không nhận. Đôi khi, người hỏi câu đó có một tánh xấu rõ rệt, và đó chính là một lý do xác đáng. Tôi rất tiếc mà nói ngay rằng tánh xấu đó thường là thói kiêu căng. Một người có thể vì quá kiêu căng và tự dối mình đến nỗi y không thể nào thụ huấn được, mặc dầu y tưởng là y có thể.

Trong thế giới văn minh hiện tại, chúng ta thường có một tánh xấu khác, đó là tánh nóng nảy. Một người tốt và xứng đáng có thể có một bộ thần kinh hệ căng thẳng, đó cũng là nguyên nhân y không thể được tiếp xúc một cách gần gũi và thường xuyên với Chon Su. Có khi, thói tọc mạch cũng là một chuông ngại. Có người lấy làm ngạc nhiên mà nghe nói đó là một thói xấu rất lớn. Quả thật vậy, sự tọc mạch muốn biết việc riêng của người khác, nhất là muốn biết đạo căn hay sự phát triển về tâm linh của người khác tới đâu, là một thói xấu. Chon Su quả thật không thể nào đem lại gần Ngài một người có tánh đó.

Một sự chướng ngại khác rất thông thường là tánh dễ giận hờn. Nhiều người thí sinh tánh tình tốt và sốt sắng, nhưng lại dễ hay hờn giận, đến nỗi họ không thể dùng được vào việc gì, bởi vì họ không thể hòa mình với kẻ khác. Họ phải đợi đến khi nào họ tập được tánh dung hòa với hoàn cảnh và cộng tác với bất cứ người nào.

Nhiều người đặt câu hỏi nêu trên, có những chướng ngại về loại đó, và họ không thích nếu có người vạch cho họ thấy tánh xấu của họ. Họ thường không tin họ có tánh xấu đó, và cho rằng người ta lầm; nhưng có đôi khi rất hiếm, họ cũng biết phục thiện. Tôi nhớ có một bà nọ ở một thành phố bên Mỹ, ngày kia đến hỏi tôi: «Tôi có điều gì xấu chẳng? Tại sao tôi không được gần đức Thầy?» Tôi hỏi bà: «Bà có thật muốn biết lý do hay không?» Bà nói quả thật bà muốn biết lắm, và yêu cầu tôi dùng thần nhãn nhìn vào các thể và những tiền kiếp của bà để xem có điều gì khác thường. Tôi làm theo như ý bà muốn và nói: «Nếu thật bà muốn biết, thì đây: bản ngã của bà hãy còn quá lớn. Bà chỉ nghĩ đến mình và không nghĩ bao nhiêu đến công việc phụng sự.»

Lẽ dĩ nhiên, bà ta nổi giận, đứng phắt dậy đi ra ngoài và nói, bà không tin cậy nơi năng khiếu thần nhãn của tôi. Nhưng hai năm sau, bà ta có can đảm trở lại và nói: «Những gì ông nói với tôi năm kia quả thật đúng, và tôi đang cố gắng để sửa đổi lại.»

Câu chuyện này xảy đến với tôi nhiều lần, trường hợp trên là trường hợp duy nhất mà đương sự trở lại và nhìn nhận lỗi của họ.

Tánh vị kỷ cũng là một hình thức của thói kiêu căng, rất thông thường ở thời đại này. Phàm nhon mà chúng ta cấu tạo nên từ nhiều ngàn năm qua, đã trở nên mạnh mẽ; thật là một điều rất khó chế ngự và bắt nó tập thói quen nhìn vào sự vật dưới quan điểm của người khác. Ta phải ra khỏi vòng bản chất của bản ngã, nếu ta muốn đến gần Chơn Sư.

Tuy nhiên, có đôi khi người đặt câu hỏi nêu trên không có một tật xấu nào rõ rệt, và khi nhìn vào họ tôi chỉ có thể nói: Tôi không thấy một lý do nào rõ rệt, một tật xấu nào làm cho huynh bị chướng ngại nhưng huynh phải phát triển đều đặn thêm một ít nữa.

Đó là điều không được ngọt ngào lắm mà ta phải nói với một người khác; nhưng đó là sự thật. Họ chưa phát triển được bao nhiêu, và phải tiến hóa thêm nữa mới xứng đáng được kêu gọi. Thật vậy, đối với công việc phụng sự, muốn có được thái độ của Chơn Sư đòi hỏi, một sức mạnh tinh thần dững mãi, vì ngoài những thói xấu mà chúng ta cần phải sửa đổi, chúng ta còn phải chiến đấu chống lại áp lực của dư luận bên ngoài.

Người nào tự thả trôi theo dòng tiến hóa tự nhiên cũng sẽ đạt được, nhưng trong một tương lai xa xôi, trình độ tiến hóa mà chúng ta đang hoài vọng, chừng

đó sự tiến hóa sẽ được dễ dàng hơn nhiều, vì dư luận quần chúng vào thời kỳ đó hòa hợp với những lý tưởng về đạo đức tâm linh. Hiện nay chúng ta phải chống chọi lại với điều mà người Thiên Chúa giáo gọi là sự «cám dỗ» nghĩa là áp lực nặng nề và thường xuyên của dư luận bên ngoài, vì hàng triệu người chung quanh chúng ta chỉ tưởng nghĩ đến vấn đề riêng tư thuộc về cá nhân của họ. Đương đầu với áp lực đó đòi hỏi sự cố gắng, lòng can đảm và một sự kiên tâm bền chí thật sự. Chúng ta phải thực hiện công việc đó một cách bền bỉ, mặc dầu chúng ta có thể bị thất bại nhiều lần, chúng ta không nên mất lòng tin mà phải đứng dậy để tiến tới luôn luôn.

Thế vía và thế trí của người học đạo phải luôn luôn được biểu lộ bốn hay năm loại tình cảm tốt đẹp và màu sắc rực rỡ như: bác ái, trung thành, thiện cảm, lòng mong ước hiểu biết, v.v...

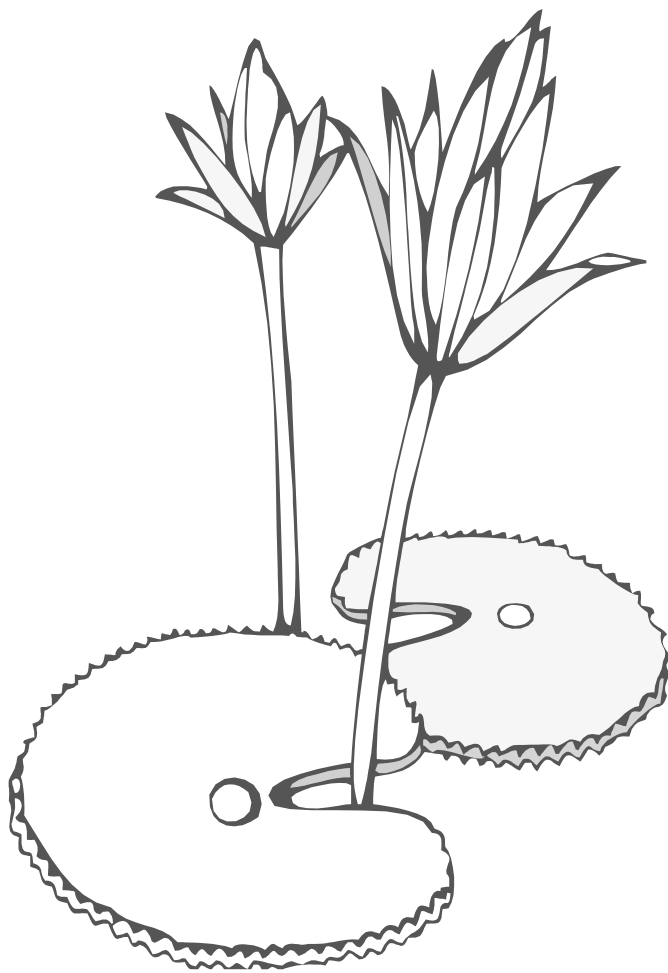
Nhưng thay vì có một vài loại tình cảm cao thượng chiếu những màu sắc đẹp đẽ sáng sủa, người ta thường thấy những thế vía có hàng trăm những vết màu đỏ, màu nâu, xám đen, giống như những vết ghẻ lở trên thế xác, làm cho da mất sự cảm giác của nó. Người thí sinh phải loại trừ những thứ đó, và làm cách nào cho những sự xúc động tình cảm nhỏ nhặt hằng ngày phải được hoàn toàn tiêu diệt và không còn nữa.

PHẢI CÓ SỰ TRUNG THÀNH TUYỆT ĐỐI

Trên đường đạo, không thể có biện pháp lung chùng. Nhiều người thí sinh có thái độ của Ananias và Sapphira trong kinh thánh. Hai người này lúc đầu rất sốt sắng và muốn hiến dâng tất cả tài sản để theo Chúa, nhưng lại nghĩ họ cần phải giữ lại một ít của cải để phòng thân trong trường hợp phong trào Thiên Chúa giáo bị thất bại. Điều này cũng là tự nhiên, không ai có thể trách họ; nhưng có điều không hay và rất thương tổn là họ không chịu nhìn nhận rằng mình đã giữ ít nhiều tiền của, mà lại nói rằng họ đã cho hết. Hiện thời có nhiều người cũng đã theo gương của họ. Tuy nhiên tôi hy vọng rằng câu chuyện này không có thật, vì chắc chắn là Chúa rất nghiêm khắc đối với họ.

Chúng ta không hiến dâng tất cả, nhưng còn giữ lại ít nhiều – tôi không nói là giữ lại tiền của, nhưng giữ lại một vài tư tưởng thầm kín riêng tư của mình – điều này làm cho ta bị ngăn cách với Chơn Sư. Trên đường huyền môn, không thể có sự phân hai như vậy. Chúng ta phải theo Chơn Sư một cách tuyệt đối, và không nên nghĩ: «Tôi sẽ theo Chơn Sư nếu Ngài đừng bắt buộc tôi phải làm việc chung với người nọ hay người kia; tôi sẽ theo Ngài với điều kiện là những việc của tôi làm phải được nhìn nhận và tuyên dương cho mọi người biết!» Chúng ta không nên đặt điều kiện. Điều ấy không có nghĩa là chúng ta phải từ bỏ những bốn phạm hạnh ngày của chúng ta ở thế gian, mà chỉ có nghĩa là chúng

ta phải đặt mình trọn vẹn dưới sự điều dụng của Chơn Sư. Chúng ta phải sẵn sàng từ bỏ bất cứ vật gì, đi đến bất cứ nơi nào, không phải đó là một sự thử thách, mà bởi vì công việc phụng sự là điều tối quan trọng mà ta yêu quý nhất trong đời chúng ta.



CHƯƠNG 4

THỜI KỲ DỰ BỊ

CHIẾC HÌNH NỘM

Chính trong hàng ngũ những sinh viên sốt sắng và hoạt động, những người chúng tôi vừa kể trên, nhiều khi Chon Sur chọn lựa đệ tử của Ngài. Nhưng trước khi thụ nhận đệ tử một cách vĩnh viễn, Ngài có những biện pháp cẩn phòng đặc biệt để biết chắc đó thật là những vị đệ tử mà Ngài có thể tiếp xúc một cách mật thiết. Đó là mục đích của giai đoạn gọi là dự bị (probation). Khi Chon Sur xét đoán người nào có thể làm đệ tử tương lai, Ngài thường hướng dẫn một vị đệ tử cao cấp đã có liên lạc chặt chẽ với Ngài, hãy đưa người thí sinh đến với Ngài bằng thể vía của y. Bước đầu này, thường không có một lễ nghi nào phiền phức. Chon Sur chỉ cho vài lời khuyên bảo, cho người thí sinh biết họ có triển vọng như thế nào, với lòng ưu ái mà Ngài vẫn thường có, Ngài có thể tìm những lý do để khen ngợi thí sinh về công việc mà y đã làm.

Khi đó Ngài tạo hình ảnh cái hào quang của người thí sinh; nói cách khác, Ngài dùng chất thanh khí trong các cõi thượng giới, trung giới và chất dĩ thái hồng trần để tạo nên một chiếc hình nộm đúng theo khuôn mẫu các thể thượng trí, hạ trí và thể phách của người thí sinh, và giữ hình nộm đó ở gần bên Ngài để

có thể quan sát từng kỳ hạn. Chiếc hình nộm đó được nối liền với đương sự bằng từ điển, để mọi sự thay đổi về tư tưởng hay tình cảm của người này đều biểu lộ rõ rệt trên hình nộm bằng sự rung động từ khí. Do đó, khi chỉ nhìn vào hình nộm, Chon Sur có thể thấy ngay, từ khi Ngài nhìn vào đó lần cuối cùng, đến nay đã có những sự thay đổi nào trong các thể của người thí sinh. Thí dụ như Ngài thấy thí sinh đã mất bình tĩnh trong tâm hồn, hoặc đã có những tư tưởng tham dục, hoặc bị cơn phiền muộn lo âu dày dò, hoặc ngã lòng rún chí, hay bị những sự khủng hoảng tương tự như thế. Chỉ khi nào Ngài nhận thấy trong một thời kỳ khá lâu, không có sự biến động quan trọng nào diễn ra trong các thể của người thí sinh, do cái hình nộm làm tiêu biểu, thì Chon Sur mới để cho người ấy được tiếp xúc mật thiết hơn với Ngài.

Khi thí sinh được thâm nhận, thì y được hợp nhứt với Chon Sur một cách mật thiết hơn là người ta có thể tưởng tượng. Chùng đó Chon Sur hòa lẫn hào quang của người đệ tử với hào quang của Ngài, nhờ đó thần lực của Ngài có thể ảnh hưởng thường xuyên đến người đệ tử mà không cần có sự chú ý đặc biệt của Ngài. Nhưng sự liên lạc mật thiết như thế không thể hành động theo một chiều: nếu người đệ tử có những rung động phản ứng đến Chon Sur có thể làm xáo trộn các thể vía và thể trí của Ngài thì sự hòa hợp nói trên không thể thực hiện được. Trong trường hợp đó, người thí sinh phải đợi đến khi nào y loại trừ được

những sự rung động đó. Người đệ tử dự bị không phải đương nhiên tốt lành hơn những người khác không được vào hàng dự bị. Y chỉ có khả năng hơn dưới những khía cạnh nào đó trong công việc của Chon Su, và cần phải được đặt dưới sự thử thách của thế gian. Thật vậy, có nhiều người đầy lòng hứng khởi và quá sốt sắng trong việc phụng sự, lúc đầu dường như có nhiều hứa hẹn trong tương lai, nhưng sau một thời gian, họ mệt mỏi, chán nản và rút lui. Người thí sinh phải chiến thắng mọi sự yếu ớt về tình cảm mà y có thể có, và tiếp tục bền chí phụng sự cho đến khi y có đầy đủ đức tánh yên tịnh và tinh khiết. Sau một thời kỳ lâu dài, khi nào thấy không còn một sự xáo trộn quan trọng nào trong chiếc hình nộm của y, thì Chon Su có thể nhận định rằng đó là lúc mà Ngài có thể đem người đệ tử đến gần Ngài hơn.

Ta không nên tưởng, cái hình nộm đó chỉ ghi nhận những thói xấu hay những sự xáo trộn trong tâm hồn của đương sự mà thôi, nó phản ảnh toàn thể trạng thái tâm thức trong thể vía và thể trí của người thí sinh. Do đó, nó cũng ghi nhận những sự thiện cảm và vui vẻ, và chiếu diệu sự bằng an cùng sự tốt lành khắp thế gian. Ta không nên quên một tấm lòng tốt thụ động cũng chưa đủ, mà sự tốt lành tích cực cũng cần thiết cho sự tiến bộ. Không làm điều gì ác, đó đã là nhiều lắm; nhưng ta nên nhớ kinh sách chép rằng đức Chúa ngày xưa «đi đến đâu, Ngài cũng gieo rắc điều lành đến đó.»

Khi người đệ tử dự bị làm một điều thiện phi thường thì ngay tức khắc Chon Sur chú ý đến y nhiều hơn, và nếu cần, Ngài có thể gửi đến cho y một luồng tư tưởng khích lệ, hoặc đưa đến cho y một công việc để xem y làm việc đó như thế nào. Tuy thế, Ngài thường giao sự thử thách đó cho một vị đệ tử cao niên hơn xem xét. Người ta nghĩ rằng chúng tôi đưa đến cho người thí sinh những cơ hội để hành động. Đó tức là đảm nhận lấy một trọng trách, vì nếu người thí sinh biết nhận lấy cơ hội phụng sự, thì rất tốt; còn nếu y bỏ lỡ dịp, thì đó sẽ là một điểm xấu cho y. Chúng tôi thường muốn đưa đến nhiều cơ hội cho các thí sinh, nhưng chúng tôi hằng do dự, vì mặc dầu họ có thể nhờ đó mà được điểm tốt; nhưng nếu họ bỏ lỡ cơ hội, thì công việc của họ về sau này sẽ trở nên khó khăn hơn. Bởi đó, sợi dây liên lạc giữa đệ tử với Chon Sur có tác dụng là nhờ nó thỉnh thoảng đức Thầy có thể quan sát và sử dụng người đệ tử.

Thông thường, các Chon Sur không dùng những cách thử thách quá đặc biệt hay khó khăn. Khi một người được vào hàng dự bị, thì người ta để cho y theo đuổi những sinh hoạt bình thường của đời sống hằng ngày. Sự phản ứng của y đối với những thử thách và những vấn đề phức tạp của đời sống hằng ngày (điều này được phản chiếu do chiếc hình nộm của y), sẽ chứng minh một cách đầy đủ về tánh tình và sự tiến bộ của y đến mức nào. Do sự quan sát đó, khi Chon Sur kết luận thí sinh có đủ điều kiện, thì Ngài đem y lại

gần Ngài và thấu nhận y. Đôi khi một vài tuần lễ cũng đủ đưa đến quyết định đó, có những trường hợp khác, thời kỳ dự bị kéo dài đến nhiều năm.

NHỮNG ĐỆ TỬ DỰ BỊ TRẺ TUỔI

Vì tánh cách đặc biệt của thời buổi hiện tại, có nhiều thanh niên trẻ tuổi đã được vào hàng đệ tử dự bị trong vòng những năm vừa qua. Điều này làm cho những bậc phụ huynh của họ, cũng như một số hội viên cao niên của Hội Thông Thiên Học lấy làm ngạc nhiên, mặc dầu họ đã hy sinh và phụng sự một cách chân thành suốt 20 năm, hoặc có khi đến 30, 40 năm, họ vẫn không được kêu gọi, trong khi đó có những thanh thiếu niên lại được chọn. Việc ấy có thể được giải đáp một cách dễ dàng.

Vì lẽ các huynh đã phụng sự suốt thời gian nêu trên để tự dọn mình và tạo nên nghiệp tốt, và chính vì lẽ ấy các huynh là những hội viên tốt và kỳ cựu của Hội Thông Thiên Học, nên các huynh đã hấp dẫn một vài linh hồn tiến hóa cao trong nhiều kiếp đã qua, và trong kiếp này, những linh hồn đó đầu thai vào làm con của các huynh. Như vậy chư huynh không nên ngạc nhiên nếu đôi khi chư huynh thấy những con cái của chư huynh ở cõi phàm, lại là những người tiến hóa nhiều hơn chư huynh trên những cõi giới cao hơn. Chư huynh không nên ngạc nhiên nếu một vị thanh niên hay thiếu nữ, con cái của chư huynh, có sự liên lạc

mật thiết với Chon Sư, điều mà chư huynh chưa bao giờ dám nghĩ đến cho thân phận mình, mặc dù chư huynh đã có nhiều năm thiên định suy tư và phụng sự khó nhọc. Rất có thể con cái của chư huynh có khả năng vượt lên trên chư huynh rất xa, chính vì lẽ đó, sự nuôi dưỡng và giáo dục các linh hồn đó được giao phó cho chư huynh đảm nhiệm, vì chư huynh đã học hỏi và phụng sự nhiều năm trên đường đạo.

Trong thời kỳ học đạo, chư huynh đã biết thế nào là làm những bậc phụ huynh lý tưởng, tức là những người cha mẹ cần thiết cho xác thân của một linh hồn tiến hóa.

Như thế, thay vì băn khoăn hay ngạc nhiên, chư huynh nên lấy làm vinh hạnh và vui mừng mà được ơn trên nhìn nhận như là xứng đáng để diu dắt cuộc đời của những người sau này sẽ có mặt trong hàng những Đấng cứu thế.

Có lẽ chư huynh tự hỏi, làm thế nào những thanh thiếu niên đó có thể nhận thức được sự vinh hạnh cao cả, sự lộng lẫy huy hoàng những gì xảy đến cho họ. Ta không nên quên rằng chính Chon Nhon (hay linh hồn) được điếm đạo, chính linh hồn được thâu nhận làm đệ tử. Quả thật Chon Nhon phải kiểm soát và chế ngự các hạ thể đến một mức độ làm biểu lộ được rất nhiều những đặc tính của nó, để cho ít nhất chúng sẽ không làm chướng ngại trong việc phụng sự. Chính linh hồn sẽ phải làm việc phụng sự đó và sẽ tiến bộ, chư huynh

không biết được nó đã thực hiện được bao nhiêu công trình và tiến bộ trong những kiếp đã qua. Nhiều linh hồn xuống đầu thai trong thời hiện tại là những linh hồn tiến hóa rất cao; thành phần nhóm đệ tử phụ tá đức Chương Giáo khi Ngài lâm phàm, sẽ gồm toàn những linh hồn đó. Những vị nào làm đệ tử sớm trong kiếp này có thể đã làm đệ tử nhiều năm trong một kiếp quá khứ. Cái vinh hạnh lớn nhất cho những người trưởng niên như chúng ta, là được có sự liên lạc với những vị đệ tử trẻ tuổi, nhờ đó chúng ta có thể xúc tiến công việc của Chơn Sư trên thế gian bằng cách huấn luyện những vị trẻ tuổi ấy để cho họ biết cách phụng sự một cách hoàn hảo.

Trong quyển «Khía cạnh huyền bí của Sự Vật,» đoạn nói về cách đối xử với trẻ con, tôi có trình bày rất dài về cách giáo dục trẻ con để cho chúng có thể duy trì những đức tánh tốt mà chúng đã đem lại từ những kiếp quá khứ và phát triển trọn vẹn những điểm tốt lành của chúng, thường hay bị phá hoại bởi những người lớn không hiểu biết. Trong đoạn đó, tôi có nói về những hậu quả tai hại của sự sợ hãi do sự tàn nhẫn và độc ác gây nên. Về vấn đề này, tôi xin kể thêm sau đây một chuyện kinh nghiệm nó chỉ cho ta thấy những kết quả vô cùng thảm khốc của sự độc ác đối với trẻ con. Những người làm cha mẹ có con đến tuổi đi học nên cẩn thận và thăm dò kỹ lưỡng trước khi giao phó các em cho một thầy giáo hay nhà trường, để tránh một sự

tàn nhân gây ra cho các em mà họ có trách nhiệm chăm nom săn sóc.

HẬU QUẢ CỦA SỰ TÀN NHÂN ĐỐI VỚI TRẺ CON

Cách đây không lâu, tôi chú ý đặc biệt đến một trường hợp khá sôi nổi về những tai họa mà sự tàn nhân có thể gây nên. Thuở ấy tôi được hân hạnh dự vào cuộc điểm đạo của một hội viên trẻ tuổi; vị chủ tọa cuộc lễ điểm đạo lúc ấy là đức Di Lạc Bồ Tát. Trong cuộc lễ, theo lệ thường, người thí sinh phải trả lời nhiều câu hỏi về phương pháp hiệu quả nhất để giúp đỡ trong những trường hợp khó khăn hay bất thường. Ngoài ra, còn có thêm một câu hỏi đặc biệt về việc y có bằng lòng tha thứ và giúp đỡ một người kia hay không, vì người này đã từng đối xử tàn nhân và độc ác với y hồi y còn nhỏ.

Vị chủ tọa tạo một chiếc hình nộm bằng hào quang của người đệ tử, với những điểm ánh sáng nhỏ màu sắc rất thanh bai đẹp đẽ, khi thì hiện rõ trên mặt hào quang, khi thì lặn xuống mất dạng, và Ngài nói: «Những điểm sáng này là những mầm đức tánh cao thượng quý báu nhất của con người, chỉ có thể phát triển trong một bầu không khí thương yêu đậm đà và tinh khiết nhất, không một mảy may sợ hãi hay đổ kỵ. Người nào có thể phát triển và tăng cường những đức

tánh đó một cách đầy đủ hoàn toàn, có thể đạt đến quả vị Chon Tiên trong kiếp này. Đó là quả vị mà chúng ta đã hy vọng dành cho con, để khi con thành một vị Chon Tiên con có thể cùng hợp tác với Ta khi Ta lâm phạm; nhưng những kẻ có trách nhiệm săn sóc con lại để cho con rơi vào tay của một người hoàn toàn không xứng đáng. Đây là hào quang của con trước khi con bị đối xử một cách tàn nhẫn. Bây giờ ta hãy thử xem sự tàn nhẫn độc ác của người kia đã làm cho con trở nên như thế nào!»

Khi đó, cái hào quang thay đổi, vắn vẹo một cách rất xấu xa, khi nó trở lại bình thường như cũ, thì tất cả những điểm ánh sáng màu sắc tốt đẹp đều biến mất, thay vào đó là vô số những vết thẹo nhỏ. Đức Bồ Tát giải thích hậu quả tai hại đó không thể nào xóa bỏ được trong kiếp này, và Ngài nói: «Tuy thế, con cũng sẽ phụ trách với Ta khi Ta xuống trần, và Ta hy vọng trong kiếp này con sẽ đạt quả vị La Hán, nhưng còn quả vị cuối cùng, con phải chờ đợi ít lâu nữa. Theo ý Ta tưởng, không có tội ác nào lớn hơn là ngăn chặn sự tiến hóa của một linh hồn, như trong trường hợp này.»

Khi người thí sinh nhìn thấy hào quang của y vắn vẹo và teo lại, và thấy tất cả những triển vọng tốt đẹp của y bị hủy hoại một cách đau thương do bởi sự tàn ác của người kia, thì trong một lúc y nhớ lại cảm giác mà y đã có từ lúc nhỏ: sự đau khổ của một đứa trẻ lìa xa gia đình, sự sợ hãi lo âu vô bờ bến, cảm giác bị đàn áp một cách trắng trợn mà không sao thoát khỏi, sự bất

lực hoàn toàn dưới ách thống trị của một kẻ tàn nhẫn, độc ác, bất công, một hoàn cảnh tuyệt vọng, không ai che chở, không thể kêu thấu trời. Khi đó, tôi nhìn thấy rõ những cảm giác này trong tư tưởng của thí sinh, tôi mới hiểu rõ thảm trạng của y lúc thiếu thời, và hiểu lý do vì sao những hậu quả tai hại kia có ảnh hưởng sâu rộng như thế.

Không phải chỉ khi nào một linh hồn gần đắc quả Chơn Tiên, thì sự tàn nhẫn độc ác kia mới ngăn chặn sự tiến hóa của y. Tất cả những đức tánh cao thượng, mới mẻ, mà giống dân Aryan sẽ biểu lộ trong thời đại này, đều hiện trong hào quang con người, như những mầm non chiếu ánh sáng với màu sắc thanh bai tốt đẹp tương tự, mặc dầu ở trình độ thấp hơn thí dụ kẻ trên. Trong hàng ngàn trường hợp, những mầm đức tánh đó bị giày xéo tàn nhẫn do sự độc ác của người làm cha mẹ hay thầy giáo, hoặc do sự hiếp đáp tàn nhẫn của những đứa trẻ lớn hơn trong một trường học nội trú, làm cho nhiều kẻ tốt lành bị ngưng trệ không tiến lên được trong nhiều kiếp, còn những kẻ thủ phạm đã hành hạ họ sẽ bị sa đọa và đầu thai vào những giống dân thấp kém hơn. Có nhiều linh hồn đầu thai xuống trần hiện nay, mặc dầu hãy còn cách xa trình độ điểm đạo, nhưng họ phát triển mau chóng, và cần biểu lộ thêm nhiều đức tánh mới mẻ hơn nữa, cho nên sự tàn nhẫn cũng có ảnh hưởng tai hại đối với sự tiến hóa của họ.

Trước khi xảy ra trường hợp kể trên, tôi chưa nghe nói kiếp sống cuối cùng ở thế gian của một vị đắc quả Chơn Tiên phải có những hoàn cảnh chung quanh hoàn toàn thuận tiện trong lúc còn nhỏ; nhưng khi mới nghe, thì ta thấy ngay điều đó rất hợp lý. Có lẽ đó là một lý do vì sao ít có người đắc quả Chơn Tiên trong thế xác người Âu, vì về điểm này, người Âu Châu hãy còn kém xa những dân tộc khác trên thế giới. Dầu sao, người ta cũng thấy rõ thói quen tàn nhẫn độc ác chỉ có thể gây nên những điều hậu quả tai hại mà thôi. Bởi đó, những hội viên chúng ta nên cố gắng làm cách nào để diệt trừ thói độc ác, và như tôi đã nói ở trên, hãy vô cùng cẩn thận để không có một đứa trẻ con nào mà họ có trách nhiệm chăm nom săn sóc, phải chịu những điều tệ hại do sự độc ác gây nên.

BẬC THẦY CỦA NHÂN LOẠI

Đức Di Lạc Bồ Tát thường được gọi là vị Tôn Sư của chư thiên và của nhân loại. Nói cách khác, trong cõi giới tâm linh, Ngài là đấng Chương Giáo, coi sóc về phần tôn giáo và giáo dục cho thế gian. Không những trong các giai đoạn lịch sử, khi nào Ngài nhận thấy đã đúng lúc, Ngài tự mình chuyên kiếp xuống trần, hoặc sai một vị đệ tử xuống thế để trình bày chân lý dưới một phương diện mới, mà ta thường gọi là để «thiết lập một tôn giáo mới» ở thế gian. Ngoài ra, Ngài còn luôn luôn coi sóc tất cả các tôn giáo; tất cả những gì

mới mẻ và tốt đẹp thuộc về bất cứ một tôn giáo nào, đều là mới hay cũ, đều là do ân huệ của Ngài ban xuống.

Chúng ta biết rất ít về những phương pháp mà Ngài đã dùng để dạy dỗ nhân loại trên thế gian. Có nhiều cách giáo hóa không dùng đến văn tự, mà chính là sự cố gắng thường xuyên và hằng ngày của Ngài làm nâng cao những quan niệm trí thức của hàng triệu sanh linh, gồm cả thiên thần và người.

Cánh tay mặt của Ngài trong công việc vĩ đại đó là Chon Sur Kuthumi, là vị đệ tử của Ngài và sẽ kế nghiệp Ngài sau này, cũng như đức Chon Sur Morya là vị phụ tá và sẽ kế nghiệp đức Bàn Cổ Vaivasvata. Vì đức Chon Sur Kuthumi là vị Thầy lý tưởng nên chúng tôi phải trình cho Ngài những vị đệ tử dự bị hoặc chánh thức được thụ nhận khi còn trẻ tuổi. Có thể về sau này họ sẽ phụng sự các Chon Sur khác trong những công việc khác, nhưng trong tất cả, và hầu hết mọi trường hợp, họ bắt buộc phải trải qua thời kỳ sơ cơ dưới sự dìu dắt của Chon Sur Kuthumi.

Một phần việc làm của tôi từ nhiều năm nay là dìu dắt vào đường đạo mọi vị đệ tử trẻ tuổi mà Chon Sur thấy có nhiều triển vọng. Ngài giao họ cho tôi tiếp xúc ở cõi trần, thường thường Ngài cho tôi chỉ thị về cách dạy dỗ họ, cùng những đức tánh mà họ cần phát triển. Dĩ nhiên, với sự minh triết vô biên, Ngài đối xử với những vị trẻ tuổi đó không hẳn giống như đối

với những vị cao niên hơn. Tôi xin thuật lại dưới đây câu chuyện thâm nhận 3 người thí sinh trẻ tuổi vào hàng đệ tử dự bị.

VÀO HÀNG DỰ BỊ

Chúng tôi gặp Chon Sư Kuthumi ngồi dưới hàng ba nhà Ngài và khi tôi trình diện với Ngài những người thí sinh trẻ tuổi, thì Ngài đưa tay ra cho họ. Người thứ nhất trong nhóm quì một gối xuống đất, hôn bàn tay đức Thầy và kể từ khi đó, y vẫn quì luôn và nép vào đầu gối của đức Thầy. Hai người kia nhìn vào đức Thầy, và đặt hết linh hồn của họ vào cái nhìn đó. Đức Thầy mỉm cười và nói:

«Ta tiếp các con với một sự vui đặc biệt. Tất cả các con đều đã hợp tác với Ta trong quá khứ, Ta hy vọng rằng các con cũng sẽ làm như vậy trong kiếp này. Ta cần dùng các con trong hàng ngũ của Ta trước khi đức Chương Giáo lâm phạm, vì thế nên Ta chăm sóc các con khi còn nhỏ. Các con hãy nhớ công việc mà các con muốn gánh vác là điều tốt đẹp huy hoàng nhất trong tất cả mọi công việc; nhưng nó không phải dễ, vì các con còn phải hoàn toàn chế ngự những thể của các con. Các con phải tự quên mình trọn vẹn, chỉ sống cho hạnh phúc của kẻ khác và cho công việc phụng sự mà chúng ta cần phải làm.»

Rồi Ngài đưa tay nựng dưới cằm của người thí sinh đang quì và nói với một nụ cười rất đẹp: «Các con có làm được như vậy không?»

Tất cả đều trả lời rằng họ sẽ cố gắng, kể đến đức Thầy ban cho mỗi thí sinh vài lời khuyên bảo quý báu và hỏi riêng từng người: «Con có muốn làm việc phụng sự thế gian dưới sự hướng dẫn của Ta chăng?» Mỗi người đều đáp rằng: «Con muốn.»

Kế đó, Ngài đem người thứ nhứt lại gần, người này lại quì như trước, Ngài đặt hai bàn tay trên đầu y và nói:

«Kể từ lúc này, Ta nhận con làm đệ tử dự bị, và hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa Ta với con sẽ có sự liên lạc mật thiết hơn. Vậy ta ban ân huệ cho con để con có thể chuyển ân huệ cho kẻ khác.»

Trong khi Ngài nói, thì hào quang của người thiếu niên nở lớn thêm gấp bội, những màu sắc của lòng bác ái và sùng tín chói sáng với rất nhiều sinh khí. Thiếu niên ấy nói:

«Bạch Sư Phụ, xin Ngài hãy làm cho con trở nên tốt lành, và xứng đáng để phụng sự Ngài.»

Nhưng đức Thầy mỉm cười:

«Chỉ có con mới làm được điều đó, nhưng sự giúp đỡ và ân huệ của Ta sẽ luôn luôn đến với con.»

Rồi Ngài đem hai người thiếu niên kia lại gần và hành lễ giản dị cho riêng mỗi người. Những hào quang của họ nở lớn thêm, trở nên vững chắc hơn và đều đặn hơn trong khi họ đáp lại lời dạy của Chon Sur bằng sự phản ứng tốt đẹp trong tâm hồn.

Sau đó, đức Thầy đứng dậy và nói với những thí sinh:

«Các con hãy theo Ta và xem Ta làm cái này. Chúng tôi tập hợp lại và cùng nhau đi xuống con đường mòn đưa đến chiếc cầu bắc qua dòng suối. Chon Sur đưa chúng tôi xuống hầm và chỉ cho các người thiếu niên thấy những hình nộm của tất cả những đệ tử dự bị, rồi Ngài nói:

«Bây giờ, Ta sẽ làm hình nộm của các con.

Ngài tạo ra những hình nộm ấy ngay trước mắt họ, và họ tỏ ra rất chú ý. Một người trong nhóm bèn nói với một giọng kính cẩn và sợ hãi: «Con giống như vậy sao?»

Trong một hình nộm, có một tia sáng màu đỏ; đức Thầy bèn nhìn vào đương sự và hỏi: «Cái gì đây?»

Người thiếu niên đáp: «Dạ con không biết;» nhưng tôi nghĩ y đã đoán được rồi, vì đó là kết quả một sự cảm xúc căng thẳng trong đêm vừa qua. Đức Thầy chỉ cho 3 người đệ tử mới thấy những màu sắc và sự thay đổi trong các hào quang; dạy cho họ biết ý nghĩa của mỗi thứ và thứ nào Ngài muốn họ phải thay

đôi. Ngài cho họ biết Ngài sẽ nhìn vào những hình nộm của họ mỗi ngày để xem họ đã tiến bộ như thế nào, và Ngài hy vọng sẽ thấy họ thay đổi cách nào để cho những hình nộm ấy có những màu sắc đẹp dễ dễ coi.

Kế đó, Ngài ban cho họ một ân huệ cuối cùng.

* * *

Trong trường hợp những thí sinh dự bị là những người lớn tuổi hơn, thì phần nhiều họ phải tự tìm lấy công việc phụng sự thích hợp nhất với họ; còn đối với những thí sinh trẻ tuổi thì có khi Chơn Sư đưa đến cho họ một công việc nhất định và xem y làm công việc ấy như thế nào. Đôi khi Ngài cũng chiếu cố đến họ, và gửi đến cho họ những lời khích lệ cùng những lời dạy bảo đặc biệt.

Để giúp đỡ những thí sinh trẻ tuổi khác muốn bước vào đường đạo; chúng tôi xin trích ra dưới đây một vài đoạn trong những bức thông điệp dạy bảo của Chơn Sư.

LỜI DẠY BẢO CỦA CHƠN SƯ

Trường hợp A. –

«Ta biết rằng mục đích duy nhất của đời con là phụng sự Hội Quần Tiên. Tuy nhiên, con chớ quên rằng trước mặt con còn có nhiều nấc thang cao hơn mà con phải vượt qua, và sự tiến bộ trên đường đạo đời

hỏi một sự thức tỉnh và cảnh giác luôn luôn không ngừng, không những con phải luôn luôn sẵn sàng phụng sự, mà con còn phải tự tìm ra những cơ hội, hoặc tạo nên những cơ hội để phụng sự trong những công việc nhỏ, để con sẽ không bỏ lỡ những cơ hội lớn hơn khi nó đến.

«Con đừng bao giờ quên sự liên hệ của con với đường đạo nhiệm mầu; đối với con, nó phải là một nguồn cảm hứng luôn luôn sẵn sàng bên mình, không những để làm tắt khiên chống lại những tư tưởng vô ích, nó lớn vồn ở chung quanh chúng ta, mà còn là một sự kích thích thường xuyên cho sự hoạt động tâm linh. Những điều vô ích và nhỏ mọn của đời sống hằng ngày phải là những điều «không thể được» đối với con, mặc dầu nó không phải là quá tầm hiểu biết và thông cảm của chúng ta. Sự an lạc tuyệt vời của quả vị Chơn Tiên tuy chưa đến với con, nhưng con nên nhớ rằng con vẫn là một với những Đấng cao cả hiện đang sống cuộc đời siêu việt đó. Con là người đem gieo rắc ánh sáng của các Ngài cho thế gian, bởi đó con cũng phải là những ngôi mặt trời xán lạn ban rải tình bác ái và nguồn vui ở cõi trần. Thế gian có thể không hiểu biết, không thông cảm, nhưng bốn phận của con là phải làm những việc phi thường.

«Con chớ có nghỉ ngơi và tự mãn với những thành tích mà con đã có hiện thời; con còn phải đạt tới nhiều bậc cao hơn nữa. Con chớ quên phát triển phần trí huệ, nhưng đồng thời cũng phải tăng trưởng thêm

các đức tính thiện cảm, ưu ái, và khoan dung. Mỗi người phải biết rằng người khác có những quan điểm khác hẳn với chúng ta và cũng cần được chú ý như của ta. Mọi lời nói nặng nề hay thô bỉ, mọi khuynh hướng hay cãi lý, đôi co đều phải được loại trừ một cách tuyệt đối. Người nào hay có tánh đó, phải đè nén nó ngay khi nó vừa nổi dậy; y phải nói ít và luôn luôn nói một cách thanh bai và có lễ độ.

Con chớ khi nào mở miệng nói mà không nghĩ trước rằng điều con muốn nói có dễ thương và hữu lý hay không. Người nào cố gắng tập lấy lòng bác ái, sẽ thoát khỏi nhiều điều lầm lạc. Lòng bác ái là đức tính tối thượng, không có nó thì những đức tính khác chẳng qua chỉ là «tưới nước trên bãi sa mạc.»

«Những tư tưởng và dục tình xấu xa phải được hoàn toàn dứt bỏ; con phải chiến thắng chúng nó cho đến khi nào nó không còn trở lại với con được nữa. Những cơn nóng giận làm xao động biển tâm thức yên lặng của Hội Quần Tiên. Sự kiêu căng phải được loại bỏ, vì nó là một chướng ngại lớn cho sự tiến bộ. Con cần phải có một sự hoàn toàn tế nhị trong tư tưởng và lời nói; đó là hương vị của sự khôn khéo bất thiệp nó không bao giờ làm đụng chạm hay mất lòng kẻ khác. Những điều đó tuy khó thực hiện, nhưng nếu con muốn, con sẽ đạt được.

«Công việc phụng sự là việc làm nhứt định, chớ không phải sự vui chơi, phải là mục đích của con. Con

hãy nghĩ tới, không phải điều gì con muốn làm, mà những điều gì con có thể làm để giúp đỡ người khác; con hãy tự quên mình và chú ý đến kẻ khác. Một vị đệ tử phải tốt lành, sốt sắng và hay giúp đỡ, không phải chỉ một đôi khi, nhưng bất cứ lúc nào cũng vậy. Con hãy nhớ rằng giờ phút nào mà con không dùng để phụng sự hoặc để dọn mình cho công việc phụng sự, đều là thời gian lãng phí đối với chúng ta.

Khi nào con tự xét thấy có những thói xấu hèn hòi, con hãy có can đảm tự sửa chữa một cách cương quyết. Với sự kiên nhẫn, con sẽ thành công, vì đó là vấn đề ý chí. Con chớ bỏ lỡ những cơ hội và những lời khuyên bảo tốt; con hãy trở nên một kẻ có đầy năng lực. Ta luôn luôn sẵn sàng để giúp đỡ con; nhưng Ta không thể làm công việc thế cho con; sự cố gắng phải do tự con mà ra. Con hãy làm mọi việc hằng ngày cho được chu đáo và sống một cuộc đời hoàn toàn trung kiên với lý tưởng phụng sự.»



Trường hợp B. –

«Cho tới nay con đã xử sự đúng đắn, nhưng Ta muốn cho con làm hay hơn thế nữa. Ta đã thử thách con bằng cách đưa đến cho con những cơ hội giúp đỡ, và cho đến nay, con đã thi hành đúng đắn. Từ nay Ta sẽ đưa đến cho con nhiều cơ hội quan trọng hơn, và sự tiến bộ của con sẽ tùy nơi cách mà con nhìn nhận và sử dụng những cơ hội đó. Con hãy nhớ phần thưởng cho

một công việc hoàn thành mỹ mãn, là cơ hội đưa đến nhiều công việc hơn nữa, và sự trung thành trong những công việc nhỏ sẽ đưa đến những cơ hội phụng sự lớn lao quan trọng hơn. Ta hy vọng có thể đem con đến gần Ta hơn một ngày gần đây, để con có thể giúp đỡ những đồng loại của con cùng đi trên đường đạo đưa đến Chơn Sư. Con hãy biết ơn Bề Trên đã cho con có một khả năng thương yêu rộng lớn, biết gieo rắc ánh sáng trên thế gian, ban rải điều lành và làm việc thiện một cách dồi dào không tiếc thân. Điều đó rất tốt, nhưng con hãy coi chừng trong cái bông hoa bác ái đó có ẩn một đốm nhỏ kiêu căng, cũng như trong một cái bông có một đốm đen nó sẽ lớn dần dần làm hư cả cái bông. Một vị Chơn Sư có nói: «Con hãy khiêm tốn nếu con muốn đạt được sự minh triết; khi con đã đạt được sự minh triết rồi thì con lại càng phải khiêm tốn hơn nữa.» Con hãy nuôi lấy đức tánh khiêm nhường đó cho đến khi nào nó hoàn toàn thấm nhuần khắp cả mọi thớ thịt trong người của con.

«Khi con cố gắng tiến đến sự hợp nhất, thì chưa phải là đủ để hấp dẫn kẻ khác lại với mình và bao trùm họ với cái hào quang của con để làm cho họ hợp nhất với con. Làm được điều đó tất nhiên đã là nhiều lắm, tuy nhiên con còn phải tiến xa hơn nữa. Con hãy tự đặt mình ở vị trí của họ, đi sâu vào tận đáy lòng của họ và thông cảm với họ. Làm điều đó không phải với sự tọc mạch, vì quả tim của một huynh đệ là một chỗ vừa kín đáo vừa thiêng liêng, không nên bươi móc

hoặc đem ra phê bình. Trái lại, con hãy cố gắng tìm hiểu, thông cảm, và cứu giúp. Chỉ trích kẻ khác theo quan điểm riêng của mình là một điều rất dễ, nhưng hiểu biết và thương yêu họ mới là khó hơn, và đó chính là phương tiện duy nhất để đem họ lại gần mình. Ta muốn cho con tiến bộ mau chóng để Ta có thể dùng con trong công việc phụng sự, và để giúp con mau thực hiện điều đó, Ta ban ân huệ cho con.»

Trường hợp C. –

«Này hiền nữ, con đã làm được điều lành bằng cách gieo ảnh hưởng chung quanh con để giáo hóa những phần tử thấp kém hơn và giúp đỡ một linh hồn trong sạch trên đường đến Chơn Sư ... Đó là một ngôi sao sáng sẽ chiếu diệu luôn luôn trên chiếc mào danh vọng của con. Con hãy tiếp tục và nhìn xem còn những ngôi sao sáng nào mà con có thể gắn thêm trên chiếc mào của con. Công việc làm tốt lành của con đã làm cho Ta có thể đem con lại gần ta sớm hơn. Không có phương pháp tiến hóa nào mau chóng và chắc chắn hơn là giúp đỡ những kẻ khác tiến trên đường đạo. Con cũng được cái may mắn là gặp một người bạn ngày xưa, vì hai người cùng làm việc chung với nhau sẽ có hiệu quả nhiều hơn là nếu họ phân chia đôi ngả để cùng làm một việc và phung phí cũng bấy nhiêu sinh lực. Con đã khởi đầu một cách đúng phép, vậy con hãy tiếp tục tiến bước theo đường lối vạch sẵn với một lòng quả cảm và tin tưởng.»

Trường hợp D. –

«Con hãy nhận lời đón mừng của Ta, vì con là người đệ tử mới nhất trong nhóm. Không phải là một điều dễ dàng mà tự quên mình một cách tuyệt đối và hoàn toàn hiến dâng cho việc phụng sự thế gian, nhưng điều mà ta phải làm là sống cách nào để trở nên một nguồn ân huệ cho kẻ khác, và làm công việc phụng sự được giao phó cho ta. Bắt đầu làm việc lành trên bước đường tiến hóa của mình là hay lắm, nhưng hãy còn nhiều việc phải làm. Con hãy đè nén sự giận hờn khi nó vừa dậy lên trong lòng con, và hãy sẵn sàng đón nhận những lời khuyên và những bài học. Con hãy vun trồng đức khiêm tốn, hy sinh bản thân mình và hãy có một lòng sốt sắng nồng nhiệt để phụng sự. Bằng cách đó, con sẽ trở nên một khí cụ tốt trong tay của đức Thầy, một chiến sĩ trong đạo binh của Đấng cứu thế. Để giúp con thực hiện điều đó, giờ đây Ta nhận con làm đệ tử dự bị.»



Nhiều người có thể lấy làm ngạc nhiên về cách khuyên bảo vô cùng giản dị của những lời kể trên. Thậm chí họ có thể coi nó như không đáng kể, không đủ để hướng dẫn và giúp đỡ kẻ khác trong xã hội vô cùng phức tạp của nền văn minh hiện tại. Nhưng nghĩ như thế, tức là quên chính cái tinh hoa trong đời người đệ tử là phải dẹp tất cả những sự phức tạp đó một bên, và theo lời của Chơn Sư, «ta phải từ bỏ thế giới của chúng ta để bước vào thế giới của Ngài.» Như thế,

chúng ta bước vào thế giới của tư tưởng, mà sự sinh hoạt rất giản dị và theo một đường lối rõ rệt, trong đó điều lành và điều dữ đều được qui định phân minh, trước mặt chúng ta mở ra những đường lối rõ ràng và minh bạch. Người đệ tử phải sống một cuộc đời giản dị, chính cái giản dị thật sự đó mới làm cho ta có thể tiến bộ về tâm linh. Chúng ta đã làm cho đời sống của ta trở nên xáo trộn và vô định, đây đây những sự lầm lẫn, một cơn bão tố gồm có những ngọn gió thổi ngược nhau trong đó kẻ yếu bị lụn bại và ngã quỵ. Người đệ tử Chơn Sư phải mạnh dạn và tốt lành, y phải tự điều khiển cuộc đời của mình và làm cho nó được giản dị, với một sự giản dị thiêng liêng. Y phải có trí lực, quét sạch mọi sự xáo trộn, lầm lẫn do con người tạo ra, và y phải đi thẳng như mũi tên đến ngay mục đích của mình. “Chúng ta không thể bước vào cõi thiên đàng, trừ phi chúng ta thức tỉnh và trở lại ngây thơ như trẻ con.» Ta nên nhớ cảnh thiên đàng đó, chính là Hội Quần Tiên gồm cả các đấng Chơn Tiên, Đại Thánh.

Theo những đoạn trích lục kê trên, người ta thấy lý tưởng mà Chơn Sư đặt cho các vị đệ tử, nó cao cả là dường nào. Có lẽ đối với một vài đệ tử, lý tưởng đó dường như là một sự «khuyến bảo tối hậu,» nói một cách khác, nó là một lý tưởng hay một mục đích, không phải để đạt được một cách trọn vẹn ngay bây giờ, nhưng họ phải luôn luôn cố gắng đi đến. Tuy rằng tất cả những thí sinh đều nhắm vào một lý tưởng cao cả, nhưng không một ai có thể đạt được mục đích một

cách trọn vẹn, vì nếu họ đạt được, thì họ đã không cần phải đầu thai để sống kiếp sống dưới trần. Tất cả chúng ta đều hãy còn cách rất xa cái đích toàn thiện, nhưng những người thiếu niên được đến gần Chơn Sư đều có một cơ hội rất tốt đẹp, vì họ còn trẻ và dễ uốn nắn, bởi đó họ loại trừ thói hư tật xấu dễ dàng hơn là những người lớn tuổi. Nếu họ có thể tập thói quen lúc nào cũng có một quan điểm chính đáng, hành động với những lý do chính đáng, và suốt đời có một thái độ chính đáng, thì chắc chắn họ sẽ lần lần tiến đến lý tưởng của Chơn Sư. Nếu người đệ tử dự bị có thể nhìn thấy, trong cơn thức tỉnh ở cõi hạ giới, những chiếc hình nộm mà Chơn Sư đã tạo nên, thì y sẽ hiểu rõ ràng hơn tánh cách quan trọng của điều mà lúc thường y cho là những chi tiết phụ thuộc.

TÁNH NÓNG NẢY

Tánh nóng nảy là một chương ngại thông thường. Như tôi đã giải thích ở trên, đó là một điều thường xảy ra trong thế hệ văn minh hiện tại, do nơi thần kinh hệ bị quá căng thẳng. Phần đông, chúng ta sống ở giữa những tiếng động ồn ào; tiếng động làm rung chuyển thần kinh hệ và gây nên sự bức dọc, khó chịu.

Nhiều người sau khi họ đến những nơi phố phường đông đúc, chợ búa ồn ào của thành phố lớn, lúc về nhà họ cảm thấy mệt mỏi, tinh thần đã đuối. Đó là một điều bất lợi mà tất cả những người nhạy cảm

đều biết. Sự mệt mỏi chán nản đó cũng do nhiều yếu tố khác gây nên, nhưng phần chính là do tiếng động và cũng do áp lực của nhiều thể vía rung động với nhiều nhịp độ khác nhau, những thể vía này đều bị xáo trộn và kích thích do những nguyên nhân lặt vặt không đâu. Trong tình trạng đó, khó mà tránh được sự bực dọc, nóng nảy, nhứt là người đệ tử có những thể thanh bai và nhạy cảm hơn người thường.

Sự nóng nảy đó tự nhiên là chỉ phớt qua bề ngoài, nó không có bề sâu. Tuy thế, nếu có thể được, ta nên tránh một cơn nóng nảy đâu chỉ thoáng qua bên ngoài, vì những hậu quả của nó sẽ còn tồn tại rất lâu hơn là ta tưởng. Cũng như trong cơn bão tố, trước hết gió lớn làm biển động, sóng nổi ba đào, nhưng sóng biển vẫn còn tồn tại rất lâu sau khi cơn gió dứt hẳn. Đó là ảnh hưởng của gió lớn trên mặt nước, mà nước là một chất khá nặng trọc, còn chất của thể vía thì vô cùng tế nhị hơn chất nước, nên những rung động gây nên trong thể vía làm cho chất ấy dậy lên một cách sâu xa hơn nhiều, và tạo nên một hậu quả lâu dài hơn. Một cảm xúc khó chịu, bực dọc, tuy nhẹ và thoáng qua, chỉ trong độ 10 phút là quên mất, có thể gây nên trong thể vía một ảnh hưởng kéo dài 48 giờ và những sự rung động của nó chỉ trở lại bình thường sau một thời gian rất lâu.

Khi ta nhận thấy mình có tánh xấu đó, ta có thể diệt trừ nó, không phải bằng cách chú ý đến nó, mà bằng cách cố gắng tạo nên một đức tánh tương phản

lại. Một phương pháp giản dị là dùng tư tưởng mạnh mẽ để chống lại nó, nhưng cách này chắc chắn sẽ gặp phản ứng dữ dội của những tiềm thức của thể vía và thể trí. Bởi thế ta nên tập tánh hay chú trọng đến kẻ khác, căn cứ trên tình thương của ta đối với họ. Một người giàu tình thương và lòng ưu ái đối với kẻ khác không khi nào có những lời nói hay tư tưởng đầy sự nóng nảy đối với họ. Nếu y hiểu rõ điều này, y cũng sẽ gặt hái một kết quả tốt tương tự, mà không gây nên phản ứng của các thể.

TÁNH ÍCH KỶ

Tánh ích kỷ có nhiều hình thức khác nhau, có thể làm chậm trễ sự tiến bộ của người đệ tử. Tánh lười biếng là một trong những hình thức đó. Tôi thấy có người mê đọc sách đến nỗi y không chịu rời quyển sách ấy kịp thời, để giữ cho đúng hẹn. Một người khác viết chữ rất thẩu, không cần biết điều đó làm cho những người đọc chữ của y viết bị mỏi mắt và khó chịu.

Những sự cầu thả đó làm cho đương sự kém nhạy cảm hơn đối với những ảnh hưởng thanh cao, gây ra cho kẻ khác sự rắc rối và phiền não, làm mất tánh tự chủ và khả năng hành động. Những đức tánh này, cùng với sự đúng đắn, đều rất cần thiết cho việc phụng sự. Ít người có khả năng hành động nói trên: khi một công việc nhất định được giao phó cho họ, họ không thi hành cho trọn vẹn và viện đủ lý lẽ để bào

chữa sự cầu thả của mình. Hoặc nếu người ta hỏi họ về một tài liệu nào đó, họ không biết phải tìm ở đâu. Về điểm này, có nhiều người xử sự khác nhau; có người chỉ trả lời vắn tắt: «Tôi không biết;» trong khi đó một người khác trả lời rằng: «Tôi không biết, nhưng tôi sẽ đi tìm,» và người này trở lại với tài liệu mong muốn. Một người định bắt tay vào việc, nhưng trở lại và nói rằng y không thể làm được việc đó, có người lại cố gắng và bền chí cho đến khi y thành công.

Mọi công việc hữu ích, trong những trường hợp có lẽ không quan trọng về mặt vật chất, nhưng có giá trị rất lớn về phương diện tâm linh, người thí sinh phải luôn luôn nghĩ đến lợi ích mà công việc ấy sẽ đem đến cho kẻ khác và cơ hội để phụng sự Chơn Sư, mà không nghĩ đến nghiệp tốt do công việc ấy đưa đến cho mình, vì điều này cũng là một hình thức rất tế nhị của tánh vị kỷ. Chúng ta hãy nhớ đấng Christ có nói: «Bất cứ điều gì mà người đã làm để giúp đỡ một kẻ hèn mọn nhất, điều đó chính người đã làm cho Ta vậy.»

Những hình thức tế nhị khác của thói ích kỷ thuộc cùng loại kẻ trên, cũng được biểu lộ nơi sự ngã lòng, tánh ghen tuông và tranh giành quyền lợi. Một vị Chơn Sư có nói: «Con hãy nghĩ ít hơn đến quyền lợi, và nghĩ nhiều hơn đến bốn phận của con.»

Có những trường hợp mà thí sinh phải giao dịch với thế giới bên ngoài, và cần phải bày tỏ một cách lịch sự những gì mà y cần dùng, nhưng đối với những bạn

đồng môn của y, thì không thể có vấn đề quyền lợi, mà chỉ có những cơ hội. Thường thường khi một người gặp điều gì trái ý, thì y biểu lộ sự bực dọc, ham gây gổ; có thể y không đến nỗi đi đến sự thù ghét, nhưng dù sao trên thể vía của y cũng hiện ra một ánh màu đục, nó cũng ảnh hưởng đến thể trí của y.

SỰ LO ÂU

Những sự xáo trộn tương tự thường được gây ra trong thể trí, và có những hậu quả tai hại không kém. Nếu một người lo âu phiền muộn về một vấn đề gì, và lặp đi lặp lại vấn đề ấy trong trí, không đi đến một kết quả nào, thì y tạo nên một cơn bão tố trong thể trí của y. Vì những làn sóng rung động ở mức độ đó vô cùng tế nhị, nên danh từ «bão tố» chỉ diễn tả được một phần sự thật mà thôi. Ta có thể tưởng tượng hậu quả gây ra như là một vết lõm trong thể trí, một vết thương do sự cọ xát gây nên. Đôi khi chúng ta gặp những người hay đôi co, họ luôn luôn cãi cọ về bất cứ vấn đề gì, và họ thích cãi vã đến nỗi họ không cần biết họ đứng về khía cạnh nào của vấn đề. Một người như thế có một thể trí luôn luôn sôi động, và sự sôi động đó, khi nó gặp một sự khiêu khích rất nhẹ, cũng đủ nổ bùng ra bất cứ lúc nào, và gây một vết thương lở loét. Một người như thế không có hy vọng tiến hóa trên đường huyền môn, mà y phải tự sửa đổi bằng cách đem sự thẳng băng và hợp lý vào cuộc đời của y.

Một điều rất hay cho chúng ta là những tình cảm tốt lành tồn tại lâu hơn những dự vọng xấu xa, vì chúng biểu lộ ở phần thanh bai tốt đẹp của thể vía. Hậu quả của tình thương đậm đà hay lòng sùng tín mạnh mẽ tồn tại nơi thể vía rất lâu, sau khi người ta đã quên mất trường hợp nào đã tạo ra nó. Có thể có hai loại rung động mạnh mẽ cùng xảy ra một lúc trong thể vía, thí dụ như tình thương và sự giận hờn, mặc dầu trường hợp này hơi bất thường. Trong cơn giận dữ, người ta không thể có một tình thương đậm đà, trừ khi cơn nóng giận đó là một sự bất bình chánh đáng. Trong trường hợp đó, những hậu quả của hai loại tình cảm này sẽ cùng đi đôi với nhau, một loại ở vào mực độ cao hơn loại kia rất nhiều, vì thế nên nó tồn tại lâu hơn.

SỰ VUI CƯỜI

Những bạn thanh niên nam nữ nhìn đời qua khía cạnh vui tươi, thường hay nô đùa; họ muốn đọc và nghe những chuyện hài hước, và cười đùa vui vẻ; đó cũng là sự tự nhiên chánh đáng, và không có hại. Nếu người ta có thể nhìn thấy những rung động do sự vui vẻ cười đùa gây nên, họ sẽ thấy thể vía của đương sự hơi xao động, giống như sự rung rinh của lá gan trong khi người ta cười ngựa. Điều đó tốt và vô hại. Còn những chuyện tiểu lâm thô tục do những kẻ có tâm địa xấu kê lại, thì có những hậu quả vô cùng xấu xa. Những chuyện đó gây nên những hình tư tưởng rất góm ghiếc, nó bám lấy thể vía trong một thời gian rất

lâu, và hấp dẫn mọi thứ vong linh thấp xấu lại gần. Những thí sinh muốn gần Chơn Sư phải hoàn toàn dứt bỏ sự thô bỉ đó cũng như tất cả những gì xấu xa thô kịch, và những thí sinh trẻ tuổi phải luôn luôn coi chừng đừng để rơi vào tình trạng vô trách nhiệm và đại dột.

Có vài bạn trẻ thỉnh thoảng hay cười ngả ngớn; họ phải bỏ điều ấy với bất cứ giá nào, vì nó gây một ảnh hưởng rất xấu trên thể vía. Nó dẹt chung quanh thể vía một hệ thống đường chằng chịt màu xám đục coi rất xấu, và tạo nên một lớp dày đặc ngăn trở những ảnh hưởng tốt từ cõi trên. Do đó những thanh niên nên giữ gìn đừng để cho phạm vào tật xấu này. Các bạn hãy vui vẻ và sung sướng một cách tự nhiên. Chơn Sư muốn thấy các bạn vui vẻ vì nó làm cho bước tiến của các bạn được dễ dàng, nhưng hãy coi chừng đừng để cho sự vui của các bạn nhuộm màu thô bỉ hay ô trược bất cứ về loại nào. Không nên cười quá to, và cũng đừng cười ngả ngớn một cách bất lịch sự.

Trong vấn đề này cũng như mọi vấn đề khác, có một đường ranh giới rõ rệt phân biệt những việc gì vô hại với những việc gì có hại. Phương pháp chắc chắn nhất để biết rõ vấn đề này, là nhận định xem sự vui cười của ta có vượt quá mức thanh bai và tế nhị hay không. Nếu trong sự vui đùa của ta có ít nhiều sự thô bỉ, làm mất tánh cách thanh bai của nó, thì chúng ta đã bước vào vòng nguy hiểm. Về khía cạnh siêu hình của sự phân biệt đó, là khi nào Chơn Nhơn hoàn toàn kiểm

soát được thể vía của ta, thì tốt; còn khi để cho thể vía buông lung làm cho sự cười đùa trở nên trống rỗng và vô ý nghĩa, thì chẳng khác nào như ngựa lỏng dây cương chạy quàng xiên, không lê lối. Một thể vía buông lung như thế, dễ bị làm mồi cho mọi ảnh hưởng thoáng qua, dễ bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng và dục vọng xấu xa thấp hèn. Sự vui đùa của ta cũng phải được giữ gìn cho tinh khiết, không bị ô nhiễm bởi sự khoái trá độc ác trước sự đau khổ của người khác. Nếu ta thấy một người bị tai nạn đau khổ, ta chớ nên đứng yên mà cười một cách vô vị về khía cạnh hài hước của tai nạn, mà phải chạy tới nơi lập tức, giúp đỡ và an ủi. Tình thương và lòng sốt sắng giúp đỡ phải luôn luôn là những đức tánh trội nhất của chúng ta.

NHỮNG LỜI NÓI VÔ ÍCH

Người có thần nhãn nhìn thấy hậu quả của những dục vọng thấp hèn trên các thể thanh của con người, liền hiểu tại sao ta cần phải chế ngự những dục vọng đó và tánh cách quan trọng của nó là thế nào. Nhưng vì phần đông chúng ta không thấy được hậu quả đó, chúng ta rất dễ quên và hay câu thả. Những lời nói bâng quơ, không suy nghĩ, cũng gây nên một hậu quả tương tự. Đức Chúa Christ có nói: mỗi lời nói vô vị mà con người thốt ra, y phải trả lời về cái tội đó vào ngày phán xét cuối cùng. Điều này có vẻ quá nghiêm khắc, và nếu quan niệm về ngày phán xét của phái chính thống là đúng, thì đó là một sự bất công và độc ác.

Ngài không phải nói, mỗi lời nói vô vị sẽ kết tội một người vào hỏa ngục đời đời, vì điều này không bao giờ có. Nhưng chúng ta biết rằng mỗi lời nói và tư tưởng đều tạo nên nghiệp quả, và khi những điều vô ích và đại dột được lặp đi lặp lại nhiều lần, thì nó tạo nên chung quanh ta một bầu không khí làm cho ta bị ngăn cách với những ảnh hưởng tốt từ cõi trên. Muốn tránh điều đó, thì cần phải luôn luôn giữ gìn. Một người muốn luôn luôn giữ mình một cách chặt chẽ không lúc nào quên, có lẽ là một lý tưởng quá sức của con người, nhưng dầu sao những người đệ tử đều là những người đang cố gắng để trở nên những bậc siêu nhân, vì Chơn Sư là bậc siêu nhân. Nếu người đệ tử có thể sống cuộc đời đạo hạnh hoàn toàn, thì y đã trở nên một vị Chơn Sư. Hiện thời y chưa đạt tới quả vị đó, nhưng nếu y luôn luôn nhớ đến lý tưởng của mình, thì y có thể tiến đến gần mục đích hơn. Mỗi lời nói vô ích mà người đệ tử thốt ra sẽ ảnh hưởng đến sự liên quan của y đối với đức Thầy. Vì thế, y phải coi chừng và giữ gìn lời nói một cách vô cùng thận trọng.

TÁNH HẤP TẬP VÀ KHOE KHOANG

Người thí sinh cần phải tránh sự lãng xãng hấp tấp và sự khoa trương bản ngã của mình. Có nhiều kẻ phụng sự sốt sắng và chân thành làm cho những cố gắng của mình bị hư hỏng và trở nên vô hiệu quả, chỉ vì họ có thói xấu đó. Người ấy tạo nên chung quanh mình một hào quang rung động lộn xộn đến nỗi không có một tư tưởng hay tình cảm nào đi xuyên qua

mà không bị xiêu vẹo, như thế những tư tưởng tốt lành của họ cũng bị mất cả hiệu lực. Ta hãy làm mọi việc một cách đúng đắn, nhưng với sự trầm tĩnh tuyệt đối, không hấp tấp hay khoe khoang.

Một điểm khác mà người học đạo cần biết là trong khoa huyền môn, những lời nói của chúng tôi đều có một ý nghĩa rất đúng đắn. Khi người ta đưa ra một luật lệ cấm không ai được nói xấu hay chỉ trích, mà chỉ nói những lời nhân từ đối với kẻ khác, thì ta phải theo luật lệ một cách đúng sát từ chữ, chớ không phải muốn hiểu cách nào cũng được tùy theo ý mình. Điều lệ trên không có nghĩa là chúng ta phải giảm bớt một ít những lời nói chỉ trích hay không được tốt lành mà ta thốt ra hằng ngày, mà có nghĩa là chúng ta phải dứt bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn những lời nói như thế.

Chúng ta đã nghe quen tai những lời chỉ giáo về luân lý, mà không ai có vẻ muốn thực hành một cách nghiêm trang, nên ta có thói quen tưởng rằng chỉ chấp nhận suông, hoặc thỉnh thoảng làm theo những lời chỉ giáo một cách sơ sài là đủ, và đó là tất cả những gì tôn giáo bắt buộc ta phải làm. Chúng ta phải hoàn toàn dứt bỏ thái độ đó và hiểu rằng cần phải vâng lời tuyệt đối và sát nghĩa từng chữ những lời giáo huấn của Chơn Sư, hoặc của một vị đệ tử cao cấp của Ngài.

GIÁ TRỊ CỦA SỰ TẬP ĐOÀN

Sự có mặt của một vị cao đồ của Chơn Sư thường là một sự giúp đỡ rất lớn cho người thí sinh dự bị hoặc đã được thụ nhận.

Ở Ấn Độ thời cổ, khi một vị Tôn Sư chọn đệ tử, người thường qui tựu họ lại thành một nhóm và đem họ theo mỗi khi người đi đến bất cứ nơi nào. Thỉnh thoảng, người dạy họ một vài điều, nhưng thường thì họ không nhận được lời giáo huấn nào cả. Tuy nhiên, họ cũng tiến bộ rất mau, vì họ được hào quang của Tôn Sư luôn luôn bao phủ và thấm nhuần họ, thay vì bị bao vây chung quanh bởi những ảnh hưởng của trần gian. Vị Tôn Sư cũng giúp đỡ họ trong việc tu luyện tánh tình, và luôn luôn xem xét họ một cách tỉ mỉ. Những đấng Chơn Sư của chúng ta không thể áp dụng phương pháp đó trên thế gian, nhưng đôi khi các Ngài cũng sắp đặt để cho những vị đệ tử cao niên thay mặt cho Ngài có thể qui tựu chung quanh họ một nhóm thí sinh trẻ tuổi, và săn sóc họ từng người, cũng như một người làm vườn săn sóc những cây kiểng, ban rải cho họ ngày đêm những ảnh hưởng cần thiết để làm thức động một vài đức tánh, hay tăng cường những điểm yếu kém. Vị cao đồ của Chơn Sư ít khi nhận chỉ thị trực tiếp về công việc đó, mặc dầu một đôi khi Chơn Sư có thể đưa ra vài ý kiến hoặc lời phê bình.

Việc tụ họp thành nhóm cũng có thể giúp cho sự tiến bộ của những thí sinh. Họ cùng chia sẻ và chịu ảnh hưởng của những lý tưởng cao thượng, điều đó làm phát triển mau chóng những đức tánh tốt lành. Theo luật nhân quả, người có chí nguyện sẽ được dẫn dắt đến gần một vị tiến hóa hơn y trên đường đạo, và giúp đỡ rất nhiều tùy theo khả năng tiếp nhận của y. Thông thường, Chơn Sư không trực tiếp nâng đỡ một người nào trừ khi y đã tiếp xúc với một vị đệ tử cao cấp của Ngài, để dìu dắt và giúp đỡ y. Tuy nhiên vẫn có những trường hợp ngoại lệ, mỗi vị Chơn Sư đều có phương pháp riêng để đối xử với những đệ tử của Ngài. Bà Annie Besant có kể một trường hợp, Chơn Sư thường hay gọi đệ tử đi đến những nơi xa xôi hẻo lánh, để cho họ có thể tự cường bằng cách tự mình phát triển lấy những khả năng của mình với sự giúp đỡ tối thiểu từ bên ngoài. Mỗi đệ tử đều được giáo huấn theo một phương pháp thích hợp nhất cho y.



CHƯƠNG 5

THỜI KỲ NHẬP MÔN

Mặc dầu việc được Chon Sur chánh thức thụ nhận, sẽ đem đến một sự thay đổi lớn lao trong đời của người đệ tử, nhưng cuộc lễ nhập môn, cũng không có nhiều nghi thức hơn bao nhiêu so với cuộc lễ vào hàng đệ tử dự bị. Dưới đây là bài tường thuật một cuộc lễ nhập môn của vài vị đệ tử trẻ tuổi, để cho độc giả có thể so sánh với cuộc lễ dự bị, đã miêu tả trước đây.

MỘT CUỘC LỄ NHẬP MÔN CHÁNH THỨC

Như thường lệ, chúng tôi đến nhà đức Chon Sur Kuthumi, thấy Ngài và đức Chon Sur Morya đang ngồi nói chuyện. Chúng tôi đứng ngoài một lúc, Chon Sur gọi chúng tôi đến gần, với một nụ cười tiếp đón vui vẻ, chúng tôi cúi lạy chào Ngài như mọi khi.

Người thí sinh thứ nhất, đức Thầy của y đã có lần gọi là «một ngôi sao bắc ái» có một lòng yêu kính rất sâu xa đối với đức Thầy và coi Ngài như một đấng Từ Phụ, y cảm thấy thoải mái tự nhiên ở nhà Ngài, mặc dầu bao giờ y cũng nói chuyện với Ngài với một tấm lòng cung kính rất mực. Thật là một điều tốt đẹp mà thấy y ở gần đức Thầy.

Trong dịp đó, đức Thầy mỉm cười một cách rất dịu dàng và nói với y: «Con đã quyết định làm việc dưới sự điều dắt của Ta và hiến mình để phụng sự nhân loại chẳng?»

Người thiếu niên sốt sắng trả lời rằng y đã quyết định như vậy, và đức Thầy nói tiếp: «Ta rất hài lòng về những cố gắng của con đã làm, và hy vọng rằng con sẽ tiếp tục như thế. Con chớ quên, trong giai đoạn mới mà con sẽ bước qua những gì Ta đã nói với con cách đây mấy tháng. Việc làm và lòng dũng cảm của con đã làm cho Ta có thể tháo gỡ thời kỳ dự bị của con, Ta rất vui lòng thấy con đã chọn lựa con đường ngắn nhất trong tất cả con đường tiến bộ, là dẫn dắt những linh hồn khác cùng với con đi trên đường đạo. Tình thương vô kỷ tuyệt đối là quyền năng mạnh mẽ nhất trên thế gian, nhưng ít có người có thể giữ cho nó được tinh khiết, khỏi bị ô nhiễm bởi sự lợi dụng và ghen tuông, dấu cho đó chỉ là tình thương đối với một người. Sự tiến bộ của con là do con đã giữ cho ngọn lửa bác ái trong lòng con luôn luôn chói rạng. Con đã cố gắng nhiều để phát triển sức tự cường, nhưng con còn cần dùng nhiều hơn nữa. Con phải sở đắc tánh phân biệt và sự mau mắn, nhậm lẹ, để con có thể thấy sự gì cần phải làm vào đúng lúc, thay vì chậm hơn 10 phút sau. Trước khi nói năng, hành động, con hãy suy nghĩ kỹ về những hậu quả của nó sẽ xảy ra điều gì sau này. Nhưng con đã xử sự rất đúng và Ta rất hài lòng về con.»

Kế đó, đức Thầy đề bàn tay lên đầu của mỗi thí sinh, và nói: «Ta nhận con làm đệ tử theo nghi lễ cổ truyền.» Rồi Ngài đem mỗi thí sinh vào vòng hào quang của Ngài trong giây lát. Sau đó, họ đều có vẻ vô cùng hân hoan và hạnh phúc; họ biểu lộ những đức tánh đặc biệt của Chơn Sư, mà trước đó họ chưa bao giờ có. Khi mọi việc chấm dứt, Chơn Sư nói riêng với từng người: «Ta ban ân huệ cho con.» Và Ngài nói chung với tất cả: «Các con hãy theo Ta. Ta phải trình diện các con để được chánh thức nhìn nhận và ghi tên vào sổ.» Rồi Ngài đưa cả nhóm đến đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan). Đức Văn Minh nhìn qua từng người và nói: «Các con đều còn rất trẻ tuổi, Ta khen các con đã đạt tới địa vị này sớm như vậy. Vậy các con hãy sống một cách xứng đáng với trình độ mà các con đạt được.»

Kế đó, Ngài ghi tên các vị đệ tử trong quyển sổ vàng bất diệt, chỉ cho họ thấy những cột còn trống, đối diện với tên của họ, và Ngài bày tỏ hy vọng rằng không bao lâu nữa Ngài có thể ghi những tên khác vào sổ.

Từ nhà đức Văn Minh Đại Đế trở về, một lần nữa, Chơn Sư đem những vị đệ tử mới, vào chỗ động phủ gần nhà Ngài và họ nhìn được Ngài tiêu hủy những chiếc hình nộm của họ trong không gian, mà Ngài đã tạo nên trước đó ít lâu.

Ngài nói: «Vì bây giờ các con luôn luôn gần với ta hơn trước, nên chúng ta không còn cần dùng những hình nộm đó nữa.»

SỰ HỢP NHỨT VỚI CHON SỰ

Nếu ta quan sát cuộc lễ nhập môn đó bằng nhãn quang siêu phàm, ta thấy hào quang của Chon Sự như một bầu lửa sáng rực, chứa đựng nhiều tầng lớp cùng một trung tâm với nhiều màu sắc khác nhau. Thể xác của Ngài và những thể khác ở ngay trung tâm của khối hào quang sáng rõ, với một đường bán kính xa chừng vài trăm thước. Khi người đệ tử đến gần thể xác của Chon Sự, thì y tiến vào cái bầu hào quang sáng rõ cấu tạo bằng thể chất tinh anh, và sau cùng khi y quỳ dưới chân đức Thầy, thì y đã ở tại trung tâm của khối hào quang rực rỡ đó. Khi đức Thầy ôm người đệ tử vào lòng một cách thân yêu như đã miêu tả ở trên, và bao phủ y bằng cái hào quang của Ngài, thì lúc đó chính cái phần trung tâm khối hào quang của Ngài nói rộng ra để bao trùm luôn cả hào quang của người đệ tử. Trong trọn cuộc lễ nhập môn, người đệ tử hoàn toàn ở bên trong cái vòng hào quang thần diệu của Chon Sự. Như vậy, trong một lúc, hai cái hào quang hỗn hợp làm một, không những hào quang của Chon Sự ảnh hưởng tới hào quang của đệ tử, mà những đức tánh đặc biệt của người đệ tử đã thu hoạch được, cũng kích động những trung tâm tương tự trong hào quang của

Chơn Sư, và hào quang của Chơn Sư chiếu sáng rực lên để đáp lại.

Sự hợp nhứt thân diệu của Chơn Sư với đệ tử bắt đầu từ cuộc lễ nhập môn, đã trở thành một điều vĩnh cửu, và sau đó, mặc dầu người đệ tử có thể cách xa Chơn Sư hàng ngàn dặm ở cõi thế gian, những thể thanh cao của y đều rung động cùng một nhịp với những thể của đức Thầy. Người đệ tử luôn luôn được hòa hợp với đức Thầy, bằng cách đó, và lần lần y càng trở nên giống như đức Thầy, tuy rằng lúc đầu sự hòa hợp hãy còn chưa rõ rệt lắm. Như thế, y trở nên một người phụng sự đắc lực trên thế gian, với tư cách như một đường vận hà để chuyển di thần lực của Chơn Sư ở các cõi hạ giới. Bằng cách thiên định suy gẫm thường xuyên về Chơn Sư và hướng hoài bảo tâm linh đến Ngài, người đệ tử cũng ảnh hưởng đến những thể thanh cao của y để cho những thể này luôn luôn cởi mở và sẵn sàng đón nhận ân huệ của Chơn Sư. Bất cứ lúc nào, những thể của y cũng bận rộn với ý tưởng đó, luôn luôn chờ đón mọi ý muốn và cử chỉ của Chơn Sư. Trong khi chúng hướng về Chơn Sư một cách chăm chú và sẵn sàng đón nhận những gì của Ngài ban xuống, thì chúng cũng khép chặt những ảnh hưởng xấu của thế gian. Bởi đó, tất cả những thể thanh cao của người đệ tử từ thể vía trở lên, đều có thể ví như một cái chén, hay cái quặng, mở rộng ở phía trên nhưng khép chặt ở bốn bề, hầu như không thể nhận những ảnh hưởng xấu ở những cõi giới thấp.

Sự hoà hợp của người đệ tử với Chơn Sư tiếp tục luôn luôn trong thời kỳ nhập môn. Lúc đầu những rung động của y ở vào nhiều bát độ (octave) thấp hơn của đức Thầy nhưng được nâng lên cao lần lần. Sự kiện này chỉ có thể diễn ra từ từ, chớ không thể có ngay tức khắc; cũng như việc lên dây một cây đàn vĩ cầm hay đàn dương cầm. Đàn là những vật vô tri giác, còn đây là trường hợp của một sinh vật, và muốn duy trì sự sống thì sự tiến triển chậm chạp bên trong phải dung hòa thể xác với ảnh hưởng bên ngoài, cũng như một người làm vườn từ từ uốn nắn những cành cây, cho mọc theo một chiều hướng nhất định, hay một nhà y sĩ giải phẫu dùng dụng cụ y khoa để sửa đổi cái chân một người què cho từ từ được ngay ngắn trở lại.

Chúng ta biết trong phương cách hợp nhứt đó, Chơn Sư không đặt trọn sự chú ý của Ngài cho một cá nhân đệ tử nào, mà Ngài ảnh hưởng tới hàng ngàn người cùng một lúc. Đồng thời Ngài cũng luôn luôn làm những công việc siêu đẳng hơn nhiều ở các cõi trên, chẳng khác nào như đánh một ván cờ vĩ đại, những quốc gia trên thế giới, cùng với mọi quyền năng, các đấng thiên thần và người, là những con cờ của Ngài sử dụng. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Ngài rất lớn đối với người đệ tử, chẳng khác nào như Ngài chỉ săn sóc một mình y, chớ không nghĩ đến người khác, vì sự chú ý của Ngài có thể chia ra cho mỗi người trong hàng trăm người khác nhau, còn lớn hơn của chúng ta khi tập trung tất cả sự chú ý của mình vào một người.

Chơn Sư thường giao cho các vị đệ tử cao niên của Ngài công việc săn sóc các hạ thể của người đệ tử mới, mặc dầu Ngài vẫn để có sự giao cảm thường xuyên giữa các thể của Ngài và của người đệ tử. Bằng cách đó, Ngài giúp đỡ người đệ tử rất nhiều, mà y không hay biết chi cả.

Như thế, người đệ tử nhập môn trở nên một «tiền đôn» cho tâm thức của đức Thầy, nói một cách khác, y là tai mắt của Ngài dưới thế gian. Đức Thầy, nghe và cảm giác xuyên qua y, và bất cứ việc gì làm trước mặt y đều là làm trước mặt đức Thầy. Điều này không có nghĩa là Chơn Sư phải luôn luôn ý thức những thời sự hàng ngày vào đúng lúc xảy ra, mặc dầu Ngài có thể biết được điều đó. Trong khi Ngài có thể đặt hết tâm trí vào công việc khác, nhưng sau đó, những sự việc tái diễn lại trong trí nhớ của Ngài. Những gì mà người đệ tử đã kinh nghiệm về một vấn đề đặc biệt nào đó, sẽ hiện ra trong trí của Chơn Sư khi Ngài chú ý vào vấn đề đó. Khi người đệ tử gọi một tư tưởng sùng tín đến Chơn Sư, thì tia chớp nhẹ nhàng y phóng ra tạo nên một ảnh hưởng giống như việc mở một cánh cửa lớn, nó đón nhận một nguồn bác ái và thần lực rất dồi dào của Chơn Sư tuôn xuống. Nếu ta gọi một tư tưởng trung thành, sùng tín đến một người nào không phải là Chơn Sư, thì nó tựa như một dòng ánh sáng rực rỡ chiếu thẳng tới người ấy; còn nếu một tư tưởng như thế được một vị đệ tử gọi đến Chơn Sư, thì vị đệ tử tức thời được tràn ngập bởi một tình thương mạnh mẽ dồi

đào của Chơn Sư ban xuống cho y. Thần lực của Chơn Sư luôn luôn tuôn ra ngoài và chuyển đi tứ hướng như ánh sáng mặt trời, nhưng tư tưởng của người đệ tử làm cho phần lớn nguồn thần lực rất phong phú đó tuôn tràn xuống người y trong một lúc. Sự hợp nhất giữa Chơn Sư và đệ tử được hoàn toàn đến nỗi nếu những hạ thể của người đệ tử bị một sự xáo trộn quan hệ nào, thì điều đó cũng sẽ ảnh hưởng đến những thể của Chơn Sư. Vì sự rung động xấu xa đó ảnh hưởng đến công việc của Chơn Sư ở các cõi trên, nên khi nào việc đó xảy ra, thì Ngài phải tạo một bức màn để ngăn cách người đệ tử với Ngài cho đến khi nào sự xáo trộn kia tiêu tan không còn nữa.

Lẽ tất nhiên, thật là một việc đáng buồn cho người đệ tử nếu đột nhiên y bị ngăn cách với đức Thầy bằng cách đó, nhưng đó là hoàn toàn do lỗi của y. Y có thể chấm dứt tình trạng ngăn cách đó khi nào y kiểm soát trở lại được những tư tưởng và tình cảm của mình. Một sự kiện đáng tiếc như thế thường không kéo dài quá 48 giờ đồng hồ, tuy nhiên tôi biết có những trường hợp nặng nề hơn nhiều, mà sự ngăn cách với đức Thầy kéo dài suốt nhiều năm, thậm chí đến suốt đời. Nhưng đó là những trường hợp cực đoan và ít khi xảy ra, vì nếu một người có thể bị vấp ngã nặng nề như thế, thì có lẽ y đã không được thâm nhận làm đệ tử.

VIỆC CHUYỂN DI THẦN LỰC

Không một người nào có thể được thâm nhận làm đệ tử trừ khi y đã có tập được thói quen hướng những sức mạnh của y từ trong ra ngoài, nghĩa là tập trung sự chú ý và ảnh hưởng của mình vào kẻ khác, để ban bố những tư tưởng lành và thiện chí cho những kẻ đồng loại. Thường lệ, người ta hay dồn sức mạnh của họ vào bên trong, và vì lẽ đó nên những nguồn mãnh lực của họ hay đụng chạm nhau. Nhưng người đệ tử phải chuyển cái tâm, từ trong ra ngoài, và giữ luôn luôn thái độ của người ban rải tình thương và làm việc phụng sự. Như thế, những thể thanh cao của người đệ tử lúc nào cũng mở ra như cái quặng, sẵn sàng đón nhận những ảnh hưởng tốt lành của Chơn Sư. Đồng thời, những hạ thể của y ở phần dưới cái quặng, đã quen tủa rải ra bên ngoài những ảnh hưởng của y cho kẻ khác. Những điều kiện đó làm cho người đệ tử trở nên một khí cụ toàn hảo cho Chơn Sư dùng để chuyển di thần lực của Ngài.

Nếu một vị Chơn Sư, từ bên Tây Tạng, muốn gọi một ít thần lực trên mực độ của chất dĩ thái sang tận Nữ Uóc, thì thật không có lợi mà phóng ra một luồng dĩ thái trực tiếp xuyên qua cả một đoạn đường dài như thế. Ngài phải chuyển thần lực lên trên những cõi cao hơn nhiều, đến tận địa điểm mong muốn, và từ trên đó, đào một cái quặng cho thông xuống tận nơi. Nhưng đào một cái quặng như thế, hay phóng một

luồng thần lực sang tận Nữ Uóc, làm cho Chon Su phải tốn mất gần hết phân nửa số thần lực mà Ngài dự bị sẵn để dùng vào công việc phải làm. Vì thế, một vị đệ tử có mặt ở tại chỗ là một điều rất quý báu để tiết kiệm sinh lực và công phu, và y nên nhớ rằng, hơn tất cả mọi sự, y phải tự luyện mình để trở nên một đường vận hà tốt, và đó chính là điều mà Chon Su trông cậy nơi y. Như vậy, người đệ tử có thể được coi như một cơ quan của Chon Su để Ngài sử dụng tại nơi mà y có mặt.

Thế xác con người thật là một vật chuyên di những quyền năng của Chon Ngã. Trải qua nhiều thế hệ, nó đã quen thừa hành những mệnh lệnh của ý chí một cách ít tốn kém sinh lực nhất. Thí dụ như chúng ta muốn dời chỗ hay lật đổ một cái ly để trên bàn, thì chúng ta có thể đưa tay ra để làm cái việc đó một cách dễ dàng. Chúng ta cũng có thể làm lật đổ cái ly chỉ bằng sức mạnh của ý chí mà không đụng tới cái ly. Quả thật, một người quen của tôi đã từng thí nghiệm điều này và đã thành công, nhưng mỗi ngày y phải bỏ ra một giờ cố gắng công phu ráo riết, và liên tiếp trong hai năm để làm việc đó. Trong trường hợp này, lẽ dĩ nhiên là việc dùng những phương tiện vật chất thông thường sẽ tiện lợi hơn rất nhiều.

Trong giai đoạn đầu, người đệ tử được tiếp xúc mật thiết với Chon Su, y thường cảm thấy một số thần lực rất dồi dào đi xuyên qua mình y, mà không biết nó đi về đâu. Y chỉ có cảm giác như là một khối lửa rất lớn

xuyên qua mình y một cách mãnh liệt và tràn ngập vùng chung quanh.

Với một chút chú ý dè dặt, không bao lâu y sẽ có thể phân biệt được khối thần lực đó đi về hướng nào; sau đó y có thể theo dõi, trong khi hoàn toàn thức tỉnh, nguồn thần lực của Chon Su và truy nguyên ra những người đã được Ngài giúp đỡ và ban ân huệ. Tuy nhiên, người đệ tử không thể tự mình điều khiển luồng thần lực đó. Y chỉ được sử dụng như một đường vận hà, và đồng thời y cũng được huấn luyện để hợp tác trong việc phân phối thần lực. Về sau, đến lúc Chon Su thay vì dồn thần lực của Ngài vào người đệ tử để chuyển đến một người khác ở một nơi xa xôi, Ngài sẽ dạy người đệ tử tìm ra đường sự và ban cho y một ít ân huệ, để tiết kiệm thần lực của Ngài. Bất cứ lúc nào và ở nơi nào người đệ tử có thể làm một phần việc của Chon Su, Ngài sẽ giao phó phần việc đó cho y luôn luôn, và nếu người đệ tử càng tăng gia hiệu lực của mình, thì y càng được giao phó thêm nhiều việc hơn nữa, để chia bớt gánh nặng và trách nhiệm của Chon Su, dẫu chỉ là trong một phần rất nhỏ. Chúng ta nghĩ nhiều về những gì mà ta có thể làm ở thế gian, nhưng tất cả những gì ta có thể tưởng tượng và thi hành đều không đáng kể, so với những gì mà Chon Su làm xuyên qua chúng ta. Có một luồng từ điển nhẹ nhàng luôn luôn đi xuyên qua người đệ tử, mặc dẫu y không hay biết gì cả; tuy nhiên y sẽ cảm thấy một cách

rõ rệt mỗi khi một luồng thần lực dồi dào hơn được gọi đến cho y.

GỎI THÔNG ĐIỆP

Đôi khi, Chơn Sư gọi một thông điệp nhưэт định, qua sự trung gian của người đệ tử, cho một người thứ ba. Tôi còn nhớ một lần, tôi được lệnh chuyển một bức thông điệp như thế cho một hội viên thuộc hạng trí thức cao, mà tôi không quen biết nhiều. Tôi hơi lúng túng khi đến gặp ông ta về vấn đề này, nhưng đầu sao tôi cũng phải làm tròn việc ấy. Tôi bèn nói với ông ấy như sau: «Sư phụ tôi dạy tôi chuyển bức thông điệp này cho huynh, và tôi chỉ theo lệnh dạy. Tôi biết rằng tôi không có bằng chứng gì đưa cho huynh để chứng minh rằng đó là thông điệp của đức Thầy, vậy huynh muốn đặt cho nó một tầm quan trọng đến bực nào tùy ý. Tôi chỉ thừa hành mạng lệnh của Ngài mà thôi.»

Dĩ nhiên là tôi biết phần nội dung của bức thông điệp ấy, vì tôi đã chép nó ra, và tôi quả quyết, nếu xét về hình thức bề ngoài, nó chỉ là một thông điệp hoàn toàn giản dị và thân hữu, mà bất cứ một người hảo ý nào cũng có thể gọi cho một người khác, và nó dường như không có một ý nghĩa gì đặc biệt. Nhưng, cái bề ngoài ấy đôi khi rất phỉnh lừa, vì người mà tôi chuyển giao bức thông điệp lại không có vẻ ngạc nhiên và nói với tôi: «Huynh không cần phải chứng minh rằng đó là thông điệp của đức Thầy. Tôi nhận nó ra ngay theo

cách hành văn trong đó. Huynh không thể nào hiểu được ý nghĩa của nhiều câu nói bóng của Ngài.» Đến bây giờ, tôi cũng chưa hiểu đó là ý gì.

KIỂM ĐIỂM TƯ TƯỞNG

Một điều vinh hạnh khác rất quý báu của người đệ tử nhập môn là y có thể đặt tư tưởng của y bên cạnh tư tưởng của đức Thầy về bất cứ một vấn đề gì và thử so sánh hai luồng tư tưởng đó. Ta thấy ngay việc sử dụng quyền năng đó sẽ giúp cho tư tưởng của người đệ tử theo những đường lối cao thượng và tự do là đường nào, nhờ đó y sẽ có thể sửa đổi mọi sự lầm lạc, mọi khuynh hướng thiên lệch hoặc mọi sự hiểu lầm. Người đệ tử có nhiều cách để sử dụng quyền năng đó. Phương pháp của tôi dùng là luôn luôn đắm chìm trong con nhập định, và cố gắng thâm nhập vào tâm thức của Chơn Sư đến mức độ xa nhất mà tôi có thể. Khi tôi đã đạt đến điểm cao nhất mà tôi có thể tới được, thì lúc đó, thành linh tôi quay nhìn lại vấn đề muốn nghiên cứu, và tôi liền có ấn tượng về việc Chơn Sư sẽ nhìn thấy vấn đề đó như thế nào. Có lẽ ấn tượng đó hẳn là chưa được hoàn toàn, nhưng ít nhất, tôi cũng hiểu Ngài sẽ nghĩ gì về vấn đề đó khi tôi có thể đi sâu vào tư tưởng của Ngài.

Tuy nhiên, ta hãy coi chừng chớ nên lạm dụng quyền năng tuyệt diệu đó. Nó chỉ là một phương tiện

thăm dò tối hậu về những vấn đề đặc biệt khó khăn, hoặc về những trường hợp mặc dầu không đủ yếu tố xét đoán, chúng ta vẫn phải có một quyết định; nó không phải dùng để tránh cho chúng ta khỏi phải nhọc công suy nghĩ, hay để giải quyết những vấn đề nhỏ nhặt tầm thường hằng ngày mà chúng ta có thể tự mình giải quyết lấy.

Người thí sinh muốn được thâm nhận làm đệ tử Chơn Sư phải tự xét mình một cách chặt chẽ. Nếu y không nhận được những lời khuyên bảo trực tiếp của Chơn Sư, hay của một vị cao đồ về những thói xấu đặc biệt mà y phải tránh, thì y nên tự xem xét lấy mình với tất cả sự thiện chí của y.

Khi nào y tự khám phá, hay có người chỉ cho thấy những thói xấu đó, y phải tự sửa mình với một sự sốt sắng không ngừng. Đồng thời, y không nên vì một lẽ gì mà tự kiểm thảo một cách quá đáng đến nỗi vì đó mà phát bệnh. Phép xử thế chắc chắn nhất, là tập trung sự chú ý vào việc giúp đỡ người khác. Nếu y chỉ nuôi có tư tưởng đó trong trí, thì tự nhiên y sẽ hướng mình theo đúng đường lối. Ý muốn dọn mình để làm việc phụng sự giúp đời sẽ giúp cho y vượt qua mọi chướng ngại, mặc dầu y không chú ý đến sự tiến hóa riêng của mình, y cũng nhận thấy rằng sự tiến hóa đó đã được thực hiện.

SỰ TIÊU KHIỂN

Người ta không mong người đệ tử bất cứ lúc nào cũng phải nghĩ đến Chơn Sư một cách dỗi dào mãnh liệt; nhưng hình ảnh của Chơn Sư phải luôn luôn có sẵn trong trí, sẵn sàng bên cạnh, mỗi khi cần đến trong những sự biến đổi thăng trầm của cuộc đời. Trí não của chúng ta cũng giống như sợi dây cung, không phải lúc nào cũng căng thẳng. Một sự nghỉ ngơi vừa phải, việc thay đổi tư tưởng, là điều cần thiết để giữ cho trí não được lành mạnh. Nhưng người đệ tử phải vô cùng thận trọng giữ cho sự tiêu khiển của y không bao giờ bị một sự nhớ bợn hay độc ác nào chạm đến. Y không nên dung túng, đầu chỉ trong chốc lát, một tư tưởng nào làm cho y phải hổ thẹn nếu Chơn Sư nhìn thấy.

Đọc một truyện tiểu thuyết hay, để tiêu khiển là điều vô hại. Những hình tư tưởng do nó tạo nên sẽ không chạm với trào lưu tư tưởng của Chơn Sư, nhưng có nhiều loại tiểu thuyết độc hại, gây nên những hình tư tưởng nhớ bản trong trí não; những tiểu thuyết đề cao sự tội lỗi, những loại khác tập trung tư tưởng của độc giả vào những vấn đề xấu xa của cuộc đời hay diễn tả một cách sống động những màn thù hận và độc ác; tất cả những loại tiểu thuyết đó phải được tuyệt đối tránh xa. Ngoài ra, sự tham dự hoặc xem những cuộc chơi giải trí hay thể thao lành mạnh đều không có hại; nhưng bất cứ cuộc chơi giải trí nào có tánh cách tàn bạo, thô bỉ, hoặc trong đó có xen lẫn

tính độc ác, có thể gây sự đau đớn, thương tổn cho người và vật, đều bị tuyệt đối cấm ngăn.

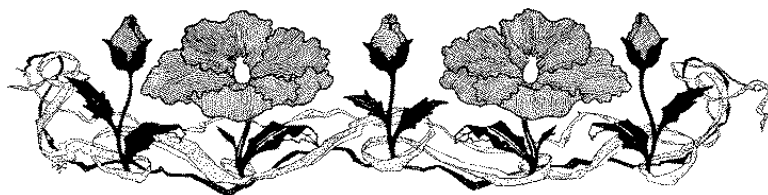
SỰ THÀNH CÔNG CHẮC CHẮN

Người đệ tử phải quyết định trong những cố gắng của y để tiến trên đường đạo, y sẽ không bao giờ để cho bị ngã lòng vì thất bại, dầu cho y bị thất bại nhiều lần. Bất luận bao nhiêu lần y đã thất bại, hay bị vấp ngã trên đường đạo, y cũng phải đứng dậy và tiếp tục tiến tới, dầu cho đó là lần thứ nhứt hay là lần thứ một ngàn. Cõi trần có nhiều điều ta không thể làm được, nhưng ở cõi giới cao hơn, thì khác hẳn. Ở cõi trần, chúng ta không thể đỡ nổi vật nặng một tấn nếu không dùng máy móc; nhưng ở những cõi trên, với sự kiên nhẫn, chúng ta có thể giải tỏa áp lực của nhiều sự bất toàn của mình. Điều đó có lý do rõ ràng. Bắp thịt của con người không đủ sức mạnh để đỡ nổi một tấn, và không có một sự luyện tập nào có thể làm cho nó có đủ sức đỡ nổi trọng lượng đó, vì sức bắp thịt có giới hạn. Trái lại, trên địa hạt tâm linh, con người có cả một kho thần lực thiêng liêng vô tận mà ta có thể sử dụng. Như thế, với những cố gắng đều đặn và thường xuyên, lần lần ta sẽ có đủ sức mạnh tinh thần để vượt qua mọi chướng ngại.

Người ta thường nói: «Tôi có thể làm những việc ở cõi trần, nhưng ở cõi trung giới và thượng giới thì rất khó, và tôi không làm được bao nhiêu.» Sự thật trái

ngược lại. Người ta không quen tư tưởng và hành động ở cõi thanh cao, nên họ tưởng rằng họ không thể. Nhưng khi ta đặt ý chí một cách vững vàng, ta sẽ thấy rằng sự vật sẽ theo chiều hướng của ý chí đó một cách mà ta không thể thực hiện được ở cõi trần.

Vài vị đệ tử nhận thấy, họ được giúp đỡ rất nhiều trong công việc đó, bằng việc sử dụng một bùa phép hay linh phù. Những vật này có thể giúp đỡ một cách thực sự, vì thể xác của ta cần phải được chế ngự cũng như trí não và tình cảm, và nó là vật khó ảnh hưởng nhất. Một bùa phép hay linh vật đã được truyền đi thật mạnh để dùng vào một mục đích nhất định, do một người am hiểu về khoa này, có thể là một vật trợ lực rất quý báu. Nhiều người nói rằng họ không cần có sự trợ giúp đó, nhưng đối với tôi, tôi nhận thấy công việc rất khó nhọc đến nỗi tôi sẵn sàng nhận lãnh bất cứ một sự trợ giúp nào mà người ta có thể đưa đến cho tôi.



CHƯƠNG 6

THỜI KỲ CHUẨN BỊ ĐIỂM ĐẠO

Trong thời kỳ thâm nhận chánh thức, ngoài việc dùng vị đệ tử như một người tập sự, Chơn Sư cũng chuẩn bị để trình diện y trước Quần Tiên Hội trong một cuộc lễ điểm đạo. Mục đích của Quần Tiên Hội là trợ giúp cơ tiến hóa, Chơn Sư biết rằng khi người đệ tử có vinh hạnh rất lớn là được gia nhập vào Quần Tiên Hội, y sẽ hữu ích cho thế gian hơn trước rất nhiều. Do đó, Ngài có ý định đưa vị đệ tử của Ngài lên địa vị đó càng sớm càng hay. Trong những kinh sách cổ đông phương nói về vấn đề này, có từ hàng ngàn năm về trước, người ta thấy có nhiều đoạn, tường thuật về thời kỳ chuẩn bị đó. Trong các sách vở Thông Thiên Học lúc ban đầu, thời kỳ đó được gọi là con đường chuẩn bị, danh từ này không có nghĩa là thời kỳ dự bị làm đệ tử của một vị Chơn Sư, mà là một thời kỳ huấn luyện tổng quát để chuẩn bị cho người đệ tử được điểm đạo.

Phương pháp chuẩn bị người đệ tử rất dễ hiểu, đại khái cũng như sự giáo dục ở một vài trường đại học của chúng ta hồi xưa. Nếu một sinh viên muốn thi lấy bằng đại học, trước hết y phải qua kỳ thi vào đại học viện (university) và sau đó được nhận vào một trong những trường lớn (college). Vị giám đốc trường có trách nhiệm về sự tiến bộ của người sinh viên; và có thể được coi như người đỡ đầu chánh của y. Người

sinh viên phải tự mình học hỏi một phần lớn các bài vở, nhưng vị giám đốc có nhiệm vụ trông nom xem y có chuẩn bị đầy đủ hay chưa, trước khi y được trình diện để thi lấy bằng. Vị giám đốc không phát bằng cấp, mà việc phát bằng là do một cơ quan trừu tượng gọi là đại học viện (university), thường do vị phó viện trưởng (vice chancellor) làm đại diện. Chính đại học viện, chứ không phải ông giám đốc trường, tổ chức khoa thi và phát bằng cấp. Ông giám đốc trường chỉ có một phần trách nhiệm về sự chuẩn bị của người sinh viên. Trong cuộc chuẩn bị đó, ông ta có thể, với tư cách là một tư nhân, có những sự giao thiệp riêng tư nào đó mà ông ta xét thấy cần, đối với người sinh viên, nhưng việc ấy không quan hệ gì đến đại học viện.

Cũng giống như thế, Quần Tiên Hội không có liên can gì đến sự tiếp xúc giữa Chơn Sư và người đệ tử, đó là một việc hoàn toàn đặt dưới sự quyết đoán riêng tư của Đức Thầy. Cuộc điểm đạo là do một nhân viên Quần Tiên Hội, được chỉ định để chủ tọa cuộc lễ, nhân danh Đấng điểm đạo độc tôn; đó là phương pháp duy nhất để điểm đạo cho người đệ tử. Khi vị Chơn Sư xét thấy một trong những vị đệ tử của Ngài xứng đáng được điểm đạo lần thứ nhất, Ngài liền thông báo điều này và giới thiệu người đệ tử cho Quần Tiên Hội. Quần Tiên Hội chỉ hỏi người đệ tử đã sẵn sàng được điểm đạo hay chưa mà thôi, chứ không nói đến sự liên lạc giữa người đệ tử với bất cứ một vị Chơn Sư nào. Các Đấng cao cả trong Quần Tiên Hội không

cần biết vị đệ tử đó ở thời kỳ dự bị, hay là đệ tử chánh thức, hay là «con» của đức Thầy, điều đó không liên can gì đến các Ngài. Đồng thời, một thí sinh được điểm đạo phải do sự đề nghị và ủng hộ của 2 vị trong những nhân viên cao cấp của Quần Tiên Hội, nghĩa là hai vị đã đắc quả Chơn Tiên (Asekha). Do đó, không có vị Chơn Sư nào đề nghị cho một người được vào hàng điểm đạo, trừ khi nào Ngài thật chắc chắn rằng y có đủ điều kiện, điều này Ngài chỉ có thể biết được do một sự hỗn hợp rất chặt chẽ với tâm thức của y.

Như thế, con đường chuẩn bị là giai đoạn đưa đến con đường chánh đạo, bắt đầu từ cuộc điểm đạo thứ nhất. Trong những kinh sách đông phương, con đường này được diễn tả một cách vô tư và không nói đến sự hiện diện của các Chơn Sư. Trước hết, người ta nêu ra câu hỏi: «Làm sao một người sống ở thế gian có thể bước vào con đường chuẩn bị, và làm sao y biết được rằng điều đó có thật?»

BỐN NHÂN DUYÊN ĐƯA ĐẾN CỬA ĐẠO

Các kinh sách đông phương nói có 4 nhân duyên đưa con người vào đường đạo.

Nhân duyên thứ nhất là gần gũi hoặc giao du thân cận với những người đã đi trên đường đạo. Thí dụ vài người trong chúng ta có thể đã là những vị tăng ni, hoặc tu sĩ thời trung cổ. Trong cuộc đời tu hành đó,

có lẽ chúng ta đã tiếp xúc với một vị sư trưởng hay một bà bề trên của một tu viện, một vị đã từng có kinh nghiệm thâm sâu về đời sống tâm linh, thí dụ như bà thánh Theresa. Có lẽ chúng ta đã khâm phục vị lãnh đạo tinh thần đó, không vì tư lợi, chúng ta đã thiết tha mong ước một kinh nghiệm như thế cũng sẽ đến với ta. Chúng ta có thể không nghĩ gì đến danh vọng, hay sự thỏa thích về tinh thần, nhưng chỉ nghĩ đến sự vui là đã giúp đỡ người khác, cũng như vị sư trưởng đã giúp đỡ người khác bằng sự kinh nghiệm thâm sâu của Ngài. Một hoài bảo như thế trong một tiền kiếp cũng là nhân duyên sẽ giúp chúng ta được gặp đạo trong kiếp sau.

Những nước hấp thụ nền văn hoá Âu Châu, thì phương pháp gần như độc nhất để giúp chúng ta hiểu được đạo lý trình bày một cách rõ ràng, là tiếp xúc với Hội Thông Thiên Học (The Theosophical Society), hay là đọc những sách vở Thông Thiên Học. Có những kinh sách thần bí giảng về khoa thần linh, cũng giúp chúng ta được nhiều tài liệu, nhưng theo chỗ tôi được biết, thì không kinh sách nào giảng giải đạo lý một cách rõ ràng và đúng theo khoa học như những sách vở Thông Thiên Học. Tôi không thấy có bộ sách nào chứa đựng một kho tài liệu dồi dào cho bằng bộ sách «Giáo Lý Nhiệm Mâu» (The Secret Doctrine).

Dĩ nhiên, những thánh kinh Ấn Độ và của những nước khác giảng giải rất nhiều về đạo lý, nhưng nó không trình bày một cách dễ hiểu để chúng ta có thể

lãnh hội hay thưởng thức được căn bản văn hóa sẵn có của mình. Sau khi đọc các sách vở Thông Thiên Học, nếu chúng ta đọc các bản dịch ưu tú của những kinh sách đông phương, chúng ta có thể thấy giáo lý Thông Thiên Học tiềm tàng trong đó. Trong bộ thánh kinh Thiên Chúa Giáo, (mặc dầu theo quan niệm của chúng tôi, có nhiều chỗ dịch không đúng) chúng ta thấy có rất nhiều giáo lý Thông Thiên Học; nhưng trước khi tìm thấy điều đó, chúng ta phải hiểu biết khá nhiều về giáo lý này. Khi chúng ta đã học giáo lý Thông Thiên Học, chúng ta thấy tức khắc có bao nhiêu kinh sách khác đều đồng quan điểm với nó, và không thể giải thích một cách hợp lý nếu không nhờ Thông Thiên Học. Trước kia chúng ta thấy những nghi lễ ở thánh đường dường như vô nghĩa, nay nhờ giáo lý Thông Thiên Học giải thích rõ cho chúng ta thấy, nó có ý nghĩa thâm sâu, linh động và đầy thú vị. Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ nghe ai nói đã có thể suy diễn hệ thống giáo lý Thông Thiên Học từ những kinh sách hay nghi lễ tôn giáo. Như thế một nhân duyên đưa con người đến gần đường đạo là gần gũi những người đã đi trên đường đó.

Nhân duyên thứ hai là đọc sách vở về đạo lý, hay nghe giảng đạo lý. Những giáo lý này đến với tôi năm 1882 do quyển sách «Thế Giới Huyền Linh» của ông A.P Sinnett; và ngay sau khi đó tôi đọc quyển sách thứ nhì của ông, là quyển «Phật Giáo Bí Truyền,» do linh tánh, tôi biết ngay rằng những điều trình bày trong hai

quyển sách ấy là đúng chân lý, và tôi chấp nhận ngay. Càng nghe và đọc những điều ấy làm cho tôi có một sự tha thiết mong muốn tìm biết thêm, học hỏi tất cả những gì tôi có thể học về vấn đề này, và theo đuổi chân lý khắp chốn trên thế gian nếu cần, cho đến khi nào tôi tìm thấy nó. Ít lâu sau, tôi xin từ chức trong giáo hội Anh Quốc và qua Ấn Độ, vì tôi cảm thấy tại xứ này tôi có thể đi sâu vào đạo lý nhiều hơn.

Nhân duyên thứ ba được nêu ra trong những kinh sách đông phương là sự mở mang trí huệ. Bằng sức mạnh của tư tưởng, nhờ sự thiên định suy gẫm ráo riết, con người có thể tự mình khám phá ra những nguyên tắc về đạo lý. Tuy nhiên, phương pháp này dường như ít có người áp dụng.

Nhân duyên thứ tư, cũng theo kinh đó, là sự trau dồi đức hạnh, điều này cũng có thể đưa con người vào đường đạo. Bằng cách kiên tâm bền chí trau dồi hạnh kiểm và làm việc thiện, một người có thể lần lần phát triển tâm linh và thấm nhuần ánh sáng đạo lý.

NHỮNG ĐỨC TÁNH CẦN THIẾT

Vào khoảng 40 năm về trước, những đức tánh cần thiết để bước vào đường đạo, theo quan điểm Phật Giáo bí truyền được nêu ra như sau:

Đức tánh thứ nhất, tánh Phân Biệt, người Ấn Độ gọi là «Viveka,» tiếng nam Phạn gọi là «Manodvaravajjana» nghĩa là sự mở cửa cái trí, hay nói đúng hơn, «sự giải thoát do nơi cửa trí huệ.» Đó là một cách độc đáo để trình bày ý tưởng này, vì ta sẽ có được tánh phân biệt khi cái trí ta mở rộng để cho ta biết nhận định điều chân với điều giả, điều tốt lành với điều bất hảo, và có thể phân biệt những đối tượng.

Đức tánh thứ hai, tánh Vô Dục, hay dứt bỏ lòng ham muốn, mà người Ấn Độ gọi là «Vairagya,» tiếng nam Phạn gọi «Parikamma,» có nghĩa là chuẩn bị hành động, ngụ ý rằng chúng ta phải chuẩn bị hành động trong thế giới huyền linh bằng cách *tập làm điều thiện chỉ vì ta yêu mến việc thiện.* Điều này ám chỉ một trạng thái hoàn toàn thân nhiên trước kết quả của mọi hành động, một trạng thái giống như tánh vô dục, mặc dầu dưới một quan điểm khác hẳn.

Đức tánh thứ ba là Hạnh Kiểm tốt, gồm có 6 điểm, người Ấn Độ gọi là «Shatsampatti,» tiếng nam Phạn gọi là «Upacharo» nghĩa là chăm chú lập hạnh. Để cho người học đạo có thể so sánh 6 điểm này với những điểm nêu ra trong quyển «Dưới Chân Thầy,» tôi xin lặp lại dưới đây những điều tôi đã trình bày trong quyển «Những người cứu trợ Vô Hình.»

Những điểm đó, theo tiếng nam Phạn (Pali) gồm có:

a) «Samo,» đức yên tĩnh, tức là thanh tịnh của cái trí, kết quả của việc hoàn toàn kiểm soát tư tưởng, một đức tánh vô cùng khó khăn, nhưng cũng tối cần thiết, vì trừ khi những tư tưởng của chúng ta không hoàn toàn chịu tuân theo mệnh lệnh của ý chí, nó không thể là một khí cụ hoàn toàn cho công việc của Chơn Sư về sau này. Đức tánh này rất quan trọng, nó gồm cả sự tự chủ và yên tĩnh cần thiết cho công việc ở cõi trung giới.

b) «Damo,» sự chế ngự hay tự chủ trong hành động và lời nói, đức tánh này phát sinh từ đức tánh kể trên, và ám chỉ sự tinh khiết.

c) «Uparati,» đức khoan dung, tiêu trừ mọi sự dị đoan mê tín, sự tin tưởng nơi những hình thức lễ bái của một tôn giáo nhứt định. Đức tánh này đưa người thí sinh đến sự độc lập về tư tưởng và lòng nhân từ khoan hậu.

d) «Titikkha,» đức kiên nhẫn, sẵn sàng chịu đựng một cách vui vẻ bất cứ điều gì do nghiệp quả đưa đến cho ta, và ly khai bất cứ vật gì thuộc về cõi thế gian, vào bất cứ lúc nào cần thiết. Đức tánh này ngoài ra còn ngụ ý một sự dửng dưng. Không thù hận hay bất bình vì những điều đau khổ xảy đến vì người thí sinh biết rằng những người nào làm khổ cho ta chỉ là những khí cụ của nghiệp quả mà ta phải trả.

e) «Samadhana,» sự kiên tâm, bền chí, tập trung mọi cố gắng vào một mục đích hay đường lối duy nhứt, không thể nào để sự cám dỗ làm cho đi lạc đường.

f) «Saddha,» đức tin, tin tưởng nơi Chơn Sư và tin nơi mình; nghĩa là tin rằng đức Thầy là một nhà hướng dẫn có đủ tài năng; người đệ tử – đầu cho y có ý nghĩ như thế nào trong lúc hiện tại về những quyền năng của y – vẫn có luôn luôn trong người của y điểm linh quang của Thượng Đế. Một khi điểm linh quang đó được khơi lên thành ngọn lửa, nó sẽ giúp cho y một ngày kia sẽ thực hiện được những gì Chơn Sư đã làm.

Đức tánh thứ tư, người Ấn Độ gọi là «Mumukshatva,» có thể dịch là «sự thiết tha mong muốn giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử,» người Phật tử gọi là «Anuloma» nghĩa là «sự thừa kế trực tiếp,» vì đức tánh này là kết quả tự nhiên của 3 đức tánh trên.

Nhờ sự so sánh đó, người ta thấy những đức tánh người thí sinh cần phải có để được điểm đạo lần thứ nhất, trên nguyên tắc căn bản đều giống nhau, đầu khi mới nghe qua có vẻ khác biệt. Chắc chắn trong 25 thế kỷ, và trước đó lâu hơn nữa, phương pháp bất di dịch này đã được noi theo để giúp cho sự tiến hóa của những người đặc biệt luôn luôn chiến đấu không ngừng cho lý tưởng.

Mặc dầu ở vào một vài thế hệ, trong đó có thế hệ của chúng ta, có những hoàn cảnh thuận tiện cho sự điểm đạo hơn ở những thế hệ khác, nhưng những điều kiện cần phải có, lúc nào cũng như nhau, và chúng ta đừng nghĩ rằng những đức tánh cần thiết đã được giảm bớt.

PHẦN THỨ BA

NHỮNG CUỘC ĐIỂM ĐẠO LỚN

CHƯƠNG 7

CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHẤT

(Chúng quả Tu Đà Huòn: Sotapatti)

ĐẰNG ĐIỂM ĐẠO ĐỘC TÔN

Nói đến sự điểm đạo, nhiều người cho rằng đó là một cấp bậc mà họ phải đạt, trên đường tu hành. Họ tưởng tượng người được điểm đạo là người đã tiến hóa rất cao và trở nên một nhân vật siêu đẳng, khác hẳn người thường. Quan niệm đó tuy đúng, nhưng chúng ta hiểu rõ hơn nếu chúng ta thử xét vấn đề theo quan điểm cao siêu hơn. Tánh cách quan trọng của sự điểm đạo không phải là việc đề cao một người, nhưng từ nay người ấy đã vĩnh viễn trở nên một phần tử của một cơ quan vĩ đại, một Hội các Thánh, nói theo danh từ siêu việt của Thiên Chúa Giáo, mặc dầu ít có người chú ý đến ý nghĩa thật sự của những danh từ đó. Ý nghĩa huyền diệu của cuộc điểm đạo vào Quần Tiên Hội sẽ được hiểu rõ hơn sau khi chúng ta đã xem xét sự tổ chức của Quần Tiên Hội và công việc của các Chơn Sư, mà chúng tôi sẽ giải bày trong những chương sau.

Người thí sinh, bắt đầu từ đây, đã trở nên khác hơn người thường, vì thí sinh là phần tử của một sức mạnh kinh khủng. Trên mỗi hành tinh, đức Thái

Dương Thượng Đế đều có một vị đại diện của Ngài, hành động cũng như một vị Phó Vương. Trên quả địa cầu của chúng ta, danh hiệu dành cho vị đại diện đó là «Đức Ngọc Đế.» Chính Ngài là vị Trưởng Thượng của nhóm Quần Tiên Hội; cơ quan này không phải chỉ là một tổ chức huyền bí, mà mỗi vị đều có những trách vụ riêng, nó cũng là một sự hợp nhứt vĩ đại, một khí cụ hoàn toàn uyển chuyển trong tay đức Ngọc Đế, một khí giới rất to tát mà Ngài có thể sử dụng. Có một thiên cơ huyền diệu và vô cùng mầu nhiệm, theo đó Đấng Độc Tôn sau khi đã tự phân tán ra thành thiên hình vạn trạng trên thế gian, nay đang ở vào thời kỳ hợp nhứt trở lại làm một. Không phải là một đơn vị nào trong cơ cấu toàn diện, sẽ mất phần nào quyền năng của nó, nhưng mỗi đơn vị sẽ thêm vào cơ cấu đó một cái gì lớn lao hơn gấp ngàn lần; từ nay nó là một phần của Thượng Đế, một phần thể xác của Ngài mang, khí giới của Ngài dùng, chiếc đòn của Ngài khảy, khí cụ của Ngài dùng làm công việc.

Trên thế gian, chỉ có một Đấng độc nhứt cầm quyền điếm đạo. Tuy nhiên, trong những cuộc điếm đạo thứ nhứt và thứ nhì, Ngài có thể phái một vị Chơn Sư thay mặt cho Ngài để chủ tọa cuộc lễ, nhưng vị chủ lễ này phải hợp nhứt với Thượng Đế và kêu gọi đến Ngài vào giờ phút quan trọng mà quả vị mới được ban cho người đệ tử. Cuộc điếm đạo thứ nhứt là một cơ hội huy hoàng và đáng ghi nhớ trong đời sống tâm linh của người đệ tử. Đức Chơn Sư Kuthumi đã giải thích

như thế khi Ngài thấu nhận đệ tử, Ngài nói với vị này như sau:

« – Nay con đã đạt được mục đích đầu tiên của những hoài bão của con, từ giờ phút này, Ta khuyên con hãy chú ý đến, những điều kiện khắc khổ hơn nhiều và cần thiết để vượt qua giai đoạn kế tiếp. Điều mà con sẽ chuẩn bị, sự «nhập lưu,» mà Thiên Chúa giáo gọi là sự «cứu rỗi,» là cái đích rốt ráo của một loạt những kiếp sống của con ở dưới cõi trần, kết quả thành tựu của 700 kiếp. Trong dĩ vãng xa xăm, có lúc con đã thoát kiếp thú để bước qua giai đoạn làm người. Trong tương lai, ta hy vọng sẽ đến một ngày gần đây, con sẽ thoát kiếp làm người bằng cái cửa của quả vị Chơn Tiên để trở nên một bậc Siêu Nhân. Khoảng giữa hai điểm cực đoan đó, không có giai đoạn nào quan trọng hơn giai đoạn điểm đạo, và bây giờ con phải đặt hết tư tưởng vào đó. Không những nó bảo đảm chắc chắn cho con từ nay về sau, mà nó còn thấu nhận con vào Quần Tiên Hội hằng có đời đời để giúp đỡ nhân loại.

Do đó, con hãy tưởng tượng nếu muốn nắm lấy cơ hội phi thường như thế, cần phải có sự chuẩn bị cẩn thận chu đáo là dường nào. Ta muốn con hãy luôn luôn ghi nhớ trong trí, sự tốt đẹp huy hoàng của cơ hội như thế, để cho con có thể sống theo kịp những lý tưởng cao siêu của nó. Thế xác con hãy còn trẻ đối với sự cố gắng vĩ đại như vậy, nhưng con có cơ hội hiếm có và tốt đẹp vô cùng. Ta muốn cho con hãy nắm lấy cơ hội đó một cách trọn vẹn.»

NGƯỜI TÂN ĐẠO ĐỒ³ ĐỐI VỚI QUẦN TIÊN HỘI

Khi một linh hồn được điểm đạo, nó trở nên một phần tử của một tổ chức chặt chẽ nhứt trên thế gian; từ nay, nó đã hợp nhứt với biển tâm thức rộng lớn của Quần Tiên Hội trong một thời gian khá lâu, người tân đạo đồ (người mới được điểm đạo) sẽ không thể hiểu tất cả tầm quan trọng của sự hợp nhứt đó. Người ấy phải đi sâu vào những thánh điện trước khi y có thể nhận định sự liên quan đó, chặt chẽ là dường nào, và tâm thức của đức Ngọc Đế rộng lớn là dường nào, mà tất cả các đấng Chơn Sư đều ít nhiều cùng chia sẻ với Ngài. Sự hợp nhứt đó là một điều mà chúng ta không thể hiểu nổi và diễn tả được ở cõi trần; nó thật siêu hình và tế nhị ngoài khả năng diễn tả của lời nói và văn tự. Tuy nhiên, nó vẫn có thật, và khi ta bắt đầu hiểu nó rồi, thì mọi sự đều là giả tạm.

Chúng ta đã thấy, bằng cách nào người đệ tử chánh thức có thể đặt tư tưởng của y bên cạnh tư tưởng của Chơn Sư. Bây giờ người tân đạo đồ có thể đặt tư tưởng của y bên cạnh tư tưởng của Quần Tiên Hội, và thu thập phần nào tâm thức vĩ đại đó, tùy theo khả năng tiếp nhận của y. Khi y càng thu thập nó về mình, thì y lại càng có thể thấu thêm nhiều hơn, và tâm thức của y sẽ mở rộng để cho những tư tưởng chật hẹp

³ Đạo đồ: người đệ tử đã được điểm đạo.

không thể nào còn, đối với y. Cũng như người đệ tử chánh thức phải coi chừng, đừng gây sự xáo trộn trong những hạ thể của Chơn Sư, để khỏi gây ảnh hưởng không tốt đến công việc của Ngài, người đạo đồ cũng phải giữ gìn đừng để có một sự gì bất điều hoà trong biến tâm thức vĩ đại của Quần Tiên Hội hành động như một đại thể.

Người ấy phải nhớ, toàn thể Quần Tiên Hội không phải làm cùng một công việc giống như của các Chơn Sư. Nhiều vị trong các Ngài có những việc khác, đòi hỏi sự chú ý hoàn toàn và sự yên lặng tuyệt đối. Nếu trong các vị tân đạo đồ, thỉnh thoảng có vị nào quên mất hoài bảo cao xa của mình, và gây ra những xáo trộn cho Quần Tiên Hội thì điều đó sẽ ảnh hưởng đến công việc của các Đấng cao cả. Những Chơn Sư của chúng ta có thể bỏ qua việc ấy, đôi khi cũng sẵn lòng chịu đựng một vài sự phiền nhiễu như thế, vì các Ngài nghĩ đến tương lai, khi người tân đạo đồ thật sự biết sử dụng những quyền năng của mình vào những việc lớn. Nhưng chúng ta có thể hiểu những Đấng cao cả khác, không có nhiệm vụ huấn luyện đệ tử, có thể nói: «Công việc của Chúng Ta bị xáo trộn, vậy những người hãy còn non nớt đó tốt hơn hãy đứng ở ngoài!» Các Ngài sẽ nói không có việc gì mất cả, ở ngoài cũng có thể tiến bộ được, và các vị đệ tử có thể tiếp tục sửa mình cho tốt đẹp hơn, tinh tiến hơn và khôn ngoan hơn, trước khi được điểm đạo.

Sự mở rộng tâm thức của người tân đạo đồ là một sự huyền diệu đến nỗi người ta có thể diễn tả sự thay đổi đó như là một cuộc phục sinh. Người ấy bắt đầu sống một cuộc đời mới «như đứa trẻ nhỏ,» cuộc đời của đấng Christ; và đấng Christ, tức là tâm thức trực giác hay tâm thức bồ đề xuất hiện tự trong tâm của y. Người ấy từ nay cũng có quyền năng ban rải ân huệ của Quần Tiên Hội, ân huệ này là một thần lực mạnh mẽ phi thường, mà y có thể ban rải hay gọi đến cho bất cứ người nào mà y thấy xứng đáng và hữu ích. Nguồn thần lực của Quần Tiên Hội sẽ đi xuyên qua y ít nhiều tùy theo khả năng thu nhận của y. Y có trọn quyền sử dụng thần lực và hoàn toàn có trách nhiệm điều khiển thần lực ấy, với bất cứ mục đích nào do y chọn lựa. Trong cuộc lễ điểm đạo, ân huệ mà Vị chủ lễ ban cho người đệ tử, có nghĩa như sau: «Ta ban ân huệ cho con; Ta ban rải thần lực cho con. Về phần con hãy luôn luôn ban sự thiện chí cho kẻ khác.»

Người tân đạo đồ càng có nhiều đức tin chừng nào thì luồng thần lực đi xuyên qua y càng lớn chừng nấy. Nếu y cảm thấy do dự, hoặc không dám lãnh trách nhiệm để cho một số thần lực mạnh mẽ đi xuyên qua y, y sẽ không thể dùng quyền năng huyền diệu đó đến mức tột độ. Nếu y có đức tin, hoàn toàn chắc chắn, vì y đã hợp nhứt với các Ngài nên tất cả mọi sự y đều có thể làm được, y sẽ đi khắp thế gian như một vị thiên thần gieo rắc ánh sáng chân lý, niềm vui tươi và ân huệ ở bất cứ nơi nào y đến.

Tâm thức của Quần Tiên Hội là một điều huyền diệu không tả. Nó giống như một biển đại dương yên lặng, sáng láng, và hợp nhứt một cách tuyệt diệu đến nỗi một gợn sóng nhỏ nhứt trong biển tâm thức đó tức khắc lan rộng cùng khắp nơi trong chớp nhoáng đến chỗ tận cùng. Tuy nhiên đối với mỗi nhân viên Quần Tiên Hội, hình như nó là một tâm thức riêng biệt cá nhân, tuy nó bao hàm một mãnh lực, một sức mạnh và một sự minh triết, không một tâm thức riêng của một người nào có thể có được.

Cũng như các vị đệ tử hợp nhứt với Chơn Sư, Quần Tiên Hội cũng hợp nhứt thành một với đức Ngọc Đế. Những nhân viên Quần Tiên Hội có thể tự do tranh luận với nhau về mọi vấn đề, nhưng giữa họ có một sự hợp nhứt chặt chẽ cũng như những khía cạnh khác nhau của một vấn đề đều hiện ra trước một người mà thôi. Do đó, tâm thức của Quần Tiên Hội luôn luôn bao la và yên lặng, không có gì lay chuyển được. Tuy nhiên, trong sự tranh luận mỗi đề nghị đều được hoan nghinh; người ta có cảm giác như toàn thể Quần Tiên Hội đều trông đợi với một sự thích thú lớn lao nhứt, sự góp phần của mỗi nhân viên vào việc cứu xét vấn đề đang thảo luận. Ở thế gian không điều gì có thể so sánh với tâm thức đó. Đạt đến nó, tức là tiếp xúc với một cái gì mới mẻ và lạ lùng, nhưng vô cùng huyền diệu và siêu việt một cách không tả, một cái gì không thể dẫn chứng hay so sánh được, nhưng nó tự

hiên nhiên, như thuộc về một cõi giới huyền bí và cao siêu hơn nhiều.

Tuy rằng những nhân viên Quần Tiên Hội đều hỗn hợp một cách lạ lùng với cái tâm thức đó, nhưng họ vẫn giữ sắc thái riêng biệt của mỗi người, vì sự đồng ý của mỗi vị đều là cần thiết trong mọi quyết định quan trọng. Quyền uy của đức Ngọc Đế thật là tuyệt đối; tuy nhiên chung quanh Ngài lúc nào cũng có một hội đồng các Tiên Thánh, và Ngài sẵn sàng xem xét mọi khía cạnh của một vấn đề mà bất cứ lúc nào một nhân viên của hội đồng cũng có thể trình lên Ngài xem xét. Nhưng chánh phủ huyền bí đó hoàn toàn khác hẳn mọi thể chế đại nghị của thế gian; những vị đó uy quyền đối với kẻ khác đều không do một đảng phái nào bầu cử hay chỉ định. Các Ngài sở dĩ có địa vị hiện tại là do các Ngài tự lực đạt tới bằng sự phát triển tâm linh và bằng sự minh triết siêu đẳng. Không một vị nào hoài nghi điều gì về một quyết định của thượng cấp, vì các Ngài biết vị thượng cấp đó quả thật cao hơn mình, vì vị này có một tâm nhìn rộng lớn hơn và một khả năng quyết định bao quát hơn. Đối với các bậc Siêu Nhân đó, không thể có vấn đề bị bắt buộc suy nghĩ hay hành động theo một chiều. Tuy nhiên, các Ngài có một đức tin hoàn toàn nơi tổ chức vĩ đại của các Ngài, đến nỗi không bao giờ các Ngài có thể khác biệt nhau.

NHỮNG TRƯỜNG HỢP THẤT BẠI

Trong một tổ chức như thế, chắc chắn không thể có một sự thất bại, hay một sự rối rắm nào xảy ra. Tuy nhiên, vì bẩm tánh con người vốn yếu ớt, và bởi vì không phải tất cả các nhân viên Quân Tiên Hội đều là những bậc siêu nhân, nên thỉnh thoảng cũng xảy ra một vài trường hợp thất bại mặc dầu rất hiếm. Trong quyển «Ánh Sáng trên Đường Đạo» nói rằng: «Có người vừa bước đến gần cửa đạo, đã lùi lại vì không đảm đương nổi trách nhiệm quá nặng nề, và không thể tiến tới nữa.» Chỉ có quả vị Chơn Tiên (Asekha) mới bảo đảm cho chúng ta một sự an toàn tuyệt đối. Vị cầm quyền điểm đạo nói với người thí sinh rằng từ nay y đã «nhập lưu» cho nên y đã vĩnh viễn được an toàn. Mặc dầu thế, y cũng vẫn còn có thể trì hoãn sự tiến bộ của y trong một thời gian rất lâu, nếu y vấp ngã trước những cám dỗ, nó hãy còn lớn vòn trên bước đường của y đi qua. Được vĩnh viễn an toàn, có nghĩa là được bảo đảm chắc chắn, mình sẽ vượt qua cùng với luồng sóng sinh hoạt hiện thời, nghĩa là không bị bỏ sót lại vào ngày «phán xét cuối cùng» vào khoảng giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, khi đấng Christ hạ giáng xuống cõi vật chất quyết định những linh hồn nào sẽ bị bỏ sót lại, và những linh hồn nào sẽ tiếp tục tiến hóa đến mức cuối cùng của dãy hành tinh hiện tại. Không có ai bị sa đọa đời đời kiếp kiếp. Như đấng Christ đã nói, sự ngưng trệ đó chỉ diễn ra trong một thời kỳ rất lâu. Có những linh hồn không thể tiếp tục tiến tới nữa

trong chu kỳ hiện tại, nhưng họ sẽ tiếp tục trong chu kỳ kế tiếp, cũng như một đứa trẻ học dốt không thể thi đậu vào kỳ thi cuối năm, sẽ học khá hơn trong năm tới và có thể họ sẽ đứng đầu lớp trong khóa học tới.

Khi việc đáng buồn đó xảy ra, khi một trong số các vị được điểm đạo có một người bị thất bại, thì một cơn sóng đau thương làm rung động khắp cả biển tâm thức của Quần Tiên Hội, vì sự chia ly của một vị ra khỏi toàn thể chẳng khác nào như một cuộc giải phẫu, nó xé rách sợi dây liên lạc mật thiết nối liền tất cả làm một. Tuy nhiên, vị đạo đồ đi lạc đường không phải là bị ly khai một cách vĩnh viễn, vì sợi dây liên lạc với Quần Tiên Hội không thể bị cắt đứt, mặc dầu chúng không biết gì về những sự thử thách, gian truân và đau khổ mà y phải trải qua trước khi được phối hiệp trở lại với toàn thể.

«Tiếng nói của im lặng vẫn ngự trong lòng y, mặc dầu hoàn toàn rời khỏi đường đạo, nhưng một ngày kia, tiếng nói đó sẽ vang dội trở lại chế ngự, và ly khai những dục vọng, với những đức tánh thiêng liêng của y. Khi đó, với sự đau khổ và những tiếng kêu tuyệt vọng của phạm ngã bị bỏ rơi, y sẽ trở lại.»⁴

Những nghi thức điểm đạo tuy vẫn không thay đổi đã trải qua các thời đại, nhưng vẫn có một sự co giãn tùy nghi. Những lời đàm thoại giữa Đấng điểm

⁴ Ánh Sáng trên Đường Đạo, phần I, qui tắc 21.

đạo với người thí sinh luôn luôn giống nhau ở đoạn đầu, như hầu hết trong mọi trường hợp, phần thứ nhì gồm những lời răn dạy cá nhân của Ngài ban cho người thí sinh.

Phần này thường được gọi là phần riêng tư của cuộc đàm thoại. Tôi cũng thấy có những trường hợp, Ngài tạo ra hình ảnh kẻ thù lớn nhất của người thí sinh, và hỏi y sẽ đối xử với người thù đó như thế nào, để xem y có sẵn lòng và hoàn toàn tha thứ để giúp đỡ người ấy không, nếu có cơ hội giúp đỡ đến với y. Trong vài trường hợp, Ngài cũng hỏi người thí sinh về những công việc mà y đã làm, và đôi khi những người đã từng được y giúp đỡ cũng được mời đến làm chứng...

Dưới đây là bài tường thuật một cuộc lễ điểm đạo.

CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHẤT (Chứng quả Tu Đà Huòn: *Sotapatti*)

Vì năm đó (1915) lễ Wesak nhằm buổi sáng sớm ngày 29 tháng 5 dương lịch, nên đêm 27 được chọn, để cử hành lễ điểm đạo cho một thí sinh, và chúng tôi được lệnh chuẩn bị sẵn sàng. Trong dịp này, đức Di Lạc Bồ Tát là Đấng chủ lễ điểm đạo, do đó cuộc lễ diễn ra trong khu vườn của nhà Ngài. Nếu đức Chon Sur Morya hay Chon Sur Kuthumi hành lễ, cuộc lễ thường

diễn ra nơi một ngôi đền cổ trong động đá, mà cửa vào ở gần chiếc cầu bắc ngang qua sông gần nhà các Ngài ở. Các vị Chon Tiên hội họp đông đủ, tất cả những vị chúng tôi được biết tên đều có mặt. Khu vườn đêm hôm ấy rất thanh lịch, những bụi hoa sơn lựu (rhododendron) đều trở bông màu đỏ sậm và không khí trong vườn thơm ngát mùi hương của những khóm hoa hường nở sớm.

Đức Di Lạc Bồ Tát ngồi trên chiếc ghế cẩm thạch, dưới gốc cây cổ thụ trước nhà Ngài. Các vị Chon Sư ngồi theo hình bán nguyệt ở hai bên tả hữu, trên sân thượng đây cỏ, những chiếc ghế dành sẵn cho các Ngài. Đức Bàn Cổ Vaivasvata và đức Văn Minh Đại Đế cũng ngồi trên ghế cẩm thạch ở bên cạnh đức Bồ Tát.

Người thí sinh, cùng vị Chon Sư giới thiệu y, đứng ở bậc dưới sân thượng, ngay dưới chân đức Bồ Tát. Phía sau, còn có những vị đệ tử khác, hoặc đã, hay chưa được điểm đạo, vài người hiếu kỳ được hân hạnh chứng kiến cuộc lễ, đôi khi không muốn cho họ thấy những hành động của những Đấng cao cả một tấm màn ánh sáng che khuất. Người thí sinh, theo lệ, được mặc áo dài bằng vải trắng, còn các Chon Sư phần nhiều mặc y phục bằng lụa trắng có thêu ren vàng chung quanh.

Một nhóm rất đông các vị thiên thần bay lượn trên không, làm cho bầu không khí tràn đầy một loại

nhạc êm dịu; nhạc này, rất huyền bí và lạ lùng, hình như, toàn thể người thí sinh cũng tiết ra một âm điệu phức tạp khó tả, biểu lộ những đức tánh và khả năng tiềm tàng của y. Loại âm nhạc đó, vẫn tiếp tục suốt buổi lễ, làm nổi bật một cách tế nhị mọi lời nói thốt ra, làm bối cảnh cho mọi câu chuyện; cũng như tiếng suối chảy nhẹ nhàng ở xa xa làm bối cảnh cho thiên nhiên, cho tiếng chim hót trên cành, nhưng cũng vang lừng đến một mực hùng vĩ ở một vài giai đoạn của cuộc lễ. Âm nhạc đó làm cho không khí vang rền những âm ba, làm cho giọng của người nói trở nên phong phú thêm. Trong mỗi trường hợp, âm nhạc đó căn cứ trên bản chất đặc biệt của người thí sinh, biến đổi âm điệu và biểu lộ những đặc tính hiện tại và tương lai của y, bằng một cách, mà người thế gian như chúng ta không thể hiểu.

Người thí sinh đứng ở chính giữa khung cảnh như đã nói ở trên, đứng hai bên là hai vị Chon Sư đề nghị và ủng hộ y vào Quần Tiên Hội. Đức Thầy của y là Chon Sư Kuthumi dắt y tới trước, còn Chon Sư Jésus là vị ủng hộ. Đức Di Lạc Bồ Tát vừa mỉm cười vừa thốt ra câu hỏi mở đầu cuộc lễ:

- «Quý vị đưa vị nào đến đây?»

Đức Thầy đáp lại như thường lệ:

- «Thưa đây là một thí sinh xin được nhận vào Quần Tiên Hội.»

Kế đó Ngài hỏi:

- «Đạo huynh có bảo đảm y xứng đáng được nhận vào Quần Tiên Hội không?»

Và câu đáp như thường lệ:

- «Tôi bảo đảm.»

- «Đạo huynh có sẵn lòng dìu dắt y trên đường đạo mà y muốn gia nhập hay không?»

Và đức Thầy đáp: «Tôi sẵn lòng.»

- «Luật lệ của chúng ta bắt buộc phải có hai vị Chơn Sư đứng bảo đảm cho mỗi thí sinh. Vậy có đạo huynh nào khác sẵn sàng ủng hộ sự thỉnh cầu của y hay không?»

Khi đó, vị ủng hộ lên tiếng trả lời:

- «Tôi sẵn sàng ủng hộ.»

Đức Bồ Tát hỏi:

- «Chư huynh có chắc, nếu y được ban thêm quyền năng, y sẽ dùng những quyền năng ấy để phụng sự thiên cơ hay không?»

Và đức Thầy Kuthumi trả lời:

- «Trong kiếp này, đời sống của thí sinh tuy ngắn ngủi, nhưng y đã lập nhiều công quả, và bắt đầu làm việc của chúng ta trên thế gian. Kiếp sống ở Hy Lạp y

cũng đã hoạt động nhiều để phổ biến nền triết học của tôi, và cải thiện xứ sở của y.»

Chon Sư Jésus nói thêm:

- «Trải qua hai kiếp sống, y đã kiên nhẫn làm công việc của tôi, sửa đổi những điều tệ đơan và nêu cao lý tưởng cao thượng trong cuộc đời của y với tư cách một nhà lãnh đạo. Trong một kiếp khác làm một tu sĩ, y đã truyền bá giáo lý đê cao những đức tánh trong sạch, bác ái và vị tha. Vì những lý do đó, nên bây giờ tôi bằng lòng ủng hộ y.»

Kế đó, đức Bồ Tát mỉm cười nhìn thí sinh, và nói:

- «Thí sinh này là người trẻ tuổi nhất được trình diện để xin được nhận vào Quần Tiên Hội. Có một nhân viên nào của Quần Tiên Hội còn đang ở thế gian sẵn sàng nhân danh chúng ta để giúp đỡ và chỉ dạy cho y chăng?»

Sirius từ trước đến giờ vẫn đứng chung với nhóm đệ tử ở phía sau, bèn bước tới trước và nói:

- «Bạch Bồ Tát, tùy khả năng của con, và ngày nào con còn ở gần bên y, con sẽ vui lòng giúp đỡ y bất cứ việc gì mà con có thể.»

Đức Bồ Tát nói:

- «Con có dành cho thí sinh này một tình huynh đệ chân thành và con luôn luôn sẵn sàng dìu dắt y chăng?»

Sirius đáp: «Con vui lòng.»

Đức Bồ Tát khi ấy mới hỏi thí sinh lần đầu tiên và một cách trực tiếp:

- «Về phần con, con có thương yêu sư huynh của con chẳng, để khi cần con sẽ được y giúp đỡ?»

Người thanh niên đáp lại:

- «Con đã thương yêu sư huynh con với tất cả tấm lòng, vì nếu không có sư huynh, thì ngày nay con không thể gặp cơ hội này.»

Đức Bồ Tát nghiêng đầu một cách trân trọng, và các Chon Sư đưa người thí sinh bước đến đứng ngay trước mặt Ngài. Ngài nhìn thẳng vào người thí sinh và nói:

- «Con có muốn gia nhập vào Hội Quần Tiên hằng có đời đời chẳng?»

Người thiếu niên đáp:

- «Bạch Bồ Tát, con xin gia nhập, nếu Ngài thấy con có đủ điều kiện, mặc dầu xác thân con hãy còn quá trẻ.»

Đấng điem đạo hỏi:

- «Con có biết mục đích của Quần Tiên Hội chẳng?»

Người thí sinh đáp: Mục đích của Quần Tiên Hội là thi hành ý muốn của Thượng Đế bằng cách thực hiện thiên cơ, đó là cơ tiến hóa.

Đức Bồ Tát nói:

- «Con có cam kết từ nay trở đi, con sẽ hiến dâng tất cả cuộc đời và tất cả sức lực của con cho việc phụng sự nhân loại chẳng? Con có tuyệt đối quên mình vì hạnh phúc của nhân loại, hoàn toàn sống một cuộc đời bác ái như lòng bác ái của Thượng Đế ban rải khắp muôn loài?»

Người thiếu niên đáp:

- «Con sẽ cố gắng làm như thế với tất cả khả năng của con, và với sự giúp đỡ của Sư Phụ con.»

- «Con có hứa sẽ giữ bí mật những điều mà con được lệnh phải giữ kín chẳng?»

Người thí sinh đáp: «Con xin hứa.»

Kế đó, những câu hỏi thông thường về mọi hình thức sinh hoạt cùng công việc ở cõi trung giới được đưa ra cho người thí sinh. Nhiều vật thuộc cõi trung giới được đưa cho y xem, và y phải nói với Đấng điểm đạo biết đó là vật gì? Y phải phân biệt những thể vía của người sống và người chết, sự khác biệt giữa một người với hình tư tượng của một người, một vị Chơn Sư thật với một vị Chơn Sư giả tạo, giống như thật. Kế đó, Đấng điểm đạo chỉ cho y nhiều trường hợp thuộc

cõi trung giới, và hỏi y sẽ giúp đỡ mỗi trường hợp bằng cách nào? Người thí sinh trả lời tùy theo sự hiểu biết của y. Sau cùng, Ngài mỉm cười và nói rằng Ngài rất hài lòng về những câu trả lời đó.

Khi đó, Đấng điếm đạo thốt ra một bài diễn văn, lời lẽ nghiêm trang, trang nhã, phần đầu luôn luôn giống nhau, nhưng phần cuối có thêm một đoạn nhắn nhủ riêng mỗi thí sinh, tùy trường hợp. Bài diễn văn đó giải thích công việc của Quân Tiên Hội trên thế gian, và trách nhiệm giao phó cho mỗi nhân viên, vì mỗi người phải chia sẻ một phần gánh nặng đau khổ của thế gian. Mỗi người phải sẵn sàng giúp đỡ bằng công việc làm và bằng sự góp ý kiến. Chỉ có một Hội Quân Tiên, hành động dưới một định luật và một vị Chủ Tế; mỗi vị đạo đồ đều có vinh hạnh đem sự hiểu biết và khả năng của mình để góp phần vào cho Quân Tiên Hội sử dụng, hầu xúc tiến công việc giúp đỡ sự tiến hóa của nhân loại. Mặc dầu đức Ngọc Đế có quyền hành tuyệt đối, nhưng không có một quyết định quan trọng nào mà không có sự đồng ý của mọi người chỉ đến người trẻ tuổi nhất của Quân Tiên Hội. Mỗi vị là một đại diện của Quân Tiên Hội ở bất cứ nơi nào trên thế giới mà y đến, mỗi người đều cam kết hiến mình cho Quân Tiên Hội sử dụng, đi đến bất cứ nơi nào, mà y được gọi đi và phụng sự bằng mọi phương tiện cần thiết. Những nhân viên trẻ tuổi sẽ vâng lời những vị trưởng thượng của họ, những vị này có thể

giúp đỡ bằng sự hiểu biết riêng của mình, và có thể đề nghị bất cứ điều gì mà họ cho là hữu ích.

Mỗi vị đạo đồ sống ở thế gian phải nhớ, y là một trung tâm do đó thần lực của đức Ngọc Đế có thể được gọi xuyên qua, để giúp đỡ những kẻ cần giúp đỡ, và các đấng Chơn Sư có thể dùng y bất cứ lúc nào như một đường vận hà để chuyển di ân huệ của các Ngài. Vậy, mỗi vị đạo đồ trẻ tuổi phải luôn luôn sẵn sàng để được sử dụng bất cứ lúc nào, y không thể biết trước ngày giờ nào y được cần dùng đến. Đời sống của vị đạo đồ phải là một cuộc đời hoàn toàn hiến dâng cho kẻ khác. Y phải để ý luôn luôn, để nắm lấy mọi cơ hội phụng sự, và lấy việc phụng sự đó làm một nguồn vui lớn nhất của mình. Y phải nhớ rằng danh dự của Quân Tiên Hội ở trong tay y, và y phải giữ gìn cẩn thận, đừng để cho bất cứ một lời nói hay hành động nào có thể làm bôi nhọ hoặc làm giảm giá trị Quân Tiên Hội trong mắt người đời. Y đừng tưởng, vì y đã nhập lưu, nên mọi sự thử thách và cố gắng sẽ chấm dứt đối với y. Trái lại, y còn phải thực hành những cố gắng lớn lao hơn nữa, nhưng y sẽ có một sức mạnh tinh thần lớn lao hơn để theo đuổi những cố gắng đó, y sẽ có một quyền năng rộng lớn hơn trước rất nhiều, nhưng đồng thời trách nhiệm của y cũng sẽ nặng nề hơn. Y phải nhớ không phải với tư cách cá nhân mà y đã thực hiện được một bước tiến nó nâng y lên cao hơn những kẻ đồng loại. Trái lại, y nên vui mừng vì nhân loại, do nơi y, đã tiến thêm được một ít, đã tự giải thoát

khỏi những sự kiềm tỏa của nó trong phạm vi nhỏ hẹp đó. Ân huệ của Quân Tiên Hội luôn luôn đến với y, nhưng nó sẽ đến với y nhiều hay ít, tùy theo mức độ mà y ban rải cho kẻ khác, đó là luật bất di dịch từ muôn đời.

Đó là đại ý phần đầu của bài diễn văn, thường không thay đổi. Nhưng đoạn sau là phần nhấn nhủ riêng, từng thí sinh, Đấng điếm đạo nói thêm như sau:

- «Thế xác của con còn quá trẻ để có thể nhận trách nhiệm nặng nề của cuộc điếm đạo. Tuy nhiên chính sự trẻ trung đó đem đến cho con một cơ hội tốt đẹp, như bất cứ một điếm phúc nào mà người đời hằng ao ước. Nó là kết quả tốt lành của những tiền kiếp hy sinh của con. Vậy con hãy giữ sao cho trong kiếp này, con tỏ ra xứng đáng với điếm phúc đó. Chúng Ta tin tưởng trong khi quyết định thân nhận một người còn trẻ tuổi như con, Chúng Ta đã chọn lựa một cách khôn ngoan. Con hãy luôn luôn ghi nhớ sự hợp nhứt tuyệt đối giữa tất cả chúng ta, là những nhân viên của một Quân Tiên Hội duy nhứt, để không bao giờ con làm thương tổn cơ quan này. Nhờ bắt đầu sớm, nên con có thể tiến rất xa trong kiếp này. Đường đạo tuy gay go hiểm trở, nhưng con sẽ có đủ sức mạnh tinh thần để vượt qua. Con hãy tập có sự minh triết, chủ trị các hạ thể, mở mang những đức tánh sốt sắng, cương quyết và nhìn xa. Hãy nhớ rằng Ta đang trông đợi nơi con để làm một người phụ tá tin cẩn của Ta khi Ta lâm phạm để truyền đạo dưới thế gian. Nhờ giàu

lòng bác ái mà con đã đạt được quả vị hiện tại. Con hãy nuôi lòng bác ái đó cho tăng trưởng và mạnh mẽ thêm lên, và nó sẽ nâng đỡ con đến mục đích.»

Kế đó, đức Bồ Tát dạy qua các Chơn Sư và nói:

- «Tôi nhận thấy thí sinh này đủ điều kiện. Vậy tất cả quý vị có mặt hôm nay có đồng ý thâm nhận y vào Quần Tiên Hội chăng?»

Tất cả các vị đều trả lời: «Chúng tôi đồng ý.»

Đấng điếm đạo bèn đứng dậy, hướng mặt về hướng Shamballa và hô to:

- «Nhân danh Ngài, đức Ngọc Đế hằng có đòi đòi, tôi có được phép thâm nhận vị thí sinh này chăng?»

Đáp lại lời cầu xin của Đấng điếm đạo, ngôi sao chớp sáng trên đầu Ngài để biểu lộ sự chuẩn y của đức Ngọc Đế. Tất cả cử tọa đều cúi rạp xuống, trong khi đó âm nhạc thiên thần nổi lên một cách hùng dũng như một bài hành khúc tuyệt diệu. Giữa lúc ấy, hai vị Chơn Sư dắt người thí sinh tiến lên, để y quì xuống trước mặt Đấng điếm đạo, đại diện đức Ngọc Đế là Đấng duy nhất cầm quyền thâm nhận vào Quần Tiên Hội. Một đường ánh sáng chói loà, như một tia chớp nhoáng, đi từ ngôi sao đến quả tim Đấng điếm đạo, và từ Ngài đến quả tim người thí sinh. Dưới ảnh hưởng của luồng từ điển thần diệu đó, ngôi sao bạc của tâm thức, tượng trưng điếm Chơn Thần của người thí sinh,

nở lớn và chói sáng cho đến khi tràn ngập thể thượng trí của y, và trong một lúc, Chơn Thần hồn hợp làm thành một với Chơn Nhơn, cũng như chúng sẽ hợp nhứt vĩnh viễn khi con người đắc quả vị Chơn Tiên. Đức Bồ Tát đặt hai bàn tay Ngài lên đầu thí sinh, và gọi đích tên y, Ngài nói:

- «Nhân danh Đấng điểm đạo duy nhứt, ngôi sao chiếu sáng trên đầu chúng ta, Ta nhận con vào Quần Tiên Hội hằng có đời đời. Con hãy cố gắng để trở thành một nhân viên xứng đáng và hữu ích của Quần Tiên Hội. Từ nay con đã được vĩnh viễn an toàn; con đã nhập lưu và xuôi dòng tiến bước. Ta chúc con sớm đạt tới bến giác!»

Khúc nhạc thiên thần lại trôi dạt trong một biển âm thanh ngọt ngào du dương, dường như làm tràn đầy không khí với một sức mạnh và niềm vui mừng khôn tả. Đấng điểm đạo cùng hai vị Chơn Sư đỡ đầu và người thí sinh đều được bao phủ trong những màu sắc tốt đẹp vô cùng. Những luồng ân huệ của đức Bàn Cổ, đức Văn Minh Đại Đế, và sau cùng của đức Phật Thích Ca Như Lai ban xuống cho người thí sinh; từ nay lại có thêm một người con của nhân loại đã bước vào cửa đạo. Ngôi sao bạc dường như nở lớn và bao trùm Đấng điểm đạo cùng với người đạo đồ trong một vòng ánh sáng huy hoàng. Khi hai vị cùng bước ra khỏi vòng ánh sáng huy hoàng đó, thì y phục của người thí sinh không còn bằng vải nữa, mà bằng lụa

trắng, giống như của những vị đạo đồ khác đã được điếm đạo.

Khi Đấng điếm đạo làm cho thể thượng trí của Ngài chiếu sáng, và thể thượng trí của vị tân đạo đồ cũng chiếu sáng đáp lại, đó là một cảnh tượng tốt đẹp vô cùng. Ánh sáng màu lục và màu vàng chiếu diệu, và điếm Chơn Thần, lúc bình thường chỉ là một điếm ánh sáng nhỏ bên trong hột lưu tánh nguyên tử của thể thượng trí, khi đó chói sáng rực rỡ. Trong dịp đó, điếm Chơn Thần hỗn hợp với một mảnh của nó là Chơn Nhơn, và chính nó đã lập những lời nguyện. Ảnh hưởng trên thể vía cũng là một điều rất lý thú. Nó làm cho thể vía rung động nhịp nhàng, mà vẫn không mất sự thăng bằng, từ nay nó có thể cảm giác một cách tế nhị hơn trước rất nhiều, tuy vẫn còn dưới sự kiểm soát của đương sự. Đấng điếm đạo tạo nên sự nhịp nhàng đó bằng cách làm cho thể vía của người thí sinh rung động theo cùng một nhịp với thể vía của Ngài và đồng thời làm cho nó được vững vàng kiên cố hơn, để cho khỏi bị dễ lay chuyển hay dao động, trái lại có một khả năng rung động mãnh liệt hơn trước.

Khi đã làm xong tất cả những điều đó, Đấng điếm đạo mới ban chìa khoá hiểu biết cho người tân đạo đồ, và dạy cho y biết làm thế nào nhìn một cách đúng đắn bằng nhãn quang siêu phàm để nhận ra bất cứ một nhân viên nào của Quần Tiên Hội mà y chưa được quen biết. Ngài truyền lệnh cho một vài vị cao đồ của Chơn Sư hãy trông nom săn sóc người tân đạo đồ

trong việc luyện kim thân, hay là thể bồ đề, càng sớm càng hay. Đến đây, cuộc lễ chấm dứt và những vị Chơn Sư hội họp tại đó đều ban ân huệ cho người tân đạo đồ. Khi đó, đến lượt người tân đạo đồ ban ân huệ của Quần Tiên Hội cho thế gian, đó là lần đầu tiên mà y sử dụng quyền năng mới, và mạnh mẽ được giao phó cho y. Luồng ân huệ đó được ban xuống cho thế gian giúp thêm sự sống mới cho mọi loài, mỗi sinh vật đều được ban thêm một ít sức mạnh, một ít mỹ lệ. Tất cả đều tỏ vẻ khoan khoái và biết ơn. Khi một người con của nhân loại gia nhập vào Quần Tiên Hội, thì tất cả vạn vật trong thiên nhiên đều vui mừng, vì có thêm một sức mạnh tăng cường trong hàng ngũ của những bậc chí thiện, để sau cùng sẽ giúp đỡ họ giải thoát khỏi vòng đau khổ. Sự sống trên thế gian là sự sống duy nhất, và khi một đơn vị nào của toàn thể thực hiện được sự tiến bộ rõ rệt, thì tất cả mọi loài trong thiên nhiên đều chia sẻ sự thành công đó, đều là những loài mà chúng ta thường gọi một cách sai lầm là vô tri giác.

Khi cuộc lễ chấm dứt, các Chơn Sư ban lời khen tặng cho vị tân đạo đồ và ngôi sao sáng biến mất.

Qua đêm sau, tôi được lệnh đưa người tân đạo đồ đến trình diện cho đức Ngọc Đế. Đây là một danh dự rất phi thường, và không gồm trong những nghi thức của cuộc điểm đạo thứ nhất. Nó chỉ được diễn ra trong lần điểm đạo thứ 3 mà thôi. Chúng tôi đến Shamballa vào giờ đã định và được tiếp kiến tại nơi đại điện như thường lệ.

Chúng tôi thấy đức Ngọc Đế đang ngồi trò chuyện với đức Phật Thích Ca và đức Di Lạc Bồ Tát. Đức Di Lạc trình diện người tân đạo đồ cho đức Ngọc Đế, như là «một người em nhỏ nhút, một ngôi sao bác ái luôn luôn chói rạng,» và đức Ngọc Đế (Sanat Kumara) mỉm cười một cách dịu dàng khi người thiếu niên quỳ dưới chân Ngài. Người tân đạo đồ chấp tay vái chào các Ngài theo kiểu đông phương, đức Ngọc Đế đưa bàn tay mặt của Ngài ra, nắm lấy cả hai bàn tay của y và nói: «Con đã cố gắng rất nhiều và Ta rất hài lòng về con. Ta cho gọi con đến để nói với con như thế. Con hãy tiếp tục và cố gắng hơn nữa, vì Ta trông cậy nơi con sẽ đóng một vai trò lớn trong tương lai của giống dân mới sau này. Ngôi sao của Ta chói sáng trên đầu con vài giờ trước đây, con hãy nhớ, nó sẽ luôn luôn lơ lửng trên đầu con, mặc dầu con không trông thấy nó; nơi nào nó chói rạng, nơi đó sẽ có ân huệ, sự tinh khiết và bình an.»

Khi đó, đức Phật đặt bàn tay của Ngài trên đầu người tân đạo đồ, và nói:

- «Ta cũng ban cho con ân huệ và lời khen của Ta, vì Ta nghĩ sự tiến bộ mau chóng của con bây giờ sẽ mở màn cho một tương lai xán lạn về sau. Trong tương lai đó, Ta sẽ đón nhận con như một vị đạo hữu của huyện môn chánh đạo, ngàn đời ban rải ánh sáng đạo màu cho các bầu thế giới.»

Ba vị Độc Giác Phật (Kumaras) đứng phía sau cũng mỉm cười với người thiếu niên trong khi y quỳ và

không nói một lời nào nhưng chiếu diệu lòng bác ái và tôn sùng. Đức Ngọc Đế đưa bàn tay của Ngài để ban ân huệ trong khi chúng tôi cúi rạp xuống đất vái lạy các Ngài, và lui bước.

THỜI GIAN CUỘC LỄ ĐIỂM ĐẠO

Cuộc lễ điểm đạo diễn ra trong thời gian bao lâu, tùy trường hợp, mà một trong những yếu tố khác là do số vốn kiến thức của người thí sinh. Có những cuộc lễ kéo dài đến 3 ngày và 3 đêm, nhưng thường thì ngắn hơn. Một trong những cuộc lễ điểm đạo mà tôi đã chứng kiến đã kéo dài suốt 2 đêm và 1 ngày. Những cuộc lễ khác tập trung chỉ trong 1 đêm, phần lớn những nghi thức thông thường được gác lại một bên, rồi sau đó sẽ được thi hành do những vị đệ tử cao cấp nhất của các Chơn Sư. Vài cuộc điểm đạo thời cổ kéo dài thời giờ như thế là vì người thí sinh phải được thụ huấn về công việc làm ở cõi trung giới. Y cũng phải thực hiện một vài kinh nghiệm của thể kim thân (bồ đề), vì sự phát triển của thể này rất cần thiết cho cuộc điểm đạo, nếu không thì người thí sinh sẽ không thể hiểu được một vài điều giáo huấn thuộc về cõi bồ đề. Phần nhiều những hành giả trong giới Thông Thiên Học đã có làm công việc ở cõi trung giới và nhờ đó đã biết được nhiều chi tiết về cõi này. Phần lớn những chi tiết đó được giải thích trong cuộc lễ điểm đạo, nếu người thí sinh chưa biết gì cả. Còn nếu Đấng điểm đạo

biết người thí sinh đã phát triển ít nhiều thể kim thân của y, thì những vị đệ tử cao niên hơn, thường được giao phó trách nhiệm giúp cho người thí sinh trải qua tất cả những kinh nghiệm về loại đó, có thể trong đêm sau, hay khi nào có dịp thuận tiện.

Cuộc lễ điểm đạo này kéo dài ít hơn 6 giờ, nhưng trước và sau cuộc lễ còn có một ít thời giờ dành cho người thí sinh. Các Chơn Sư luôn luôn khen ngợi người thí sinh sau khi cuộc lễ chấm dứt, mỗi vị đều nói với y một vài lời khả ái. Các Ngài cũng thừa dịp những cuộc hội họp như thế để đưa một vài huấn lệnh cho các đệ tử. Sự thâm nhận một thí sinh mới vào Quần Tiên Hội là một sự thành công cho tất cả, mỗi khi có thêm một linh hồn được vĩnh viễn an toàn như thế, là một dịp vui vẻ rất lớn, nhất là cho những nhân viên còn trẻ tuổi.

ĐỊA VỊ «CON ĐỨC THẦY»

Chúng tôi đã nói về sự liên lạc mật thiết giữa Chơn Sư và người đệ tử được thâm nhận. Sự thân mật đó mỗi lúc càng tăng thêm nhiều, đến khi người đệ tử tiến đến gần cửa điểm đạo thì Chơn Sư xét nếu thấy cần thiết lập giữa Ngài với người đệ tử một sự hợp nhất chặt chẽ hơn. Khi ấy, người đệ tử trở nên «con đức Thầy,» và sự liên lạc giữa Thầy và trò mật thiết đến nỗi không những thể hạ trí, mà Chơn Nhơn trong thể thượng trí của người đệ tử, cũng được bao phủ bởi thể thượng trí của Chơn Sư, như thế Ngài không còn

tạo một tấm màn để ngăn cách giữa Ngài với người đệ tử, như đã nói ở đoạn trước.

Trong quyển «Ánh Sáng trên Đường Đạo» có đoạn diễn tả trạng thái hợp nhứt sâu xa đó như sau: «Ta cho con sự bằng an của Ta,» câu này Chơn Sư chỉ có thể nói với những đệ tử thân yêu giống như Ngài. Như thế, những vị đệ tử có đặc ân quý vô giá là có thể chuyển sự bằng an cho kẻ khác một cách trọn vẹn. Mỗi vị đệ tử chánh thức của Chơn Sư đều có quyền và có bốn phận ban ân huệ nhân danh Ngài, và mỗi khi y dùng quyền năng đó một cách đúng đắn, thì một luồng ân huệ tốt đẹp của Chơn Sư chắc chắn sẽ ủng hộ sự cố gắng của y. Khi người đệ tử bước vào nhà ai, y phải ban ân huệ đặc biệt trong trí y như sau: «Cầu xin ân huệ của Chơn Sư được ban rải khắp ngôi nhà này, và cả những người sống trong đó.» Nhưng, chỉ có một vị «con của đức Thầy» mới có thể gây cho người khác cảm giác về sự hiện diện của y, bằng một sự an tịnh không thể tả. Chỉ có vị «con đức Thầy» mới được nhìn nhận là một nhân viên của Quần Tiên Hội, và như tôi đã nói, điều này đưa đến cho y quyền năng ban bố một ân huệ lớn lao hơn nữa, mặc dầu cả hai thứ ân huệ đều có sự công dụng riêng trong mỗi lãnh vực đặc biệt của nó.

Tôi nhớ đã gọi tặng cả hai thứ ân huệ đó, trong những trường hợp khác nhau, cho một vị thiên thần rất lớn, mà tôi hân hạnh được biết rõ. Một ngày nọ, tôi ngồi trên một chiếc tàu chạy ngang qua địa phận của

Ngài. Tôi gọi cho Ngài, như một sự chào hỏi, một luồng ân huệ của Sư Phụ tôi. Thật là cảnh tượng tốt đẹp mà thấy Ngài nhận luồng ân huệ đó. Ngài nghiêng mình rất sâu và tỏ vẻ cảm ơn bằng cách phát ra một luồng ánh sáng êm dịu tượng trưng cho sự thánh thiện và lòng sùng tín mạnh mẽ. Một ngày khác, trong một dịp tương tự như thế, tôi gọi cho Ngài một luồng ân huệ của Quần Tiên Hội. Trong khoảnh khắc, tất cả vòng hào quang của vị đại thiên thần đó đều rung động mãnh liệt và chói rạng màu sắc rực rỡ để đáp lại, đồng thời làm sáng rực toàn cõi địa phận của Ngài.

Sự phản ứng đó giống như một người lính tập thành lính đứng nghiêm, hoặc hơn nữa, dường như tất cả mọi sự không những trong vị thiên thần mà trong hằng muôn ngàn sinh linh phụ thuộc làm việc dưới sự chỉ huy của Ngài đều được tăng gia sinh lực lên gấp bội phần. Tất cả cảnh vật thiên nhiên đều phản ứng một cách mau chóng. Vì Sư Phụ của tôi, dấu rằng được sự kính mến của vị thiên thần đó, vẫn không phải là Sư Phụ của Ngài; còn đức Ngọc Đế của Quần Tiên Hội cũng là đức Ngọc Đế chung của tôi và của Ngài, vì đức Ngọc Đế là Đấng duy nhất, mà uy quyền bao trùm toàn thể quả địa cầu của chúng ta.

TRÌNH ĐỘ ĐIỂM ĐẠO

Vấn đề muốn biết xem một người đã gần đến mức sẵn sàng được điểm đạo hay chưa, gồm có ba điều kiện tùy thuộc lẫn nhau. Điều thứ nhất là y phải có đủ những đức tánh cần thiết, như đã nêu trong quyển «Dưới Chân Thầy.» Điều này ngụ ý rằng y phải mở tất cả những đức tánh đến một mức tối thiểu, và một vài đức tánh trong số đó phải được phát triển nhiều. Để có một ý niệm rõ rệt về vấn đề này, chúng ta hãy lấy thí dụ ở cách chấm bài trong những kỳ thi lớn. Những vị giám khảo chấm thi đã định trước rằng không một thí sinh nào được chấm đậu nếu y không có một số điểm tối thiểu cho mỗi môn học. Số điểm tối thiểu này thường rất thấp, thí dụ là 25%. Thí sinh nào không đủ 25% số điểm trong bất cứ môn nào, sẽ bị chấm rớt. Tuy nhiên, một thí sinh chỉ có vừa đủ 25% số điểm cho tất cả những môn học, cũng không được chấm đậu, vì ngoài ra số điểm tối thiểu định riêng cho mỗi môn học, người ta còn đặt ra một số điểm tối thiểu cộng chung cho tất cả, thí dụ là 40%. Bởi vậy, một thí sinh chỉ có 25% hay 30% số điểm trong một hay hai môn học, phải làm sao cho số điểm vượt trội hơn rất nhiều trong những môn khác, để khi cộng chung lại tất cả những môn học, y sẽ có đủ số điểm trung bình cần thiết.

Đó cũng là phương pháp áp dụng trong khoa huyền môn. Người thí sinh muốn được điểm đạo phải

mở mang tất cả mọi đức tánh đến một mực độ trung bình, nhưng đồng thời y phải phát triển một vài đức tánh đến một mực thật đầy đủ và mỹ mãn. Một thí sinh không thể được chấm đậu nếu y hoàn toàn thiếu hẳn tánh phân biệt. Nhưng nếu y chỉ có đức tánh này một cách thiếu sót, còn cách rất xa mức độ trung bình, thì một lòng bác ái rộng lớn, chan chứa tình thương đối với mọi vật, sẽ có thể bù trừ cho sự thiếu sót nói trên. Điều thứ hai, là linh hồn phải huấn luyện những hạ thể của nó như thế nào để có thể sử dụng chúng một cách hoàn toàn tùy theo ý muốn. Y phải thực hiện điều mà giáo lý Thông Thiên Học gọi là sự hợp nhứt của Chơn Nhơn và phàm nhơn. Điều thứ ba, là y phải có đủ sức mạnh để chịu đựng sự công phu khó nhọc, nó sẽ ảnh hưởng chí đến thể xác của y.

Còn nói về trình độ tiến hoá mà y sẽ đạt tới do cuộc điểm đạo, thì đây là một điều rất co giãn và không có một tiêu chuẩn nhứt định. Thật là một điều sai lầm mà tưởng rằng tất cả những vị được điểm đạo đều có một trình độ phát triển bằng nhau, chúng ta cũng đừng tưởng tất cả những người có bằng cấp cử nhân đều có một kiến thức đồng đều nhau.

Một thí sinh có thể phát triển nhiều đức tánh cần thiết đến một mực độ vô cùng mỹ mãn, vượt khỏi số điểm tối thiểu rất xa, nhưng lại bị sút kém đến một mực quan trọng và thấp hơn mực tối thiểu về một đức tánh nào đó. Trong trường hợp này, y cần phải đợi cho đến khi y có đủ số điểm tối thiểu về đức tánh còn thiếu

sốt, trong khi ấy thì tự nhiên là y sẽ phát triển những đức tánh khác nhiều hơn nữa.

Do đó, chúng ta thấy tuy rằng có một trình độ nhứt định cần thiết cho sự điễm đạo, nhưng cũng có vài thí sinh đã vượt khỏi trình độ đó rất xa về một vài phương diện. Chúng ta cũng thấy có thể có nhiều sự khác biệt nhau rất xa về thời gian ở khoảng giữa các cuộc điễm đạo. Một người vừa mới được điễm đạo lần thứ nhứt, có thể đã phát triển được rất nhiều đức tánh cần thiết cho cuộc điễm đạo thứ nhì, bởi đó, thời gian cách khoảng giữa hai cuộc điễm đạo sẽ rất ngắn.

Trái lại, một thí sinh chỉ có vừa đủ mọi điều kiện để qua khỏi cuộc điễm đạo thứ nhứt, sẽ phải tuân tự phát triển tất cả mọi đức tánh và khả năng cần thiết cho cuộc điễm đạo thứ nhì, do đó, thời gian chuẩn bị sẽ lâu dài hơn.

CO HỘI HIỆN TẠI

Hiện nay, chúng ta đã bước vào thời kỳ lịch sử thế giới mà tất cả mọi trình độ tiến hoá đang phát triển có thể rất mau chóng, vì việc đức Chương Giáo sắp lâm phạm tạo nên một trào lưu tư tưởng mạnh mẽ vô cùng về các vấn đề tâm linh, tất cả đều hướng về mục đích tiến bộ về tinh thần, cho nên bất cứ người nào có sự cố gắng công phu theo chiều hướng đó, đều nhận thấy họ đi thuận dòng và tiến rất mau. Điều này không chỉ là dòng tư tưởng mà cả cảm xúc của con người; thật vậy, tư tưởng của con người chỉ là một phần rất nhỏ của

trào lưu đó mà thôi, vì rất ít người biết rõ về việc đức Chưởng Giáo sắp lâm phạm. Điều đáng kể nhất là dòng tư tưởng và cảm xúc vô cùng mạnh mẽ của hàng hà sa số những vị đại thiên thần, những vị này biết rõ thiên cơ và cố gắng bằng mọi cách để trợ giúp cơ tiến hoá.

Tuy nhiên, sự tiến bộ mau chóng như thế là một việc hao tổn rất nhiều công phu khó nhọc, điều mà những người học đạo ít khi biết rõ. Người sinh viên khoa huyền môn nhắm mục đích tiến mau lẹ, nên nhớ một trong những điều kiện cần thiết là sức khoẻ về thể chất. Người ấy muốn thực hiện gấp rút trong một kiếp, kết quả tiến bộ trong những trường hợp thông thường phải kéo dài đến trên 20 kiếp hoặc nhiều hơn nữa; vì sự cố gắng công phu trong cả hai trường hợp này đều bằng nhau, lẽ tất nhiên là y phải tăng gia cố gắng công phu gấp bội nếu y muốn thành công.

Trong khoa thi ở thế gian, học sinh có thể thâm ngăn thời kỳ học tập thường dành cho một lớp học để chuẩn bị đi thi. Nhưng y chỉ có thể làm như vậy bằng cách làm việc quá sức, nghĩa là bắt buộc bộ óc, sự chú ý, nhãn quang và sức chịu đựng của y làm việc gia bội. Ai cũng biết làm việc quá sức như vậy sẽ rất tai hại cho sức khoẻ của y là dường nào. Người học đạo cố gắng hối thúc sự tiến hoá tâm linh của mình cũng ở vào tình trạng tương tự như vậy. Điều này có thể thực hiện được, và có người đã thực hiện được. Đó là một điều rất tốt đẹp, để việc công phu cố gắng làm cho được,

nhưng luôn luôn với sự dè dặt, là y phải cẩn thận đừng làm quá sức mình, nếu không, rốt cuộc sẽ bị trở ngại, thay vì tăng tiến sự phát triển của mình. Có một sức khoẻ tốt khi mới bắt đầu công phu tu luyện cũng chưa đủ, mà cần phải giữ gìn nó cho được bền bỉ đến lúc cuối cùng. Sự tiến bộ chỉ là một phương tiện đưa đến mục đích, và chúng ta tu luyện bản thân không phải là để trở nên một nhân vật cao cả và khôn ngoan, mà để cho chúng ta có sự hiểu biết và khả năng hầu phụng sự nhân loại một cách hiệu quả nhất. Chúng ta đừng quên rằng khoa huyền môn luôn luôn chủ trương những hành động hợp lý.

NHỮNG THIẾU NIÊN ĐƯỢC ĐIỂM ĐẠO

Từ trước đến nay, trừ những trường hợp rất hiếm, người đệ tử chỉ được điểm đạo sau khi xác thân của họ đã đến tuổi trung niên và sau khi họ đã tỏ ra bằng những hoạt động của họ ở thế gian, họ cam kết hiến dâng cuộc đời cho công việc phụng sự thiên cơ. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, một vài linh hồn đã có vinh dự được điểm đạo, mặc dầu thể xác của họ hãy còn trẻ. Khi đức Chương Giáo lâm phạm, Ngài có thể sử dụng bất cứ người nào ở thế gian tùy theo khả năng của y; nhưng một vị đệ tử chánh thức của Chơn Sư sẽ hữu ích cho Ngài trên nhiều phương diện hơn là người của thế gian; và càng hữu ích hơn gấp bội nếu vị đệ tử đã bước qua cửa điểm đạo, và đã

kết những dây nhân duyên nối liền tất cả những nhân viên của Quân Tiên Hội. Chính linh hồn mới được điếm đạo, còn tuổi tác của xác thân mà nó khoác lấy trong một thời gian nhất định không phải là điều quan trọng.

Trong tất cả những trường hợp khi những vị thanh thiếu niên được điếm đạo, thì những nhân viên cao niên của Quân Tiên Hội sống ở gần họ hoặc tiếp xúc với họ ở thế gian bằng xác phàm, đều lãnh nhiệm vụ giúp đỡ và dìu dắt họ. Điều này rất cần thiết, vì trách nhiệm lớn lao mà cuộc điếm đạo đem đến cho người đệ tử, cùng với sự mở rộng tâm thức và tăng gia quyền năng.

Một hành động sai lầm hay một bước vấp ngã của vị đệ tử được điếm đạo, sẽ mang đến những nghiệp quả nặng nề hơn là những hành động tương tự của một người chưa gia nhập vào Quân Tiên Hội. Thiết tưởng nên nêu ra dưới đây một vài chỉ thị cho những thanh thiếu niên đó.

Mỗi người đều nên nhớ rằng y được điếm đạo vì trong những tiền kiếp của y, hoặc trong kiếp này, y đã giúp đỡ thế gian đến một mức độ khả quan, và người ta hy vọng y sẽ tiếp tục con đường phụng sự đó để trở nên một kinh vận hà rộng lớn hơn cho thần lực của Thượng Đế. Chính vì y có khả năng trở nên hữu ích nhiều hơn cho nhân loại, mà y được điếm đạo, và trong cuộc lễ y cam kết hiến dâng cuộc đời để phụng

sự, ban hạnh phúc, ân huệ cho kẻ khác cũng như đức Thượng Đế vẫn luôn luôn ban rải lòng bác ái vô biên của Ngài cho thế gian. Do đó, y nên giữ lời cam kết đó luôn luôn từng giờ từng phút và tất cả mọi sự đều phải lệ thuộc vào đó. Nghiệp quả của y trong những tiền kiếp đưa cho y những tánh chất và đặc điểm riêng tư khác nhau; y phải luôn luôn giữ gìn kẻo những điều này làm cho y nghĩ đến hạnh phúc riêng mình, thay vì nghĩ đến hạnh phúc của toàn thể nhân loại.

Trước khi y có thể bắt tay vào việc phụng sự, người đạo đồ trẻ tuổi thường phải tự chuẩn bị bằng sự học vấn thông thường ở những trường trung học hoặc đại học. Trong trường hợp này, y sẽ bị lôi cuốn trong những ngành hoạt động của thế gian và những thú vui ích kỷ. Cuộc đời đem đến cho y nhiều cám dỗ, và nhiều cơ hội làm cho y quên mất lời cam kết đối với Quần Tiên Hội. Trải qua tất cả những cơ hội này, y phải có một thái độ rõ ràng nhứt định, y đã giao tất cả vận mạng của mình cho những mục đích của Quần Tiên Hội. Trong tất cả sinh hoạt ở thế gian, bất cứ lúc nào, đâu là học tập, chơi đùa hay giải trí, y phải nhứt định nuôi trong trí tư tưởng sau: «Điều mà tôi sắp làm đây có làm cho tôi được hữu dụng hơn trong công việc của đức Thầy, hoặc trở nên một khí cụ hữu hiệu hơn để ban rải tình thương và hạnh phúc cho nhân loại chăng?»

Y phải luôn luôn nhớ Quần Tiên Hội có quyền ưu tiên đối với công việc phụng sự, đừng bao giờ tự đặt

mình vào một hoàn cảnh nào khiến cho y không thể thi hành nhiệm vụ đối với cơ quan ấy. Không phải là y nhứt định phải sống cuộc đời của một ẩn sĩ, nhưng khi sống cuộc đời ngoài xã hội sẽ giúp cho y cơ hội tiến hoá mà y cần dùng, y phải luôn luôn xem chừng cuộc đời ấy có làm cho y trở nên một khí cụ hữu hiệu hơn không cho việc phụng sự thiên cơ. Từ đó trở đi, bất cứ một kinh nghiệm nào xảy đến cho y, dầu là vô hại, tốt lành đến đâu, mà không thể làm cho y trở nên một đường vận hà tốt đẹp hơn cho thần lực của đức Thượng Đế, hoặc đưa đến cho y cơ hội phụng sự, thì đó cũng chỉ là vô giá trị, và làm mất thời giờ. Y phải cố gắng nắm lấy mọi cơ hội phụng sự mà y nhìn thấy và học hỏi những điều gì có thể giúp cho y được hữu ích hơn.

Khi người đệ tử được điểm đạo và trở nên một nhân viên Quần Tiên Hội, y cũng trở nên huynh đệ của tất cả mọi người, với một ý nghĩa rộng lớn hơn và đặc biệt hơn trước. Điểm này không có nghĩa là y phải chỉ huy cuộc đời của họ, và điều dắt họ bằng sự chỉ trích phê bình. Vai trò của y ở thế gian không phải là phê bình, mà là khuyến khích, nhưng nếu y thấy cần phải đưa ra một đề nghị nào, y phải đưa ra một cách rất cẩn thận và có lễ độ. Thế gian không thấy được những Đấng cao cả trong Quần Tiên Hội, vì vậy họ sẽ xét đoán cơ quan này qua những người đệ tử còn trẻ tuổi mà họ có thể tiếp xúc. Đó chính là ý nghĩa của câu nói trong bài diễn văn đã đọc trong cuộc lễ điểm đạo, nói

rằng người tân đạo đồ nắm danh dự của Quần Tiên Hội trong tay của y.

Bốn phận của người tân đạo đồ là ban rải ân huệ và lòng bác ái, để bất cứ nơi nào y đến, đều được vui vẻ, hạnh phúc hơn với sự hiện diện của y. Do đó y phải luôn luôn chuyển hướng ra ngoài. Từ nay về sau, sự xét đoán của thế gian về những hành động của y như thế nào, không phải là điều quan trọng, chỉ có sự xét đoán của Quần Tiên Hội mới là điều quan trọng mà thôi. Dầu y có được thế gian trọng vọng hay chê bai, điều đó cũng không quan trọng, nếu tất cả mọi trường hợp xử thế, y vẫn luôn luôn trung thành với những lý tưởng của y. Một vài Đấng cao cả trong Quần Tiên Hội có thể sử dụng y bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, đôi khi y không hay biết chi về điều ấy, nhưng y không thể được sử dụng nếu vào lúc mà Bề Trên cần dùng đến y, thì các Ngài lại thấy y đang bận khoản thác mắc về những việc ích kỷ riêng tư của mình chớ không đưa tư tưởng ra ngoài để nghĩ đến việc giúp đỡ thế gian.

Điều cần thiết nhất là lập hạnh, bằng cách nào để khi Chơn Sư nhìn vào Ngài sẽ thấy y đang nghĩ đến hạnh phúc của nhân loại, chớ không lo nghĩ gì cuộc đời thế gian đem đến cho y hạnh phúc hay đau khổ.

CHƯƠNG 8

CÁC CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHÌ VÀ THỨ BA

(Quả vị Tư Đà Hàm (*Sakadagamin*) và A Na Hàm
(*Anagamin*))

BA CHƯƠNG NGẠI ĐẦU TIÊN

Người thí sinh vượt qua cuộc điểm đạo thứ nhất, đã vĩnh viễn bước vào đường đạo thật sự, con đường này đưa đến quả vị Chơn Tiên, tức là giai đoạn cuối cùng đưa y thoát khỏi kiếp làm người, để bước vào đời sống siêu nhân loại. Nhìn vào con đường này, từ bậc dưới thấp, ta có thể ngạc nhiên thấy người thí sinh không bị kiệt sức sau khi đã trải qua những công phu nhọc nhằn đưa y đến cuộc điểm đạo thứ nhất, và cũng không ngã lòng hay chán nản trước những đỉnh núi cao vót dựng lên trước mặt y trên đường đạo gập go hiểm trở mà y còn phải vượt qua. Nhưng người thí sinh đã hoà mình với sự sống thiêng liêng và sức mạnh của y nay đã tăng lên gấp 10. Đó là nhờ tấm lòng y được tinh khiết, sự tốt đẹp huy hoàng của nhân loại lý tưởng, càng ngày càng hiển hiện rõ rệt đối với y có sự hấp dẫn và một cảm hứng dồi dào mà không một thú vui vật chất nào ở thế gian có thể sánh kịp. Cuộc điểm đạo thứ nhì kết thúc giai đoạn đầu trên đường đạo của

người thí sinh. Muốn được hai lần điễm đạo, y phải dứt bỏ ba điều chướng ngại sau đây:

1. – Sakkayaditthi, tức là ảo tưởng về bản ngã.
2. – Vichikiccha, tức là sự nghi ngờ.
3. – Silabbataparamasa, tức là sự mê tín.

Chướng ngại thứ nhất là ý thức của bản ngã cho rằng: «Tôi là tôi» nó chỉ là một điều ảo tưởng thuộc về phàm nhơn, và phải được loại trừ ngay bước đầu con đường tiến hoá thật sự. Nhưng dứt bỏ điều chướng ngại đó còn ngụ ý rằng: Người thí sinh phải nhận định chơn tánh của con người vốn là một với tất cả, bởi đó y không thể có những thích thú riêng tư nào trái ngược với những thích thú của những kẻ đồng loại, y chỉ thật sự tiến hoá khi nào y giúp đỡ sự tiến hoá của kẻ khác.

Điều chướng ngại thứ hai, thiết tưởng cần phải nói rõ vài lời. Những người được hấp thụ văn hoá và tư tưởng của người Âu thường quen với ý nghĩ sai lầm, rằng những tín đồ của mọi tôn giáo, đạo giáo hay môn phái, đều phải có một đức tin mù quáng và tuân theo một cách triệt để, không bàn cãi hay biện luận, những tín điều của các tôn giáo đó. Bởi đó, khi họ nghe nói trong khoa huyền môn, sự nghi ngờ là một chướng ngại cho sự tiến bộ, họ có thể nghĩ rằng trên đường đạo có lẽ người thí sinh cũng bị bắt buộc phải có một đức tin mù quáng giống như những sự mê tín của thời buổi hiện đại. Đó là một điều lầm lạc rất lớn.

Quả thật, sự nghi ngờ về một vài vấn đề là một trở ngại cho sự tiến bộ về tinh thần, nhưng phương thuốc trị sự nghi ngờ đó không phải là đức tin mù quáng (vì chính điều này cũng là một chướng ngại), mà là một sự quả quyết chắc chắn căn cứ trên kinh nghiệm cá nhân hay trên sự suy luận bằng lý trí. Khi đứa học trò nghi ngờ sự đúng đắn của bản cửu chương, thì nó không thể nào học giỏi về khoa đại số; nhưng sự nghi ngờ của nó chỉ có thể được giải quyết một cách mỹ mãn bằng sự hiểu biết, căn cứ trên sự suy luận và thí nghiệm, rằng bản cửu chương là đúng. Nó tin rằng: $2 \times 2 = 4$, không phải vì người ta nói với nó như vậy, nhưng vì điều ấy đối với nó, đã trở nên một sự thật hiển nhiên. Đó chính là phương pháp duy nhất để giải quyết sự nghi ngờ theo ý nghĩa của khoa huyền môn.

Danh từ Vichikiccha được dịch nghĩa như nghi ngờ những giáo lý về nhân quả và luân hồi, và nghi ngờ sự hiệu quả của phương pháp đưa đến mức toàn thiện, tức là con đường chánh đạo vậy. Nhưng sự hiểu biết những vấn đề này cũng làm cho ta nhận thức một cách rõ ràng rằng cõi thế gian là một trường học thiêng liêng, thiên cơ là do sự tiến hoá của sự sống trường tồn bất diệt xuyên qua những hình thể hữu hoại, cơ trời là một cái gì tốt đẹp và huy hoàng vô cùng.

Nhờ dứt bỏ điều chướng ngại thứ nhì, người đạo đồ có được một quả quyết chắc chắn, căn cứ trên sự

hiểu biết cá nhân hoặc sự suy luận rằng giáo lý của huyền môn về những điểm nói trên là đúng.

Điều chương ngại thứ ba, sự dị đoan mê tín, được miêu tả gồm tất cả mọi sự tin tưởng mù quáng hoặc sai lầm và sự tin tưởng những nghi thức, lễ bái bề ngoài là cần thiết cho sự tu tâm luyện tánh. Người đạo đồ thấy tất cả những phương tiện giúp đỡ mà các tôn giáo lớn đưa ra, như cầu nguyện, lễ bái, hành hương, nhịn đói, và bao nhiêu những nghi thức cúng tế khác, đều là những phương tiện «giúp đỡ» bề ngoài mà thôi, chớ không có gì khác hơn. Người khôn ngoan sẽ áp dụng những phương tiện hoặc nghi thức nào y thấy hữu ích, nhưng sẽ không bao giờ tin tưởng những nghi thức bề ngoài đó, sẽ đủ sức giúp cho y được giải thoát. Người ấy biết chắc chắn sự giải thoát chỉ có thể đạt được là do nội tâm, mặc dầu những phương tiện giúp đỡ bề ngoài có thể rất hữu ích để phát triển ý chí, minh triết và bác ái, nhưng chúng không thể thay thế cho sự tự lực công phu cố gắng, nhờ đó người hành giả mới đi đến mục đích. Người dứt bỏ được những chương ngại này sẽ nhận thấy không một hình thức tôn giáo nào là cần thiết cho tất cả mọi người, nhưng với bất cứ một tôn giáo nào, thậm chí ngoài vòng tôn giáo, người ta cũng có thể tìm thấy đường đạo đưa đến mục đích.

Ba điều chương ngại này đều liên lạc chặt chẽ với nhau. Khi ta đã hiểu rõ sự khác biệt giữa Chơn Nhơn và phàm nhơn, thì ta có thể hiểu được sự thật về vấn đề luân hồi, và giải tán mọi sự nghi ngờ về vấn đề này.

Kế đó, sự hiểu biết về tính cách trường tồn bất diệt của linh hồn sẽ làm cho người ta tin tưởng nơi sức mạnh tinh thần của chính mình, và dẹp tan mọi điều dị đoan mê tín.

Mỗi giai đoạn trên đường đạo đều chia làm bốn thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất là Maggo, hay phương tiện, trong khi đó người học đạo cố gắng loại trừ những chướng ngại. Thời kỳ thứ hai là Phala, hay kết quả, trong khi đó người học đạo thấy rằng những cố gắng của y càng ngày càng đem lại kết quả. Thời kỳ thứ ba Bhavagga, hay viên mãn, trong khi đó mọi kết quả đã thành tựu một cách trọn vẹn, người học đạo có thể thực hiện một cách mỹ mãn công việc thuộc về thời kỳ phát triển hiện tại của y. Thời kỳ thứ tư là Gotrabhu nghĩa là thời kỳ mà y đạt tới trạng thái có thể trải qua cuộc điếm đạo kế tiếp.

Để trở nên một vị Gotrabhu, người học đạo tuyệt đối cần phải diệt trừ những chướng ngại thuộc về giai đoạn của y trên đường đạo. Trước khi một người có thể qua cuộc điếm đạo thứ nhì, vị điếm đạo do đức Ngọc Đế chọn lựa đòi hỏi những bằng chứng về việc người ấy đã sử dụng cách nào những quyền năng của y đã thâm nhập trong cuộc điếm đạo thứ nhất, và một điều tốt đẹp trong cuộc lễ là khi những người đã từng được người thí sinh giúp đỡ, tiến lên để chứng minh điều đó. Một điều kiện bắt buộc trong cuộc điếm đạo

này, là người thí sinh phải phát triển quyền năng hoạt động tự do trong thể trí của y, vì cuộc lễ điếm đạo thứ nhứt diễn ra trên cõi trung giới, còn cuộc lễ điếm đạo thứ nhì diễn ra trên cõi hạ thiên.

Điều đó có lẽ khó dung hoà với điều người ta nói rằng những cuộc điếm đạo thường diễn ra trong một gian phòng hay một khu vườn, nhưng sự thật đúng như vậy. Nếu cuộc điếm đạo do đức Di Lạc Bồ Tát làm chủ lễ thì cuộc lễ thường được cử hành nơi khu vườn hoặc trong gian phòng lớn của Ngài. Chính Ngài dự cuộc lễ trong thể xác của Ngài, và trong nhiều trường hợp đức Bàn Cổ Vaivasvata cũng làm y như vậy, vì Ngài ở gần đó. Tất cả những vị khác có mặt thường đến bằng thể trí nếu là cuộc điếm đạo thứ nhì. Những Đấng cao cả tham dự cuộc lễ đặt tâm thức của các Ngài một cách dễ dàng vào bất cứ cõi giới nào khi cần thiết, nhưng vì mọi sự vật ở cõi trần đều có một sự phản ảnh rõ rệt trên các cõi trung giới và thượng giới, cho nên những sự miêu tả như trên đều hoàn toàn đúng sự thật.

MỘT CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHÌ (Chứng quả Tư Đà Hàm: Sakadagamin)

Chúng tôi được tin cho biết sẽ có một cuộc hội họp lớn của các Đấng Chơn Sư tại nhà đức Di Lạc Bồ Tát vào đêm trăng rằm, thừa dịp này, sẽ có một cuộc thâm nhận vài thí sinh được điếm đạo «Tư Đà Hàm»

sau khi đó. Chon Sư Morya muốn những vị đã đỗ đầu cho những thí sinh trẻ tuổi này hãy đến gặp Ngài trước 10 giờ tối.

Tối hôm đó, nhiều huynh đệ từ Ấn Độ đến, đã thấy láng vãng chung quanh, khi những thí sinh cùng những vị đỗ đầu đến nhà đức Chon Sư Kuthumi, họ đi theo sau một cách kín đáo và đợi chờ một cách kính cẩn ở gần nơi đó. Sau khi họ đã đến nhà Chon Sư Kuthumi được một lát, thì đức Chon Sư Morya bước vào. Hai vị Chon Sư liền đến nhà đức Di Lạc ngay khi đó, còn những đệ tử đi theo vẫn đứng ở ngoài vườn, trong khi hai vị Chon Sư vào trong nhà.

Khu vườn này ở trên sườn phía nam dãy Hy Mã Lạp Sơn, nhìn xuống những vùng đồng bằng bao la của xứ Ấn Độ xa tận chân trời. Vườn có bóng mát che và giáp với một cụm rừng thông ở bên tay mặt. Bên kia cụm rừng về phía đông có một ngôi nhà bằng đá rất cổ, với một hàng ba rộng và nhiều cột, tức là nhà của đức Bàn Cổ Vaivasvata, khu vườn của đức Di Lạc đêm ấy ánh sáng trắng rằm toả xuống soi khắp các khóm hoa, và chiếu sáng trên mặt ghế cẩm thạch dưới gốc cây đại thọ, là nơi an tọa thường ngày của đức Di Lạc, cũng là nơi Ngài ngồi trong dịp hội họp đêm nay. Các Đấng Chon Sư ngồi chung quanh Ngài theo một vòng bán nguyệt trên chiếc bao lon đây cỏ mọc ngay phía dưới chỗ Ngài ngồi.

Đứng trên bao lon, một bực thấp hơn nữa, là hai vị thí sinh giữa hai đấng Chon Sur giới thiệu họ là Chon Sur Kuthumi và Chon Sur Djwal kul. Phía sau những vị này là những vị đỡ đầu cho người thí sinh trẻ tuổi ở cõi hạ giới. Đức Bàn Cổ ngồi hơi lui về phía sau bên tay mặt đức Di Lạc Bồ Tát, và phía trên hai Ngài chiếu diệu hình ảnh Phật Thích Ca. Trong kiếp cuối cùng của đức Phật ở thế gian, Ngài đã từng nhận ở hai người thí sinh này «lời nguyện thiêng liêng bất diệt» và bây giờ Ngài ban ân huệ thiêng liêng của Ngài cho họ, trong dịp tiến bước lên một quả vị mới. Gần bên Ngài là đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan), vị chủ tể của năm cung, và ở chính giữa hai Ngài và hơi ở phía trên một chút, lát nữa sẽ chiếu sáng ngôi sao của Đấng điếm đạo độc tôn, tức là đức Ngọc Đế, chủ tể của Quần Tiên Hội, để đáp lại lời thỉnh nguyện của đức Bồ Tát. Đó là bối cảnh long trọng và huy hoàng của cuộc lễ điếm đạo.

Chon Sur Kuthumi và Chon Sur Djwal Kul dắt hai vị thí sinh tiến lên một bước, và đức Bồ Tát hỏi rằng:

- «Những người này là ai mà các vị đưa đến đây như vậy?»

Chon Sur Kuthumi đáp:

- «Dạ đây là hai sư đệ, sau khi đã dứt bỏ những chướng ngại cách biệt bản ngã, nghi ngờ và dị đoan và đã lập nhiều công quả, nay muốn được chứng quả vị Tư Đà Hàm (Sakadagamin). Tôi xin giới thiệu họ như những vị Gotrabhu.»

Đức Di Lạc hỏi:

- «Các vị sẽ tiếp tục dìu dắt những sư đệ này trên đường đạo mà họ sẽ bước vào chặng?»

Chon Sư đáp:

- «Tôi sẽ tiếp tục.»

Đức Di Lạc nói:

- «Luật lệ của chúng ta bắt buộc phải có hai vị Sư Huynh cao cấp bảo đảm cho mỗi thí sinh trong cuộc điểm đạo thứ nhì. Vậy có Sư Huynh nào khác ủng hộ lời thỉnh cầu của họ chặng?»

Chon Sư Djwal Kul đáp:

- «Tôi xin bảo đảm.»

Đức Di Lạc quay về phía những người đỡ đầu và nói:

- «Còn các vị, với tư cách là hai sư huynh sống ở thế gian, đã đảm nhiệm coi sóc cho người thí sinh trẻ tuổi. Các vị đã có kinh nghiệm trong chức vụ đỡ đầu. Vậy trong khi thể xác của thí sinh này còn non nớt và trẻ tuổi, các vị có sẵn lòng tiếp tục đỡ đầu cho y và giúp đỡ trên đường đạo chặng?»

Hai vị đỡ đầu trả lời:

- «Chúng tôi sẵn lòng.»

Đức Di Lạc hỏi:

- «Các vị đối với y có đủ tình thương để cho công việc đỡ đầu được dễ dàng và tốt đẹp chăng?»

Hai vị đáp:

- «Tình thương của chúng tôi đối với y hiện nay còn sâu đậm hơn là lúc ban đầu. Y rất dễ dạy và ham học hỏi.»

Đức Di Lạc nói với người thí sinh trẻ tuổi:

- «Còn về phần con, con có thương yêu hai vị sư huynh này, và tiếp tục chịu sự hướng dẫn của hai vị một cách tuyệt đối chăng?»

Người thí sinh đáp:

- «Con xin vui lòng, vì con thương yêu cả hai sư huynh con và biết ơn cả hai vị đã dìu dắt con trên đường đạo.»

Đức Di Lạc nói với hai vị thí sinh:

- «Vậy hai con muốn được chứng quả vị Tư Đà Hàm phải chăng?»

Hai người đáp:

- «Chúng con muốn như vậy, nếu chúng con có đủ sức.»

Đức Bồ Tát nói:

- «Theo luật lệ của Quần Tiên Hội từ nghìn xưa, những thí sinh điếm đạo phải trả lời các câu hỏi về việc

họ đã sử dụng như thế nào những quyền năng ban bố cho họ. Có ai làm chứng về những việc làm của hai thí sinh này kể từ khi họ đứng tại đây lần trước và được thâu nhận vào Quần Tiên Hội? Họ đã làm những gì để truyền bá đạo lý? Ai là những người đã được họ giúp đỡ?»

Những lời nói nghiêm chỉnh đó vang rền chung quanh như những tiếng kêu gọi. Một đám người làm chứng từ bốn phía tiến lên rất đông, và đứng trong im lặng, họ nhìn hai người thí sinh đứng ở giữa với những cặp mắt trù mến và biết ơn. Chon Sur Kuthumi nói:

- «Đây là những người từ nhiều xứ và nhiều địa phương khác nhau, đã nhờ hai đệ tử của tôi đem đến cho họ ánh sáng chân lý, sức mạnh và sự an ủi. Người đệ tử lớn này đã truyền bá giáo lý của tôi cho hàng ngàn người, và đã hoạt động không ngừng để đem ánh sáng cho những kẻ tối tăm; và những người này hiện có mặt nơi đây để làm chứng. Y có viết một quyển sách và nhiều bài vở, và đó là bằng chứng việc làm của y để phụng sự kẻ khác.

Còn người đệ tử nhỏ của tôi, – Chon Sur mỉm cười một cách dịu dàng – hãy còn ở trong một thể xác quá trẻ để có thể hoạt động; nhưng y đã có viết một quyển sách nhỏ để truyền bá giáo lý mà tôi đã dạy y; có hàng muôn người coi y như người dìu dắt hướng dẫn họ

đến gần chúng ta, và họ cũng đang có mặt tại đây để làm chúng.»

Có nhiều giọng hô to: «Chúng tôi làm chúng» và không khí có vẻ như chuyển âm thanh vang rền của hàng bao nhiêu giọng nói cùng một lúc. Đức Bồ Tát mỉm cười một cách rất ngọt ngào không thể tả trong khi Ngài, với tư cách là Đấng cứu thế, nghe những câu trả lời đáp lại lời gọi của Ngài lúc này.

Kế đó, người đỡ đầu thứ nhất nói: «Tôi xin làm chúng cho người lớn tuổi hơn trong hai người thí sinh này. Trong những thời kỳ khủng hoảng, y đã tận dụng mọi quyền năng của y để phụng sự kẻ khác một cách bền lòng và vị tha.

Còn đối với người thí sinh trẻ tuổi hơn, tôi xin chứng minh rằng y luôn luôn tìm cách giúp đỡ người khác một cách khéo léo, và ban rải tình thương, nó làm cho sự có mặt của y là một nguồn ân huệ cho người chung quanh. Mọi người đều biết giá trị của quyền sách nhỏ quý vô giá của y.»

Người đỡ đầu thứ nhì cũng ủng hộ hai người thí sinh bằng những lời lẽ như sau:

- «Tôi cũng chứng minh thêm cho hai vị thí sinh này. Người lớn tuổi hơn đã từng giúp đỡ tôi trong công việc một cách trung thành, tận tụy và hy sinh. Tôi cũng nghe nhiều người nói rằng y đã đem đến nguồn cảm hứng và ánh sáng cho cuộc đời của họ.

Còn về người thiếu niên này, tôi xin chứng minh rằng y đã đem đến một nguồn cảm hứng dồi dào về tình thương và lòng sùng tín cho những hội viên ở Adyar và Bénarès, và đem đến một sự thay đổi trong cuộc đời của họ. Tôi cũng nhận được nhiều thư từ của những người mộ đạo, nói rằng họ nhờ đọc quyển sách nhỏ của y mà có một quan niệm mới về cuộc đời.»

Chon Sur Kuthumi kêu gọi trong đám đông những người đã học hỏi và hiểu biết chân lý nhờ sự hướng dẫn và giúp đỡ của mỗi vị thí sinh này. Nhiều người tiến lên và nhìn nhận sự giúp đỡ mà họ đã thọ lãnh, mỗi người đã nói lên những gì họ cảm thấy trong lòng; và nhiều người nói rằng quyển «Dưới Chân Thầy» đã đem đến cho họ một quan niệm mới về cuộc đời. Những người đã được giúp đỡ, nhưng không thể đến dự cuộc lễ vì họ còn thức giấc và bận công việc ở thế gian, được thay mặt bởi những chiếc hình nộm do Chon Sur tạo ra; mặc dầu những hình nộm đó không thể nói năng hoặc cử động, nhưng nó có thể chuyển một phần nào ảnh hưởng tốt đẹp huy hoàng của cuộc lễ đến cho đương sự. Kế đó, đám đông rút lui dần, trong khi cuộc lễ vẫn tiến hành.

Đức Bồ Tát lúc ấy mới nói với các thí sinh, Ngài khen ngợi công quả của họ đã làm, và bày tỏ hy vọng rằng những quyền năng mới từ nay được ban cho họ, sẽ được sử dụng một cách mỹ mãn cũng như trước đây họ đã từng sử dụng những quyền năng đã có. Ngài nói tiếp:

- «Các con đã vĩnh viễn loại trừ ba thứ chướng ngại nó trói buộc người thế gian ở cõi trần, từ nay các con hãy dùng sự giải thoát của chính mình để làm giảm bớt sự phiền não của chúng sinh do nơi ba thứ chướng ngại đó gây ra. Các con đã kinh nghiệm một cách chắc chắn rằng ý thức về bản ngã là một ảo tưởng. Từ nay các con hãy làm cho sự quả quyết đó thấm nhuần tới các hạ thể, để cho các con sẽ không còn có một hành động hay tư tưởng nào thuộc về bản ngã mà trái lại mọi việc làm đều phải phù hợp với cái Đại Ngã duy nhất, nó xuyên qua tất cả chúng sinh. Vậy các con cố gắng thực hiện điều đó cho đến lúc thành công hay chẳng?»

Hai vị thí sinh đáp: «Con sẽ cố gắng.»

Đức Di Lạc nói:

- «Các con đã diệt trừ chướng ngại nghi ngờ, các con đã biết chắc chắn sự tiến hoá là điều có thật, và phương pháp tiến hoá của vạn vật là luôn luôn giáng xuống cõi vật chất, dưới sự cai quản của luật thừa trừ. Các con phải sử dụng những quyền năng sẽ ban bố cho các con để giúp cho kẻ khác cũng diệt trừ sự nghi ngờ, để cho họ cũng được chia sẻ sự hiểu biết như các con. Vậy các con sẽ dùng những quyền năng đó để giúp đỡ kẻ khác hay chẳng?»

Hai người thí sinh đáp:

- «Con sẽ vui lòng làm như vậy.»

Đức Di Lạc nói tiếp:

- «Các con đã vượt qua chương ngại dị đoan. Các con biết rằng người ta có thể tìm thấy ánh sáng trong bất cứ tôn giáo nào, những nghi thức lễ bái không có một chân giá trị nào, tất cả những gì thực hiện do sự lễ bái nghi thức, đều có thể làm được bằng sự hiểu biết và ý chí. Trên hết, các con đã dứt bỏ sự tin tưởng dị đoan nơi thần quyền tàn bạo cầm quyền sinh sát trong vũ trụ, tất cả mọi loài đều sinh hoạt trong một tình bác ái đại đồng, và chính tình bác ái bao la đó là giáo điều mà các con phải phổ biến khắp trên thế gian. Vậy các con có tìm cách phổ biến tình bác ái đại đồng để dẹp bớt sự tối tăm u ám trên thế gian chăng?»

Hai người thí sinh đáp:

- «Chúng con xin vâng lời Ngài dạy.»

Đức Di Lạc nói tiếp:

- «Các con chớ quên rằng không có sự tối tăm u ám nào khác hơn là sự tối tăm gây nên bởi vô minh và ảo tưởng. Có câu nói rằng: «Mỗi một ân huệ toàn hảo là từ trên ban xuống, do nơi Đấng cha lành tuyệt đối. Đấng thiêng liêng vốn là ánh sáng nơi đó không có sự tối tăm, nhưng con người không chịu hưởng về ánh sáng của Ngài, mà lầm lũi đi trong bóng tối của chính họ, rồi họ nói ở đâu cũng hắc ám.»

Kế đó những thí sinh phải trải qua một vài điều thử thách về công việc trên cõi thượng giới. Họ phải

quan sát những nhân vật trên cõi thượng giới chẳng hạn như những nhân vật sẽ được giao cho họ săn sóc về sau này, và đức Bồ Tát hỏi họ sẽ làm thế nào để giúp đỡ trong mỗi trường hợp. Một trong những trường hợp đó là của người tu sĩ thời trung cổ, tuy có lòng sùng đạo chân thành, nhưng lại có những ý tưởng vô cùng chật hẹp về Thượng Đế, về các thánh và giáo hội, đức Bồ Tát chất vấn họ sẽ làm gì để giúp đỡ những tu sĩ ấy?

Tất cả những gì xảy ra trong cuộc điếm đạo thứ nhì đều diễn ra trên cõi thượng giới, và tất cả những nhân vật đều hoạt động trong thể trí của họ, chớ không phải trong thể giả tạo (mayavirupa) mà họ thường dùng trên cõi trung giới.

Sau cuộc thử thách này, và sau khi những thí sinh đã giải đáp những câu hỏi một cách mỹ mãn, họ được đưa đến đức Di Lạc và quỳ trước mặt Ngài. Ngài đứng dậy, và quay về hướng Shamballa, Ngài hô to:

- «Thưa đức Ngọc Đế của ánh sáng, sự sống và huy hoàng, nhân danh Ngài, tôi nên nhận hai vị thí sinh này chăng?»

Khi đó trên đầu Ngài chiếu rạng ngôi sao sáng, biểu hiện sự chấp thuận của Đấng điếm đạo độc tôn, và gương mặt của đức Phật Gautama chiếu sáng rạng ngời, trong khi Ngài đưa tay mặt lên để ban ân huệ. Đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan) cũng đứng dậy để ban ân huệ của Ngài, trong khi đức Bồ Tát đặt hai

bàn tay của Ngài trên đầu mỗi vị thí sinh, và tất cả đều cúi đầu rạp xuống một cách kính cẩn trước các Đấng cao cả. Kế đó, cả thầy đều im lặng.

Trong sự im lặng đó, chìa khoá hiểu biết được ban cho các thí sinh. Đức Bồ Tát phóng ra, từ hai thể hạ trí và thượng trí của Ngài, những tia thần lực làm kích động những thể tương đương của hai người thí sinh, và làm cho những mầm đức tánh và quyền năng của họ thành linh được nảy nở một cách tốt đẹp. Giống như một búp non, được ánh sáng mặt trời làm nảy nở thành cái hoa, những thể hạ trí và thượng trí của họ thành linh biểu lộ những quyền năng tiềm tàng một cách rất tốt đẹp. Xuyên qua những quyền năng nảy nở đó, trực giác có thể biểu lộ tự do, và quyền năng mới này bắt đầu hoạt động. Kế đó, đức Di Lạc nói:

- «Giờ đây các con hãy thâm nhận quyền năng mới mà Ta ban cho con, và hãy hoàn toàn tin tưởng nơi đó. Các con hãy tập cho các hạ thể của các con được vào khuôn khổ trật tự và nhạy cảm để cho quyền năng ấy có thể đi xuyên qua đến bộ óc và hướng dẫn cách xử thế của các con cho khỏi lầm đường lạc lối. Và như thế, nó cũng soi sáng con đường đạo mà các con sẽ trải qua để chuẩn bị cho các con bước vào cuộc điem đạo thứ ba.» Nói xong, Ngài ban ân huệ lần cuối cùng, ngôi sao cùng với những Đấng cao cả đều biến mất. Tất cả mọi người đều cúi rạp xuống một lần nữa, và cuộc lễ chấm dứt. Các vị Chơn Sư đều rời khỏi chỗ ngồi, mỗi vị đều nói một vài lời khả ái và ban ân huệ

cho hai người mới được điễm đạo. Chon Sư Kuthumi cũng nói ít lời ủy lạo đám đông đến chứng kiến, những người này đã rút lui ra phía sau như đã nói trên, nhưng bây giờ được phép lại gần để từ giã những người lãnh đạo của họ. Hai vị này, nhờ sự hiểu biết mới vừa được ban bố thêm, cũng nói một vài lời khuyên nhủ với đám người kia, và ban ân huệ cho họ trước khi từ giã.

SỰ PHÁT TRIỂN TRÍ HUỆ

Cuộc điễm đạo thứ nhì giúp cho người đệ tử tiếp tục mở trí một cách mau chóng. Ở giai đoạn này, người đệ tử tập sử dụng thể «ảo tượng» (mayavirupa), tức là thể vía tạm thời tạo ra bởi một người đã hoạt động được bằng thể trí của y. Khi một người đi châu du trên cõi trung giới, thì y thường dùng thể vía; và nếu y cần xuất hiện ở cõi trần trong khi y đang hoạt động bằng thể vía, thì y phải tạo nên một xác phàm ở ngoài thể vía. Phương pháp này đôi khi được áp dụng, tuy rằng nó không được phổ thông, vì nó làm tiêu hao rất nhiều sinh lực. Cũng thế, nếu người đệ tử đang hoạt động bằng thể trí và muốn xuất hiện ở cõi trung giới, thì y phải tạo ra một thể vía tạm thời, gọi là «mayavirupa» (thể ảo tượng hay giả tạo). Khi y đã làm xong công việc ở cõi trung giới, y lại trở về cõi thượng giới, thì thể giả tạo đó tan rã, và những chất thanh khí mà người đệ tử đã thâm hút bằng ý chí của mình để tạo ra thể ấy, lại trở về nguồn cội của nó là cõi trung giới.

Trước khi được điễm đạo lần thứ nhất, người đệ tử hoạt động ban đêm trong lúc ngủ bằng thể vía, nhưng khi y đã hoàn toàn làm chủ được thể vía của mình, và sử dụng thể vía một cách toàn vẹn, thì y mới bắt đầu làm việc bằng thể trí. Đến khi thể này cũng được hoàn toàn kiểm soát, nó là một thể uyển chuyển hơn thể vía rất nhiều, và nó có thể dùng để làm được nhiều việc mà người ta không thể làm ở cõi trung giới. Khi người đệ tử đã có quyền năng tạo nên một «thể ảo tưởng» (mayavirupa), thì y có thể, trong khoảnh khắc, đi từ cõi thượng giới qua cõi trung giới và trở về. Y có thể sử dụng bất cứ lúc nào quyền năng rộng lớn và giác quan tế nhị hơn ở cõi thượng giới, y chỉ cần tạo một thể vía tạm thời khi nào y muốn xuất hiện để tiếp xúc với người ở cõi trung giới. Như thế, trước hết y cần phải được Chon Sur chỉ dạy cách tạo nên một «thể ảo tưởng» và sau đó y có thể tự làm lấy, mặc dầu đó không phải là việc dễ làm.

Trong cuộc điễm đạo lần thứ hai, thể trí của người đệ tử phát triển và khai mở rất nhiều, nhưng thường phải đến vài năm thì ảnh hưởng của nó mới bắt đầu biểu lộ nơi bộ óc vật chất. Khi đó, tự nhiên bộ óc chịu một sự căng thẳng và kích thích rất mạnh, vì nó không thể trong chốc lát mà có thể hoà hợp với mực độ cần thiết.

GIAI ĐOẠN NGUY HIỂM

Thời kỳ tu luyện sau cuộc điếm đạo lần thứ hai, phần nhiều là thời kỳ nguy hiểm nhứt trên đường đạo, mặc dầu ở bất cứ giai đoạn nào, trước khi bước qua cuộc điếm đạo thứ năm, người hành giả đều có thể bị vấp ngã, bị lùi trở lại, hoặc bỏ phí nhiều kiếp, sống cuộc đời vô định không mục đích. Nhưng ở giai đoạn đặc biệt này, nếu người hành giả có một sự yếu kém nào trong tâm tánh của mình, thì điều đó sẽ lộ ra. Một người đã tiến đến trình độ cao như thế, đáng lẽ không thể nào bị lùi trở lại, nhưng kinh nghiệm đã cho chúng tôi thấy, việc ấy đôi khi cũng xảy ra. Trong hầu hết tất cả những trường hợp như vậy, sự vấp ngã đều do tánh kiêu căng; nếu người hành giả có một ít kiêu căng nào, thì y đang đứng trước một nguy cơ có thể bị vấp ngã. Kiến thức, và trí huệ mà chúng ta nói đến ở cõi trần, chỉ là một phản ảnh của sự thật; tuy nhiên, vài người trong chúng ta lại tự hào về điều ấy, tự hào về trí huệ và sự thấy xa hiểu rộng của mình. Bởi đó khi một người vừa thoáng thấy, dầu là một phần rất nhỏ bé, trạng thái trí huệ tương lai của mình, thì đó là một nguy cơ rất lớn, nếu người ấy bắt đầu đi theo chiều hướng đó, thì y sẽ rất khó mà sửa đổi lại về sau. Chỉ có sự đề phòng cẩn mật, và giữ mình chặt chẽ luôn luôn mới có thể giúp cho y vượt qua giai đoạn này một cách thành công, và y phải luôn luôn cố gắng diệt trừ mọi dấu vết của thói kiêu căng, ích kỷ và thành kiến.

Khi chúng ta hiểu rõ những điều này, chúng ta sẽ đột nhiên có sự sáng suốt để hiểu những đoạn trong thánh kinh. Giai đoạn nguy hiểm trong đời của vị đạo đồ được diễn tả trong kinh thánh bằng câu chuyện đứ Chúa Christ bị cám dỗ nơi hoang địa. «Bốn chục ngày trong bãi sa mạc hoang vu» tượng trưng cho thời kỳ sự phát triển thể trí của người đệ tử trong lần điểm đạo thứ nhì, ảnh hưởng đến bộ óc vật chất. Đối với người đệ tử, không phải 40 ngày, có thể là 40 năm cần thiết để thực hiện điều đó. Trong đời của đứ Jésus, đó là thời kỳ mà bộ óc của Ngài được chuẩn bị cho Đấng Christ sử dụng. Kế đó quý sa tăng được tượng trưng cho tánh thấp hèn của con người, đến để cám dỗ người đạo đồ; trước hết nó thúc giục người đệ tử dùng quyền năng để thoả mãn những nhu cầu của mình: «Nếu người là con của Chúa Trời, người hãy làm cho những hòn đá này biến thành bánh mì.» Kế đó, đứ Chúa bị cám dỗ làm cho Ngài muốn nhảy từ nóc đền xuống đất, tức là làm phép lạ để khiếp phục quần chúng. Và sau cùng Ngài được chỉ cho thấy tất cả giang sơn trên cõi thế gian cùng sự huy hoàng của nó, và quý sa tăng nói: «Ta sẽ cho người tất cả những thứ này, nếu người chịu khuất phục và tôn thờ ta.» Nghĩa là Ngài bị cám dỗ dùng quyền năng để thoả mãn lòng tham vọng của mình. Mỗi sự cám dỗ trên đây đều ám chỉ một hình thức khác nhau của thói kiêu căng vậy.

Cũng như cuộc điểm đạo thứ nhứt là một sự phục sinh, cuộc điểm đạo thứ nhì có thể ví như cuộc lễ

tiếp nhận thần lực của ngôi ba hay của Chúa Thánh Thần. Giai đoạn này Phật giáo gọi là Tư Đà Hàm (Sakadagamin), nghĩa là người hành giả tiến đến trình độ này chỉ cần trở lại thế gian lần cuối trước khi đắc quả La Hán, tức là điểm đạo lần thứ tư. Sau quả vị này, người hành giả không còn đầu thai xuống thế gian nữa. Người Ấn Độ giáo gọi giai đoạn thứ hai này Kutichaka, tức là người cất am, nghĩa là người đã đạt đến chỗ bình an trong tâm hồn.

Trong giai đoạn này, người hành giả không còn phải diệt trừ điều chướng ngại nào nữa, nhưng thường là thời kỳ tiến triển rất nhiều về trí huệ và tâm linh. Nếu trước đó người hành giả chưa có những năng khiếu thần thông, thì y sẽ khai mở những năng khiếu đó trong giai đoạn này, vì nếu không có những năng khiếu đó, thì y không thể nào lãnh hội được những kiến thức mới sẽ được ban bố cho y, hoặc làm những công việc cao cả hơn để phụng sự nhân loại mà người đạo đồ từ nay đã có hân hạnh giúp đỡ. Người ấy phải làm chủ được tâm thức của thể vía trong khi tỉnh giấc, và trong giấc ngủ thì cõi thiên giới sẽ mở rộng trước mắt y, vì tâm thức của một người trong khi ở ngoài xác thân, luôn luôn ở một mực độ cao hơn là khi y mang gánh nặng của xác phàm.

CUỘC ĐIỂM ĐẠO LẦN THỨ BA (Chứng quả vị A Na Hàm: Anagami)

Khi người thí sinh đã vượt qua bốn giai đoạn phụ của cuộc điểm đạo thứ nhì, và một lần nữa lại trở nên một vị Gotrabhu, thì y sẵn sàng được điểm đạo lần thứ ba, để trở nên một vị «A Na Hàm» (Anagami), nghĩa là «người không trở lại nữa,» vì người ta trông đợi y sẽ được vào cuộc điểm đạo kế tiếp trong kiếp này. Danh từ Ấn Độ giáo để chỉ giai đoạn này là Hamsa, có nghĩa là con hạc. Tục truyền rằng con hạc có thể gạn lọc chất sữa với chất nước cũng ví như những người hiền giả có thể nhận thức được chân giá trị của sự vật trong cuộc đời phù du giả tạm.

NHỮNG CHƯỚNG NGẠI THỨ TƯ VÀ THỨ NĂM

Vị A Na Hàm, trong đời sống hoạt động hằng ngày ở thế gian, vẫn thụ hưởng được mọi sự tốt lành nhờ có những khả năng toàn vẹn để hoạt động ở cõi thượng thiên, khi người rời khỏi xác thân lúc ban đêm, trong giấc ngủ, thì người lại bước vào tâm thức huyền diệu của cõi bồ đề. Trong khi ở trạng thái đó, người phải diệt trừ mọi tàn tích của những chướng ngại thứ 4 và thứ 5, gọi là kamaraga và patigha, nghĩa là sự ham thích khoái lạc về nhục thể (mà điển hình là tình yêu

xác thịt vật chất), và tánh giận dữ hay thù ghét. Người chí nguyện phải tự giải thoát khỏi sự trói buộc của ngoại vật. Điều này không có nghĩa là y phải đứng đưng bất động trước sự hấp dẫn của vẻ đẹp, mỹ lệ, tinh khiết cũng như bất động thân nhiên trước sự xấu xa, dơ bẩn; và y phải gạt bỏ chúng ra ngoài, trong công việc làm ăn hằng ngày. Điều ấy chỉ có nghĩa là y sẽ không để cho ngoại vật trở thành một yếu tố quyết định trong khi làm bốn phận, và y sẽ loại bỏ chúng một cách hoàn toàn khi nào cần thiết.

Về điểm này, chúng ta hãy coi chừng sự hiểu lầm thường xảy ra. Tình yêu trong sạch và cao thượng của con người không bao giờ phai nhạt, không bao giờ giảm sút trên đường huyền môn. Trái lại, nó còn tăng trưởng và nói rộng để bao gồm tất cả mọi loài với một sự nồng nàn mà lúc đầu người ta chỉ dành cho một hay hai người mà thôi. Nhưng trải qua thời gian, người học đạo sẽ vượt lên trên tất cả những gì liên hệ đến phạm nhơn của những người chung quanh, và như thế y sẽ tránh khỏi tất cả những sự bất công và thiên vị mà tình yêu thường tình hay mắc phải.

Người học đạo cũng đừng nghĩ rằng khi y nói rộng tình thương đến tất cả mọi loài, y sẽ mất tình riêng dành cho những người thân yêu. Sự liên lạc mật thiết khác thường giữa đức Ananda và đức Phật, cũng như giữa thánh Jean và đấng Christ vẫn được ghi chép để chứng minh; mà trái lại, tình thân yêu đó càng tăng trưởng hơn lên. Sợi dây nhân duyên giữa một Chon

Sự và các đệ tử còn bền chặt hơn nhiều bất cứ một tình cảm nào nơi thế gian, vì tình thương này nở trên đường đạo là một thứ tình giữa các Chơn Nhơn, chớ không phải chỉ giữa những phàm nhơn; do đó, nó là một thứ tình mãnh liệt và trường cửu, không bao giờ phai mờ hay thay đổi; vì đó là tình yêu toàn vẹn, bất biến.



PHẦN THỨ BA

NHỮNG CUỘC ĐIỂM ĐẠO LỚN

CHƯƠNG 9

CHON NHON

SỰ CẤU TẠO CỦA CHON NHON

Để hiểu một cách rõ ràng những giai đoạn trên đường đạo, chúng ta cần phải xem xét Chon Nhon, xem bằng cách nào nó được thức tỉnh và sử dụng quyền năng để làm cho phàm nhon được điều hòa với nó, bằng cách nào vượt lên cõi bờ đề và thực hiện sự hợp nhất với tất cả mọi loài.

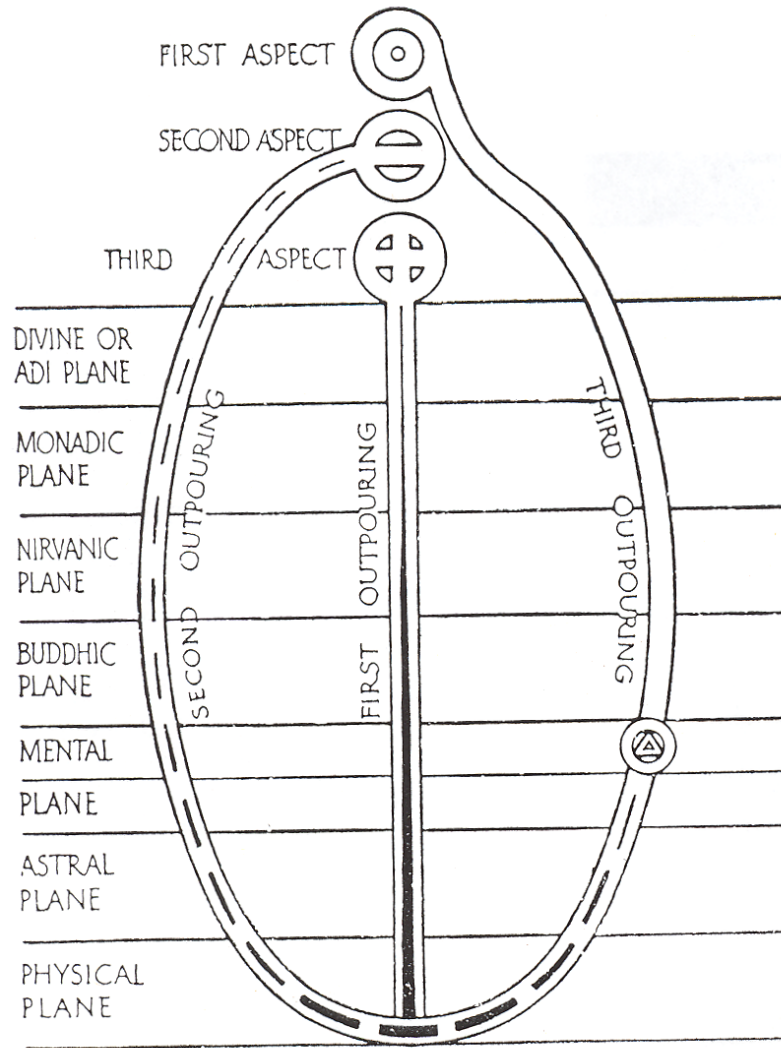
Bản lược đồ kế bên trình bày ba luồng sóng sinh hoạt của Thượng Đế trong cơ tiến hóa. Ở trên, 3 vòng tròn tượng trưng cho 3 ngôi. Từ mỗi vòng tròn, có một đường dọc đi xuống, và gặp những đường ngang tượng trưng cho 7 cõi trong thiên nhiên. Đường dọc từ ngôi ba đi xuống mỗi lúc càng đậm thêm để chỉ cho ta thấy bằng cách nào ngôi ba chuyển sinh lực vào các cõi, trước hết cấu tạo những nguyên tử của mỗi cõi, và sau đó kết hợp những nguyên tử thành các yếu tố.

Trong vật chất đã được thấm nhuần sinh lực của ngôi ba đó, luồng sinh lực thứ hai giáng xuống từ vòng tròn tượng trưng ngôi hai (đức Chúa Con), và sức sống thiêng liêng tiềm tàng trong luồng sinh lực đó dùng vật chất cấu tạo một hình thể, để cho nó có thể dùng làm những lớp vỏ khoác bên ngoài dạng chuyển

xuống các cõi thấp. Ở mức độ thấp nhất của cõi vật chất, sự sống đó làm thức động kim thạch, và khi nó tiến hóa thêm, lần lần nó sẽ chuyển sinh lực vào loài thảo mộc và kể đó, loài cầm thú. Khi nó tiến lên mức độ cao tột của loài cầm thú, thì xảy đến một sự thay đổi quan trọng, một yếu tố hoàn toàn mới mẻ, đó là luồng sinh lực thứ ba, xuất phát từ vòng tròn trên hết, tượng trưng cho ngôi thứ nhất gọi là đức Chúa Cha.

Sức mạnh từ trước vận chuyển sinh lực cho mọi loài, nay đến lượt nó lại chịu tiếp nhận luồng sinh lực của ngôi thứ nhất. Luồng sinh lực mới này ảnh hưởng đến linh hồn của loài thú, và cấu tạo nên một thể riêng biệt bằng chất thượng thanh khí vô cùng tinh anh đến nỗi giác quan vật chất của con người không thể cảm xúc được.

Bằng cách đó, được tạo ra Chơn Nhơn con người trong thể thượng trí, nó liên thâu về mình kết quả của tất cả những kinh nghiệm mà linh hồn con thú đã thâu được trải qua những thể hệ tiến hóa dài đằng đằng trước kia của nó. Như thế, những khả năng và đức tánh của nó đã khai mở trong lịch trình tiến hóa đó vẫn được giữ gìn nguyên vẹn, không có gì mất.



CHƠN THẦN VÀ CHƠN NHƠN

Vậy luồng sinh lực thứ ba vô cùng màu nhiệm xuất phát từ ngôi thứ nhất của Thái Dương Thượng Đế, đó là cái gì? Thật ra, đó chính là sự sống của Thượng Đế vậy. Và ta cũng có thể nói: Sự sống đó vẫn có ở trong hai luồng sinh lực thứ nhất và thứ nhì. Thật đúng như vậy, nhưng hai luồng sinh lực này đã giáng xuống một cách tuần tự và chậm chạp xuyên qua tất cả

những cảnh giới, làm thức động vật chất của mỗi cảnh và hỗn hợp với thứ vật chất đó một cách hoàn toàn chặt chẽ đến nỗi người ta không thể phân biệt và nhìn nhận được đó là sự sống thiêng liêng. Trái lại luồng sinh lực thứ ba trực tiếp đi thẳng xuống từ nguồn gốc xuất phát của nó, mà không hỗn hợp với vật chất của mỗi cảnh giới. Nó là một thứ ánh sáng trong trắng tinh anh, không bị ô nhiễm bởi bất cứ vật gì mà nó đi xuyên qua.

Mặc dầu, vì mục đích để cho được rõ ràng, dễ hiểu, bản lược đồ trên đây chỉ luồng sinh lực thứ ba như là xuất phát trực tiếp từ Thượng Đế, thật ra nó đã do Ngài hạ xuống từ lâu, và lơ lửng ở một điểm trung gian, nơi cõi thứ nhì của Thái Dương Hệ chúng ta. Khi nó lơ lửng ở cõi ấy, nó được gọi là Chơn Thần (Monad), và chúng ta có thể tưởng tượng nó như một phần tử Thượng Đế. Một phần tử của toàn thể không thể phân chia. Nói như thế thật ra có vẻ hơi mâu thuẫn đối với cái trí phàm tục của chúng ta, nhưng điều ấy có bao hàm một chân lý bất diệt ngoài tầm hiểu biết của con người.

Phương pháp tổng quát, tinh thần giáng xuống vật chất dường như lúc nào cũng giống nhau chớ không thay đổi, mặc dầu những điều kiện khác nhau của những cõi giới khác nhau, dĩ nhiên đưa đến nhiều sự sai biệt từng chi tiết. Chính Thượng Đế xạ xuống một điểm Chơn Thần – một mảnh rất tế vi của Ngài – ở một cõi giới thấp hơn cõi của Ngài rất xa, điều ấy là

một sự giới hạn không phải nhỏ, mặc dầu nó vẫn còn cách quá xa tầm hiểu biết của chúng ta, để cho ta có thể diễn tả hay lãnh hội được. Cũng như thế, Chon Thần tự phân ra một mảnh nhỏ của nó để tạo nên Chon Nhon, trong trường hợp này cũng vậy, sự giới hạn của nó lại càng tăng thêm bội phần. Điều này tái diễn một lần nữa, khi Chon Nhon phản ảnh một phần nhỏ của nó vào trong thể trí, thể vía và thể xác của một người, – phần nhỏ đó, chúng ta gọi là Phàm Nhon.

Phần nhỏ cuối cùng này là điểm tâm thức, những người có thần nhãn có thể nhìn thấy nó luân chuyển bên trong con người. Khoa biểu tượng cho rằng nó như *«một người bằng vàng nhỏ bằng ngón tay cái»* ở nơi quả tim; nhưng nhiều người thấy nó dưới hình thức một ngôi sao. Tôi luôn luôn có thể thấy nó như *«một ngôi sao có ánh sáng chói rạng»*. Người ta có thể trụ ngôi sao tâm thức đó ở chỗ nào tùy theo ý muốn, nghĩa là ở bất cứ trung tâm nào trong 7 bí huyết chánh trong thân người. Mỗi người có thể chọn lựa một trung tâm nào tùy nơi cung đặc biệt của họ, và cũng tùy nơi đại chủng⁵ hay chi chủng⁶ của họ. Những người thuộc giống dân thứ 5, phần nhiều đều trụ tâm thức đó ở trong óc, nơi trung tâm tùy thuộc bộ hạch óc. Tuy nhiên, có những người thuộc về những giống dân

⁵ Đại chủng = Giống dân chính (race).

⁶ Chi chủng = Chi nhánh của một giống dân (sub-race).

khác, thường trụ nơi bí huyết ở trái tim, yết hầu hoặc nơi rún.

Ngôi sao tâm thức đó là đại diện của Chon Nhon ở cõi hạ giới, và khi nó biểu lộ qua những hạ thể của nó, thì gọi là phàm nhon, và chính đó là cái mà chúng ta nhìn thấy ở mọi người chung quanh ta ở thế gian.

SỰ GIAO TIẾP CỦA CHON NHON VÀ PHÀM NHON

Tuy phàm nhon là một phần của Chon Nhon – nhưng sự sinh hoạt và quyền năng của nó cũng là sự sống và quyền năng của Chon Nhon – nó thường hay quên điều đó, và tự coi như một cái gì hoàn toàn riêng biệt, và chỉ hoạt động theo mục đích riêng của mình. Nó luôn luôn có một đường thông thương với Chon Nhon (chữ Phạn gọi là Antahkarana) nhưng nó thường không cố gắng sử dụng đường thông thương đó. Trong trường hợp những người không bao giờ học hỏi về những vấn đề này, thì phàm nhon hoàn toàn ngự trị, và Chon Nhon chỉ tự biểu lộ một cách rất hiếm và bất toàn.

Sự tiến hóa của con người trong những giai đoạn đầu, gồm việc khai mở đường giao thông đó, để Chon Nhon có thể càng ngày càng tự biểu lộ rõ rệt, và sau cùng, hoàn toàn chủ trị phàm nhon. Bằng cách đó, phàm nhon sẽ không còn một tư tưởng hay ý chí riêng biệt nào, mà chỉ có thể là phản ảnh của Chon Nhon ở

cõi hạ giới. Chúng ta nên biết Chơn Nhơn thuộc về cõi thanh cao hơn, nên nó không bao giờ có thể tự biểu lộ hoàn toàn ở cõi hạ giới. Điều tốt nhất mà chúng ta có thể hy vọng là phàm nhơn sẽ không dung dưỡng điều gì mà Chơn Nhơn không muốn, và nó sẽ biểu lộ Chơn Nhơn đến mức độ tối đa ở cõi hạ giới.

Người trần thế không có sự huấn luyện theo đường tu hành, thì không bao giờ có sự giao tiếp với Chơn Nhơn. Người đã điểm đạo thì sự giao tiếp này được hoàn toàn. Do đó chúng ta nhận thấy ở thế gian này, có rất nhiều người thuộc về nhiều trình độ khác nhau ở giữa hai cực đoan đó. Ta nên nhớ chính Chơn Nhơn cũng đang trên đường tiến hóa, và chung quanh ta là những linh hồn thuộc về những trình độ tiến hóa rất khác biệt nhau. Trong mọi trường hợp, một Chơn Nhơn bao giờ cũng cao cả, tốt đẹp hơn một phàm nhơn rất nhiều trên mọi phương diện. Mặc dầu, như đã nói ở trên, nó chỉ là một mảnh nhỏ của điểm Chơn Thần, nhưng nó cũng là một Chơn Nhơn toàn hảo trong thể thượng trí của nó, ngay khi những năng lực của nó chưa phát triển. Trái lại, trong phàm nhơn chỉ có một phản ảnh rất nhỏ của Chơn Nhơn mà thôi.

Thật ra, sự sinh hoạt ở cõi của Chơn Nhơn vô cùng phóng khoáng và mạnh mẽ hơn là sự sống ở cõi trần rất nhiều. Cũng như phàm nhơn tiến hóa bằng cách cố gắng biểu lộ Chơn Nhơn một cách toàn vẹn hơn, thì Chơn Nhơn cũng tiến hóa bằng cách cố gắng biểu lộ Chơn Thần một cách toàn vẹn hơn. Một phàm

nhon chưa tiến hóa tuyệt nhiên không biết gì về sự liên lạc của nó với Chon Nhon, và tưởng rằng nó độc lập. Một Chon Nhon, trái lại, ở trên cõi thanh cao, không thể nào không hay biết về sự liên lạc của nó với Chon Thần. Chắc chắn có vài linh hồn biết rõ những nhu cầu về sự tiến hóa của họ nhiều hơn những linh hồn khác, hay có những linh hồn già giặn và những linh hồn khác còn non nớt, những linh hồn tiến hoá cố gắng nhiều hơn những linh hồn còn non nớt để khai mở những khả năng hấy còn tiềm tàng.

CHON NHON TRÊN CÕI RIÊNG CỦA NÓ

Chúng ta quen cho rằng Chon Nhon có thể phát triển được, chỉ khi nào xuyên qua phàm nhon, nhưng không phải vậy, hoặc nếu có, thì sự kiện cũng chỉ liên quan đến một số nhỏ vài đức tánh mà thôi. Như tôi đã giải thích tường tận trong quyển II «Con Người, hữu hình và vô hình,» thể thượng trí của người đã man hầu như không có màu sắc. Càng tiến hóa, con người càng phát triển những đức tánh tốt, những đức tánh này có thể tìm thấy những rung động tương đương trong chất của thể thượng trí. Những màu sắc biểu lộ những đức tánh đó, mới bắt đầu xuất hiện và thể thượng trí, thay vì trống rỗng, lại chứa đầy sức sống dồi dào. Bấy giờ Chon Nhon có thể tự biểu lộ thêm nhiều hơn xuyên qua thể ấy và bởi đó thể thượng trí càng ngày càng nở lớn thêm gấp bội. Nó vẫn bành trướng thêm mãi cho đến khi đương sự có thể bao trùm hàng trăm, chí đến

hàng ngàn người trong vòng hào quang của mình, và như thế, y tạo nên một ảnh hưởng tốt lành trên một quy mô rộng lớn.

Nhưng điều này, đầu tốt đẹp đến đâu, cũng chỉ là một phần của sự tiến bộ của y. Người tiến hóa cao có những đường lối tiến hóa khác mà ở cõi thế gian, chúng ta không biết gì cả. Cuộc đời của y sống giữa các đấng Vô Sắc Thiên Thần (Arupa Devas), giữa các hàng Thiên Thần cao cả, ở một cõi giới siêu việt hơn chúng ta rất xa. Linh hồn còn non nớt có lẽ chưa ý thức được một đời sống siêu việt như thế, cũng như một đứa hài nhi còn bồng ẵm không thể biết được, những gì xảy ra ở thế giới chung quanh nó. Nhưng khi tâm thức nó khai mở lần lần, nó mới thức tỉnh và trở nên say mê cái mỹ lệ, tốt đẹp của đời sống lộng lẫy, huy hoàng đó.

Đồng thời, chính nó sẽ trở nên một nhân vật cao cả, lần đầu tiên nó cho chúng ta một ý niệm về tương lai mà Thượng Đế đã định sẵn cho con người.

Giữa những nhân vật cao cả đó, tư tưởng không còn tượng hình và phiêu bạt như ở cõi hạ giới, mà nó di chuyển mau như chớp từ người nọ sang người kia. Trong trường hợp này, không có những thể mới tạo nên, mà lần lần được kèm chế và từ từ tập biểu lộ một cách yếu ớt nơi linh hồn bên trong. Trái lại, ở đây, nó là một thể cũ hơn non nụi, một sự biểu lộ thật sự của đời sống thiêng liêng luôn luôn ẩn tàng, càng ngày càng

chói rạng xuyên qua thể ấy trong khi nó vẫn từ từ phát triển các quyền năng.

Ở cõi giới này, chúng ta không còn nói đến phần hình hài sắc tướng, mà chúng ta nhìn vào thực tại, chân tướng ẩn tàng bên trong, phần hình thức lộ liễu bên ngoài. Ở đây, nhân với quả dính liền làm một, sự hiệp nhất đó hiển hiện rõ ràng như hai mặt của đồng tiền. Chúng ta đã từ từ bỏ cái cụ thể mà qua cái trừu tượng; chúng ta không còn biết cái sắc tướng thiên hình vạn trạng, mà đạt tới lý ẩn tàng bên trong. Chúng ta không cần học hỏi những chi tiết, hoặc thảo luận hay giảng giải về một vấn đề; chúng ta nắm lấy phần lý, hay tinh hoa của nó, và hiểu vấn đề một cách toàn vẹn. Một hệ thống triết học, cần được giảng giải bằng nhiều quyển sách dày ở thế gian, ở đây nó chỉ là một tư tưởng nhất định, có thể được sử dụng một cách cụ thể như người ta ném một lá bài trên bàn. Một vở nhạc kịch mà thế gian phải cần đến cả một dàn nhạc mạnh mẽ để diễn tả trong nhiều giờ, thì ở cõi giới này chỉ là một hòa âm vĩ đại. Những phương pháp của một trường hội họa được cô đọng lại ở cõi này trong một ý tưởng mỹ lệ, vì những ý tưởng như thế là phương tiện trí thức mà những Chon Nhon dùng để nói chuyện với nhau.

Thật khó khăn để chúng ta phải giải thích bằng lời nói trần thế những sự sai biệt khác nhau giữa các Chon Nhon, vì tất cả những Chon Nhon đó đều cao cả hơn rất nhiều bất cứ vật gì mà chúng ta quen thuộc ở cõi

trên trên nhiều phương diện. Sự so sánh có thể trở nên sai biệt nếu ta để nó đi quá xa, hoặc nếu ta theo sát nghĩa từng chữ. Tuy nhiên, tôi có thể đưa ra một ý niệm tổng quát, mà những linh hồn ở nhiều trình độ tiến hóa khác nhau đã đến với tôi, nếu tôi nói một linh hồn tiến hóa có thể ví như một vị sứ thần có phong độ nghiêm trang, oai nghi, khôn khéo, lịch sự và hòa nhã, còn một linh hồn chưa tiến hóa có thể ví như một kẻ nhà quê thô kệch. Một linh hồn đã đi trên đường đạo, và gần đắc quả Chơn Tiên có nhiều điểm giống như các vị đại thiên thần, và ban rải những ảnh hưởng tâm linh rất dồi dào mãnh liệt.

SỰ CHÚ TRỌNG CỦA CHƠN NHƠN ĐỐI VỚI PHẠM NHƠN

Như thế, người ta không lấy làm lạ thấy Chơn Nhơn lao mình vào sự hoạt động ráo riết trên cõi riêng biệt của nó, mà nó cho là vô cùng thích thú và quan trọng hơn là những nỗ lực tranh đấu của một phạm nhơn chật hẹp và bất toàn, bị giới hạn trong sự hắc ám tối tăm dày đặc của cõi hạ giới.

Trong đời sống hàng ngày của người thế gian, không có gì thích thú đối với Chơn Nhơn; chỉ thỉnh thoảng mới xảy ra một việc quan trọng thật sự có thể làm cho nó chú ý trong một lúc, và thu nhận được một vài kinh nghiệm. Người thế gian sống một cách vô ý thức, phần nhiều họ không bao giờ thức tỉnh đối với

đòi sống chon thật và siêu linh. Chúng ta thường hay phàn nàn rằng Chon Nhon ít khi chú ý đến chúng ta, vậy chúng ta hãy tự hỏi chúng ta có bao giờ chú ý đến Chon Nhon của mình không? Thí dụ có mấy lần trong một ngày, chúng ta đã nghĩ đến Chon Nhon? Nếu chúng ta muốn cho Chon Nhon chú ý đến mình, ta hãy làm sao cho phàm nhon được hữu ích đối với nó. Ngày nào chúng ta bắt đầu dành phần lớn những tư tưởng của chúng ta cho những vấn đề cao siêu – nói một cách khác, khi nào ta bắt đầu sống một cách thật sự – thì chừng đó Chon Nhon mới có thể chú ý đến ta nhiều hơn.

Chon Nhon biết sự tiến hóa của nó có vài phần chỉ thực hiện được xuyên qua phàm nhon và những hạ thể: xác, vía, trí. Bởi đó, nó biết rằng đôi khi nó phải chăm nom săn sóc và chủ trị phàm nhon. Nhưng chúng ta có thể hiểu việc ấy thường có vẻ không được hấp dẫn cho lắm, và phàm nhon thường không được tốt lành và không có hy vọng bao nhiêu!

Nếu chúng ta nhìn vào phàm nhon của nhiều người chung quanh, với những thể xác của họ bị đầu độc bằng rượu, thịt và thuốc lá; những thể vía của họ đầy đầy sự tham lam, sân hận, si mê; và thể trí của họ không có sự thích thú nào ngoài việc chạy «áp phe,» hoặc cò bạc hay cá ngựa, thì chúng ta sẽ hiểu tại sao một Chon Nhon, nhìn vào thực trạng do từ trên cõi cao siêu, nó có thể quyết định, đình chỉ những cố gắng của nó lại kiếp sau, và hy vọng những hạ thể mới của nó

trong kiếp tới, sẽ có thể dễ ảnh hưởng hơn là những hạ thể mà nó nhìn thấy một cách kinh khủng trong lúc hiện tại! Chúng ta có thể hình dung Chon Nhon sẽ tự nhủ lấy nó như sau: «Ta không thể làm gì được đối với người như vậy. Có thể ta gặp những thể tốt lành hơn ở một lần sau. Còn lần này thật không có gì tệ hơn, và trong khi chờ đợi, thì ta còn có công việc quan trọng hơn để làm!»

Trường hợp đó thường xảy ra trong giai đoạn đầu của một linh hồn mới đầu thai. Từ khi một hài nhi mới sanh ra, thì Chon Nhon của nó lơ lửng ở trên và trong vài trường hợp, Chon Nhon bắt đầu ảnh hưởng đến sự phát triển thể xác của hài nhi trong khi nó còn rất trẻ.

Theo luật chung, Chon Nhon ít khi chú ý đến nó, cho đến khi nó 7 tuổi, khi đó thì việc làm của «tinh linh nghiệp quả» (karmic elemental) đã xong. Những trẻ con khác biệt nhau rất xa, đến nỗi ta không ngạc nhiên mà thấy sự tương quan giữa những Chon Nhon và phạm nhon cũng khác biệt nhau rất nhiều. Có đứa tư chất thông minh lanh lợi, dễ cảm; có đứa lại ngu si, chậm chạp; trong trường hợp sau, Chon Nhon thường không chú ý đến thể xác mới của đứa trẻ trong một thời gian, hy vọng về sau khi nó trưởng thành, nó sẽ trở nên khôn ngoan và dễ thụ cảm hơn.

Đối với chúng ta, hình như một quyết định như thế không được khôn ngoan lắm, vì nếu Chon Nhon

bỏ roi không sẵn sóc phàm nhọn hiện tại của nó, thì phàm nhọn tương lai cũng không khá hơn bao nhiêu, nếu nó để cho thể xác đưa trẻ lớn lên mà không chịu ảnh hưởng của nó, thì những thói hư tật xấu đã biểu lộ, rất có thể sẽ tăng trưởng thêm, một cách mạnh mẽ hơn, thay vì bị loại trừ. Nhưng chúng ta không thể xét đoán điều này, vì chúng ta chỉ biết vấn đề một cách rất thiếu sót, và chúng ta không thấy gì về công việc cao cả hơn mà nó định làm.

Do đó, ta sẽ thấy không thể nào xét đoán một cách đúng đắn vị trí trong cơ tiến hóa của một người, mà chúng ta chỉ có thể thấy được ở cõi trần. Trong trường hợp nghiệp quả có thể tạo nên một phàm nhọn rất khả quan, trong một Chơn Nhon tầm thường. Trái lại, trong trường hợp khác, nghiệp quả có thể tạo nên một phàm nhọn thấp kém hay bình tật, thuộc về một Chơn Nhon đã tiến hóa khá cao. Sự tích của đức Phật đã đưa ra những thí dụ về vấn đề này: Một ngày nọ, có người đến yết kiến đức Phật và nói y thường gặp sự trở ngại lớn trong con tham thiền, và không thể nào thiền định cho có hiệu quả. Đức Phật bèn nói, việc ấy có một lý do rất giản dị: trong kiếp trước, y đã có thói quen rất tệ hại là hay phá phách những người đạo sĩ trong con tham thiền của họ.

Người này có thể là một linh hồn tiến hóa hơn những người bạn của y, mặc dù họ tham thiền có hiệu quả hơn y.

Khi một Chon Nhon quyết định chuyển toàn lực của nó vào phàm nhon, thì nó có thể đem đến một sự thay đổi rất lớn. Khi gặp những điều kiện thuận lợi, thì sự thay đổi rất tốt đẹp, rất nhanh chóng và tận cội rễ khó mà tưởng tượng được – nghĩa là khi Chon Nhon đã đủ sức mạnh, và phàm nhon không đến nỗi quá tồi tệ đến mức bất trị – đặc biệt nhất là khi phàm nhon tự cố gắng để trở nên một sự biểu lộ hoàn toàn của Chon Nhon và làm cho Chon Nhon chú ý đến nó hơn.

THÁI ĐỘ CỦA PHÀM NHON

Sự khó khăn của vấn đề này là chúng ta phải xem xét vấn đề qua hai khía cạnh khác nhau; phần đông chúng ta sống ở thế gian như những phàm nhon quá rõ rệt: chúng ta tư tưởng và hành động tất cả đều do phàm nhon. Tuy nhiên chúng ta phải biết thật ra chúng ta là Chon Nhon, và người nào, sau nhiều năm tham thiền quán tưởng, đã trở nên nhạy cảm hơn đối với những ảnh hưởng thanh cao, thường có ý thức được sự can thiệp của Chon Ngã trong cuộc đời của họ. Ta càng có thói quen đồng hóa với Chon Nhon, thì ta càng quan niệm cuộc đời một cách sáng suốt và lành mạnh hơn. Nếu ngày nào ta vẫn còn cảm thấy ta chỉ là những phàm nhon ngửa mặt trông lên cái Chon Ngã của mình, thì hiển nhiên ta có bốn phận phải tự cởi mở cõi lòng để đón nhận lấy những ảnh hưởng của Chon Nhon, phải vươn mình lên để tiến đến nó, và luôn tạo nên trong người của chúng ta những sự rung động

hữu ích cho nó. Ít nhất ta hãy làm thế nào để đừng gây chướng ngại cho Chon Nhon, mà trái lại, hãy cố gắng làm hết sức mình để hòa hợp với nó tùy theo trình độ phát triển của chúng ta.

Vì thói ích kỷ và sự bành trướng của phàm nhon, nên bước đầu của chúng ta là phải diệt trừ thói xấu đó. Kế, chúng ta nên nuôi trong trí những tư tưởng thanh cao, vì nếu trí ta chỉ nghĩ đến những vấn đề thấp kém thì Chon Nhon không thể dùng làm phương tiện để tự biểu lộ mình. Khi Chon Nhon tự cố gắng để ảnh hưởng đến chúng ta, chúng ta hãy sốt sắng đón tiếp và mau mau tuân lệnh nó, để cho nó mỗi lúc càng xâm chiếm lấy cái trí của ta và làm chủ mọi sự vật ở các cõi hạ giới. Bằng cách đó, chúng ta càng ngày càng tiến đến gần mục đích mà chúng ta hằng hoài vọng. Như thế, chúng ta sẽ đặt chân lên đường đạo đưa thẳng đến cuộc điểm đạo đầu tiên, do đó Chon Nhon và phàm nhon đều hợp nhất làm một.

Từ nay sẽ không có việc gì trong phàm nhon mà không phải là sự phản ảnh của Chon Nhon, vì phàm nhon chỉ là để biểu lộ Chon Nhon mà thôi.

Phàm nhon có thể đã có rất nhiều thói hư tật xấu, như thói ghen ghét, tánh nóng giận và sự ngã lòng, nhưng những thói xấu này đã bị diệt trừ, và từ nay nó chỉ phản chiếu những gì từ cõi trên đưa xuống. Chon Nhon đã làm cho phàm nhon hòa hợp với nó, nay mới vươn mình lên tận cõi bờ đề, tức là cõi hợp nhất vậy.

Chỉ bằng cách đó, con người mới có thể diệt trừ ảo vọng của bản ngã, nó làm trở ngại mọi sự tiến bộ của y về sau, và đó là lý do vì sao kinh nghiệm về tâm thức bồ đề là cần thiết cho cuộc điếm đạo thứ nhất, nếu trước kia y chưa có sự kinh nghiệm này. Trong nhiều trường hợp, sự kinh nghiệm đó đến sớm hơn, vì những tình cảm cao thượng xuất hiện nơi thể vía, đã từng phản chiếu trên thể bồ đề và làm kích động thể này. Bởi vậy, thể bồ đề đã được thức tỉnh phần nào trước khi con người được điếm đạo.

THỰC HIỆN SỰ HỢP NHỨT

Tất cả chúng sinh đều cùng một gốc duy nhất. Những người đạo đồ được gia nhập Quần Tiên Hội có bốn phận phải biết rõ điều đó như một sự thật. Chúng ta nghe nói Chơn Ngã vốn là một, và chúng ta thử tìm hiểu xem câu ấy có nghĩa gì. Khi chúng ta tự mình thực nghiệm lấy điều đó, như khi người đạo đồ nhập cõi bồ đề, đó là một việc hoàn toàn khác hẳn. Như trong cuộc đời trần thế chúng ta sống ở dưới đáy giếng, nơi đó chúng ta có thể ngẩng mặt lên để nhìn thấy ánh sáng mặt trời của thế giới bên ngoài. Và tuy rằng ánh sáng soi xuống giếng sâu vực thẳm nhưng nó vẫn là một thứ ánh sáng, cũng như ánh sáng của Đấng duy nhất soi sáng sự vô minh u tối của cõi lòng chúng ta. Người đạo đồ đã thoát ra khỏi vực thẳm của phạm nhon, và thấy ánh sáng mà y tưởng rằng của riêng y, thật ra là ánh sáng vô tận của tất cả mọi chúng sinh.

Trong khi đó sinh hoạt trong thể thượng trí, Chon Nhon đã nhận thức được tâm thức thiêng liêng trong tất cả chúng sinh. Khi nó nhìn vào một Chon Nhon khác, tâm thức của nó vươn lên, như để nhận ra tánh cách thiêng liêng của người kia. Nhưng trên cõi bờ đề, nó không còn vươn lên như để đón chào người kia từ bên ngoài nữa, vì nó đã hợp nhứt với cái tâm thức của y. Không còn có sự cách biệt giữa «anh» và «tôi» nữa, vì cả hai đều là một, cả hai đều là những khía cạnh của một cái gì đã thấm nhuần và bao gồm lấy họ.

Tuy nhiên, trong sự hỗn hợp lạ lùng đó, ý niệm về cá tính không bị mất, dấu cho ý niệm về sự cách biệt giữa người với ta đã hoàn toàn mất hẳn. Điều này dường như mâu thuẫn, nhưng quả thật đúng vậy. Con người nhớ lại tất cả những gì thuộc về dĩ vãng. Y vẫn là y, vẫn chính là người đã làm việc nọ hay việc kia trong thời quá khứ xa xăm. Y không thay đổi gì cả, thật ra ngày nay đã tiến triển nhiều hơn là con người của y hồi trước, và cảm thấy y có nhiều phương diện biểu hiện khác nữa. Nếu ở đây và ngay bây giờ, một trăm người trong chúng ta có thể đồng một lúc nâng cao tâm thức của chúng ta lên cõi giới bờ đề, thì tất cả chúng ta đều là một tâm thức duy nhứt, nhưng đối với mỗi người thì nó dường như là tâm thức riêng biệt của mình, tuyệt đối không thể thay đổi, trừ khi bây giờ nó cũng bao gồm luôn cả những người khác.

Đối với mỗi người, hình như chính họ đã đồng hóa hay bao gồm luôn tất cả những người khác. Như

thế, ở thế gian, chúng ta đứng trước một điều ảo tưởng, và với một chút cố gắng hơn nữa, chúng ta sẽ thấy rõ rằng tất cả chúng ta đều là những khía cạnh khác nhau của một tâm thức rộng lớn hơn, và những gì mà từ trước đến nay ta vẫn tưởng là những đức tánh của chúng ta, trí tuệ của chúng ta, nghị lực của chúng ta, bao giờ cũng vẫn là đức tánh của Ngài, trí tuệ của Ngài, nghị lực của Ngài. Chúng ta đã thật sự nhận thức được ý nghĩa của câu châm ngôn cổ truyền: «Người là cái ấy.» Bàn về điều này ở cõi trần và hiểu được nó, hoặc tưởng rằng mình đã hiểu được nó về mặt lý trí, là một việc; nhưng bước vào thế giới huyền diệu đó và biết được nó một cách chắc chắn không có gì lay chuyển được, lại là một việc khác.

Khi tâm thức bồ đề hoàn toàn ghi ấn tượng vào bộ óc xác thịt, nó đem đến một giá trị mới, cho tất cả mọi hành động và giao tế của chúng ta trong đời sống hằng ngày. Chúng ta không còn xem xét một người hay một vật, bất luận với mực độ ưu ái hay thiện cảm đến đâu; mà chúng ta chính là người đó hay vật đó, và chúng ta biết được y hay nó cũng như chúng ta biết được tư tưởng của bộ óc chúng ta, hay sự cử động của chính bàn tay của chúng ta. Chúng ta nhận định những chủ ý của người khác cũng như những chủ ý của ta, dấu cho chúng ta hiểu một phần của chúng ta, với một kiến thức rộng rãi hơn, hoặc một quan điểm khác hẳn, có thể hành động một cách khác hẳn.

Tuy nhiên, ta không nên tưởng khi một người bước vào cảnh giới thấp nhất của cõi bồ đề, thì y sẽ đương nhiên ý thức được một cách toàn vẹn sự hợp nhất với tất cả mọi loài. Ý thức toàn vẹn đó chỉ có được khi người ta đạt tới cảnh giới cao nhất của cõi bồ đề, với nhiều công phu khó nhọc. Bước vào cõi giới này là kinh nghiệm được một sự bành trướng tâm thức rất rộng lớn, là nhận thức được rằng mình hợp nhất làm một với mọi người. Nhưng trước đó, người thí sinh còn phải trải qua một thời gian công phu cố gắng tu luyện giống như ở hạ giới, khi tham thiền, chúng ta cố gắng khai mở tâm thức đối với cõi trên gần nhất cõi chúng ta. Tiến lên từng bước một, vượt qua từng cảnh giới nọ, đến cảnh giới kia, người thí sinh phải đạt tới mục đích, cho dù ở cõi giới cao như thế, sự cố gắng vẫn còn cần thiết cho những ai muốn tiến bộ.

Khi đã trải qua cuộc điếm đạo thứ nhất, và đã bước một cách có ý thức vào cõi bồ đề, từ nay người thí sinh vẫn còn phải cố gắng tuần tự vượt qua từng cảnh giới này đến cảnh giới khác. Y còn phải loại trừ ba điều chướng ngại, nó ngăn trở sự tiến bộ của y. Từ nay, y đã vĩnh viễn bước vào thánh đạo, Phật giáo gọi y là vị Tu Đà Hườn (Sotapatti), có nghĩa là «người đã xuôi theo dòng,» hoặc đã «nhập lưu.» Bên Ấn Độ giáo gọi y là Parivrajaka, nghĩa là «người lữ hành» tức là người không còn lưu luyến một nơi nào trong ba cõi hạ giới làm nơi cư ngụ hay ẩn trú riêng của mình nữa.

CHƯƠNG 10

NHỮNG CUỘC ĐIỂM ĐẠO CAO HƠN

THỂ NÀO LÀ MỘT VỊ LA HÁN ?

Trên đường đạo, trải qua các cuộc điểm đạo thứ nhất, thứ nhì và thứ ba, người thí sinh tuần tự phát triển tâm thức bồ đề. Đến cuộc điểm đạo thứ tư thì người thí sinh nhập cõi niết bàn, và từ đó về sau; người cố gắng vượt lên lần lần năm cảnh giới thấp nhất của cõi ấy, là nơi tự tại của Chơn Nhơn. Cuộc điểm đạo này ở vào khoảng giữa con đường thánh đạo, theo truyền thuyết cho rằng con người phải trải qua một thời gian trung bình là 7 kiếp từ cuộc điểm đạo thứ nhất đến cuộc điểm đạo thứ tư, và 7 kiếp giữa hai cuộc điểm đạo thứ tư đến thứ năm. Tuy nhiên, những con số kể trên có thể tăng hay giảm, và trong nhiều trường hợp, thời kỳ phải trải qua không phải là dài lắm, vì những kiếp đầu thai của người đạo đồ⁷ thường nối tiếp nhau một cách liên tục chớ không cách khoảng bởi những giai đoạn nghỉ ngơi trên cõi thiên giới. Người đạo đồ đã vượt qua cuộc điểm đạo thứ tư, danh từ Phật giáo gọi là La Hán (Arhat), có nghĩa là một vị đại đức, hay toàn thiện. Những kinh sách đông phương đều có trình bày nhiều lời hay, ý đẹp ca tụng các vị

⁷ Đạo đồ: vị đệ tử được điểm đạo (initiate).

này, chúng tỏ rằng cô nhân đã từng biết rõ về trình độ tiến hoá cao siêu của các Ngài vậy. Người Ấn Độ giáo gọi các Ngài là Parahamsa (đại thiên nga), cao hơn quá vị Hamsa (A na hàm) một bậc.

QUẢ VỊ LA HÁN (ARHAT) THEO KHOA BIỂU TƯỢNG THIÊN CHÚA GIÁO

Trong khoa biểu tượng Thiên Chúa giáo, cuộc điếm đạo thứ tư được diễn tả bằng sự thương khó ở vườn Ô Liu, đóng đinh trên thập tự giá và phục sinh của đấng Christ.

Vì lẽ, cần phải bắt đầu bằng những giai đoạn tiên khởi, biểu tượng này sẽ được hoàn hảo hơn nếu người ta lưu ý đến những sự việc mà tục truyền đã xảy ra trong tuần thánh. Việc đầu tiên là việc đấng Christ phục sinh cho thánh Lazarus, và điều này luôn luôn được kỷ niệm vào ngày thứ bảy, trước ngày Chúa Nhật «Lễ Lá» (Palm Sunday), mặc dầu theo thánh kinh thì nó xảy ra một hay hai tuần lễ trước đó. Ngày Chúa Nhật xảy ra việc đáo nhập thành Jerusalem một cách tung bừng rực rỡ. Ngày thứ hai và thứ ba, đấng Christ giảng đạo nhiều lần ở thánh đường. Ngày thứ tư Ngài bị Juda phản bội. Ngày thứ năm là ngày thành lập Thánh Thể (Eucharist) và đêm thứ năm rạng ngày thứ sáu, diễn ra những phiên xử trước Pilate và Hérode. Ngày thứ sáu Tuần Thánh là ngày đóng đinh trên thập

tự giá. Ngày thứ bảy, giảng đạo cho những linh hồn trong đê lao; đến nửa đêm thứ bảy rạng ngày Chúa Nhật, đấng Christ phục sinh từ nấm mồ của Ngài, và vĩnh viễn nhập thánh.

Tất cả những chi tiết kể trên về cuộc đời của đấng Christ có liên hệ đến những sự việc thật sự xảy ra trong cuộc điếm đạo thứ tư. Đấng Christ đã làm một việc phi thường và bất hủ khi Ngài phục sinh cho thánh Lazarus vào ngày thứ bảy. Chính một phần lớn do hậu quả của việc ấy, mà sau đó không bao lâu Ngài được hưởng cái vinh diệu duy nhất ở trần gian, vì dân chúng đều đến rất đông khi họ nghe nói về việc Ngài làm cho người chết sống lại. Họ chờ đợi Ngài, và khi Ngài, từ nhà đi ra đến Jerusalem, họ tiếp đón Ngài với sự hoan hô nồng nhiệt và trọng đãi Ngài như một bậc thánh. Họ hộ tống Ngài một cách hăng say đến Jerusalem, trong lúc đó tự nhiên Ngài thừa cơ hội để dạy dỗ họ và thuyết pháp nơi thánh đường nhiều lần, tại đây dân chúng tề tựu rất đông để chiêm ngưỡng và nghe Ngài giảng đạo. Điều này là một biểu tượng để chỉ thực trạng của quả vị La Hán. Người đạo đồ đặc quả vị này, được thiên hạ chú ý, và thu hoạch được ít nhiều danh vọng. Kế đó, luôn luôn có một kẻ phản bội xuất hiện để hãm hại, xuyên tạc những điều người đã nói và làm. Điều này dường như một ác quả; như Ruysbroek đã nói:

«Đôi khi những kẻ bất hạnh đó thiếu hẳn những sự tốt lành của thế gian, không có bạn bè thân quyến,

và bị bỏ rơi bởi tất cả mọi người. Sự thánh thiện của họ bị nghi ngờ và bị xuyên lạc. Người đời lên án tất cả những công trình của họ đã làm. Họ bị người chung quanh ruồng bỏ và khinh khi; đôi khi họ mắc phải những bịnh tật nọ kia.»

Kế đó họ bị một trận mưa phỉ báng, nguyên rửa rơi lên đầu, và sau cùng, họ bị thế gian ruồng bỏ. Sau đó, diễn ra cảnh tượng trong vườn Getsemane, khi đó đấng Christ cảm thấy Ngài bị thiên hạ hoàn toàn bỏ rơi, Ngài bị đời chế giễu và đóng đinh trên thập tự giá. Sau cùng, từ trên thập tự giá, Ngài kêu to: «Chúa ơi, Chúa ơi, sao Chúa lìa bỏ con?»

Bà Blavatsky có trình bày một giả thuyết trong bộ sách «Giáo Lý Nhiệm Mâu,» cho rằng ý nghĩa thực sự của câu trên, chính là : «Chúa ơi, Chúa đã làm rạng danh con là dường nào!» Tôi không biết trong hai câu trên, câu nào đúng hơn, nhưng cả hai đều bao hàm một chân lý chính đại. Một trong những khía cạnh của cuộc điếm đạo thứ tư là người đạo đồ sẽ hoàn toàn bị cô lập. Trước tiên y phải đứng độc lập một mình trên cõi thế gian; tất cả những bạn bè thân thuộc, do một sự hiểu lầm nào đó, đều quay lại chống đối hẳn với y. Về sau, mọi sự đều được giải quyết một cách ôn hòa, nhưng trong một lúc, người đạo đồ bị cô lập và có cảm giác tất cả mọi người thế gian đều chống lại y.

Có lẽ đó không phải là sự thử thách lớn lao, nhưng có một khía cạnh ẩn giấu khác của vấn đề này,

vì người đạo đồ còn phải kinh nghiệm trong một lúc trạng thái gọi là «Avichi» (sách Tàu dịch là ngục A Tỳ) có nghĩa là trạng thái vô âm ba, không có sự rung động. Trạng thái A Tỳ (Avichi) không phải là một nơi địa ngục như người ta lầm tưởng, mà là một trạng thái khi người đạo đồ đứng cô lập một mình trong không gian và cảm thấy mình bị cắt đứt mọi liên lạc với sự sống bên ngoài, thậm chí đến sự sống của Thượng Đế. Điều này chắc chắn là một kinh nghiệm khủng khiếp rùng rợn nhất có thể xảy đến cho bất cứ người nào. Người ta nói trạng thái đó chỉ diễn ra một lúc, nhưng đối với người nào đã trải qua kinh nghiệm thảm khốc đó thì nó dường như một thời gian dài vô tận, vì ở mực độ của nó vốn không có thời gian và không gian. Sự thử thách kinh khủng rùng rợn đó, theo tôi tưởng, có hai mục đích: trước nhất, để cho người đạo đồ có thể hoàn toàn thông cảm với những người bị lọt vào trạng thái A Tỳ do nghiệp quả của họ gây nên. Mục đích thứ hai là để cho người đạo đồ tập đứng hoàn toàn cô lập, cách biệt khỏi mọi sự vật thuộc về ngoại cảnh. Với trạng thái đó, cảm biết chắc chắn rằng y là một với Thượng Đế, sự rùng rợn, khủng khiếp do bởi cảm giác bị ngăn cách với Ngài gây ra, chỉ là một sự ảo tưởng và một sự cảm dỗ. Có nhiều người bị thất bại trước sự thử thách kinh khủng này, đã phải lùi bước và bắt đầu tu luyện trở lại để vượt qua cuộc điểm đạo đó. Nhưng đối với người đạo đồ có đủ bản lĩnh để vượt qua cơn thử thách khủng khiếp này, thì nó là một kinh nghiệm vô cùng huyền diệu. Nếu câu «Chúa ơi!

Sao Chúa lìa bỏ con» có thể áp dụng trong khi người đạo đồ đang lâm cơn thử thách thì câu: «Chúa ơi! Chúa đã làm rạng danh con là dường nào!» cũng có thể biểu lộ cảm giác của người đạo đồ sau khi đã vượt qua cơn thử thách và đã thành công.

Cuộc điếm đạo lần thứ tư khác hẳn với tất cả những cuộc điếm đạo khác, vì nó có khía cạnh lạ lùng bao gồm cả hai phương diện đau khổ và thành công. Trong ba cuộc điếm đạo đầu tiên, mỗi cuộc điếm đạo đều được biểu tượng, bên Thiên Chúa giáo tượng trưng bằng sự việc rõ rệt, sự Giáng Sinh (the Birth), sự Rửa Tội (Baptism) và sự Biến Hình (Transfiguration). Để diễn tả cuộc điếm đạo thứ tư, người ta phải dùng nhiều sự việc khác nhau. Việc đóng đinh trên thập tự giá và tất cả những sự thương khó của nó, được dùng để diễn tả một phương diện cuộc điếm đạo này, còn sự phục sinh với sự thành công chiến thắng cái chết biểu hiện cho phương diện kia. Ở giai đoạn này luôn luôn có sự đau khổ về cả ba phương diện: thể chất, tình cảm và tinh thần. Luôn luôn có sự lên án của thế gian, và dường như có sự thất bại. Luôn có sự thành công rực rỡ trên những cõi giới thanh cao hơn; tuy nhiên, điều này thế gian không hề biết. Những sự đau khổ kỳ lạ luôn luôn đi kèm với cuộc điếm đạo này, để thanh toán tất cả những nghiệp quả còn sót lại, nó có thể làm ngăn trở bước tiến hoá của người đạo đồ. Sự kiên nhẫn và sự an vui trong khi người đạo đồ chịu đựng những sự đau khổ đó, có giá trị rất lớn trong việc rèn luyện

tâm tánh của y. Nó cũng giúp cho sự định đoạt xem y sẽ được hữu ích đến mức độ nào trong công việc phụng sự mà y sẽ phải làm trong tương lai.

Việc đóng đình trên thập tự giá và việc phục sinh, biểu tượng của cuộc điếm đạo thứ tư được diễn tả trong một phương châm cổ Ai Cập như sau:

«Khi đó, người đạo đồ bị trói trên thập tự giá bằng gỗ, y sẽ chết, và sẽ bị đem chôn, sẽ xuống cảnh Âm Ty. Ngày thứ ba, y sẽ sống dậy và phục sinh trở lại.»

Người đạo đồ của xứ Ai Cập thời cổ nằm mê thiếp trong quan tài suốt ba ngày ba đêm liền. Qua một phần của ngày thứ tư, y được đỡ dậy, trong khi y vẫn còn mê man và được chở đến chỗ thoáng khí ở góc phía đông của kim tự tháp hoặc của nơi đèn phủ, để ánh sáng mặt trời mọc chiếu vào gương mặt y và đánh thức y tỉnh dậy sau giấc ngủ dài triền miên đó.

Có một câu ngạn ngữ cổ nói: «Không thập tự giá, không có vương miện,» ý nói con người nếu không giáng xuống cõi vật chất, không bị trói buộc vào cuộc đời vật chất, thì không thể nào phục sinh và đạt vương miện (cái mũ) của đài vinh quang. Trái lại, nhờ sự hạn chế trong cõi vật chất và nhờ đau khổ rèn luyện, mà y đạt được sự thành công. Chúng ta không thể miêu tả sự phục sinh đó; mọi thứ ngôn ngữ, văn tự mà chúng ta dùng để diễn tả điều ấy chỉ làm hoen ố sự huy hoàng lộng lẫy của nó và trở nên như sự xúc phạm.

Nhưng người ta có thể nói: người đạo đồ đã hoàn toàn chiến thắng tất cả những điều phiền não, đau khổ, thử thách, chướng ngại và cám dỗ, và đạt đến sự vinh quang trường cửu muôn đời, vì y đã chiến thắng các điều đó bằng trí tuệ và sức mạnh của nội tâm.

NIẾT BÀN (NIRVANA)

Kể từ nay, vị La Hán đã khai mở được tâm thức của cõi bồ đề trong khi người vẫn hoạt động trong xác thân, và rời khỏi thể xác trong giấc ngủ hay trong cơn đại định thì người lập tức bước vào nơi vinh quang khôn tả của cõi niết bàn. Trong cuộc điếm đạo thứ tư, vị La Hán phải có ít nhất một vài kinh nghiệm về tâm thức cõi niết bàn, cũng như trong cuộc điếm đạo thứ nhất, người đạo đồ phải có một ít kinh nghiệm về tâm thức cõi bồ đề, từ nay y phải cố gắng luôn luôn, hằng ngày để từ từ tiến lên tận cõi niết bàn. Đó là một công việc vô cùng khó khăn, nhưng lần lần người sẽ nhận thấy tự mình có thể vượt lên tận cõi giới vô cùng huyền diệu đó.

Việc nhập niết bàn làm cho người hành giả hoàn toàn bỏ ngõ lạ lùng. Cảm giác đầu tiên của y, là ở đó có một sự sống vô cùng linh động, dầu cho người đã quen thuộc với cõi giới bồ đề cũng phải ngạc nhiên. Sự ngạc nhiên này người đạo đồ đã từng trải qua, mặc dầu là ít hơn, mỗi khi mà lần đầu y vượt từ cõi này lên một cõi khác. Khi chúng ta vượt cõi hồng trần qua cõi

trung giới trong sự hoàn toàn thức tỉnh, chúng ta thấy sự sinh hoạt ở cõi này dồi dào phong phú hơn những gì mà chúng ta đã biết từ trước đến giờ rất nhiều đến nỗi chúng ta phải thốt lên rằng: «Tôi tưởng tôi đã biết đời sống là gì, nhưng thật ra tôi chưa bao giờ biết chi hết!» Khi chúng ta bước qua cõi thiên giới, chúng ta càng ngạc nhiên gấp đôi, vì cõi trung giới tuy là mới lạ, nhưng nó không thể so sánh với cõi hạ thiên được. Khi chúng ta bước qua cõi thượng thiên, chúng ta cũng lại ngạc nhiên như thế nữa. Mỗi bước vượt bậc, chúng ta lại cảm thấy sự ngạc nhiên càng tăng lên bội phần, và không có sự chuẩn bị nào trước có thể ngăn cản sự ngạc nhiên đó, vì mỗi cõi cao hơn đem đến cho chúng ta một sự huy hoàng rực rỡ quá sức tưởng tượng, và đời sống ở những cõi thanh cao đó là một sự hạnh phúc cực lạc mà ngôn ngữ của thế gian không sao tả nổi.

Các nhà học giả Âu Châu khảo cứu về văn hóa đông phương đã dịch chữ Nirvana là «tịch diệt,» vì chính danh từ này có nghĩa là «dập tắt» cũng như ngọn đèn cây bị cơn gió thổi tắt vậy. Không có gì có thể tương phản với chân lý hơn, trừ khi nó có nghĩa là sự tịch diệt của con người phạm ở thế gian, trong trạng thái đó, người ta không còn là một người phạm nữa, mà là Thượng Đế trong con người, một vị thần linh trong số những vị thần linh khác.

Chúng ta hãy thử tưởng tượng vũ trụ tràn đầy một nguồn ánh sáng vô biên, sống động, và luân

chuyên như nước thủy triều lên cao, một đại dương đầy ánh sáng này có mục đích của nó, nhưng hồn nhiên không có áp lực hay căng thẳng. Trước tiên, chúng ta chỉ cảm thấy một sự thoải mái nhẹ nhàng, và không thấy gì khác hơn là mãnh lực thăm thẳm vi diệu của ánh sáng. Nhưng lần lần, chúng ta nhận thấy đầu cho trong ánh sáng rực rỡ đó, cũng có những điểm chói sáng hơn nữa, chẳng khác nào trung tâm phát nguyên một thứ đặc tính mới, để cho ánh sáng kia có thể cảm xúc được cõi hạ giới, nếu không có đặc tính đó thì chúng sinh ở các cõi này không thể nào cảm biết được sự màu nhiệm của ánh sáng. Khi đó, lần lần chúng ta hiểu những ngôi mặt trời phụ thuộc, đó là những Đấng cao cả, những đấng Tinh Quân, những đấng đại Thiên Thần, những vị Nam Tào Bắc Đẩu, những vị Phật, Chúa, các Chơn Sư, và nhiều Đấng khác nữa mà chúng ta không biết tên, nhưng chính nhờ các Đấng ấy mà ánh sáng và nguồn sống được ban xuống các cõi hạ giới. Khi chúng ta trở nên quen thuộc với sự thật huyền diệu đó, chúng ta bắt đầu nhận định rằng chúng ta hợp nhất với các Ngài, mặc dầu chúng ta còn thấp hơn các Ngài rất xa. Chúng ta cũng nhận định rằng chúng ta là một phần tử của cái duy nhất nó biểu hiện trong các Ngài và ở khắp chốn trong không gian; chính chúng ta cũng là những trung tâm ở cõi hạ giới, nhờ đó ánh sáng và sinh lực được ban xuống và phân phát ra cho những kẻ còn rất kém hơn chúng ta.

Sự huy hoàng lộng lẫy của cõi niết bàn vượt xa khỏi tầm hiểu biết của người thế gian. Không có thứ ngôn ngữ, văn tự nào của trần gian có thể diễn tả sự kinh nghiệm ở cõi niết bàn, vì tất cả những gì cái trí của ta hiểu biết và lãnh hội được đã biến mất từ lâu, trước khi chúng ta đạt tới cõi giới đó.

Người nào đã một lần nhận thức được sự hợp nhất huyền diệu của cõi niết bàn sẽ không bao giờ quên điều ấy, và không thể nào còn giống như trước nữa. Dầu cho y trầm mình sâu đến bao nhiêu trong các hạ thế để giúp đỡ và cứu rỗi kẻ khác, dầu cho y có bị trói buộc chặt chẽ đến đâu trong cõi vật chất, y cũng không thể nào quên được chính mắt của y đã nhìn thấy đức Ngọc Đế trong sự mỹ lệ của Ngài, chính y đã vào một thế giới cực lạc xa xăm. Cõi giới này tuy rất xa nhưng cũng rất gần, và lúc nào những cõi giới ấy cũng ở trong người chúng ta, nếu chúng ta có thể nhìn thấy nó, vì muốn đạt tới cõi niết bàn, chúng ta không cần phải đến chốn nào xa xôi trong không gian, chỉ cần khai mở tâm thức của ta để đón nhận sự huy hoàng của nó. Đức Phật xưa kia đã nói: *«Người chó than khóc, cầu khấn, mà hãy mở mắt ra để nhìn thấy, vì ánh sáng vốn ở chung quanh các người, một thứ ánh sáng huyền diệu, tốt đẹp, đẹp hơn tất cả những gì mà con người đã từng mơ ước, cầu xin, và nó là thứ ánh sáng trường cửu, bất diệt.»*

Nhà tiên tri Isaiah có nói đến «cái xứ xa xăm đó», nhưng thật ra, đây là một câu dịch sai nghĩa. Isaiah

không nói đến xứ xa xăm đó, mà nói đến «cái xứ rộng bao la», câu này diễn tả một ý kiến khác hẳn và có tính cách rất mỹ lệ. Nó chỉ nhà tiên tri đã bước vào những cõi giới thanh cao, và trong tư tưởng đó, Ngài so sánh sự lộng lẫy huy hoàng của các cõi trời đầy những ánh sao rực rỡ, với chốn trần gian chật hẹp u tối của chúng ta. Đó chính là hình ảnh so sánh đời sống con người ở thế gian với đời sống thanh cao siêu việt ở cõi trên. Mặt khác, con người tập tễnh bước lên trên những con đường quanh co, u ám; so với một đời sống huy hoàng, có định hướng, với sự nhận thức rõ ràng ý chí thiêng liêng của tạo hóa truyền sự sống và hoạt động xuyên qua ý chí của người trần gian.

CÔNG VIỆC CỦA VỊ LA HÁN

Vị La Hán còn phải thực hiện công việc vĩ đại là tiến lên những đỉnh cao tột trong cõi giới cao siêu huyền diệu nhất của đời người. Muốn thực hiện điều này, vị La Hán phải loại trừ 5 điều chướng ngại cuối cùng, trong tất cả 10 điều chướng ngại lớn. Đó là:

6) Ruparaga – Ưa thích có sắc tướng đẹp đẽ, hoặc ham muốn sự sống có hình hài, sắc tướng, gồm cả sự sống ở cõi thiên giới.

7) Aruparaga – Ham muốn sống trong cảnh vô sắc tướng.

8) Mano – Sự kiêu căng.

9) Uddhachchha – Sự vọng động, dễ bị động tâm vì ngoại cảnh.

10) Avijja – Vô minh.

Hai điều chướng ngại thứ sáu và bảy bao gồm ý nghĩa hấp dẫn (raga) và xô đẩy (dwesha). Muốn loại trừ hai chướng ngại này đòi hỏi một đức tánh bền bỉ, kiên cố để cho không một điều gì ở cõi sắc giới hay cõi vô sắc giới có thể hấp dẫn người đạo đồ, đầu chỉ trong chốc lát; hoặc có thể làm cho y ghét bỏ, trốn tránh vì tánh chất xấu xa của nó, nếu ở nơi đó y có công việc phải làm để giúp đỡ chúng sinh.

Khi chướng ngại thứ tám được loại trừ, thì người đạo đồ phải quên hẳn những công quả lớn lao vĩ đại của mình, và không thể còn có sự kiêu căng nào, từ nay y đã luôn luôn được thấm nhuần ánh sáng chân lý và không còn tự so sánh mình với những kẻ kém hơn mình nữa. Kế đó, y đạt được sự an vui tự tại hoàn toàn, mà không một điều gì ở ngoại giới có thể lay chuyển hay làm cho y bị vọng động. Nhờ đó, y đạt tới sự thông suốt, hiểu biết hết tất cả mọi lẽ, và trở nên một bậc toàn trí trong dãy hành tinh của chúng ta.

CUỘC ĐIỂM ĐẠO LẦN THỨ NĂM

Giai đoạn kế tiếp, người đạo đồ sẽ đạt tới quả vị cuối cùng làm cho người trở nên một bậc siêu nhân. Danh từ Phật Giáo gọi là quả vị Chơn Tiên (Asekha),

từ nay Người không còn học hỏi điều gì nữa, và đã trải qua tất cả mọi kinh nghiệm của đời sống con người dưới trần. Người Ấn Độ Giáo gọi Người là Jivanmukta, một Bậc đã giải thoát, một Đấng hoàn toàn tự do, tự do không phải là do một sự cách biệt với chúng sinh, mà bởi vì ý chí của Ngài đã hỗn hợp làm một với ý chí của vũ trụ, của Đấng độc nhất vô nhị trong hoàn vũ. Ngài đã vĩnh viễn nhập niết bàn, đầu trong khi thức tỉnh, nếu Ngài muốn giữ xác phàm để ở lại thế gian; khi rời khỏi xác phàm, Ngài còn vượt lên cao hơn, đến tận cõi đại niết bàn, cõi này không những ngoài vòng nghị luận của con người, mà trí phàm của chúng ta cũng không thể tưởng tượng nổi.

Đức Phật có nói: «Các người đừng dùng lời nói mà diễn tả vô biên, cũng đừng dùng sợi dây tư tưởng mà đo lường sự huyền diệu. Người nào hỏi là lầm, kẻ trả lời cũng lầm. Các người đừng nói gì cả.»

Trong khoa biểu tượng bên Thiên Chúa Giáo, quá vị Chơn Tiên được tượng trưng bằng sự Thăng Thiên (Ascension) và việc Chúa Thánh Thần hiện xuống (Descente), vì vị Chơn Tiên đã thăng lên mức độ cao hơn nhân loại, thoát khỏi vòng thế tục, mặc dầu nếu Ngài muốn, cũng như đấng Christ đã làm, Ngài có thể trở lại thế gian để dạy dỗ và giúp đỡ nhân loại. Khi Ngài thăng thiên, Ngài hợp nhất với Chúa Thánh Thần, việc đầu tiên mà Ngài làm với quyền năng mới của Ngài là, ban rải nó cho các vị đệ tử, cũng như đấng

Christ, tưới những ngọn lửa đỏ trên đầu các người theo Ngài trong cuộc Lễ Ngũ Tuần (Feast of Pentecost).

Nhờ sự hợp nhứt đó mà vị Chơn Tiên (Asekha) có thể thâm nhận đệ tử. Vị La Hán (Arhat) mặc dầu có thể dạy, giáo hóa nhân loại, nhưng vẫn phải trực thuộc và thi hành mệnh lệnh của một vị Chơn Tiên trên cõi thế gian. Vị La Hán không thâm nhận đệ tử, bởi vì Ngài chưa có sự liên lạc đặc biệt với Ngôi Ba (Chúa Thánh Thần) như đã nói ở trên.

CÁC QUẢ VỊ CAO HƠN

Trên vị Chơn Tiên, còn có quả vị Đế Quân (Chohan) và những quả vị cao hơn nữa. Mức thang tiến hoá còn nhiều nấc cao tột bậc, ít người trong chúng ta có thể đạt tới. Khi chúng ta hỏi các Đấng cao cả ở bậc trên chúng ta và biết nhiều hơn chúng ta rất xa, thì các Ngài cũng chỉ có thể nói rằng: những nấc thang tiến hoá cao tột đó cũng ở ngoài tầm nhận xét của các Ngài. Các Ngài biết về những nấc thang đó nhiều hơn chúng ta rất xa, nhưng nấc thang tiến hoá còn lên cao hơn nữa, đến tận những đỉnh cao thăm thẳm mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi, và không biết được nơi chấm dứt của nó.

Mặc dầu không ai có thể thấy nơi chấm dứt của nấc thang tiến hoá, và công việc của những Đấng cao cả ở những cấp đẳng cao trong Quần Tiên Hội hầu như không thể hiểu nổi, tuy nhiên sự hiện diện và

công việc của các Ngài quả là có thật và nhứt định, cũng như mọi sự vẫn có ở thế gian. Hơn nữa, sự nhận xét của chúng tôi về những Đấng cao cả là một điều chắc chắn, không có một điểm nào để nghi ngờ. Mặc dầu tôi biết rất ít về phần cao siêu trong công việc của Ngài, *trong nhiều năm qua, tôi đã từng thấy đức Di Lạc Bồ Tát làm công việc đó luôn luôn, hầu như mỗi ngày; và tôi đã rất nhiều lần chiêm ngưỡng đức Ngọc Đế trong sự hiện diện nhiệm mầu và khó hiểu của Ngài, cho nên đối với tôi, các Ngài là những Đấng quả có thật cũng như bất cứ người nào tôi biết, và tôi cũng biết một phần nào về sứ mạng của các Ngài ở thế gian.*

Tôi biết những điều tôi có thể nói về các Ngài là những sự thật chắc chắn, tuy nhiên tôi không thể giải thích và cũng không hiểu biết được bao nhiêu về công việc của các Ngài. Tôi đã thấy những vị đại Đế Quân (Dhyan Chohans), các đấng Tinh Quân (Planetary Spirits) và những vị Thiên Sứ của những thái dương hệ khác, và tôi biết chắc chắn về sự hiện diện của các Ngài, nhưng tôi không biết gì về những công việc làm của các Ngài cả. Chính tôi đã thấy sự biểu lộ của đức Thái Dương Thượng Đế giữa những đấng cao cả phụ tá của Ngài, và sự thấy của tôi chẳng qua chỉ là một phần trong muôn triệu thứ về đức cao cả vô biên và khôn tả, mà các đấng ấy nhìn thấy ở Ngài. Cũng như trong truyện Bhagavad Gita, Arjuna đã thấy hình ảnh đức Thượng Đế, tôi đã thấy như vậy không có gì nghi ngờ. Và tôi muốn chứng minh một cách cụ thể những điều

đó có thật. Tôi biết khi tôi viết những chuyện này, tôi có thể bị sự chế nhạo của người đời. Có người sẽ hỏi: «Ông là ai, mà dám nói những chuyện đó?» Nhưng tôi đã thấy, và tôi sẽ hèn nhát, nếu tôi từ chối là chứng nhân của những gì tôi đã thấy.

Tôi đã nhiều lần tuyên bố, bằng lời nói và sách vở, rằng tôi không muốn thấy một người nào dùng những điều tôi nói để làm căn cứ cho đức tin của y nơi giáo lý Thông Thiên Học. Tôi nghĩ mỗi người nên tự mình học hỏi giáo lý Thông Thiên Học và tự tìm ra những kết luận để áp dụng cho đời mình. Lý do chính của y để chấp nhận một học thuyết phải là do kinh nghiệm bản thân, hay bởi vì y nhận thấy học thuyết đó là hợp lý nhất. Nhưng điều đó không thay đổi sự kiện là tôi có những bằng chứng để đưa ra cho những người nào muốn biết, những bằng chứng mà tôi đã trình bày trong bài này và những quyển sách khác. Trong thế kỷ 20 này những người viết sách về Thông Thiên Học như chúng tôi có thể áp dụng lời nói sau này của Thánh Jean từng đưa ra gần 2.000 năm nay:

«Những gì đã có từ lúc nguyên thủy, những gì mà tôi đã nghe thấy tận mắt, xem xét và sờ mó tận tay, đó chính là những gì mà chúng tôi tuyên bố cho các anh.»

«Chúng tôi là người đã từng thấy, là những chứng nhân của điều đó, sự làm chứng đó có được người thế

gian chấp nhận hay không, điều đó không quan trọng bao nhiêu.»

«Người nào đã cảm giác được tinh thần thiêng liêng của Đấng chí tôn, không thể lâm lãn, nghi ngờ, hoặc phủ nhận nó. Hỡi thế gian, ví như các người có đồng thanh phủ nhận các Ngài, ta thà từ bỏ thế gian, và giữ vững đức tin của ta!»

BẢY CON ĐƯỜNG SIÊU NHÂN LOẠI

Ngay sau khi con người đã vượt qua cuộc điếm đạo thứ năm và đắc quả vị Chơn Tiên (Asekha), thì thánh đạo chia làm 7 con đường lớn để cho vị Chơn Tiên có thể chọn lựa một. Về vấn đề này, tôi xin chú thích những gì tôi đã viết trong quyển: «Con Người, từ đâu đến và sẽ đi về đâu?»:

«Sau khi đã trải qua giai đoạn tiến hoá của nhân loại, và đứng trước ngưỡng cửa của đời sống siêu phàm, như một vị Thần Tiên đã giải thoát, vị Chơn Tiên có thể chọn lựa một trong 7 đường sau đây:

1- Ngài có thể bước vào trạng thái toàn tri và toàn lực của cảnh niết bàn, với những hoạt động ngoài tầm hiểu biết của chúng ta rất xa, để trở nên Đấng cao cả chuyển kiếp xuống trần trong một bầu thế giới tương lai (tiếng Phạn gọi là Dharmakaya).

2- Ngài có thể bước vào một «thời kỳ tâm linh» ở cõi niết bàn; câu này có nhiều ý nghĩa huyền bí (tiếng Phạn gọi là: Sambhogakaya).

3- Ngài có thể trở nên một vị thủ kho thần lực mà các vị Thiên Sứ của Thượng Đế dùng để làm công việc của các Ngài (tiếng Phạn gọi là: Nirmanakaya).

4- Ngài có thể ở lại thế gian để giúp đỡ nhân loại, với tư cách là một nhân viên của các cấp đảng Thiên Đình, gọi chung là Quân Tiên Hội.

5- Ngài có thể chuyên qua một dãy hành tinh kế tiếp, để trợ giúp cho công việc tạo tác mọi hình thể sinh vật trên đó.

6- Ngài có thể bước vào con đường tiến hóa của các hàng Thiên Thần.

7- Ngài có thể gia nhập vào bộ tham mưu của đức Thượng Đế, với tư cách một vị Thiên Sứ, để được Ngài sử dụng ở bất cứ nơi nào trong thái dương hệ. Cũng như một viên đại tướng có một bộ tham mưu, để mang những huấn lệnh của người đến khắp mọi nơi trên bãi chiến trường, những vị Thiên Sứ của đức Thượng Đế cũng vậy, các Ngài thừa hành mạng lệnh của đức Thượng Đế và làm công việc của Ngài trong toàn thể cơ cấu của thái dương hệ. Con đường này được coi là con đường rất khó, có lẽ là sự hy sinh lớn nhất của một vị Chơn Tiên, bởi đó nó cũng là một điều vinh diệu rất lớn. Một vị Thiên Sứ không mang thể xác

hồng trần; Ngài dùng ý chí (kriyashakti) tạo ra một thể xác bằng chất khí của bầu thế giới mà Ngài được gửi đến. Bộ tham mưu gồm có những Đấng cao cả thuộc nhiều cấp bậc khác nhau từ cấp bậc Chơn Tiên trở lên.

Vị «Dharmakaya» rút lui vào Chơn Thần (Monad), và bỏ luôn cả hột lưu tánh nguyên tử niết bàn của Ngài.

Vị «Sambhogakaya» còn giữ lại hột nguyên tử niết bàn và tự biểu lộ như một Đấng cao cả đủ ba ngôi.

Vị «Nirmanakaya» giữ lại thể thượng trí và những hột lưu tánh nguyên tử mà Ngài mang theo suốt trọn thời kỳ tiến hóa của Ngài, để cho bất cứ lúc nào Ngài cũng có thể tạo nên chung quanh những nguyên tử đó những thể trí, thể vía và thể xác khi Ngài muốn. Ngài vẫn luôn luôn giữ liên lạc với bầu thế giới cũ của Ngài, để cho Ngài có thể cung cấp kho thần lực, do đó ân huệ thiêng liêng được ban xuống cho bầu thế giới đó. Trong quyển «Tiếng Nói Vô Thình» có nói vị Nirmanakaya là một bức thành bảo hộ (Guardian Wall), ngăn giữ cho thế gian khỏi bị thêm nhiều sự lầm than đau khổ nữa. Đối với những người không hiểu ý nghĩa thâm sâu của câu này thì nó dường như ám chỉ sự đau khổ đến với thế gian từ bên ngoài, và Đấng cao cả đó xua đuổi chúng đi qua nơi khác. Nhưng sự thật không phải như vậy, vì tất cả những đau khổ ở thế gian là do nơi con người tạo ra. *Mỗi người là một vị quan tòa của chính mình, tự gieo lấy điều thưởng phạt*

cho mình; nhưng bốn phần của vị Nirmanakaya là dự trữ một kho thần lực để giúp đỡ nhân loại. Các Ngài luôn luôn tạo ra nguồn thần lực này, các Ngài không giữ lấy một phần nào cho riêng mình, mà dành trọn hết cả cho Quần Tiên Hội sử dụng để nâng đỡ bớt nghiệp quả nặng nề của trần gian.

Như thế, trong số những vị đặc quả Chơn Tiên, chỉ có một số ít còn ở lại thế gian với tư cách nhân viên Quần Tiên Hội. Vì những vị này và những công việc của Ngài có một tầm quan trọng rất lớn, nên những chương sau đây sẽ dành trọn cho vấn đề này.



PHẦN THỨ TƯ

CÁC CẤP ĐẢNG THIÊN ĐÌNH

CHƯƠNG 11

CÔNG VIỆC CỦA CÁC CHƠN SƯ

Như đã giải thích ở trên, trong số những người đắc quả Chơn Tiên (Asekha), chỉ có một số ít còn lại ở thế gian với tư cách nhân viên Quần Tiên Hội, để dìu dắt sự tiến hóa trên quả địa cầu theo như thiên cơ đã định. Hiện nay có khoảng 50 hay 60 vị Chơn Tiên đảm nhiệm công việc này; sự hoạt động của các Ngài đã được bà Annie Besant diễn tả trong một quyển sách nhỏ nhan đề «Các Đấng Chơn Sư» như sau:

«Các Ngài giúp đỡ bằng đủ mọi cách sự tiến hóa của nhân loại. Từ trên cõi giới cao siêu nhất, các Ngài ban rải ánh sáng và sinh lực xuống khắp thế gian để cho muôn loài được thụ hưởng, chẳng khác nào như ánh sáng mặt trời. Như cõi giới hồng trần sống nhờ nguồn sinh lực của Thượng Đế do ngôi mặt trời ban rải xuống thế gian, thì cõi giới tâm linh cũng nhờ nguồn sinh lực đó do Quần Tiên Hội ban rải ra. Những đấng Chơn Sư đảm nhiệm về tôn giáo dùng những tôn giáo ấy làm kho chứa đựng thần lực của các Ngài ban xuống để phân phát cho các tín đồ của mỗi tôn giáo.

«Kế là công việc vĩ đại về mặt trí tuệ. Từ cõi thượng thiên, các đấng Chơn Sư phóng ra những hình

tư tưởng có thần lực rất mạnh để giúp nguồn cảm hứng cho những bậc thiên tài, vĩ nhân trong thiên hạ, những người này sẽ bắt được luồng tư tưởng đó và đưa ra cho thế gian được hưởng thụ những kết quả tốt đẹp. Cũng trên địa hạt này, các Ngài gọi chỉ thị cho những vị đệ tử biết những công việc nào họ phải làm.

«Trên cõi hạ thiên, các Ngài phóng ra những hình tư tưởng có ảnh hưởng đến hạ trí con người, dìu dắt tư tưởng con người theo những đường hoạt động hữu ích cho thế gian. Các Ngài cũng dạy dỗ những linh hồn đang sống trên cõi thượng giới.

«Trên cõi trung giới, sự hoạt động của các Ngài gồm có việc giúp đỡ những linh hồn vừa mới từ giã cõi trần, hướng dẫn và trông nom việc huấn luyện những đệ tử trẻ tuổi, và trợ giúp vô số những trường hợp cần được giúp đỡ. Ở cõi trần, các Ngài dò xét những trào lưu và thời cuộc thế giới; sửa đổi và diệt trừ những khuynh hướng bất hảo trong phạm vi mà luật thiên nhiên cho phép; giữ mực quân bình giữa những sức mạnh đối lập, thuận và nghịch với sự tiến hóa, tăng cường điều thiện, giảm bớt điều ác. Các Ngài cũng hợp tác với những vị thiên thần của các quốc gia, dìu dắt những sức mạnh tâm linh của nhân loại trong khi các thiên thần dìu dắt sự tiến hóa về hình thể sắc tướng của muôn loài.»

KHU VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CHƠN SƯ

Mặc dầu các đấng Chơn Sư chỉ có một thiểu số, nhưng các Ngài đã sắp đặt để cho không một phần tử nào trên toàn cõi thế gian bị bỏ rơi hay quên lãng. Do đó các Ngài phân chia quả địa cầu ra làm nhiều khu vực đặc biệt, tương tự như ở một vài xứ, hội thánh chia mỗi xứ làm nhiều giáo khu để cho mỗi người, dầu họ ở nơi nào, họ cũng thuộc về một trong những giáo khu đặt dưới sự quản trị của hội thánh để trông nom về phần tâm linh, và đôi khi cả về những nhu cầu vật chất. Tuy nhiên những khu phận của các đấng Chơn Sư không phải là những quận, huyện hay tỉnh, mà gồm cả những nước lớn và những lục địa.

Theo sự phân chia hiện thời, một vị Chơn Sư cai quản toàn cõi Âu Châu, vị khác cai quản xứ Ấn Độ, v.v... và như thế toàn thể quả địa cầu đều được phân ra từng khu vực rộng lớn. Những khu vực đó không theo những đường ranh giới chánh trị hay địa dư của chúng ta. Trong vùng địa phận của mỗi vị Chơn Sư, Ngài trông nom săn sóc tất cả những đẳng cấp và hình thể tiến hóa, không những của nhân loại, mà gồm luôn cả cõi giới thiên thần, những loại tinh linh, cầm thú, thảo mộc và kim thạch, những loại tinh hoa chất, cùng những loài khác nữa mà từ trước đến nay nhân loại chưa từng nghe nói đến bao giờ. Như thế, công việc của các Ngài rất là bận rộn.

Ngoài sự trông nom của các đấng Chơn Sư, mỗi giống dân hay mỗi quốc gia còn được sự giúp đỡ của mỗi vị thiên thần, vị này cũng bảo trợ và dìu dắt sự tiến hóa của mỗi quốc gia.

Có nhiều động lực khác nhau cùng hoạt động để phụng sự đức Thượng Đế trong công việc giúp đỡ sự tiến hóa của nhân loại, và tự nhiên là những động lực đó đều hoạt động theo một chiều hướng, và cùng hợp tác lẫn nhau.

Chúng ta đừng tưởng lầm mà gán cho những động lực đó nguyên nhân đã gây ra những cơn biến cố tai hại ở một vài xứ, chẳng hạn như cuộc cách mạng Pháp và cuộc cách mạng ở Nga. Những cơn bạo động lưu huyết này hoàn toàn do nơi bản năng thấp kém và những thú tính của con người không được kèm chế, đã gây ra sự phá hoại, thay vì xây dựng. Nó chỉ sự nguy hiểm đe dọa công việc của các Chơn Sư, khi Ngài bắt đầu thí nghiệm theo đường lối dân chủ. Sự chuyên chế gây nên những tai hại và đau khổ rất lớn; vấn đề khó khăn trong việc loại trừ sự chuyên chế là làm sao thực hiện được điều đó mà không làm mất quân bình và trật tự xã hội. Nhưng trái lại, khi thực hiện điều này thì nhiều người không làm chủ được phạm non của mình; họ tự thả trôi theo sự buông lung, hỗn loạn, như thế họ rất dễ bị ám ảnh và sai khiến bởi những luồng ảnh hưởng hắc ám và tà vạy. Đấng thiên thần quốc gia cố gắng dìu dắt những tư tưởng và cảm xúc của dân tộc; Ngài chỉ ảnh hưởng đến số đông quần chúng và

khi cần, Ngài thúc giục họ làm những hành động ái quốc và anh hùng, cũng như một vị tướng soái thúc giục quân sĩ tiến tới trên bãi chiến trường, nhưng Ngài không bao giờ phung phí sinh mạng hoặc làm ngơ trước sự đau khổ của họ, cũng như vị tướng soái biết thương quân sĩ vậy.

SỰ PHÂN PHỐI THẦN LỰC

Như tôi đã nói trước đây, phần lớn công việc của các Chơn Sư được thực hiện trên những cõi giới cao hơn cõi hồng trần, các Chơn Sư ban rải thần lực riêng của các Ngài, hay rút trong kho thần lực vĩ đại thiên nhiên của đấng Nirmanakaya. Do hành động của luật nhân quả mà thế gian được hưởng phần nào nguồn thần lực quý báu đó. Dầu cho những người thường chuyên hướng cuộc đời mình theo đường lối của thiên cơ, bằng cách hướng tư tưởng và hành động của mình vào công việc phụng sự nhân loại, thì những người đó sẽ cộng thêm một ít vào kho thần lực chung, như thế, họ được hân hạnh cùng chia sẻ một phần trong công việc hy sinh vĩ đại. Vì lẽ đó nhân loại tiến hóa như một đơn vị, và sự kỳ diệu của tình huynh đệ đại đồng có thể giúp cho mọi người tiến bộ thêm gấp 10 lần nhiều hơn là nếu họ đứng lẻ loi một mình. Điều này nằm trong chương trình của đức Thượng Đế, tự nhiên theo đó Ngài cho rằng mọi người sẽ dự phần vào trong công việc của thiên cơ. Khi hoạch định thiên cơ có lẽ Ngài nghĩ rằng: «Khi nhân loại tiến hóa đến một trình

độ nào đó, họ sẽ bắt đầu hợp tác một cách thông minh với Ta. Bởi vậy, Ta sẽ sắp đặt sao cho khi họ tiến đến điểm đó, họ sẽ có thể sử dụng nguồn thần lực của Ta.» Do đó, Ngài đang chờ đợi mọi sự cố gắng của mỗi người.

Quần Tiên Hội hợp nhứt với tất cả nhân loại trên những cõi cao, nhờ đó mà cơ quan trên là một phần của kho thần lực lớn được phân phối cho nhân loại. Từ cõi thượng thiên, các Chơn Sư ảnh hưởng đến tất cả mọi linh hồn không bỏ sót một ai, các Ngài giúp đỡ rất nhiều vào sự khai triển tâm thức của mỗi người. Sự sống bên trong của mỗi người cũng ví như một hạt giống cần phải được nảy nở, vì nguyên tắc tiến hóa vốn có sẵn trong mầm mống đó. Trong con người, mầm mống đó đã mọc thành cây đang vươn mình lên để tìm không khí, và sự tiến bộ mau chóng của con người phần lớn là nhờ sức mạnh tâm linh, do Quần Tiên Hội ban rải cho y, không khác cái cây đang được hấp thụ ánh sáng mặt trời. Đây là một trong những phương pháp mà người đã tiến hóa cao giúp đỡ kẻ ít tiến hoá hơn, khi họ càng ngày càng biểu lộ được nhiều đức tánh thiêng liêng, theo sự tiến hóa tự nhiên.

Mỗi vị Chơn Sư đảm nhiệm công việc đặc biệt này ảnh hưởng đến một số rất đông, thường có khi đến hàng triệu người một lúc. Thần lực của các Ngài ban rải có tánh chất kỳ diệu này, ảnh hưởng đến mỗi người một cách đầy đủ trọn vẹn, như chính y là người

duy nhứt được diễm phúc đó, đồng thời nó cũng ảnh hưởng như vậy đối với mỗi người trong toàn thể.

Đó là công việc khác hẳn với việc coi sóc một khu phận trên thế giới. Trong công việc đó, các Ngài đặc biệt chú ý đến một số người đang phát triển đúng theo đường lối tiến hóa của các Ngài, mặc dầu trong số đó phần nhiều họ không hay biết gì về hành động của các Ngài. Ngài cũng có nhiều trường hợp đặc biệt cần săn sóc giúp đỡ, đôi khi Ngài giao một phần công việc của Ngài cho các vị thiên thần đảm nhiệm, với nhiều sự tự do hành động trong những giới hạn nhứt định. Về phần họ, những vị thiên thần sử dụng các tinh linh ngũ hành và tạo nên nhiều loại hình tư tưởng. Như thế, công việc của các vị ấy gồm cả một nguồn hoạt động rất lớn.

CÁCH SỬ DỤNG LÒNG SÙNG TÍN

Trong quyển «Bí Tích Minh Luận» (The Science of Sacrament), tôi đã giải thích bằng cách nào, những Đấng cao cả đã dùng những buổi làm lễ của các tôn giáo làm phương tiện để ban rải thần lực của các Ngài cho thế gian, do đó, kích động sự phát triển tâm linh một số rất đông. Các Ngài không những chỉ dùng các cuộc nghi lễ tôn giáo mà thôi, mà các Ngài còn dùng tất cả mọi cơ hội thuận tiện, để ban rải thần lực cho thế gian. Nơi nào cuộc hội họp có nhiều người cùng chung chịu ảnh hưởng lòng sùng tín, tất cả đều cùng trong một lúc nâng cao tư tưởng của họ lên một mực độ cao

hơn và tốt đẹp hơn, cuộc hội họp như thế tạo cho các Chơn Sư một cơ hội hiếm có, các Ngài không thể bỏ qua, vì nó tạo nên một sự tập trung mà các Ngài có thể dùng như một đường vận hà để ban rải ân huệ thiêng liêng. Khi mỗi người sống rời rạc, lẻ tẻ trong gia đình, họ ví như nhiều đường lộ tẽ, và chỉ nhận được một ít thần lực đi xuyên qua. Nhưng khi họ cùng tề tựu đông đảo trong một cuộc hội họp, thì đó chẳng khác nào như một đường vận hà lớn, xuyên qua đó thần lực của Chơn Sư có thể được ban rải một cách dồi dào gấp bội.

Tôi đã thấy hằng triệu người đi hành hương ở tại thánh địa Bénarès, phần nhiều trong số đó, hiển nhiên là có nhiều người chưa tiến hoá và dị đoan, nhưng cùng một lúc họ đều tràn đầy lòng sùng tín, hoàn toàn hướng thiện. Khối tư tưởng sùng tín mộ đạo do một số đông người như thế phóng ra trong không gian, là khối sùng tín vĩ đại không thể đo lường, các Chơn Sư không thể bỏ lỡ cơ hội để ban bố ảnh hưởng của các Ngài. Lẽ tự nhiên là một số đông người vừa nhiệt thành lại vừa thông minh, sẽ tạo nên một sức mạnh dồi dào hơn, có thể vang dội lên cõi giới cao siêu hơn, chúng ta đừng tưởng lầm khối tư tưởng vĩ đại của một số người dốt nát và cuồng tín đó tạo nên, không có giá trị gì. Các Đấng cao cả trong Quần Tiên Hội có một quyền năng kỳ diệu, là gạt lọc điều lành với điều ác; nói một cách khác, từ trong một khối lớn tư tưởng bất hảo, các Ngài có thể rút một thiểu số sinh lực để dùng vào việc lành.

Có khi người ta thấy lòng sùng tín mãnh liệt nhứt lại đi đôi với tư tưởng đồ kỵ và chia rẽ. Trong trường hợp đó, Chơn Sư sẽ phân loại ra, Ngài dùng phần thuộc về lòng sùng tín, và loại bỏ phần thuộc về lòng đồ kỵ, ganh ghét. Do đó, có người tâm địa bất chính có khi lại gặp những nghiệp quả tốt, tuy người ta không thể chối cãi nghiệp tốt đó còn lớn hơn nhiều, nếu y không có những thói hư tật xấu kia.

Thành phố như Bénarès luôn luôn là một trung tâm thần lực vĩ đại, dầu cho ngoài những thời kỳ hành hương hằng năm. Đó cũng là nơi có nhiều đền đài, lăng tẩm và xá lợi của những bậc thánh hiền, các Chơn Sư có thể dùng làm những đường vận hà tốt; điều này cũng áp dụng cho tất cả những nơi đền miếu, chùa chiền khắp nơi trên thế giới. Nếu là xá lợi thật, thì nó phát ra một số từ điển mạnh mẽ do sự liên hệ của nó với bậc thánh nhân, và nó cũng có thể dùng làm phương tiện chuyển di thần lực để phân phối cho những người đi hành hương. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp không phải là xá lợi thật, dầu thật hay giả, xá lợi mà chúng ta coi là điều quan trọng, thật ra nó không quan trọng lắm như chúng ta tưởng.

Nếu đã một thời gian dài, người ta dùng xá lợi ấy làm trung tâm biểu lộ sự chiêm bái và lòng sùng tín, thì điều đó cũng để cho các Chơn Sư dùng nó một cách hữu hiệu như một xá lợi thật. Dầu đó là xá lợi giả mà người ta lầm tưởng là thật đi nữa, điều đó cũng không ảnh hưởng gì đến sự hữu ích của nó, vì lòng sùng tín

được tạo ra chung quanh nó vốn là thật, và chính đó mới là điều quan trọng. Nếu điều này được hiểu rõ, thì nó sẽ giúp sự thông cảm cho những người hẹp hòi nông cạn, thường hay chế nhạo sự dị đoan mê tín của những người nông dân ở Ý, Sicily hay Tây Ban Nha, hoặc khinh rẻ những người lao công Ấn Độ, vì họ thờ cúng ở những đền miếu tối tăm, không phải linh thiêng như là họ tưởng. Lẽ tất nhiên, sự thật vẫn tốt đẹp hơn sự sai lầm, chúng ta nên nhớ đối với những người còn dốt nát, mà muốn họ đương nhiên dẹp bỏ sự tin ngưỡng của họ thì đó quả thật là một điều không hay, trừ ra khi nào họ có thể hiểu được những điều cao thượng hơn. Làm như thế không những là lòng sùng tín của họ bị thương tổn mà còn khép chặt đường vận hà hữu ích cho thần lực của Chơn Sư.

Ngoài ra, một người nông dân thất học không thể xét đoán được một xá lợi vốn thật hay giả, thật là một điều bất công nếu lòng sùng tín của họ, mà họ dâng lên với tất cả tấm lòng nhiệt thành và hảo ý, lại bị lệ thuộc nơi một sự kiện mà họ không thể hay biết chi cả.

Lòng sùng tín mới là điều đáng kể, và nó luôn luôn được đáp lại. Xá lợi chẳng qua chỉ là một trung tâm điểm để cho ta trụ lòng sùng tín vào đó mà thôi, và một trung tâm điểm tưởng tượng cũng vẫn có đủ hiệu lực như bất cứ một trung tâm điểm nào khác.

CÔNG VIỆC CỦA CÁC ĐỆ TỬ

Trước đây, tôi có nói đến các đệ tử Chơn Sư cũng là những người tập sự ở cõi hạ giới, họ được sử dụng như những trạm chuyên di thần lực, và cũng làm nhiều công việc trong mọi ngành hoạt động của nền văn minh nhân loại, tất cả những hoạt động này đều là một phần công việc của Chơn Sư trên thế gian. Phần lớn những công việc này được thực hiện bởi những người thế gian đã từng hấp thụ được những nguồn cảm hứng hoặc tấm gương lành của những vị đệ tử; hoặc bởi những hội hay cơ quan mà các vị đệ tử đã giúp công xây dựng và giúp ảnh hưởng tinh thần. Thật ra, nhân loại sẽ bị thiệt thòi nếu không có những ảnh hưởng này, mặc dầu họ không hay biết chi cả về nguồn gốc đã tạo nên những ảnh hưởng tốt đẹp đó.

Các Chơn Sư không thể bỏ phứt những công việc vĩ đại của các Ngài để làm những công việc thấp thỏi hơn và dễ dàng hơn như đã kể trên, nếu các Ngài làm như thế, thì toàn thể cơ tiến hóa sẽ bị thiệt hại không ít.

Đôi khi có vài người hỏi, tại sao các Chơn Sư không viết sách? Họ quên rằng các Chơn Sư đang đảm nhiệm cả một cuộc tiến hóa của nhân loại trên thế gian. Các Ngài không thể bỏ công việc lớn lao đó để viết sách chỉ nói về một phần nào đại cuộc chung mà thôi. Thật ra, nếu Chơn Sư có thời giờ để viết sách và dùng hết năng lực của Ngài vào công việc đó, thì quyển sách

ấy chắc chắn phải thật hay hơn bất cứ quyển sách nào của người thế gian viết. Ở đời, nếu tất cả mọi việc đều để cho những bậc toàn năng làm hết, thì chúng ta sẽ không có cơ hội để sử dụng những khả năng của mình và đời sống của chúng ta ở thế gian sẽ không có ích lợi gì nữa!

Thời gian gần đây, một ngành hoạt động đã được các đệ tử Chơn Sư tổ chức trên một qui mô rộng lớn, là việc phụng sự một cách thực tế trên cõi trung giới, tôi đã có nói trong quyển sách «Những Đấng Cứu Trợ Vô Hình.» Phần quan trọng nhất trong công việc này là giúp đỡ những người mới chết, khi vừa bước qua cõi trung giới, họ thường bị hoang mang bối ngỡ, lạc loài và có khi đau khổ, nhất là vì thưở sanh tiền họ đã bị sợ hãi, dọa nạt bởi những chuyện quái đản rùng rợn, về việc tra tấn kèm kẹp người chết dưới cõi âm ty, do những giả thuyết sai lầm của một vài tôn giáo.

Tuy công việc này được nêu ra từ mấy chục năm về trước, nhưng chỉ có một số người trong Hội Thông Thiên Học là nhóm cứu trợ vô hình được thành lập có tổ chức và bắt tay vào việc. Lúc đầu, nhóm này gồm những người còn sống, quyết định dùng thời giờ của mình trong giấc ngủ của thể xác để làm công việc đó; nhưng không bao lâu, họ qui tụ chung quanh họ một số đông những người đã chết nhưng chưa nghĩ đến công việc này bao giờ.

Trước đó, những người mới bước qua cõi trung giới phần nhiều đều tự mình xoay sở, hoặc họ được thân nhân tiếp đón và dìu dắt họ ở cuộc đời mới bên kia cửa tử. Thí dụ, một người mẹ đã chết vẫn còn trông nom những đứa con còn sống, nếu một thời gian sau, có đứa con nào chết thì người mẹ sẽ giúp đỡ người ấy bằng đủ mọi cách mà bà ta có thể. Thường những người tốt bụng trong số những người đã chết, sẽ giúp cho những người khác những điều kinh nghiệm và hiểu biết của họ khi cần phải giúp đỡ. Trong những nền văn minh cổ, người ta có tập quán sống chung trong đại gia đình, thì ít khi người ta không gặp một thân nhân giúp đỡ ở bên kia cửa tử. Trong kinh sách Ấn Độ thường nói đến tầm quan trọng của sự liên hệ gia đình, và những bổn phận cùng sự liên lạc trong gia đình vẫn còn tiếp tục trong những cõi vô hình sau khi chết. Tình trạng ở cõi trung giới, cũng giống như một xứ không có bệnh viện, trường học, hay công sở chi cả, nơi đó có nhiều người bị đau khổ, và trong những thời kỳ tai biến hay chiến tranh, thì sự đau khổ ấy còn tăng lên rất nhiều.

SỰ CỐ GẮNG CỦA MỖI THẾ KỶ

Phương pháp hoạt động của các Chơn Sư, để cải tiến nền văn minh nhân loại, đã được nêu ra trong những bài diễn thuyết của bà Annie Besant tại Luân Đôn hồi năm 1907, trong đó bà nói về những biện pháp mà Quần Tiên Hội đã dùng để giúp cho Âu

Châu thoát khỏi thời kỳ hắc ám của thời trung cổ. Bà nói rằng vào thế kỷ 13, một Đấng cao cả sống bên Tây Tạng đã công bố một huấn lệnh của Ngài cho Quần Tiên Hội, định rằng trong khoảng 25 năm cuối cùng của mỗi thế kỷ, một cố gắng phải được thực hiện để giúp đỡ sự tiến bộ cho Âu Châu. Nhìn vào lịch sử, chúng ta thấy từ đó về sau, vào khoảng 25 năm cuối của mỗi thế kỷ, lại xảy ra một việc hệ trọng để đem lại tia sáng mới do Quần Tiên Hội ban bố cho nhân loại. Một học giả Thông Thiên Học là ông Fritz Kunz đã ghi chép sự kiện này trong bản lược đồ sau đây:

Thời kỳ	Sự việc xảy ra	Kết quả
1275	Roger Bacon và sự phục hưng văn hóa.	Phổ thông văn hóa bằng đường lối phục hưng.
1375	Christian Rosenkreuz và sự phổ biến văn hóa.	
1475	Phát minh ấn loát: kiến thức ghi vào sách in.	Phổ thông kiến thức do cải cách.
1575	Francis Bacon và khoa học: Anh ngữ làm phương tiện phổ biến.	

1675	Thông nhứt giai cấp: thành lập hội kín.	Phổ thông chánh trị do cách mạng.
1775	Thực hiện tự do dân chủ (cách mạng Pháp 1789).	
1875	Hội Thông Thiên Học - Hội khảo cứu hiện tượng thần bí - Phong trào Thiên Chúa giáo tự do - Hội kín Co Masonry - Thuyết tiến hóa.	Phổ thông bí giáo do tiến hóa tâm linh.
1975	Khoa huyền môn được phổ biến sâu rộng: tiến hóa tâm linh.	

Trong các cố gắng kể trên thì cố gắng cuối cùng là việc thành lập Hội Thông Thiên Học vào năm 1875. Sau khi xem kỹ lưỡng, hai đấng Chon Sur Morya và Kuthumi mới đảm nhiệm trọng trách này, và chọn nhà lãnh đạo cao quý của chúng ta là bà Blavastky để hợp tác với các Ngài ở cõi trần. Phần nhiều những người đọc sách vở T.T.H. đều biết rõ về giai đoạn bà được chuẩn bị để lãnh sứ mạng cao cả. Sau cùng bà được Quần Tiên Hội gọi sang Mỹ để gặp đại tá Olcott, người

đồng chí sẽ cùng cộng tác với bà và bổ khuyết những đức tánh mà bà còn thiếu sót: đó là khả năng tổ chức và qui tụ quần chúng trong một phong trào mới ở thế gian. Hội Thông Thiên Học lúc đầu được thành lập tại New York, và về sau dời trụ sở sang Ấn Độ.

Khi tôi viết quyển này, Hội Thông Thiên Học đã thành lập vừa đúng 50 năm phụng sự nhân loại, sự ích lợi mà nó đem đến cho mọi ngành sinh hoạt của con người, thật ra không thể đo lường được. Ảnh hưởng tốt đẹp của nó không thể đo lường bằng số hội viên hay chi bộ nhiều ít, mặc dầu điều này cũng là một yếu tố đáng kể, vì Hội bành trướng ảnh hưởng đến khắp mọi nơi trên thế giới. Nhưng trên mỗi lãnh vực hoạt động của xã hội, Hội Thông Thiên Học đều gây một tiếng chuông đặc biệt, nó vang dội khắp chung quanh chúng ta dưới hình thức những lời nói, việc làm của những nhà chánh trị, bác học, văn hào, nghệ sĩ và nhiều nữa, trong số đó có rất nhiều người có lẽ chưa bao giờ nghe nói đến danh từ Thông Thiên Học. Hội Thông Thiên Học đã làm cho người đời chú ý đến sự thật của cõi giới vô hình và quyền năng tư tưởng. Hội đã nêu ra tình huynh đệ đại đồng, hội không chủ trương mọi người đều phải giống nhau trong sinh hoạt hằng ngày, nhưng chủ trương sự khoan dung và thông cảm lẫn nhau giữa những cá nhân hoàn toàn khác biệt nhau về mọi mặt. Trong sự khác biệt đó, mỗi người vẫn giữ sắc thái riêng biệt của mình, và tất cả đều liên lạc chặt chẽ với nhau do một tinh thần bất

diệt, là tôn trọng tự do của người khác với mình. Hội Thông Thiên Học đã làm cho đông phương và tây phương hòa hợp với nhau hơn bao giờ hết kể từ trước đến nay. Nó đem sự công bình sáng suốt trong việc học hỏi so sánh các tôn giáo, và tiết lộ một cách rõ ràng minh bạch, sự thống nhất giáo lý và nguồn gốc chung của tất cả những tôn giáo. Ngoài ra, *Hội còn đem hàng ngàn người đến gần các đấng Chơn Sư để phụng sự các Ngài với tất cả khả năng và lòng thành của họ, nhằm mục đích đem hạnh phúc cho nhân loại trong những thế hệ tương lai.*

CÁC GIỐNG DÂN

Trong việc giúp đỡ thế gian, Quần Tiên Hội không những chỉ lo về hiện tại, mà còn nhìn xa về tương lai, chuẩn bị cho sự tiến hóa của những giống dân và quốc gia mới, trong đó những đức tánh của nhân loại tương lai sẽ được phát triển một cách tuần tự và điều hòa. Như chúng ta sẽ thấy ở chương 13, sự tiến bộ của nhân loại không phải diễn ra trong sự ngẫu nhiên tình cờ. Trái lại, sự thành lập các giống dân, với những đặc tính của nó, đặc tính về thể chất, tình cảm và trí tuệ, cũng có trật tự rõ ràng, như định chẵn khác nào như chương trình học tập và thời khắc biểu của những trường đại học tối tân.

Giống dân Aryen, mặc dầu chưa đến thời kỳ cực thịnh, nó đang ngự trị khắp thế giới hiện nay với trí tuệ thông minh kỳ diệu của nó, đã nối tiếp theo sau giống

dân Atlante, một chủng tộc hiện vẫn còn gồm đa số nhân loại và chiếm một phần lớn đất đai trên quả địa cầu.

ĐỨC CHUÔNG GIÁO LÂM PHẠM

Về vấn đề này, hiện nay có ba công trình lớn đang được thực hiện. Công trình thứ nhất là việc chuẩn bị lâm phạm của đức Bồ Tát Chuông Giáo, Ngài cũng là đấng Christ, đã từng mượn xác của Jésus để nhập thế cách đây hai ngàn năm. Chúng ta không nên lẫn lộn việc lâm phạm của Ngài với những hiện tượng xảy ra ở mỗi thế kỷ như đã nói ở trên. Những hiện tượng đó thuộc về cung 1, phần công việc huyền bí của cung này là dìu dắt sự tiến hóa của các giống dân chánh và các chủng chi, còn việc lâm phạm của đức Chuông Giáo là một việc lâu lắm mới xảy ra một lần, thuộc cung 2, coi về ngành hoạt động tôn giáo và giáo dục.

Đức Chuông Giáo hiện nay sắp xuất hiện dưới thế gian, và chúng ta có thể hy vọng sẽ thấy những sự biểu lộ càng ngày càng tăng của quyền năng, minh triết và ý chí của Ngài.

Điểm chân lý chánh đại mà Ngài sẽ nhấn mạnh là: *những đau khổ của thế gian đều do sự thiếu tình thương và tình huynh đệ giữa loài người. Nếu con người biết thương yêu nhau và đối xử với nhau với tình huynh đệ thân hữu, thì mọi điều ác đều tiêu trừ và một hoàng kim thời đại sẽ đến với chúng ta.*

CHUNG CHI⁸ THỨ SÁU

Công trình thứ hai là việc tạo nên hình thể, tình cảm và trí tuệ của chủng chi thứ 6 của giống dân Aryen, chủng chi này đã bắt đầu xuất hiện ở Châu Mỹ và Châu Úc, và ở vài nơi khác trên thế giới. Quyền năng của đấng Bàn Cổ hiện nay đang được sử dụng trên những cõi cao để làm công việc này. Ngài dùng ý chí và trí tuệ để nhồi nắn, sửa đổi hình thể, sắc tướng của những trẻ sơ sinh của thời đại mới. Đồng thời, những nhân viên trẻ tuổi của Quân Tiên Hội hiện đang hoạt động ở thế gian cũng được chỉ thị của các Ngài để giúp đỡ cho những thiếu nhi ấy sự giáo dục và huấn luyện thích nghi với giống dân mới.

Công việc này chỉ mới bắt đầu, nhưng sẽ trở nên rất quan trọng trong tương lai. Trong khoảng thời gian ngắn của vài thế kỷ nữa, chủng chi thứ 6 sẽ xuất hiện mới mẻ rõ rệt trên thế gian, với sự trẻ trung, tốt đẹp và rực rỡ của nó, trong khi thế giới cũ vẫn tiếp tục phát triển chủng chi thứ 5 cho đến mức hoàn toàn tuyệt mỹ.

GIỐNG DÂN CHÁNH THỨ SÁU

Công trình thứ ba là việc thành lập giống dân thứ 6, giống dân này sẽ xuất hiện tại California (Hoa Kỳ) vào khoảng độ 700 năm nữa (khi viết sách này là 1925). Khi đó, một thiểu số người sẽ được thiết lập tại xứ ấy,

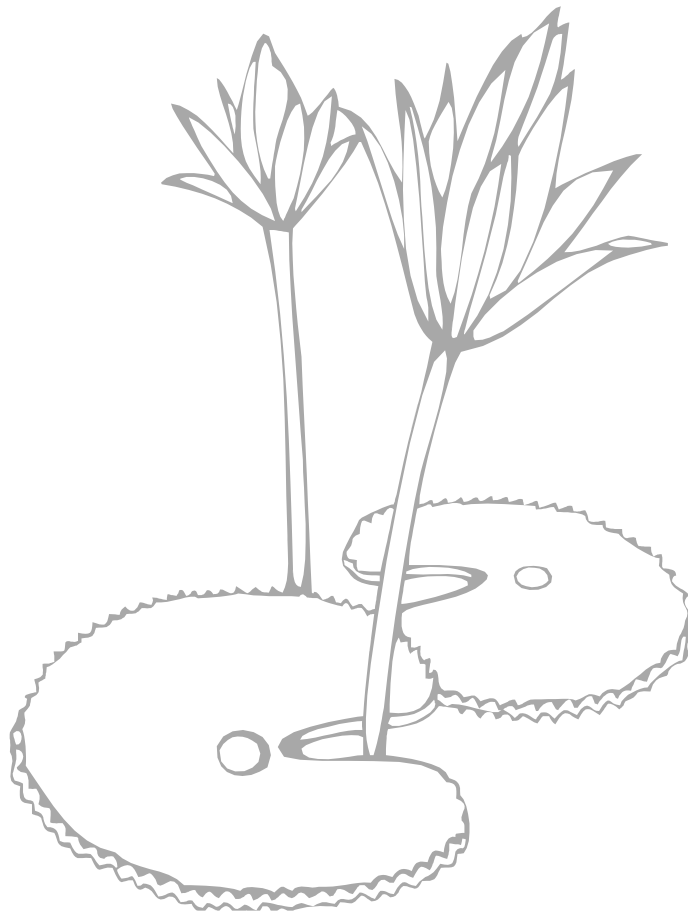
⁸ Chủng chi : chi nhánh của một giống dân.

dưới sự điều khiển của đức Bàn Cổ giống dân thứ 6, tức là đức Chon Sur Morya hiện nay, và cùng hợp tác với Ngài sẽ có đức Chon Sur Kuthumi, tức là vị Bồ Tát của giống dân thứ 6. Chúng tôi có viết về thiếu số dân tộc này trong quyển «Con người, từ đâu đến, và sẽ đi về đâu?» Mặc dầu việc này còn đến 700 năm nữa mới thực hiện, nhưng chúng ta biết cuộc chuẩn bị cho công việc đó hiện nay đã bắt đầu và Hội Thông Thiên Học được đóng một vai trò quan trọng trong công trình ấy.

Mỗi chi bộ của Hội Thông Thiên Học nên khuyến khích các hội viên hãy cố gắng áp dụng ngoài thế gian những sự hiểu biết về Thông Thiên Học mà họ đã thu thập được ... Trong mỗi chi bộ, hội viên nên tập đức tánh rộng rãi cởi mở, nhờ đó họ sẽ nhận được một nền giáo dục về tinh thần huynh đệ mà người ta không tìm thấy được ở thế gian. Phần nhiều những Hội khác ở ngoài đời đều nhằm thực hiện một mục đích nhất định nào đó, nhưng trong Hội Thông Thiên Học chúng ta đều biết có người thiên về một lý tưởng, và người khác thiên về một lý tưởng khác, nhưng tình huynh đệ trong nhân loại không thể thực hiện bởi sự độc tôn của một lý tưởng duy nhất nào, dầu đó là bác ái, hay chân lý, hay mỹ lệ, v.v... mà bởi sự hòa hợp chung của tất cả những lý tưởng đó làm một, nó sẽ đưa con người lên đến gần Đấng thiêng liêng.

Đó là tinh thần huynh đệ đại đồng mà người Thông Thiên Học sẽ lần lần thu thập được; y sẽ bắt tay hòa hợp với người đồng loại, không phải do sự ép

buộc từ bên ngoài, mà do sự thúc đẩy tự bên trong. Là một hội viên Thông Thiên Học tức là được sự huấn luyện của các Chơn Sư và nếu người ấy thành công, y sẽ có đủ điều kiện để được đầu thai vào nhóm người tiên phong của giống dân này bắt đầu xuất hiện trên thế gian.



CHƯƠNG 12

NHỮNG VỊ ĐẾ QUÂN VÀ CÁC CUNG

NHỮNG VỊ ĐẾ QUÂN

Trong chương vừa rồi, tôi đã diễn tả tổng quát vài ngành hoạt động của các đấng Chơn Sư, lẽ dĩ nhiên còn nhiều ngành hoạt động khác nữa mà chúng ta không biết gì cả. Tuy nhiên, bấy nhiêu cũng đủ chứng minh công việc của các Ngài rất lớn lao và bề bộn, các Chơn Sư thực hiện những công việc đó bằng nhiều phương pháp khác nhau, tùy theo tánh chất và sở thích riêng của các Ngài.

Vạn vật trong vũ trụ đều biểu lộ xuyên qua 7 cung. Trong Quần Tiên Hội, thì 7 cung xuất hiện rõ ràng nhất. Cung 1, tức là cung uy quyền, do đức Ngọc Đế cai quản. Cầm đầu cung 2 là đức Phật, và ở cấp đẳng dưới hai Đấng ấy là đức Bàn Cổ (Manu), và đức Bồ Tát (Bodhisatva) của giống dân đang ngự trị trên thế gian vào một thời kỳ nhất định. Đồng một cấp đẳng với hai vị này là đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan), Ngài chỉ huy tất cả 5 cung sau cùng, mỗi cung này đều có một vị cầm đầu. Trong chương sau, tôi sẽ cố gắng giải thích những đẳng cấp cao hơn trong Quần Tiên Hội, và dành chương này để nói về công việc của những Đấng cao cả cầm đầu các cung.

Đẳng cấp Để Quân (Chohan) để chỉ những Đẳng cao cả đã có 6 lần điễm đạo, danh từ ấy cũng để chỉ những đấng Chon Sư đứng đầu các cung và nắm giữ những chức vụ cao cả và nhứt định trong Quần Tiên Hội.

BẢN LƯỢC ĐỒ CÁC CUNG

Nói về đề tài các cung là một điều rất khó. Cách đây đã lâu, chúng tôi nhận được ít nhiều tài liệu nói về các cung, tuy hã còn rất thiếu sót, nhưng có giá trị đáng kể. Tôi còn nhớ trong một dịp chúng tôi được những tài liệu này. Hồi ấy, tôi cùng với ông Cooper Oakley và một vị sư huynh người Ấn Độ đang ngồi nói chuyện trên nóc trụ sở Hội Thông Thiên Học tại Adyar, thuở sơ khai của Hội Thông Thiên Học. Thành linh chúng tôi thấy Chon Sư Djwal Kul, vị này lúc đó còn là đệ tử của đức Chon Sư Kuthumi, xuất hiện đến với chúng tôi. Thuở đó, Ngài dạy và chúng tôi học hỏi rất nhiều, Ngài luôn luôn có một thái độ ưu ái và kiên nhẫn. Hôm đó, trong khi Ngài ngồi nói chuyện với chúng tôi, thì vấn đề các cung được nêu ra. Ông Cooper Oakley nói: «Bạch Sư Phụ, xin Ngài dạy cho chúng con biết tất cả về vấn đề các cung.»

Ngài chậm rãi đáp: «Tôi không thể nói hết tất cả về các cung cho quý vị nghe, trước khi quý vị đạt tới một trình độ điễm đạo rất cao. Vậy quý vị có bằng lòng nhận lãnh những gì tôi có thể nói ngay bây giờ, hã còn rất thiếu sót và tất nhiên là dễ lầm lạc, hay là quý vị

sẽ đợi cho đến khi được truyền thụ hết tất cả về vấn đề này?»

Lẽ tự nhiên chúng tôi nghĩ thà lấy nửa ổ bánh mì còn hơn là không có ổ nào, nên bèn nói với Ngài chúng tôi xin thụ giáo những gì chúng tôi có thể lãnh hội được. Chúng tôi liền ghi chép những tài liệu rất lý thú mà Ngài nói cho chúng tôi nghe, nhưng phần nhiều rất khó hiểu, đúng như Ngài đã nói trước. Ngài nói: «Tôi không thể tiết lộ cho quý vị nghe nhiều hơn nữa, vì tôi đã có lời thệ nguyện. Nhưng nếu quý vị có thể dùng trực giác để hiểu được nhiều hơn bấy nhiêu đó, Tôi sẽ nói cho biết quý vị đã hiểu đúng hay không.» Nhưng, dầu cho bấy nhiêu tài liệu còn khiếm khuyết nó cũng có giá trị rất lớn đối với chúng tôi.

Bản lược đồ dưới đây là bản lược đồ các cung và đặc tính của các cung, mà Chơn Sư đã truyền cho chúng tôi.

Ngài đã giải thích mỗi tôn giáo đối diện với mỗi cung, không nhất thiết có nghĩa là nó hoàn toàn tiêu biểu cho cung đó, mà chỉ là một di tích còn sót lại trên trái đất, của một cơ hội cuối cùng do đó cung ấy đã gieo ảnh hưởng mạnh mẽ trên thế gian. Trong bản lược đồ, khoảng pháp môn của cung 1 và đặc tính của cung 7 bị bỏ trống. Chúng ta có thể phỏng đoán rằng pháp môn của cung 1 là «quyền năng của ý chí» (Kriya Shakti), và đặc tính của cung 7 là «hợp tác với các cấp đẳng thiên thần.» Ý nghĩa câu «Horus giáng sinh»

không được giải thích rõ, nhưng một trong những đặc tính của cung 4 là việc sử dụng các sức mạnh âm dương trong thiên nhiên.

Sự phát triển thật sự của cung 7 là giao tiếp với những bậc đại thiên thần.

Cung	Đặc tính mỗi cung	Pháp môn	Tôn giáo
1	Điện lực (Fohat Shechinah)	Quyền năng của ý chí	Bà La Môn
2	Minh triết	Raja Yoga (luyện trí)	Phật giáo
3	Dĩ thái (Akasha)	Chiêm Tinh (mảnh lược từ khí thiên nhiên)	Chaldéen
4	Horus giáng sinh	Hatha Yoga (luyện thể xác)	Ai Cập
5	Lửa	Luyện kim (bản thể vật chất)	Hỏa giáo

6	Sự chuyển kiếp	Sùng tín (Bhakti)	Thiên Chúa giáo
7	Hợp tác với các đẳng cấp thiên thần	Nghi thức lễ bái	Thần giáo

Như thế, chúng ta thấy những tài liệu mà chúng ta thâm nhập được về vấn đề các cung, hãy còn rất thiếu sót. Theo chỗ chúng tôi được biết, thì vấn đề này từ trước đến giờ chỉ được nói đến rất ít, và phần rất ít này cũng chỉ được trình bày một cách úp mở và che đậy để cho người đọc không thể hiểu ngay một cách rõ ràng. Những vị Chon Su đều tỏ ra rất kín đáo và dè dặt khi có người hỏi các Ngài về vấn đề này.

CON SỐ BẢY TRONG VŨ TRỤ

Điều quan trọng mà ta nên nhớ là vạn vật trong vũ trụ đều ở cõi giới vô hình hay cõi vật chất hữu hình, đều được sắp hạng và phân loại theo các qui mô của số 7. Tất cả mọi hình thức sinh hoạt trong dãy hành tinh hiện tại đều thuộc về một trong 7 cung, và mỗi cung lại chia ra làm 7 phân bộ. Trong vũ trụ có tất cả 49 cung như thế, gồm lại làm 7 bộ, mỗi bộ chia làm 7 cung. 7 bộ tức là 7 đại vũ trụ cung (seven great cosmic rays) biểu lộ xuyên qua 7 vị Huyền Thiên Thượng Đế (Seven Great Logoi).

Tuy nhiên trong dãy hành tinh của chúng ta hiện nay, và có lẽ trong cả thái dương hệ, chỉ có một trong những đại vũ trụ cung là đang hoạt động, và những phân bộ của nó tức là 7 cung của chúng ta. Chúng ta đừng tưởng thái dương hệ của chúng ta hiện nay là sự biểu lộ duy nhất của đấng Huyền Thiên Thượng Đế, vì mỗi vị Huyền Thiên Thượng Đế có thể cai quản đến hàng triệu thái dương hệ dưới tay Ngài. Về vấn đề này, tôi đã giải thích trong quyển «Đời Sống Siêu Linh» (The Inner Life):

«Toàn thể thái dương hệ của chúng ta là sự biểu lộ của đức Thái Dương Thượng Đế, và mỗi một vi tử nhỏ trong đó đều là một phần trong các thể của Ngài. Tất cả vật chất hồng trần trong thái dương hệ gom lại thành thể xác của Ngài; toàn thể chất trung giới trong thái dương hệ gom lại thành thể vía của Ngài; toàn thể chất thượng thanh khí ở cõi thượng giới gom lại thành thể trí của Ngài, v.v... Hoàn toàn ở trên và ở ngoài vòng thái dương hệ, Ngài còn có một sự sinh hoạt rộng lớn và bao la hơn nhiều, nhưng điều này không thể ảnh hưởng gì đến sự thật của những điều mà tôi vừa trình bày ở trên.

Đức Thái Dương Thượng Đế bao gồm luôn cả 7 vị đại Tinh Quân (Seven Planetary Logoi), những vị này đều là những trung tâm thần lực của Ngài, những đường vận hà xuyên qua đó thần lực của các Ngài được ban rải ra. Đồng thời có một ý nghĩa theo đó người ta có thể diễn tả những vị ấy đều là do sự cấu

tạo của Ngài. Những thể vật chất mà chúng tôi vừa miêu tả như là gồm thành phần các thể của Ngài, đồng thời cũng gồm luôn cả các thể của những vị đại Tinh Quân ấy, vì không có một điểm nhỏ vật chất nào trong thái dương hệ mà không gồm trong thành phần các thể của một trong các vị đại Tinh Quân. Điều này cũng áp dụng cho tất cả cõi giới khác trong thái dương hệ, nhưng chúng tôi xin tạm lấy thí dụ cõi trung giới để giải thích, vì vật chất của cõi này khá uyển chuyển để ứng đáp nhu cầu của cuộc thí nghiệm sưu tầm của chúng tôi và đồng thời nó cũng gần nhứt với cõi hồng trần để không phải hoàn toàn là ngoài phạm vi hiểu biết của chúng ta.

Một vi tử vật chất trung giới trong thái dương hệ là một phần thể vía của một trong 7 vị đại Tinh Quân. Chúng ta nên nhớ nó cũng là chất trung giới do đó thể vía của chúng ta được cấu tạo nên. Chúng ta không có phần vật chất nào là hoàn toàn của riêng của chúng ta. Trong mỗi thể vía, đều có những vi tử vật chất thuộc về một trong 7 vị đại Tinh Quân, nhưng tỷ lệ vật chất đó khác biệt nhau đến vô cùng tận. Những thể mà mỗi Chơn Thần khoác lấy kể từ lúc khởi thủy, khi nó xuất hiện xuyên qua một vị đại Tinh Quân nhứt định, sẽ tiếp tục gồm có nhiều vi tử của vị ấy hơn là của vị nào khác trải qua một thời kỳ tiến hóa của nó.

Bởi đó người ta có thể phân biệt được một người thuộc về một cung nào trong 7 cung, tiêu biểu cho 7 loại quyền năng cao cả.»

BẢY VỊ ĐẠI TINH QUÂN

Nói theo danh từ của đạo Gia Tô, 7 Đấng cao cả này đã xuất hiện trong một con «linh ảnh» (vision) của thánh John. Ngài nói: «Có 7 ngọn đèn thấp trước Ngài, đó là 7 vị đại Thiên Thần của Chúa Trời» (Khải Huyền IV, 5).

7 vị đó là 7 vị đại Tinh Quân, chính là những trung tâm thần lực của Thượng Đế vậy. Đó là những vị cầm đầu các cung của chúng ta, những vị trưởng cung của toàn thể thái dương hệ, chớ không phải của quả địa cầu chúng ta mà thôi. Từ lúc khởi thủy mỗi người trong chúng ta đã từng xuất hiện xuyên qua một vị trong 7 vị đại Tinh Quân đó, có người thuộc về vị này có người thuộc về vị khác.

Tất cả chúng ta luôn luôn đứng trước sự hiện diện của đức Thái Dương Thượng Đế, vì trong thái dương hệ, không có một nơi nào mà không có Ngài, và tất cả mọi sinh vật đều là một phần của Ngài. Nhưng theo một ý nghĩa đặc biệt, 7 vị đại Tinh Quân là những phần tử của Ngài, là sự biểu lộ của Ngài, hầu như là những đức tính của Ngài – tức là những trung tâm xuyên qua đó thần lực của Ngài được ban rải ra. Chúng ta có thể thấy ý nghĩa đó có những tên mà người Do Thái đặt cho Ngài. Vị Tinh Quân thứ nhất gọi là Thiên Thần Michael, danh từ này có nghĩa là «sức mạnh của Thượng Đế,» có liên hệ đến bầu hỏa tinh. Thiên Thần Gabriel có nghĩa là «toàn trí của

Thượng Đế» và liên hệ đến bầu thủy tinh. Thiên Thần Raphael có nghĩa là «quyền năng chữa trị của Thượng Đế» và liên hệ đến ngôi mặt trời, là bầu tinh tú ban bố sức khỏe và sinh lực cho muôn loài ở thế gian. Thiên Thần Uriel có nghĩa là «ánh sáng của Thượng Đế.» Thiên Thần Zadkiel nghĩa là «lòng từ thiện của Thượng Đế» và liên hệ đến mộc tinh. Còn những vị Thiên Thần khác tên là Chamuel và Jophiel, nhưng hiện nay tôi không nhớ ý nghĩa của những tên đó cùng tên những bầu hành tinh liên hệ.

Thánh Denys gọi 7 vị đại Thiên Thần là những nhà tạo tác thiêng liêng, và những vị hợp tác cao cả của Thượng Đế. Thánh Augustine nói rằng các Ngài nắm giữ tư tưởng của Thượng Đế hay kiểu mẫu tuyệt đích (prototype). Thánh Thomas Aquinas thì viết rằng Thượng Đế là nguyên nhân chính, còn những vị đại Thiên Thần là những nguyên nhân phụ của tất cả mọi kết quả hiển hiện trên thế gian. Mọi sự đều do Thượng Đế sáng tạo, nhưng qua sự trung gian của các vị đại Tinh Quân, hay đại Thiên Thần.

Khoa học tuyên bố rằng những bầu hành tinh đều do sự kết tinh ngẫu nhiên của vật chất, sự đông đặc của khối tinh vân, tinh cò mà tạo nên. Quả thật như vậy, nhưng tại sao sự kết tinh đó lại diễn ra chung quanh những điểm nút định trong không gian? Đó là vì ở đằng sau mỗi hành tinh đều có một Đấng cao cả chọn lựa những điểm đó để cho những hành tinh chuyển vận trên thế quân bình. Mọi sự vật sở dĩ có,

đều do kết quả của những sức mạnh tự nhiên hành động theo những định luật của vũ trụ, nhưng chúng ta đừng quên rằng đằng sau mỗi sức mạnh luôn luôn có một Đấng thiêng liêng cai quản dìu dắt, và chỉ huy. Tôi đã dùng những danh từ của Gia Tô giáo để diễn tả những Đấng ấy, nhưng người ta cũng có thể tìm thấy các Ngài dưới những danh hiệu khác nhau trong tất cả những tôn giáo lớn.

7 HẠNG CHÚNG SINH TRONG MUÔN LOÀI

Khi vật chất sơ khai hay tinh thần nguyên thủy bắt đầu xuất hiện từ chỗ vô cực để tiến hóa và trong tương lai sẽ trở nên con người như chúng ta, nó xuất phát xuyên qua 7 đường vận hà, cũng như nước trong hồ chảy xuyên qua 7 ống dẫn nước, mỗi ống có chứa đựng sẵn một thứ màu sắc riêng, sẽ nhuộm chất nước chảy xuyên qua ống ấy để cho sau này chất nước ấy sẽ có thể phân biệt được với chất nước chảy xuyên qua những ống khác.

Xuyên qua tất cả các loài, từ loài tinh hoa chất, khoáng chất, thảo mộc, cầm thú, thì các cung đều luôn luôn phân biệt khá rõ rệt cũng như đối với loài người, tuy trong những loài thấp kém hơn, ảnh hưởng của mỗi cung tự nhiên hành động một cách khác nhau. Vì những loài này chưa có cá tính hay một linh hồn riêng biệt, nên toàn thể một loại thú chẳng hạn phải là thuộc về một cung. Như thế, những loài thú vật khác loại, có thể được sắp hạng theo 7 loài tùy theo chúng thuộc về

cung nào. Vì một con thú chỉ có thể thoát kiếp thú thành người nhờ sự tiếp xúc với người, nên đứng đầu mỗi cung, có một loại thú nhà làm tiêu biểu, và mọi sự thoát kiếp thành người trên một cung đặc biệt nào đều phải đi xuyên qua loại thú nhà nói trên. Những loại «thú nhà» đó, điển hình là voi, chó, mèo, ngựa và khỉ. Như vậy, sức sinh hoạt đại đồng trong vũ trụ nó tạm thời biểu lộ nơi một con chó chẳng hạn không thể nào chuyển qua một con ngựa hay con mèo, mà sẽ tiếp tục biểu lộ xuyên qua loài chó cho đến khi diễn ra sự thoát kiếp thú để thành người.

Hiện thời chưa có việc sưu tầm để qui định mỗi cung cho những loài thú và loài thảo mộc, nhưng tôi đã sưu tầm về các loại ngọc thạch và đã nhận thấy mỗi cung đều có một thứ ngọc thạch làm tiêu biểu, xuyên qua đó ảnh hưởng của cung ấy biểu lộ rõ rệt hơn là xuyên qua loại ngọc thạch khác.

Dưới đây là bản lược đồ chỉ loại ngọc thạch đứng đầu mỗi cung, và những loại khoáng chất này cũng có hàm xúc một thứ mãnh lực giống như loại ngọc thạch đồng cung, mặc dầu yếu hơn.

Cung	Ngọc thạch	Khoáng chất
1	Kim cương (Diamond)	Thạch anh
2	Ngọc lam (Sapphire)	Đá turquoise
3	Ngọc bích (Emerald)	Cẩm thạch
4	Vân thạch (Jasper)	Đá mã não; đá xà vân
5	Ngọc vàng (Topaz)	Đá citrine
6	Ngọc hồng bảo (Ruby)	Đá tourmaline
7	Ngọc tím (Amethyst)	Đá vân ban

Theo những điều tôi đã trình bày, chúng ta thấy rằng trong loài người, có đủ 7 hạng rõ rệt, và mỗi người trong chúng ta đều thuộc về một cung nhất định. Người ta vẫn luôn luôn nhìn nhận rằng trong loài người, thường có sự khác biệt căn bản như thế. Cách đây một thế kỷ, người ta đã từng phân hạng loài người như là thuộc về tánh chất nóng nhiệt, hay lãnh đạm, bạch huyết chất hay đa huyết chất; và các nhà chiêm tinh học sắp hạng chúng ta theo tên các hành tinh như người thuộc mộc tinh, hỏa tinh, kim tinh, thổ tinh, thủy tinh, v.v...

Tôi cho rằng đó chỉ là những phương pháp khác nhau để trình bày sự khác biệt căn bản về tính chất con người, do bởi những đường vận hà khác nhau xuyên qua đó chúng ta đã xuất hiện trên cõi thế gian.

Tuy nhiên, không dễ gì mà tìm ra cung của một người thường, vì y đã đi sâu vào vật chất và tạo nên rất nhiều nghiệp quả phức tạp, những nghiệp quả này có thể một phần nào chế ngự và chi phối đặc tánh của y, có khi trong cả một kiếp. Trái lại người đi trên đường đạo biểu lộ rõ rệt một ý chí nhưt định, hay một quyền năng đặc biệt, nó có đặc tính riêng thuộc về cung của y, và có khuynh hướng đưa y vào con đường hoạt động hay công việc phụng sự thuộc về cung đó. Ý chí đó cũng đưa y đến gần một vị Chơn Sư, để y bước vào cửa đạo và khai mở những quyền năng thuộc về cung riêng của Ngài.

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP HÀNH ĐỘNG CỦA MỖI CUNG

Để dễ hiểu những sự khác biệt giữa mọi hạng người, tôi xin đưa ra một vài thí dụ về những phương pháp hành động mà những người thuộc về những cung khác nhau có thể áp dụng trong vài trường hợp đặc biệt. Thí dụ nói về việc sử dụng phương tiện để đạt tới kết quả mong muốn. Người thuộc cung 1 sẽ đạt mục đích bằng sức mạnh của ý chí mà không dùng đến những phương tiện khác. Người thuộc cung 2 dùng sức mạnh ý chí, nhưng với một sự hiểu biết đầy đủ về những phương pháp áp dụng khác nhau, và điều khiển ý chí vào một phương pháp thích nghi nhưt. Người thuộc về cung 3 sẽ dùng những sức mạnh của cõi trí tuệ, và ghi nhận rất kỹ lưỡng ngày giờ nào

mà mọi ảnh hưởng sẽ được thuận lợi cho cuộc thành công của y. Người thuộc cung 4 sẽ sử dụng những sức mạnh tinh vi của chất dĩ thái hồng trần. Người thuộc cung 5 có thể chuyển vận những luồng từ điển thuộc cõi trung giới. Người thuộc cung 6 sẽ đạt tới kết quả mong muốn bằng sức mạnh của đức tin nơi một vị thần minh và tin nơi hiệu lực của sự cầu nguyện. Còn người thuộc cung 7 sẽ dùng những nghi thức lễ bái, cúng tế, và kêu gọi sự giúp đỡ của các hạng vong linh hay sự hợp tác của thiên thần.

Nói về việc chữa bệnh, thì người cung 1 sẽ rút sinh lực và sức khỏe trong kho mẫn lực thiên nhiên của trời đất. Người cung 2 sẽ tìm hiểu tỉ mỉ căn nguyên của chứng bệnh và biết rõ cách dùng ý chí của mình để chữa bệnh một cách có hiệu quả. Người cung 3 sẽ kêu gọi đến sự hộ trợ của các đấng Đại Tinh Quân và chọn ngày giờ mà ảnh hưởng các vị tinh tú sẽ thuận lợi cho việc chữa bệnh. Người cung 4 sẽ tin cậy nơi những phương tiện vật chất như cách thoa bóp chẳng hạn. Người cung 5 sẽ dùng thuốc men. Người cung 6 sẽ dùng cách chữa bệnh bằng đức tin. Người cung 7 sẽ dùng đến những cách niệm chân ngôn, thần chú.

Trong tất cả những trường hợp kể trên, người chữa bệnh dĩ nhiên là được tự do sử dụng bất cứ phương pháp nào, nhưng có lẽ y sẽ nhận thấy khí cụ hữu hiệu nhất sẽ là phương pháp thuộc về cung riêng của y.

NHỮNG VỊ ĐẾ QUÂN ĐỨNG ĐẦU CÁC CUNG

Những Đấng cao cả trong Quần Tiên Hội biểu lộ các cung một cách rõ rệt, nó hiện rõ nơi hào quang của các Ngài. Khi vị Chon Sư thuộc về một cung nào nhất định, thì cung ấy ảnh hưởng không những đến hình dáng bề ngoài của các Ngài, nó còn ảnh hưởng đến công việc của mỗi vị. Chúng ta có thể thấy rõ những đặc tính của các cung bằng cách quan sát công việc của năm vị Đế Quân thuộc về cung 3 đến cung 7 và của hai vị Đế Quân thuộc cung 1 và cung 2.

Nên nhớ chúng tôi chỉ trình bày những nét đại cương của những đức tánh thuộc về mỗi cung, và một phần công việc mà các Chon Sư thuộc về những cung đó đang làm. Ta cũng nên biết khi một vị Chon Sư có đủ những đức tánh thuộc về một cung nào, điều đó không có nghĩa là Ngài thiếu những đức tánh của những cung khác. Thí dụ như một vị Chon Sư thuộc về cung 1 biểu lộ nhiều quyền lực và ý chí mạnh mẽ, nhưng đồng thời Ngài cũng đã thực hiện đến mức tột điểm những đức tánh khác như là lòng sùng tín, bác ái, v.v ...

Trước đây, tôi có nói ít nhiều về Chon Sư Morya, vị đại diện cho cung 1 trên cấp đẳng Đế Quân. Ngài biểu lộ ý chí và quyền lực của cung 1 một cách rõ rệt, trong công việc dìu dắt nhân loại và tạo nên các quốc gia, mà tôi sẽ nói rõ hơn trong chương sau. Cũng thuộc

cung này, có vị Chon Sur mệnh danh là Jupiter nhân danh Quân Tiên Hội trông nom xứ Ấn Độ. Ngài cũng coi về những ngành khoa học trừu tượng liên quan đến khoa hoá học và thiên văn. Ngoài ra, Ngài còn dìu dắt sự tiến hóa của mỗi chủng chi thuộc giống dân thứ 5. Đó là một thí dụ cho ta thấy trong phạm vi của mỗi cung những tầm hoạt động có thể cách biệt và khác nhau như thế nào.

Chon Sur Kuthumi, kiếp trước vốn là đức giáo chủ Pythagore, cũng là một vị Đế Quân. Trên cấp đẳng đó, Ngài đại diện cho cung 2 là cung minh triết, tức là cung những bậc giáo chủ của thế gian. Trong chương sau, tôi sẽ nói rõ hơn về công việc thuộc về cung 2, có liên quan đến công việc của đức Bồ Tát và đức Phật. Tôi đã nói về lòng bác ái và sự minh triết huyền diệu của vị Chon Sur mà tôi có diễm phúc và hân hạnh rất lớn để phụng sự và theo Ngài, tất cả những gì tôi đã nói về cách Ngài dạy dỗ và huấn luyện đệ tử đều biểu lộ đặc biệt phương pháp riêng của Ngài. Những vị Chon Sur khác thuộc các cung khác cũng đều đưa những đệ tử của các Ngài lên đến một trình độ như nhau và giúp họ phát triển cũng bấy nhiêu đức tánh giống nhau, nhưng những phương pháp của các Ngài dùng đều khác biệt nhau rõ rệt. Ngoài ra, phương pháp mà một vị Chon Sur dùng có thể thay đổi nhiều cách khác nhau tùy trường hợp đối với mỗi vị đệ tử riêng biệt.

Đức Đế Quân Venetian là vị Chon Sur chưởng quản cung 3. Những người thuộc cung này biểu lộ rõ

rệt đức tánh uyên chuyên hòa hợp với mọi người và mọi hoàn cảnh. Những người tiến bộ nhiều trên cung này có đặc tính rất thích nghi, và đó là một đức tánh hiếm có, để làm một việc đúng chỗ và đúng lúc. Khoa chiêm tinh liên hệ đến cung này, bởi vì nó giúp cho ta biết rõ thời cơ thuận tiện để khởi sự làm bất cứ công việc gì, để phát động mọi kế hoạch chuyên vận những sức mạnh vào đúng lúc; nó cũng cho ta biết lúc nào là bất lợi để làm một việc gì, nhờ đó chúng ta có thể tránh được nhiều sự phiền phức mất thời giờ và làm việc một cách hữu hiệu hơn.

Cung 4 do Chơn Sư Serapis cai quản. Thuở ban đầu của Hội Thông Thiên Học, chúng ta được nghe nói nhiều về Ngài, vì có thời kỳ chính Ngài đảm nhiệm sự huấn luyện đại tá Olcott trong khi đức Sư Phụ của ông là Chơn Sư Morya tạm thời bận việc khác. Sự thay đổi đệ tử giữa các đấng Chơn Sư với nhau vì những mục đích đặc biệt và tạm thời, là một điều vẫn thường có. Đặc tính của vị Đế Quân Serapis là mỹ lệ và điều hòa; những người thuộc về cung này phần nhiều là những nhà nghệ sĩ theo đuổi các ngành nghệ thuật hay mỹ thuật. Họ luôn luôn có khuynh hướng thờ phụng cái đẹp, và biểu lộ sự mỹ lệ, điều hòa ở khắp mọi công việc làm, cùng nơi ăn chốn ở của họ.

Cầm đầu cung 5 là Chơn Sư Hilarion. Đặc tính của Ngài là sự đúng đắn, mực thước, đúng theo khoa học. Tiền kiếp của Ngài là hiền triết Iamblichus của môn phái tân triết học Platon. Chính Ngài đã cho

chúng ta, xuyên qua ngòi bút của Mabel Colin, hai quyển «Ánh Sáng trên Đường Đạo» và «Mỗi Tình Sen Trắng» (The Idyll of the White Lotus).

Ngài ban ảnh hưởng và nguồn cảm hứng cho phần nhiều các nhà bác học trên thế gian. Những người đã tiến nhiều trên cung này biểu lộ khả năng quan sát đúng đắn và tỉ mỉ; sự sưu tầm và thí nghiệm khoa học của họ hoàn toàn đáng tin cậy. Dĩ nhiên, Ngài dìu dắt và trông nom sự tiến bộ về khoa học và trí thức của nhân loại. Ngài biết rõ và hợp tác với nhiều mãnh lực thiên nhiên liên hệ đến đời sống con người.

Chơn Sư Jesus cai quản cung 6, tức là cung sùng tín. Ngài đắc quả Chơn Tiên trong một tiền kiếp khi Ngài là đức Apollonius of Tyana, và về sau Ngài chuyên kiếp làm đức Ramanujacharya, nhà hiền triết và cải tạo tôn giáo ở miền nam Ấn Độ. Cung này là cung của các vị thánh và tu sĩ, thiên về con đường sùng tín của mọi tôn giáo, những người này được sự dìu dắt trông nom của đức Đế Quân Jesus, bất luận là họ thuộc về tôn giáo nào. 1.900 năm về trước, đức Apollonius of Tyana được Quần Tiên Hội gọi đi khắp nơi với một sứ mạng. Một khía cạnh trong công việc của Ngài là thành lập ở nhiều xứ những trung tâm từ lực (magnetic centres). Có một vài bảo vật có truyền từ điển rất mạnh giao cho Ngài đem chôn giấu ở những nơi trung tâm huyền bí nói trên, để chuẩn bị những nơi đó trở nên những trung tâm thần lực tiếp đón những sự việc quan trọng sẽ xảy ra trong tương lai. Vài

trung tâm này đã được sử dụng, còn những nơi khác cũng sẽ được sử dụng trong một tương lai gần đây khi đức Chương Giáo lâm phạm. Như thế, công việc của Ngài phần lớn đã được sắp đặt trước gần 2.000 năm nay, và ở cõi trần mọi việc cũng đã được chuẩn bị sẵn.

Vị Chon Sư cai quản cung 7 là Chon Sư Saint Germain. Ngài được biết trong lịch sử Âu Châu hồi thế kỷ 18 dưới danh hiệu bá tước Saint Germain. Đôi khi người ta cũng gọi Ngài là Chon Sư Rakoczy, theo tên gọi của một hoàng gia xứ Hung Gia Lợi, mà Ngài là vị kế nghiệp cuối cùng trong kiếp hiện tại. Trong những tiền kiếp, Ngài là Francis Bacon, Lord Verulam của thế kỷ 17, tu sĩ Robertus hồi thế kỷ 16, Hunyadi Janos hồi thế kỷ 15, Christian Robenkreuz hồi thế kỷ 14, và Roger Bacon hồi thế kỷ 13. Trước đó Ngài cũng là nhà hiền triết Proclus của phái tân triết học Platon, và trong một kiếp trước nữa, Ngài là thánh St. Alban. Phần lớn công việc của Ngài thuộc về môn nghi thức, lễ bái, và dùng đến sự hợp tác của những vị đại thiên thần, những vị này tuyệt đối tuân lệnh Ngài và lấy làm vui mừng thi hành ý muốn của Ngài.

Mặc dầu Ngài nói đủ mọi thứ tiếng Âu Châu và nhiều thứ tiếng đông phương, nhưng công việc của Ngài phần nhiều dùng tiếng La Tinh. Trong những cuộc nghi lễ lớn, Ngài mặc những bộ y phục nhiều màu rất đẹp, lộng lẫy và đeo những thứ ngọc quý. Mặc dầu Ngài chuyên về khoa nghi lễ, và vẫn còn hành lễ theo những pháp môn huyền bí thời cổ xưa, mà ngày

nay người ta không còn nhớ tới nữa, nhưng Ngài cũng chú trọng nhiều đến thời cuộc chánh trị ở Âu Châu và sự phát triển của khoa học vật lý hiện đại.

NHỮNG ĐỨC TÁNH CẦN PHÁT TRIỂN

Dưới đây là sơ lược những đặc tính của những vị Đế Quân và cung của các Ngài như tôi đã trình bày trong quyển «Khoa Học Nghi Thức,» để dùng làm tài liệu suy gẫm cho những người nào muốn phụng sự theo đường lối của các Ngài.

Cung 1: Quyền lực.

«Tôi sẽ hùng mạnh, dũng cảm và bền chí trong công việc của các Ngài.»

Cung 2: Minh triết.

«Tôi sẽ đạt tới minh triết, nó chỉ có thể phát triển được bằng một tình bác ái hoàn toàn.»

Cung 3: Thích nghi hay khéo léo

«Tôi sẽ có khả năng nói và làm đúng chuyện vào đúng lúc, tiếp xúc với mỗi người trên địa hạt riêng của họ, để giúp đỡ họ một cách có hiệu quả hơn.»

Cung 4: Mỹ lệ và điều hòa.

«Tôi sẽ đem sự mỹ lệ và điều hòa vào đời sống của tôi và môi trường chung quanh để cho được

xứng đáng với Ngài. Tôi sẽ tập nhìn thấy mỹ lệ trong thiên thiên, để có thể phụng sự Ngài một cách hữu hiệu hơn.»

Cung 5: Khoa học.

«Tôi sẽ có sự hiểu biết rộng rãi và đúng đắn, để có thể phụng sự trong công việc của Ngài.»

Cung 6: Sùng Tín.

«Tôi sẽ khai mở trong lòng tôi quyền năng mạnh mẽ của lòng sùng tín, để nhờ nó mà tôi có thể đem những kẻ khác đến gần Ngài.»

Cung 7: Trật tự; nghi thức.

«Tôi sẽ sắp xếp có thứ tự công việc phụng sự đức Thượng Đế đúng theo nghi thức để được sự trợ giúp ân huệ thiêng liêng của các đấng Thiên Thần luôn luôn chờ sẵn để ban bố cho chúng ta.»

Tất cả những đức tánh trên đây sẽ được chúng ta phát triển lần lần trong tương lai, nhưng chúng ta chỉ sở hữu những đức tánh đó một cách hoàn toàn khi nào chúng ta đạt tới sự toàn thiện và trở nên những bậc siêu nhân. Hiện thời chúng ta hãy còn bất toàn, bởi vì chúng ta có một vài đức tánh phát triển trội hơn những đức tánh khác. Thí dụ, có vài người đã khai mở rất nhiều về khả năng suy luận khoa học và phân biệt điều chân lý giả, nhưng vì họ chưa khai mở tình thương và lòng sùng tín, nên họ có một tánh tình lạnh

lòng, sắt đá. Họ thường có vẻ thiếu thiện cảm và dễ chỉ trích sai lầm những người chung quanh, và đối với vấn đề dùng trí để xét đoán một điều gì, thì họ thường có thái độ chỉ trích rất gắt gao. Họ luôn luôn có khuynh hướng chống lại, thay vì dung hòa, với những người nào làm trái ý họ. Còn những người thuộc về loại sùng tín và bác ái thì luôn luôn sẵn sàng tôn trọng ý kiến của đối phương; nói một cách tổng quát họ có khuynh hướng xét đoán một cách thuận lợi cho người đối thủ, dầu cho sự xét đoán của họ có bị sai lầm, vì họ dễ bị tình cảm chi phối, sự sai lầm đó cũng chỉ đưa đến sự tha thứ khoan dung. Cả hai đối tượng trên đều xa cách với sự xét đoán đúng đắn, và trong tương lai chúng ta cần phải giữ mực quân bình hoàn toàn giữa những đức tánh đó, bởi vì bậc siêu nhân là người đạt tới sự thăng bằng tuyệt đối. Kinh Bhagavad Gita cũng có nói rằng: «Sự quân bình tức là Yoga.»

NHỮNG SỰ BIẾN ĐỔI TỪNG CHU KỲ

Trong 7 vị đại Tinh Quân có những cuộc biến đổi diễn ra từng thời kỳ, giống như sự luân lưu của hơi thở trong bộ máy hô hấp hay nhịp đập của quả tim. Dầu sao, những sự biến đổi đó hình như có thể diễn ra một cách vô cùng phức tạp bằng muôn ngàn cách khác nhau, dưới thiên hình vạn trạng. Vì những thể vía của chúng ra được cấu tạo bằng cùng một chất với thể vía của các Ngài, nên khi một vị đại Tinh Quân thay đổi trạng thái của thể vía, thì tự nhiên điều đó sẽ ảnh

hưởng đến thể vía của mỗi người trên thế gian. Ảnh hưởng này sẽ đặc biệt và rõ rệt hơn đối với những người mà thể vía chứa đựng một tỷ lệ vật chất gần giống như trong thể vía của Ngài. Chúng tôi chỉ dùng cõi trung giới để làm thí dụ, điều này cũng áp dụng cho tất cả những cõi giới khác. Do đó, chúng ta thấy những sự thay đổi tư tưởng và tình cảm của những đấng đại Tinh Quân, đối với chúng ta có một tầm quan trọng biết là dường nào.

Trong lịch trình tiến hóa của nhân loại, những sự thay đổi đó được biểu lộ nơi những con biến đổi tính khí (temperament) của người thế gian, diễn ra từng thời kỳ, và hậu quả của nó đối với nền văn minh nhân loại. Chúng ta hãy tạm gác một bên tư tưởng của các chu kỳ thế giới, mà chỉ xét riêng từng thời kỳ của một giống dân. Chúng ta sẽ thấy trong thời kỳ đó, ảnh hưởng của 7 cung thay phiên nhau biểu lộ rõ rệt, và trong thời kỳ biểu lộ của mỗi cung, lại có sự ảnh hưởng của 7 tiểu chu kỳ (seven sub-cycles of influence), theo một định luật huyền bí mà tôi sẽ giải thích dưới đây.

Chúng ta lấy thí dụ trong lịch sử của một giống dân, và xét về thời kỳ khi cung 5 đang thịnh. Trong suốt thời kỳ đó, đặc tính của cung 5, và có lẽ một tôn giáo lấy đó làm nền tảng, sẽ ngự trị trong tư tưởng con người. Thời kỳ thịnh hành đó sẽ chia làm 7 giai đoạn (subdivided into 7 periods), trong giai đoạn thứ nhất đặc tính của cung 5 vẫn có ảnh hưởng chính nhưng sẽ

đượm màu sắc của cung 1, và những đặc tính của cung 1 sẽ có phần nào hòa hợp với cung 5. Trong giai đoạn thứ nhì, những đặc tính và phương pháp của cung 5 cũng sẽ đượm màu sắc của cung 2, v.v..., và đến giai đoạn thứ năm, thì tự nhiên ảnh hưởng của cung 5 sẽ được thuần khiết và mạnh mẽ nhất.

CUNG SÙNG TÍN

Bàn một vấn đề phức tạp và hiểm hóc khó khăn về các cung, với sự hiểu biết còn thô thiển như chúng ta hiện nay, không thể đưa ra những thí dụ một cách chắc chắn cho thật đúng. Tuy nhiên chúng ta được biết cung 6, tức là cung sùng tín, đã biểu lộ mạnh mẽ và thịnh hành trong thời gian gần đây, nên tôi tưởng chúng ta có thể truy nguyên ảnh hưởng của nó trong những thời kỳ đã qua trong lịch sử như sau:

Giai đoạn thứ nhất: Ảnh hưởng biểu lộ nơi những quyền năng nhiệm màu của các vị thánh Gia Tô thời cổ. Giai đoạn thứ nhì: Biểu lộ nơi những môn phái Triết giáo (Gnostics), lý tưởng của những môn phái này là đạt tới minh triết thật sự. Giai đoạn thứ ba: Biểu lộ nơi các nhà chiêm tinh học. Giai đoạn thứ tư: Ảnh hưởng của nó biểu lộ nơi những cố gắng phát triển quyền năng của ý chí bằng những phương tiện lạ lùng như sự khổ hạnh quá đáng của các nhà tu sĩ St. Simeon Stylites và phái Roi Vọt (Flagellants). Giai đoạn thứ năm: Biểu lộ nơi phái Luyện Kim (Alchemists) và

Hồng Hoa Giá (Rosicrucians) hồi thời trung cổ. Giai đoạn thứ sáu: Lòng tôn sùng thuần túy biểu lộ nơi những phép tu thiên định của những dòng tu Tịnh Quan. Giai đoạn thứ bảy: Biểu lộ nơi sự cầu nguyện và nghi thức hành lễ thiên về sắc tướng bề ngoài của hội thánh La Mã.

Phong trào thần linh học hiện đại, và sự thờ cúng các vong linh, thường là đặc điểm những hình thức suy đồi của phong trào ấy, có thể được coi như một điều báo trước (premonition) ảnh hưởng của cung 7 sắp đến, như là nguồn gốc của phong trào ấy vốn xuất xứ từ một hội kín đã từng có trên thế gian từ thời kỳ cuối cùng khi cung 7 thịnh hành như ở châu Atlantide.

Những người đã từng đọc qua về lịch sử của hội thánh Gia Tô đều thấy rõ trong thời kỳ ảnh hưởng của một cung, ảnh hưởng đó vốn có một mãnh lực thật sự và quyết liệt như thế nào. Họ nhận thấy trải qua suốt thời trung cổ có biết bao nhiêu người biểu lộ một lòng tôn sùng hoàn toàn mù quáng, có biết bao nhiêu người tuy không rành về vấn đề tôn giáo, lại nhân danh tôn giáo để đi giảng đạo và cố gắng nhồi sọ những người khác với những tư tưởng sai lầm của họ, trong khi những người này thường hiểu biết hơn họ rất nhiều. Những người có thể lực lại chính là những người biết ít hơn cả, về ý nghĩa thật sự của những giáo điều mà họ giảng dạy. Có những người khác có thể nói cho họ biết nhiều hơn, và có thể giải thích ý nghĩa của nhiều

điểm trong giáo lý Gia Tô, nhưng phần đông không chịu nghe và lên án những người thông thái này là theo tà giáo.

Trải qua thời kỳ hắc ám đó, những người có ít nhiều kiến thức chẳng hạn như những người trong phái Luyện Kim (Alchemists) (không phải tất cả những người trong phái Luyện Kim đều là có nhiều kiến thức, nhưng chắc chắn một vài người trong số đó biết nhiều hơn những người Gia Tô) đều ẩn mình trong những dòng tu bí mật như là các nhóm Templars, nhóm Hoa Hồng Thập Tự (Rosicrucians), hội kín Freemasonry. Thời kỳ đó, những người này đều bị những người Gia Tô khủng bố, ngược đãi, nhân danh lòng tôn sùng đối với Chúa Trời. Nhiều vị thánh thời trung cổ có lòng sùng tín rất mạnh, điều này rất tốt đẹp và thiêng liêng, nhưng lại thường quá chật hẹp đến nỗi nó làm cho những vị ấy, dù rất thánh thiện, có những quan niệm thiếu nhân từ đối với những người khác biệt tư tưởng với họ và thậm chí họ công khai ngược đãi, khủng bố những người này. Có một vài người nuôi những lý tưởng tâm linh thật sự, nhưng họ bị nghi ngờ và đổ kỵ, đó là những người thuộc phái Trầm Lặng (Quietists) như Ruysbroek, Ebner, Molinos và Jacob Boehme. Hầu hết mọi trường hợp, những kẻ ngu dốt lại đàn áp những người hiểu biết nhiều. Họ luôn luôn nhân danh lòng sùng tín để làm như thế, và chúng ta nên nhớ lòng sùng tín của họ rất chân thành và mãnh liệt.

Lòng sùng tín không phải chỉ biểu lộ trong Cơ Đốc giáo mà thôi. Nó còn phản ánh một cách mãnh liệt trong những tôn giáo cổ, thuộc về những cung khác. Những người sùng tín có thể coi Ấn Độ giáo như là khô khan, lạnh lùng. Tôn giáo thờ thần Shiva, tức đức Chúa Cha, tức ngôi một trong ba ngôi Thượng Đế, đã lan tràn hầu hết khắp xứ Ấn Độ, cho đến ngày nay, ba phần tư người Ấn Độ giáo đều tôn thờ vị thần này. Tôn giáo ấy đưa ra một lý tưởng đặc biệt cho họ noi theo, đó là lý tưởng về bốn phận thiêng liêng, hay thiên trách (dharma) của con người. Họ cho rằng mỗi người sinh ra trong những giai cấp khác nhau tùy theo nghiệp quả của họ. Dầu y sinh ra trong bất cứ hoàn cảnh nào, bốn phận của y là phải thi hành thiên trách của giai cấp y, và muốn vượt lên một giai cấp trên, y phải có tài năng và đức hạnh phi thường đến nỗi điều này hầu như không bao giờ có. Họ tuân theo pháp luật và trật tự, không bao giờ bất mãn vì hoàn cảnh hiện tại, mà còn được dạy rằng muốn đạt tới Thượng Đế, người ta phải tận dụng và khai thác triệt để số phận và hoàn cảnh hiện tại của mình. Nếu làm được như thế, thì số phận của họ sẽ tốt lành và khả quan hơn từ kiếp này sang kiếp khác. Tuy nhiên, họ chủ trương cõi thiên đàng luôn luôn mở rộng cho mọi người bất cứ giai cấp nào, nếu y sống một cuộc đời ngay chánh, không tìm cách cải thiện hoàn cảnh hiện tại bằng những cuộc tranh đấu, mà chỉ lo làm tròn thiên trách của mình ở bất cứ ở hoàn cảnh nào y sanh ra, do ý muốn của Thượng Đế.

Đối với những tâm hồn sùng tín, thì điều đó dường như quá máy móc và khô khan, nhưng sự thật thì có lẽ đúng vậy. Nhưng khi cung sùng tín bắt đầu gieo ảnh hưởng trên thế gian, sẽ có một sự thay đổi lớn, và sự tôn sùng thần Vishnou, tức là ngôi hai của Thượng Đế, chuyển kiếp làm đức Shri Krishna, liền xuất hiện rõ rệt. Khi đó, lòng sùng tín phát triển rất mạnh, đến một mức quá cực đoan, đến nỗi nó trở nên như một con ngựa ngất say sưa tôn giáo. Trong số những tín đồ tôn thờ thần Vishnu ở Ấn Độ vào thời đó, thì lòng sùng tín còn dồi dào mạnh mẽ hơn là những tín đồ Cơ Đốc, là những người mà ai cũng biết tôn giáo của họ thiên hẳn về con đường sùng tín. Họ có những cảm xúc mãnh liệt, đến nỗi sự biểu lộ lòng tôn sùng của họ làm cho chúng tôi là những người thuộc về một chủng tộc lạnh lùng hơn về đường tình cảm, phải lấy làm khó chịu. Tôi đã từng thấy những nhà kinh doanh thương mại, lúc thường thì họ rất là khắc nghiệt và tính toán, nhưng lúc họ lao mình vào những con say sưa tôn giáo, nó làm cho họ tuôn hai hàng lệ, khóc một cách ngây ngất và hoàn toàn thay đổi thái độ khi họ chỉ vừa nghe nhắc đến tên Shri Krishna. Lòng tôn sùng của người phương tây đối với đức Jesus, cũng giống như lòng tôn sùng của người Ấn Độ đối với đức Krishna vậy.

Lòng sùng tín cũng được biểu lộ trong Phật giáo. Người Phật tử ở Miến Điện tôn thờ Phật Thích Ca như một đấng Thượng Đế. Trong quyển «Phật Giáo Cương

Yếu» của đại tá Olcott, có nêu ra câu hỏi: «Phải chăng đức Phật là một Đấng thần minh?» và câu trả lời là: «Không, Phật không phải là một Vị thần minh, mà là một người như chúng ta, nhưng tiến hóa hơn nhiều.»

Câu trả lời đó được hoàn toàn nhìn nhận là đúng ở Tích Lan và Thái Lan, nhưng còn ở Miến Điện, người tín đồ Phật giáo phản đối hình thức tiêu cực của câu trả lời đó, và họ nói: «Phật còn lớn hơn bất cứ một Đấng thần minh nào mà chúng ta được biết.»

Như thế chúng ta thấy ở Miến Điện lòng sùng tín đã được biểu lộ trong Phật giáo. Ở Tích Lan, nơi mà dân chúng phần nhiều là con cháu của những người Ấn Độ di cư sang đó từ lâu, khi bạn hỏi họ tại sao họ dâng hoa quả cúng Phật, thì họ trả lời rằng đó là do sự biết ơn của họ đối với Ngài. Nếu chúng ta hỏi họ có nghĩ rằng Phật sẽ chứng giám cho lòng thành của họ chẳng thì họ nói: «Không bao giờ! Ngài đã đi rất xa và nhập vào đại niết bàn. Chúng tôi không trông mong Ngài sẽ chứng giám cho lòng thành của chúng tôi, nhưng vì nhờ Ngài dạy dỗ cho chúng tôi biết Phật Pháp, nên chúng tôi dâng hoa để bày tỏ lòng biết ơn Ngài.»

Như vậy, trào lưu sùng tín đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế gian từ khi đức Krishna xuất hiện vào 2400 năm nay, nhưng bây giờ thời kỳ ảnh hưởng đặc biệt của cung 6 đã qua, nhường chỗ cho ảnh hưởng của cung sắp tới tức là cung 7. Hiện nay vẫn

còn nhiều điều mê tín trong giới bình dân ở những nước thuộc chủng tộc Aryen, nhưng còn giới thượng lưu trí thức, họ không cảm thấy có lòng tôn sùng, nếu họ không có sự hiểu biết ít nhiều về mục đích của nó.

CUNG NGHI THỨC

Cung đang thịnh hành trong thời hiện tại, là cung thuộc về nghi thức hay nghi lễ. Nghi thức vẫn có từ thời trung cổ nhưng phần chính là do ảnh hưởng tiêu chi thứ 7 của cung 6, còn nghi thức trong thời kỳ này là do ảnh hưởng tiêu chi thứ nhất của cung thứ 7. Như thế, những nghi lễ này không liên quan đến vấn đề sùng tín, mà phải được xét về khía cạnh hữu ích của nó đối với các cấp đẳng thiên thần.

Trong các tôn giáo hiện đại, nghi lễ càng ngày càng đóng một vai trò quan trọng. Vào khoảng giữa thế kỷ vừa qua, các nhà thờ và thánh đường Cơ Đốc giáo ở Anh quốc sinh hoạt rất kém. Trong những nhà thờ trung bình, ở những vùng tỉnh lỵ không bao giờ có sự trình bày đẹp mắt và trang trí mỹ thuật; sự bày biện bên trong rất sơ sài, thiếu sự chăm nom và săn sóc chu đáo. Người ta không bao giờ chú ý đến việc cần phải làm cho mọi sự được tốt đẹp, mỹ lệ, trang nghiêm, cho được xứng đáng nơi tôn thờ Chúa Trời. Người ta chỉ chú trọng đến việc giảng đạo hơn cả mọi việc khác. Ngày nay, các nơi nhà thờ và thánh đường ở Anh quốc hoàn toàn khác hẳn, người ta nhận thấy có một sự thay

đôi lớn lao. Sự cầu thả khi xưa đã được thay thế bằng sự tôn kính, các nhà thờ đều trang hoàng lộng lẫy đẹp mắt, và trong các thánh đường những cuộc hành lễ đều diễn ra một cách đứng đắn và tôn nghiêm. Toàn thể quan niệm về công việc của hội thánh đều thay đổi hẳn.

Ảnh hưởng của sự thay đổi này cũng đã bắt đầu biểu lộ trên những phương diện khác nữa. Tôi còn nhớ dưới triều đại của nữ hoàng Victoria, người ta ít khi thấy có những cuộc nghi lễ rục rĩ và biểu diễn rần rộ ngoài các đường phố Luân Đôn. Những nghi lễ này được phục hưng vào khoảng cuối triều đại của nữ hoàng, và vua Edward VII đã phục hồi các nghi lễ trở lại huy hoàng lộng lẫy của nó như xưa. Ngày nay, nhiều người đã bắt đầu nhận thấy ảnh hưởng của cung 7; họ muốn chứng kiến và có lẽ tham dự vào những cuộc nghi lễ tế tự mà trước kia họ chưa từng làm.



CHƯƠNG 13

BA NGÔI VÀ NHỮNG HÌNH TAM GIÁC

BA NGÔI CỦA THƯỢNG ĐẾ

Chúng ta nên biết vị chúa tể của thái dương hệ chúng ta là Đấng thiêng liêng mà người ta gọi Ngài là Thượng Đế – là một Đấng cao cả gồm 3 phương diện thần bí gọi là Ba Ngôi.

Quan niệm về ba ngôi vẫn có trong các tôn giáo, và được gọi bằng những danh từ khác nhau, nhưng không phải luôn luôn được hiểu rõ cùng một cách giống nhau, vì nó gồm nhiều phương diện đến nỗi không có một tôn giáo nào đã diễn tả được bằng biểu tượng một cách hoàn hảo toàn thể chân lý đó.

Trong vài tôn giáo, quan niệm ba ngôi gồm có Thánh Cha, Thánh Mẫu và Thánh Con, ít nhất quan niệm này cũng làm cho chúng ta có thể hiểu được khi chúng ta nghĩ đến phương pháp sinh hóa và liên đới trong muôn loài. Quan niệm này được tôn giáo Ai Cập gọi là Osiris, Isis và Horus. Người Assyrians và Phoenicians gọi ba ngôi là Anu, Ea và Bel. Phật giáo Đại Thừa gọi đó là A Di Đà, Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Đạo Hỏa giáo (Zoroastrianisme) gọi là Ahura-mazda, Mithra, và Ahriman. Quan niệm ba ngôi được

nhìn nhận trong tất cả mọi tôn giáo, mặc dầu sự biểu lộ của ba ngôi được trình bày khác nhau.

Trong Ấn Độ giáo, có ba ngôi là Shiva, Vishnu và Brahma. Trong ba ngôi đó không nói đến phương diện mẫu nghi, nhưng phương diện này được nhìn nhận gián tiếp, vì tất cả ba ngôi đều có một năng lực gọi là Shakti, mà đôi khi trong khoa biểu tượng thần thoại của Ấn giáo, người ta gọi đó là những vị «phu nhân» của các ngôi (Consort). Năng lực này dĩ nhiên là biểu lộ quyền năng của Ngài trong cõi vật chất, có lẽ sự biểu lộ ở cõi thấp hơn cõi mà chúng ta cho rằng thuộc về ba ngôi của Thượng Đế. Trong Thiên Chúa giáo, ba ngôi là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; có một điều lý thú đáng ghi là trong một vài thánh kinh cổ có nói Chúa Thánh Thần thuộc về nữ tính (tức phương diện mẫu nghi).

ĐỨC MẸ THẾ GIAN

Ngoài ra, phương diện mẫu nghi của Thượng Đế được biểu lộ trong Thiên Chúa giáo dưới hình thức đức Mẹ Đồng Trinh. Mặc dầu đức Mẹ không phải một trong ba ngôi, nhưng Ngài là đức Thánh Mẫu của vũ trụ, Nữ Vương của các đấng thiên thần, ngôi sao của biển cả.

Những sinh viên huyền môn nên biết, có một ngành hoạt động thuộc về công việc của đức Mẹ, ngành này có vai trò quan trọng trong thiên cơ. Cũng như đức Bàn Cổ đứng đầu cơ quan coi sóc sự tiến hóa

về phần hình thể của những chủng chi, như đức Bồ Tát cai quản cơ quan khác trông nom về mặt tôn giáo và giáo dục, Đấng cao cả trông coi về công việc của đức Mẹ tức là đức Mẹ thế gian, tiếng Phạn gọi Jagat Amba. Cũng như đức Vaivasvata hiện nay đảm nhiệm công việc của đức Bàn Cổ, và đức Di Lạc Maitreya lãnh phần trách nhiệm của đức Chương Giáo, thì đấng đại Thiên Thần trước kia đã từng là mẹ của đức Jesus, hiện nay đảm nhiệm công việc đức Mẹ thế gian.

Công việc của cơ quan này đặc biệt trông nom, săn sóc những phụ nữ làm mẹ trên thế gian. Về phương diện huyền bí, sứ mạng cao cả của người phụ nữ không phải là trở nên một nhà lãnh tụ ở ngoài đời, hoặc chiếm những cấp bằng lớn về khoa cử và sống riêng biệt trong tháp ngà, nhưng là để tạo nên những thể xác cho những linh hồn sẽ đầu thai xuống trần. Vậy phụ nữ không nên coi sứ mạng này như là một việc xấu hổ nên che đậy giấu giếm và không nên bàn tới. Trái lại đó là sự vinh diệu lớn nhất của một kiếp làm đàn bà, một cơ hội lớn lao mà chỉ đàn bà mới có và đàn ông không có. Những người bên nam giới có những cơ hội và vai trò khác, nhưng cái vinh diệu huy hoàng của người làm mẹ không phải là của họ. Chính bên nữ giới mới làm công việc to tát này để giúp đỡ thế gian trong việc duy trì nòi giống, và họ làm công việc này với một sự hy sinh, đau đớn mà những người bên nam giới chúng ta không bao giờ được biết đến.

Với lý do đó, – vì phần việc lớn lao phải làm là sự đau đớn mà nữ giới phải gánh vác – mới có một cơ quan đặc biệt của Quân Tiên Hội trên địa cầu, mà trách nhiệm của Đấng cao cả trông coi cơ quan ấy là trợ giúp cho mỗi người đàn bà khi sinh sản đau đớn, và đưa đến cho họ sự giúp đỡ và sức mạnh tùy theo nghiệp quả riêng của họ. Như chúng tôi đã nói, đức Mẹ thế gian có dưới tay của Ngài rất đông những vị thiên thần để sử dụng, mỗi khi có đứa trẻ mới sinh, luôn luôn có một vị thiên thần được gọi đến thay mặt cho Ngài để trông nom săn sóc cho người mẹ vừa lâm bồn.

Mỗi cuộc Hiệp Lễ (Eucharist), có một vị Hiện Diện Thiên Thần (Angel of the Presence) có mặt tại chỗ. Thật ra, vị thiên thần này là một hình tư tưởng của đấng Christ, mà Ngài dùng để chấp thuận và chuẩn y hành động thánh hóa của vị giáo sĩ hay linh mục đang hành lễ. Như vậy, mặc dầu đấng Christ vốn độc nhất và không thể phân chia, nhưng Ngài có thể cùng một lúc hiện diện khắp nơi ở hàng ngàn thánh đường và nhà thờ.

Cũng thế, nhưng ở một mức độ thấp hơn, đức Mẹ thế gian cũng có mặt, và xuyên qua vị thiên thần đại diện của Ngài, ở bên cạnh giường mỗi người mẹ sanh sản. Nhiều người mẹ sanh con đã từng thấy Ngài như vậy, và nhiều người khác tuy không có hân hạnh được thấy Ngài, nhưng cũng cảm giác được giúp đỡ và sức mạnh của Ngài ban rải cho họ.

Đức Mẹ luôn luôn muốn mỗi người phụ nữ lúc lâm bồn nên chọn một nơi sanh trong lành và tốt đẹp. Ngài muốn họ nên có một tình thương sâu đậm và chơn thật, cùng những tư tưởng thánh thiện, cao quý, để khi sanh sản họ có được những ảnh hưởng và ân huệ thanh cao xuống cho hài nhi, như thế đứa trẻ được sinh ra trong một hoàn cảnh thuận lợi cho việc bắt đầu một cuộc đời mới. Nó phải được sinh ra trong bầu không khí đầy từ điển trong sạch, tinh khiết và tốt đẹp nhứt, và người mẹ cần phải giữ gìn cho thể xác được sạch sẽ, đúng phép vệ sinh trong từng chi tiết nhỏ nhất. Như vậy, đứa trẻ mới sinh có một xác thân tốt đẹp, lành mạnh, được dùng làm khí cụ cho một linh hồn tiến hóa.

Vấn đề tạo nên những thể xác thích nghi cho những linh hồn đã tiến hóa cao đâu thai xuống trần, là một vấn đề khó khăn, gây thắc mắc không ít cho đức Mẹ thế gian và những vị thiên thần phụ tá Ngài. Hàng ngàn linh hồn tiến hóa hiện đang sẵn sàng chờ đâu thai và rất mong muốn đâu thai xuống trần để giúp đỡ trong công việc của đức Chương Giáo nhưng họ gặp khó khăn rất lớn là làm sao tìm được những thể xác thích nghi.

Do quan niệm sai lầm và ích kỷ càng ngày càng bành trướng ở phương tây, người ta nghĩ rằng ngày nay nam nữ không có đủ phương tiện vật chất để đến hôn nhân, và tạo nên một gia đình đông con là một gánh nặng quá sức cho họ. Vì họ không hiểu sứ mạng

thiên liêng của nữ giới khi họ được sinh ra làm đàn bà, nên nhiều phụ nữ ngày nay muốn được tự do, khỏi sự ràng buộc gia đình để bắt chước sống và hành động theo nam giới thay vì nhận lãnh lấy vai trò tốt đẹp của họ. Một khuynh hướng tư tưởng và hành động như thế dĩ nhiên rất tai hại cho tương lai của giống nòi, vì nếu theo đường lối đó, phần nhiều những cặp vợ chồng thuộc về hạng tiến hóa lại không tham gia trong việc duy trì nòi giống nữa, mà lại hoàn toàn giao trách nhiệm đó cho những linh hồn thuộc về hạng bất hảo và chưa tiến hóa.

Ở Ấn Độ hoàn cảnh khác hẳn, vì người nam hay nữ đến tuổi trưởng thành đều phải lập gia đình. Dầu họ là người giai cấp cao, họ vẫn thường thiếu sự chăm nom săn sóc chu đáo, do đó họ không thể tạo nên những điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất những đứa trẻ với những cơ thể trong sạch và lành mạnh. Đó là một vấn đề rất nghiêm trọng, mà người học đạo nên để tâm nghiên cứu, và dùng hết khả năng của mình để đem đến một tình trạng khả quan hơn.

Thật là một điều rất quý, nếu phụ nữ các nước trên thế giới có thể đoàn kết lại để truyền bá cho nhau những sự hiểu biết và tài liệu xác đáng về vấn đề tối ư quan trọng này. Mỗi phụ nữ nên nhận thức rằng những cơ hội vô cùng tốt đẹp mà một kiếp đầu thai làm đàn bà đem đến cho họ. Mỗi phụ nữ cần được chỉ dạy về những điều kiện tuyệt đối cần thiết mà họ phải noi theo: trước khi, trong khi và sau khi mang thai.

Không những thế xác đưa hài nhi phải được giữ gìn và chăm nom săn sóc một cách hoàn toàn kỹ lưỡng, mà nó còn phải được bao bọc trong một bầu không khí trong lành đượm nhuần tình thương yêu, hạnh phúc và thánh thiện. Bằng cách đó, công việc của đức Mẹ thế gian sẽ được dễ dàng hơn gấp bội và tương lai của giống nòi cũng sẽ được bảo đảm.

Có nhiều người hỏi rằng những vị Chon Tiên có khoác lấy một thể xác nữ giới không? Sự hiện diện của đức Mẹ thế gian là một câu trả lời cho câu hỏi đó. *Nhờ bởi đức tinh khiết hoàn toàn và nhiều đức tính cao cả khác nữa, mà Ngài được chọn làm người mẹ sinh ra thể xác của vị đệ tử Jesus ở Palestine thuở xưa. Và cũng nhờ bởi Ngài đã chịu đựng, với một đức kiên nhẫn cao quý vô song, tất cả những sự đau khổ lớn lao nó xảy đến cho Ngài do hậu quả của vai trò đó, mà Ngài đã được quả vị Chon Tiên cùng trong một kiếp ấy.* Sau khi đắc quả vị này, với 7 con đường tiến hóa siêu nhân loại mở rộng trước mặt, Ngài đã chọn con đường tiến hóa huy hoàng huyền diệu của các thiên thần, và được thâm nhận vào con đường ấy với một vinh dự rất lớn.

Đó là sự thật ẩn tàng phía sau giả thuyết Thánh Mẫu thăng thiên (Assumption) của Thiên Chúa giáo. Thật ra không phải đức Mẹ được đưa lên trời giữa các đấng thiên thần trong thể xác của Ngài, nhưng khi đức Mẹ rời khỏi xác thân, thì Ngài liền an vị giữa các hàng thiên thần. Vì Ngài được giao phó công việc đức Mẹ của thế gian, do đó Ngài trở nên một vị Nữ Vương của

các thiên thần, như hội thánh đã nói một cách thi vị. Một vị đại Thiên Thần không cần dùng một thể xác, nhưng khi đức Mẹ giữ trách vụ hiện tại, thì Ngài luôn luôn xuất hiện trong hình thể của phái nữ, cũng như những vị Chon Tiên đã tình nguyện giúp đỡ trong công việc của đức Mẹ.

Trải qua hàng bao thế kỷ, có biết bao nhiêu người nam lẫn nữ, đã dâng tấm lòng tôn sùng thờ kính quý dưới chân Ngài, và chắc chắn là không có một mãnh lực nào của lòng sùng tín đó đã bị lãng phí hay đi sai đường. Vì đức Mẹ, tình thương của Ngài đối với nhân loại đã gọi lên tấm lòng sùng tín ấy, vẫn luôn luôn tận dụng mãnh lực của nó vào công việc khó nhọc của Ngài. Mặc dầu người đời không hay biết chi cả, họ đã dâng cho cả kho tàng sùng mộ kính yêu lên tận dưới chân đức Mẹ, không phải vì Ngài đã sinh ra đức Jesus, mà vì ngày nay Ngài là đức Mẹ của tất cả muôn loài.

Quan niệm về đức Mẹ không phải chỉ có trong Thiên Chúa giáo mà ở Ấn Độ, Ngài được gọi là Jagat-Amba, ở Trung Hoa, người ta gọi Ngài là đức Quan Âm, tức đức Mẹ hằng cứu giúp, Ngài chính là đại diện, là kiều mẫu và tinh hoa của tình bác ái, lòng sùng tín và sự tinh khiết. Ngài cũng là hiện thân của sự minh triết thiêng liêng, nhưng trên hết tất cả mọi sự, thì đức Mẹ tức là Đấng an ủi, cứu khổ phò nguy và giúp đỡ cho tất cả những người bị lâm vào cảnh đau khổ, buồn rầu, đói lạnh, bệnh tật, và bị mọi nỗi khổ đau của nghịch cảnh.

BA NGÔI VÀ HÌNH TAM GIÁC

Cũng như Thượng Đế có ba ngôi, thì tổ chức Quần Tiên Hội cai quản quả địa cầu cũng gồm có ba ngành hoạt động lớn, đặt dưới sự quản trị của ba Đấng cao cả. Ba Đấng ấy không phải chỉ phản ảnh ba ngôi của Thượng Đế, mà còn là biểu hiện thực sự ba ngôi vậy. Đó là đức Ngọc Đế, đức Phật và đức Văn Minh Đại Đế, các Ngài đã đạt đến mức điểm đạo cao tột, nó đem cho các Ngài một ý thức hoàn toàn về các cõi giới siêu đẳng, ngoài vòng sân trường tiến hóa của nhân loại, nơi ngự trị của đức Thượng Đế đã biểu lộ ở thế gian.

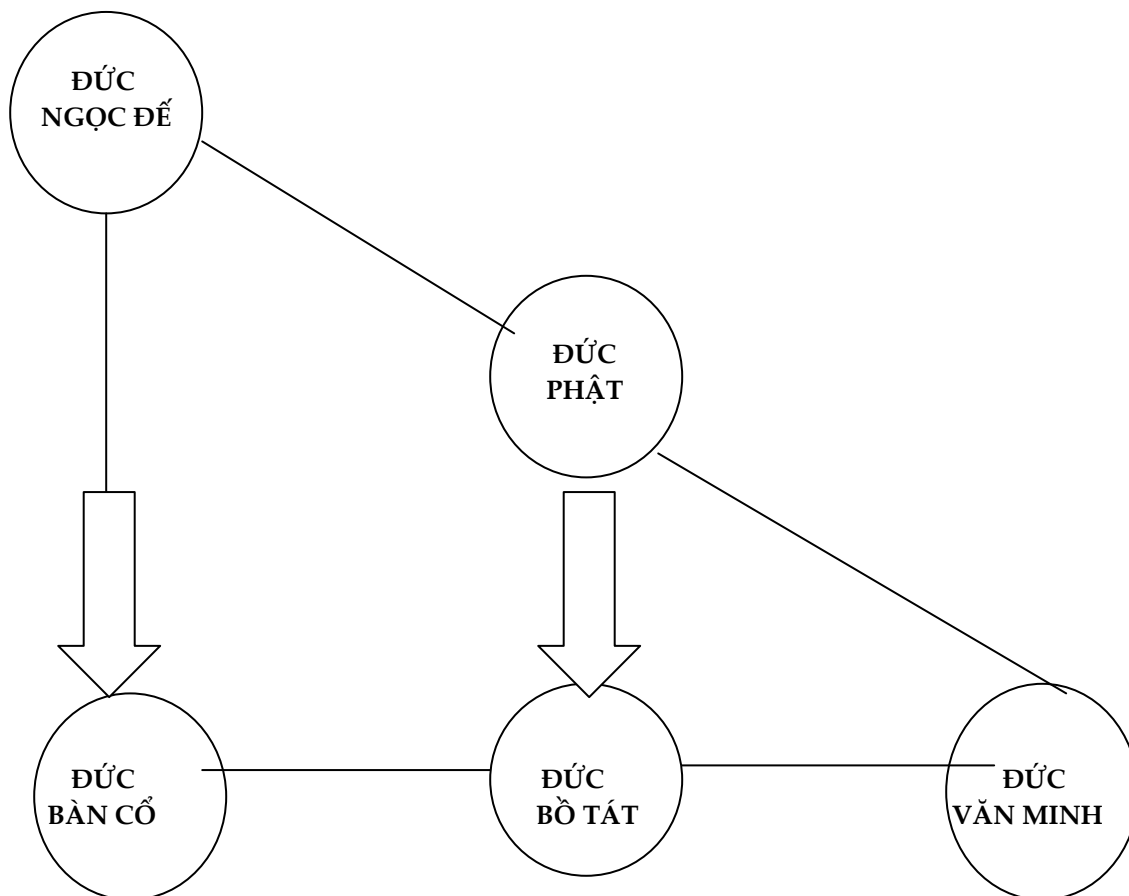
Đức Ngọc Đế hợp nhứt với ngôi 1 trên cõi tối đại niết bàn là cõi cao nhứt trong 7 cõi, và chủ trị ý chí thiêng liêng trên quả địa cầu. Đức Phật hợp nhứt với ngôi 2, vốn ngự trị ở cõi đại niết bàn, và giúp nguồn minh triết thiêng liêng cho nhân loại. Đức Văn Minh Đại Đế hợp nhứt với ngôi 3, ngự trị trên cõi niết bàn và với tư cách đại diện Thánh Thần, Ngài cai quản mọi sự hoạt động thiêng liêng. Ngài cũng ví như cánh tay của Thượng Đế vươn ra ngoài thế gian để thi hành công việc của Đấng chí tôn.

Bản lược đồ dưới đây sẽ giúp chúng ta hiểu rõ điều này:

Thượng Đế	Quyền năng	Cõi giới	Ba Đấng trong tam giác	Cung
Ngôi 1	Ý chí	Tối đại niết bàn	Đức Ngọc Đế	1
Ngôi 2	Minh triết	Đại niết bàn	Đức Phật	2
Ngôi 3	Hoạt động	Niết bàn	Đức Văn Minh Đại Đế	3 - 7

Hai Đấng cao cả thứ nhất và thứ nhì trong tam giác khác hẳn với Đấng thứ ba, vì công việc của hai Đấng ấy thuộc về cõi trên chớ không có xuống tới cõi trần. Tuy nhiên, nếu không có công việc cao siêu của các Ngài, thì những công việc khác thuộc về những cõi giới thấp hơn sẽ không thể thực hiện được. Các Ngài ban rải ảnh hưởng xuống tận cõi hồng trần xuyên qua những vị đại diện của các Ngài, là đức Bàn Cổ Vaivasvata và đức Di Lạc Bồ Tát.

Hai Vị sau này cùng đồng cấp đẳng với đức Văn Minh Đại Đế trên những cung riêng biệt của các Ngài. Cả ba Vị gồm thành một hình tam giác khác nữa. Chúng ta có thể diễn tả hai tam giác này trong bản lược đồ dưới đây:



Trọn hết thời kỳ một giống dân, đức Bàn Cổ trông nom từng chi tiết cuộc tiến hóa của nó, đức Bồ Tát, với tư cách là đức Chương Giáo, trông coi về phần giáo dục và tôn giáo, giúp đỡ những người trong giống dân đó phát triển phần tâm linh đến một mức, tùy theo trình độ của họ. Đức Văn Minh dìu dắt phần trí tuệ để cho mọi hình thức văn minh và khai hóa có thể phát triển tùy theo từng chu kỳ. Ba Đấng cao cả nói trên cũng ví như bộ óc, quả tim và bàn tay có năm ngón, tất cả đều hoạt động để dìu dắt nòi giống nhân loại tiến hóa cho phù hợp với thiên cơ.

Trước kia chưa bao giờ có thông lệ giao chức vụ của đức Văn Minh Đại Đế hiện nay cho một Đấng cao

cả nhứt định nào thuộc về đẳng cấp đó. Thường thì mỗi vị trong năm vị Đế Quân (Chohan) thay phiên nhau được chỉ định điều khiển tất cả năm cung, mặc dầu trước khi đảm nhiệm chức vụ đó, Ngài bắt buộc phải trải qua cuộc điếm đạo của đức Văn Minh Đại Đế, tức là phải có 7 lần điếm đạo. Tuy nhiên, hiện nay có một vị Đế Quân đứng đầu mỗi cung, và ngoài ra còn có một đức Văn Minh đứng biệt lập với các Ngài.

Trong năm cung cuối cùng từ cung 3 đến cung 7 thì cuộc điếm đạo cao nhứt mà con người có thể đạt tới trên quả địa cầu của chúng ta hiện nay là quả vị của đức Văn Minh Đại Đế (Mahachohan), tức là 7 lần điếm đạo. Nhưng người ta có thể tiến xa hơn nữa trên cung 1 và cung 2. Quả vị Phật (8 lần điếm đạo) có thể đạt được ở cung 1 và cung 2 và vị Chơn Tiên còn có thể tiến lên nữa ở cung 1 với quả vị đức Ngọc Đế (9 lần điếm đạo). Xin xem bản lược đồ dưới đây về những quả vị và các cung.



NHỮNG QUẢ VỊ VÀ CÁC CUNG

Quả vị	Cung 1	Cung 2	Cung 3 đến cung 7
9 lần điểm đạo	Đức Ngọc Đế		
8 lần điểm đạo	Độc Giác Phật	Phật	
7 lần điểm đạo	Bàn Cô	Bồ Tát	Văn Minh Đại Đế
6 lần điểm đạo	Đế Quân	Đế Quân	5 vị Đế Quân ... (một vị ở mỗi cung)
1 đến 5 lần điểm đạo ...			

Để tránh hiểu lầm trong tổ chức nói trên hình như có sự bất công, ta nên biết người hành giả có thể đạt tới trạng thái niết bàn đồng đều như nhau, đâu họ thuộc về cung nào. Bất cứ người nào đắc quả vị Chơn Tiên (Asekha) đều đương nhiên bước vào trạng thái cực lạc đó trong một thời gian, nó dường như là cả một thời kỳ vô tận đối với chúng ta. Nhưng vị Chơn Tiên chỉ bước vào giai đoạn đầu của trạng thái đó mà thôi, và

mặc dầu nó vô cùng phức tạp ngoài vòng hiểu biết của chúng ta, nhưng nó vẫn còn kém xa những cấp cao siêu hơn của vị Đế Quân và Văn Minh. Đồng thời trạng thái phức tạp của những vị này cũng hãy còn chưa thấm vào đâu đối với sự huy hoàng huyền diệu của những cảnh giới Niết bàn mà những Đấng cao cả đã đạt tới với những nỗ lực công phu phi thường để chứng những quả vị cao siêu hơn nữa trên những cung 1 và 2. Trên năm cung cuối cùng, sự tiến hóa lên những trình độ cao siêu hơn nữa cũng có thể thực hiện được đối với những vị nào theo đuổi những đường hoạt động khác, ngoài vòng Quần Tiên Hội.

ĐỔI CUNG

Bằng cách dùng ý chí mạnh mẽ và cương quyết, người sinh viên huyền môn có thể thay đổi cung của mình tùy theo ý muốn, như thế tất cả mọi đường tiến hóa đều mở rộng cửa giống như nhau trước mặt y. Chúng ta được biết cả hai vị Chơn Sư có sự liên lạc mật thiết với Hội Thông Thiên Học, đều dùng cách đó, và những người nào muốn giữ sự liên lạc cá nhân với các Ngài đều, hoặc vô tình hay hữu ý, họ đang thay đổi cung của mình.

Phương pháp đổi cung cũng khá giản dị về mặt lý thuyết, mặc dầu thường thì nó rất khó thực hành. Nếu một sinh viên cung 6 hay cung sùng tín, muốn đổi qua cung 2, tức cung minh triết, trước hết y phải cố gắng

đặt mình dưới ảnh hưởng của tiêu chí thứ hai của cung 6. Kế đó, y luôn luôn cố gắng tăng gia ảnh hưởng của tiêu chí đó vào đời sống hằng ngày, cho đến khi nó trở nên mạnh mẽ và trội nhất. Như thế thay vì thuộc tiêu chí thứ hai của cung thứ 6, y sẽ đổi qua tiêu chí thứ 6 của cung thứ 2. Nói tóm lại, y đã điều hòa lòng sùng tín của y bằng sự tăng gia kiến thức cho đến khi nó trở nên nhiệt thành đối với nền minh triết thiêng liêng. Sau đó, y có thể, nếu y muốn, đổi qua một tiêu chí khác nữa của cung 2 bằng sự cố gắng công phu liên tục không ngừng.

Trường hợp đổi cung này, dĩ nhiên là thoát ra ngoài thông lệ, vì một Chơn Thần xuất hiện xuyên qua một đấng đại Tinh Quân lại trở về nguồn cội xuyên qua một đấng khác. Những sự đổi cung tương đối rất hiếm, và có khuynh hướng điều hòa lẫn nhau một cách mỹ mãn. Người ta thường đổi cung mình để thuyên chuyển qua cung 1 và cung 2, và ít có người trên hai cung này ở vào những trình độ tiến hóa thấp kém.

SỰ HỢP NHÚT HOÀN TOÀN

Sự hợp nhứt vô cùng huyền diệu giữa những Đấng cao cả trong các tam giác kể trên với Thượng Đế, có thể được diễn hình bằng trường hợp của đức Bồ Tát. Chúng ta đã thấy sự hợp nhứt giữa Chơn Sư với đệ tử là một sợi dây liên lạc rất mật thiết hơn bất cứ một thứ tình cảm nào của thế gian. Càng mật thiết hơn

nữa, vì ở trên một trình độ cao, như sự hợp nhất giữa Chon Sur Kuthumi và sự phụ Ngài là đức Chon Sur Dhruva, Vị này cũng là đệ tử của đức Di Lạc Bồ Tát, hồi thuở đức Di Lạc còn thân nhận đệ tử. Do đó đức Kuthumi cũng trở nên hợp nhất với đức Di Lạc, ở mức độ cao siêu của các Ngài sự hợp nhất đó càng thâm sâu và huyền diệu vô cùng.

Các Đấng cao cả vượt khỏi chúng ta quá xa đến nỗi chúng ta không thể phân biệt được sự khác nhau giữa các Ngài ở những đẳng cấp trên và dưới như thế nào. Tất cả các Ngài là những ngôi sao sáng ở trên đầu chúng ta, tuy thế, các Ngài tự coi như những hạt bụi dưới chân của đức Di Lạc Bồ Tát. Hẳn là phải có một sự sai biệt lớn lao giữa các Ngài, mặc dầu chúng ta không làm sao thấy điều đó. Chúng ta ngẩng mặt nhìn lên những ngọn núi cao chót vót đó, và tất cả đều làm chúng ta chóa mắt với sự lộng lẫy huy hoàng của các Ngài, chúng ta không thể thấy Vị nào là cao hơn Vị nào, trừ khi chúng ta có thể thấy sự khác biệt đó do nơi hào quang của các Ngài lớn hay nhỏ. Nhưng ít nhất chúng ta có thể hiểu sự hợp nhất giữa đức Chon Sur Kuthumi và đức Di Lạc phải là một sự liên lạc mật thiết và huyền diệu hơn tất cả bất cứ việc gì ở các cõi hạ giới.

Càng huyền diệu hơn nữa là sự hợp nhất giữa đức Di Lạc với ngôi hai của Thượng Đế mà Ngài là đại diện. Chính Ngài đảm nhiệm chức vụ đại diện cho ngôi hai trên thế gian, vì đức Bồ Tát, ở phương tây

người ta gọi là đấng Christ, là sự minh triết thiêng liêng, biểu lộ tính chất của ngôi hai.



CHƯƠNG 14

MINH TRIẾT TRONG BA NGÔI

ĐỨC PHẬT

Đức Phật của thời đại này là Phật Thích Ca, hiệu là Cồ Đàm (Gautama), Ngài chuyển kiếp lần cuối cùng tại Ấn Độ cách đây độ 2.500 năm. Kiếp đó cũng là kiếp cuối cùng chấm dứt một loạt nhiều kiếp ở quả vị Bồ Tát, sau đó Ngài nổi nghiệp cho vị Phật quá khứ là Phật Kasyapa ở chức vụ chương quản cung thứ hai trong Quần Tiên Hội trên địa cầu.

Trong chu kỳ của một bầu thế giới, có 7 vị Phật nối tiếp nhau xuất hiện, mỗi vị Phật dìu dắt cho một giống dân, và thay phiên nhau đảm nhiệm công việc đặc biệt của cung hai cho toàn thế giới. Trong chức vụ đó; Ngài coi sóc phần việc các cõi trên, và giao phó cho vị phụ tá và đại diện của Ngài là đức Bồ Tát, trách nhiệm của vị Chương Giáo ở các cõi hạ giới. Đối với Đấng cao cả đã đạt tới quả vị đó, các bậc đạo gia đông phương cho rằng không có sự ca tụng nào là quá cao, không có sự tôn sùng nào là quá lớn; cũng như chúng ta nhìn thấy các Chơn Sư là cao cả, thiêng liêng về mọi mặt, thì các Ngài cũng nhìn đức Phật với một sự sùng kính, thiêng liêng càng lớn lao hơn nữa. *Đức Phật hiện thời là người đầu tiên trong hàng ngũ nhân loại đã đạt tới quả vị cao tột đó*, còn những vị Phật quá khứ là sản phẩm của những chu kỳ tiến hóa khác hơn chúng ta.

Ngài đã từng công phu cố gắng đặc biệt để tự chuẩn bị đảm nhiệm lấy trách vụ cao cả của quả vị Phật, một cố gắng công phu phi phàm mà người Phật tử luôn luôn nhắc nhở và gọi là một «đại hy sinh.»

Nhiều ngàn năm về trước, có một thời gian nhân loại cần dùng một vị Chơn Tiên để làm đức Chưởng Giáo cho giống dân thứ tư; và đến lúc nhân loại phải tự mình sản xuất lấy những vị Phật của mình. Từ trước cho đến khoảng giữa cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy hành tinh thứ tư, ở ngay điểm chính giữa hệ thống tiến hóa của chúng ta hiện nay, những Đấng cao cả mà nhân loại cần dùng chẳng hạn như các đức Bàn Cổ, đức Chưởng Giáo và những vị khác nữa, đều được cung cấp cho chúng ta do những nhân loại tiến hóa hơn trên những dãy hành tinh khác, họ tiến bộ nhiều hơn và có lẽ cổ xưa hơn chúng ta. Về phần nhân loại chúng ta trong tương lai cũng sẽ có hân hạnh dìu dắt và giúp đỡ cho những hệ thống tiến hóa còn lạc hậu và kém hơn chúng ta hiện nay.

Tình huynh đệ thật sự giữa tất cả mọi loài sinh vật được chứng minh bằng cách đó, và chúng ta thấy đó không phải chỉ là một tình huynh đệ đại đồng trong nhân loại mà thôi, thậm chí ngay cả dãy hành tinh hiện tại, mà tất cả các dãy hành tinh trong thái dương hệ đều tương trợ lẫn nhau. Tôi không có bằng chứng trực tiếp để chứng minh rằng những thái dương hệ cũng trợ giúp lẫn cho nhau bằng cách đó, nhưng tôi có thể dùng thí dụ trên để tin tưởng gần như chắc chắn rằng

việc đó cũng xảy ra giống y như vậy. Ít nhất chính tôi đã thấy những Đấng cao cả từ những hành tinh khác đến viếng địa cầu của chúng ta và nhận thấy các Ngài không phải đi ngao du để tiêu khiển mà chắc chắn là có mục đích tốt đẹp nào đó. Mục đích của các Ngài như thế nào thì tôi không được biết, nhưng đó không phải là việc của tôi dự bàn.

Vào thời quá khứ xa xăm tôi đã nói ở trên, nhân loại phải tự lực cung cấp lấy những vị Giáo Chủ cho họ, nhưng lúc ấy hình như chưa có người nào đã đạt tới trình độ cần thiết để đảm đương một trách nhiệm nặng nề như thế. Những sản phẩm đầu tiên của nhân loại vào thời kỳ đó là hai Người cùng đồng một trình độ như nhau về sự phát triển tâm linh, một là Đấng cao cả mà ngày nay chúng ta gọi là đức Phật Thích Ca, và một Người nữa là đức Chương Giáo hiện nay, tức là đức Di Lạc Bồ Tát. Thời kỳ đó, hai Ngài còn thiếu sót những đức tánh và điều kiện như thế nào thì chúng tôi không được biết, nhưng *vì lòng thương yêu nhân loại, đức Phật tự phát nguyện làm mọi công phu cố gắng phi phạm để đạt tới quả vị cần thiết. Theo truyền thuyết Ngài thực hành những đức tánh đặc biệt từ kiếp này sang kiếp khác, và mỗi kiếp Ngài lại biểu lộ thêm một vài đức tánh cao cả.*

Sự hy sinh lớn lao của đức Phật được nhắc nhở trong tất cả những kinh điển của Phật Giáo, nhưng ít người Phật tử hiểu rõ tánh chất của sự hy sinh đó, vì họ cho rằng đức Phật sau khi giác ngộ, đã từ khước sự

an lạc của cõi niết bàn ở lại thế gian để thuyết pháp và cứu độ chúng sinh. Điều này quả có thật nhưng đó không phải là một sự hy sinh, chẳng qua là Ngài chỉ thi hành công việc của một Đấng Giáo Chủ. *Sự hy sinh lớn lao của Ngài là ở chỗ Ngài đã công phu tu luyện trong bao nhiêu ngàn năm để tiến tới địa vị cao tột; Ngài là người đầu tiên trong nhân loại đã đắc quả vị Phật, có đủ sự giác ngộ sáng suốt và đủ tư cách đem phổ biến đạo mầu để dạy dỗ chúng sinh.*

Công việc đó Ngài làm một cách đầy đủ, trọn vẹn. Chúng ta được biết ít nhiều về những tiền kiếp của Ngài, khi Ngài còn ở quả vị Bồ Tát vào những thời quá khứ xa xưa, và còn những tiền kiếp khác nữa mà chúng ta không biết chi cả. Ngài đã từng xuất hiện làm đấng Vyasa, Giáo Chủ của giống dân Aryen; làm Giáo Chủ Hermès ở nước cổ Ai Cập; làm đấng Zoroaster, vị Giáo Chủ đầu tiên của đạo Hỏa Giáo; làm đấng Orpheus, Giáo Chủ của nước cổ Hy Lạp và dạy đạo ở đây bằng phương tiện âm nhạc. Trong kiếp cuối cùng, Ngài sinh ra ở miền bắc Ấn Độ; sau khi đắc đạo thành Phật, Ngài châu du khắp nơi ở lưu vực sông Hằng để thuyết pháp trong 45 năm, và qui tụ chung quanh Ngài những môn đồ đã từng làm đệ tử của Ngài trong kiếp trước.

Khi đấng Phật tịch diệt, công việc của Ngài có chỗ còn chưa được hoàn bị, có lẽ vì Ngài không đủ thì giờ để hoàn thành một cách chu đáo. Nên mới có sự sắp

đặt để bỏ khuyết những chỗ còn bỏ dở dang, và về việc này có hai sự kiện quan trọng được kể như sau.

NHỮNG HÀNH ĐỘNG BỎ KHUYẾT

Việc thứ nhất là đức Ngọc Đế, tức Đấng điếm đạo độc tôn, chủ tể Quần Tiên Hội trên quả địa cầu, gọi một trong ba Vị đệ tử của Ngài, là những vị Kim Tinh Chon Quân từ bầu kim tinh đến chuyên kiếp xuống trần ngay sau khi đức Phật nhập niết bàn, để thành lập tại Ấn Độ những đạo viện gọi là Mathams. Trong kiếp đó, Ngài là đức Shankaracharya, một đấng Giáo Chủ đã thành lập nên một dòng tu sĩ xuất gia Ấn Độ cách đây trên 2.000 năm. Đức Shankaracharya đã lập một môn phái triết học Ấn, cải tạo lại Ấn Độ giáo trên một qui mô rộng lớn, và gom góp nhiều giáo lý của đức Phật lại cho có qui củ, hệ thống, làm cho Ấn giáo có phần sinh sắc trở lại. Ấn Độ giáo ngày nay là một tôn giáo có sinh khí và linh hoạt hơn lúc xưa trước thời kỳ đức Phật ra đời, lúc đó hãy còn quá nhiều phần hình thức lễ bái và mê tín dị đoan. Đức Shankara cải tổ những điều tệ đoan, bỏ tất giết thú làm vật hy sinh để cúng tế. Mặc dầu ngày nay, tục lệ ấy ở Ấn Độ vẫn còn, nhưng đã giảm bớt rất nhiều. Ngoài ra công việc hoằng khai đạo pháp ở thế gian, Ngài còn thực hiện một vài công việc huyền linh thuộc cõi trên, có một tầm quan trọng rất lớn đối với xứ Ấn Độ.

Việc thứ hai mà tôi đã nói ở trên, chính là do đức Phật đảm nhiệm, thay vì để trọn hết thời giờ vào công việc của Ngài ở các cõi trên, Ngài vẫn còn liên lạc với vị Bồ Tát kế nghiệp cho Ngài ở thế gian để giúp đỡ trong những trường hợp khẩn cấp. Ngài cũng trở lại thế gian mỗi năm một lần, nhằm ngày kỷ niệm Phật nhập Niết Bàn, để ban rải ân huệ cho nhân loại.

Đức Phật có một thứ thần lực đặc biệt của Ngài mà Ngài dùng để ban rải ân huệ cho thế gian, sự ban ân huệ này là một việc rất kỳ diệu và độc nhất vô song. Với quyền năng và địa vị của Ngài, một vị Phật có thể bước vào những cõi giới siêu linh hoàn toàn ngoài vòng hiểu biết của chúng ta, Ngài có thể chế biến và rút thần lực ở những cõi giới đó để ban rải xuống cõi hạ giới hồng trần. Nếu không có sự trung gian của đức Phật thì những nguồn thần lực đó sẽ vô ích cho chúng ta ở cõi trần, vì nó có những rung động vô cùng tế nhị, mạnh mẽ và mau chóng đến nỗi nó có thể đi xuyên qua người chúng ta mà chúng ta không hay biết chi cả. Thần lực do đức Phật ban rải cho thế gian được thấm nhuần khắp mọi nơi, nó giúp sức và tăng cường cho mọi việc làm hữu ích, và đem sự bằng an cho những tâm hồn lương thiện.



LỄ WESAK

Ngày đức Phật xuất hiện mỗi năm một lần để ban ân huệ cho thế gian nhằm vào ngày rằm tháng năm, bên Ấn Độ và Tích Lan gọi là ngày Wesak, thường vào tháng năm dương lịch. Ngày đó cũng là ngày kỷ niệm những dịp quan trọng xảy ra trong kiếp sống cuối cùng của đức Phật ở cõi trần, tức ngày sinh, ngày thành đạo và ngày tịch diệt của Ngài.

Vào dịp này, ngoài ý nghĩa về phương diện huyền bí vô cùng quan trọng của nó, có một cuộc lễ được cử hành ở thế gian, trong cuộc lễ ấy, đức Phật hiện trước mặt một số đông người hành hương. Những người này có được thấy Ngài hay không, thì tôi không biết chắc; nhưng họ đều cúi lạy theo những vị Chơn Tiên và các đệ tử, những vị này đều thấy đức Phật hiện ra thật sự. Hình như ít nhất cũng có vài người hành hương được nhìn thấy Ngài, vì cuộc lễ này được những người Phật tử ở vùng Trung Á biết rõ. Người ta nhắc nhở đến cuộc lễ đó như sự xuất hiện hình bóng hay sự phản ảnh của đức Phật, và sự mô tả cuộc lễ theo tục truyền có phần khá đúng.

Như vậy những người sống ở vùng lân cận nơi đức Phật hiện không có lý do gì mà không đến dự nơi hành lễ, vì không hạn chế số người đến xem, mặc dầu người ta nghe nói có những nhóm người hành hương

đã từng đi dạo đêm suốt nhiều năm mà không thấy nơi hành lễ.

Tất cả những Đấng cao cả trong Quân Tiên Hội đều đến dự lễ, trừ đức Ngọc Đế và ba Vị đệ tử của Ngài. Vậy không có lý do gì mà những người hội viên Thông Thiên Học chúng ta lại không đến dự bằng thể vía của mình. Những người nào đã được biết rõ về ngày giờ hành lễ, thường sắp đặt công việc riêng của họ để có thể đi ngủ vào khoảng một hay vài giờ trước giờ cử hành vào đêm trăng rằm, và ngủ yên một chỗ cho đến một giờ sau khi cuộc lễ chấm dứt.

NOI HÀNH LỄ

Địa điểm được chọn để hành lễ là một vùng cao nguyên nhỏ có những đồi thấp bao bọc chung quanh, ở phía bắc dãy Hi Mã Lạp Sơn cách biên giới xứ Népal không xa, và có lẽ độ chừng 400 dặm phía tây thành phố Lhasa bên Tây Tạng. Đó là một khoảnh đất bằng phẳng, hình chữ nhật, độ chừng một dặm rưỡi bề dài và bề ngang thì ngắn hơn. Khoảng đất thoai thoải từ hướng nam lên hướng bắc, hầu hết trống trải và có đá, mặc dù rải rác có cỏ dại và bụi cây. Một dòng suối chảy qua ở góc phía tây vùng cao nguyên, và lên phía bắc thì nó chảy vào một thung lũng có rừng thông bao phủ, sau cùng nó đổ vào một cái hồ cách đó một quãng vài dặm. Vùng chung quanh có vẻ hoang vu hẻo lánh, không có người ở, và không có một nhà nào

trừ ra cái tháp cổ đã điêu tàn với vài ba cái chòi rải rác trên sườn một ngọn đồi ở về phía đông. Về phía nam, có một tảng đá lớn màu xám dựng đứng như bàn thờ, độ bốn thước bề dài và hai thước bề ngang, nhô lên khỏi mặt đất chừng một thước.

Vài ngày trước khi hành lễ, người ta thấy dọc hai bên bờ suối, dưới chân những ngọn đồi chung quanh có những ngọn lều được dựng lên mỗi lúc càng nhiều. Những túp lều này có một hình dáng lạ lùng, phần nhiều màu đen, và chốn hoang vu cô tịch này bỗng nhiên trở nên linh động với những ngọn lửa trại của những người đi hành hương đốt lên. Họ là những bộ lạc lưu động từ miền Trung Á và có người từ miền bắc xa xôi đến đây. Vào ngày trước đêm trăng tròn, họ đều tắm gội sạch sẽ, và thay quần áo mới để chuẩn bị hành lễ.

Vài giờ trước khi hành lễ, họ tụ họp ở chỗ góc phía bắc vùng cao nguyên, họ ngồi xuống đất một cách lẳng lẳng có trật tự và chừa một khoảng trống trước chỗ tảng đá lớn làm bàn thờ. Theo thông lệ, thì vài vị sư trưởng (lamas) có mặt, mượn cơ hội này để thuyết pháp cho dân chúng. Độ một giờ trước khi trăng tròn, những vị khách dự lễ bắt đầu đến bằng thể vía của các Ngài, trong số đó có những nhân viên Quân Tiên Hội. Vài Vị trong số đó hiện hình cho những người hành hương thấy rõ, và những người này liền cúi lạy các Ngài. Trong dịp này những đấng Chơn Sư, có vài Vị cấp đẳng cao hơn nữa cũng nói

chuyện thân mật với các vị đệ tử và với những người khác đang có mặt tại chỗ. Trong khi đó những người khác có phận sự chung dọn bàn thờ trên tảng đá lớn để chuẩn bị cuộc lễ. Họ đặt lên đó những bông hoa đẹp để nhứt và ở bốn góc thì để những tràng hoa sen. Giữa bàn thờ, có đặt một chén bằng vàng đựng đầy nước và ngay trước mặt có chứa một khoảng trống giữa các đóa hoa.

CUỘC HÀNH LỄ

Độ nửa giờ trước khi trăng tròn, lúc đức Văn Minh Đại Đế vừa ra hiệu thì nhân viên Quân Tiên Hội qui tụ lại chỗ khoảng trống chính giữa vùng cao nguyên, ở phía bắc tảng đá lớn dựng làm bàn thờ. Các Ngài sắp hàng theo ba vòng tròn lớn, tất cả đều day mặt vào trong, vòng phía ngoài gồm những nhân viên trẻ tuổi trong Quân Tiên Hội, còn vòng ở phía trong là những Đấng cao hơn.

Vài đoạn kinh Phật được ngâm lên bằng tiếng nam Phạn (Pali); khi giọng ngâm vừa dứt, thì đức Di Lạc Bồ Tát hiện ra ở trung tâm vòng tròn và cầm nơi tay một cây thần trượng (cây gậy phép). Cây thần trượng này là bửu vật để thu thần lực của đức Hành Tinh Chơn Quân⁹ và được Ngài truyền từ điển kể từ hằng mấy triệu năm về trước, khi Ngài bắt đầu vận chuyển luồng sống sinh hoạt của nhân loại trên dãy

⁹ Planetary Logos: Vị chủ tể của dãy hành tinh hiện tại.

hành tinh chúng ta hiện nay. Chúng tôi nghe nói cây gậy phép này thể hiện cho sự tập trung thần thức của đức Chon Quân, và nó được thuyên chuyển từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác mỗi khi Ngài chuyển di thần thức của Ngài vào một bầu thế giới nhất định. Nói một cách khác, hễ cây gậy phép này ở nơi nào, thì nơi đó đương thời là trung tâm điểm sản trường tiến hóa của vạn vật, khi nó rời khỏi bầu hành tinh của chúng ta để chuyển qua bầu thế giới khác, thì quả địa cầu này sẽ đắm chìm trong giấc ngủ triền miên, không còn sinh hoạt nữa.

Cây thần trượng (cây gậy phép)



Việc nó có được thuyên chuyển qua những bầu thế giới vô hình¹⁰ hay không, thì chúng tôi không được biết. Chúng tôi cũng không biết rõ cách sử dụng cây gậy phép này ra sao về vai trò của nó trong việc giữ gìn kho thần lực của thế giới. Lúc bình thường, nó được giao cho đức Ngọc Đế gìn giữ tại Shamballa và theo chỗ chúng tôi được biết thì cuộc lễ Wesak là cơ hội duy nhất mà nó rời khỏi tay Ngài. Cây gậy hình dáng giống cây đoản côn, làm bằng chất kim khí rất hiếm gọi là «Orichalcun» bề dài độ chừng 7 tấc và bề tròn đường kính độ chừng 7 phân; ở hai đầu, mỗi đầu đều có một viên kim cương hình tròn như trái cam và một cái mũi nhọn chụp lên trên. Cây gậy phép này luôn luôn tỏa ra một hào quang sáng rực như ánh lửa. Điều đáng ghi nhận là chỉ có một mình đức Di Lạc Bồ Tát sử dụng cây gậy phép trong suốt cuộc lễ.

Khi Ngài vừa hiện ra ở chính giữa ba vòng tròn, thì tất cả các vị Chơn Sư và các đệ tử đều kính cẩn nghiêng mình để chào Ngài, và một đoạn kinh khác lại được ngâm lên. Sau đó, khi giọng ngâm vẫn vang rền, thì hai vòng tròn cử động và dời chỗ để sắp hàng thành một hình chữ thập và đức Di Lạc vẫn đứng ở ngay trung tâm. Trong giai đoạn thuyên chuyển kể đó, hình chữ thập đổi lại thành hình tam giác, và đức Bồ Tát cũng dời chỗ để đứng ở ngay góc trên đầu, gần kế

¹⁰ Những thế giới cấu tạo không bằng những chất thanh khí, nhẹ hơn vật chất hồng trần.

bên bàn thờ bằng đá. Trên bàn thờ, ở chỗ khoảng trống phía trước cái chén bằng vàng, đức Bồ Tát kính cẩn đặt cây gậy phép, trong khi đó ở phía sau lưng Ngài, những vị đạo đồ đứng ở vòng ngoài bên đôi chỗ để biến cái vòng thành hình cái hoa có 3 cánh, tất cả đều day mặt về phía bàn thờ. Trong giai đoạn kế đó, hình cái hoa đổi thành hình tam giác lộn đầu, làm thành ra 2 hình tam giác téo góc, y như biểu tượng của Hội Thông Thiên Học, nhưng không có con rắn khoanh tròn. Sau cùng, đến lượt 2 hình tam giác này đổi thành hình ngôi sao 5 góc, đức Bồ Tát vẫn đứng nguyên chỗ cũ gần bàn thờ và những vị Đế Quân thì đứng ở 5 điểm cách khoảng nhau trên ngôi sao.

Đến giai đoạn thứ bảy, tức là giai đoạn cuối cùng, thì giọng ngâm dứt hẳn. Sau một lúc im lặng, đức Di Lạc lại cầm gậy phép trong tay và đưa lên khỏi đầu, Ngài nói một câu giòn giã bằng tiếng Pali: «Bạch Thế Tôn, tất cả đều sẵn sàng. Xin mời Ngài hạ giáng!»

Kế đó, Ngài vừa đặt cây gậy phép xuống bàn thờ, thì vừa đúng lúc trăng tròn, đức Phật liền xuất hiện như một nhân vật khổng lồ lơ lửng trong không gian, ngay ở trên những ngọn đồi phía nam. Những nhân viên Quân Tiên Hội chấp tay vái chào Ngài, còn đám đông những người hành hương ở phía sau thì cúi lạy rạp mình xuống đất, trong khi đó những người khác ngâm lên ba câu kệ tam qui, tức là qui Phật, qui Pháp, qui Tăng.

ÂN HUỆ LỚN NHỨT

Kể đó, đám đông người đứng dậy và chiêm ngưỡng dung nhan đức Phật trong khi những nhân viên Quần Tiên Hội ngâm bài kinh Mahamangala Sutta để ban phước lành cho họ:

I

Cả thiên thần và người
 Đều mong được phước lành
 Bạch Phật dạy chúng con
 Phước nào phước lớn nhất?

II

Không phụng sự kẻ ngu
 Mà phụng sự người hiền
 Trọng vọng người xứng đáng
 Đó là phước lớn nhất.

III

Cư ngụ nơi đất lành
 Đã làm lành kiếp trước
 Lòng suy tưởng việc lành
 Đó ân huệ lớn nhất.

IV

Học rộng hiểu biết nhiều
Tự chủ và luyện trí
Miệng nói những điều lành
Đó là phước lớn nhất.

V

Nuôi dưỡng cha cùng mẹ
Yêu thương vợ với con
Theo đuổi nghề nghiệp lành
Đó là ân huệ lớn nhất.

VI

Ham làm việc bố thí
Giúp đỡ kẻ bần hàn
Chỉ mong làm việc phải
Đó là phước lớn nhất.

VII

Không làm điều tội lỗi
Không dùng chất rượu mạnh
Làm lành không tiếc thân
Đó là ân huệ lớn nhất.

VIII

Kính cẩn và khiêm tốn
An phận và biết ơn
Bốn mùa nghe chánh pháp
Đó là phước lớn nhất.

IX

Chịu cực và kiên nhẫn
Giao du với bạn hiền
Luận đàm việc đạo lý
Đó ân huệ lớn nhất.

X

Tiết độ và trong sạch
Hiểu biết Tứ Diệu Đế
Tâm hướng niết bàn cảnh
Đó là phước lớn nhất.

XI

Giữa cuộc đời chìm nổi
Lòng vẫn không xao động
Yên tĩnh, không phiền não
Đó là huệ lớn nhất.

XII

Ai làm được như thế
 Dù gặp hoàn cảnh nào
 Trong lòng vẫn thanh tịnh
 Người ấy phước lớn nhất.

Hình ảnh đức Phật hiện trên đỉnh đôi tui là rất lớn, nhưng giống như tướng mạo của Ngài lúc còn sanh tiền. Ngài ngồi kiết dà, hai bàn tay giao nhau, mình mặc áo cà sa vàng theo lối tăng lữ, cánh tay mặt để trần. Gương mặt Ngài biểu lộ sự trầm tĩnh, quyền lực, minh triết và bác ái đến một mực tuyệt đối thiêng liêng ngoài sức tưởng tượng của chúng ta, thật là khôn tả. Nước da Ngài màu ngà, những nét trên mặt Ngài rất rõ rệt, một vầng trán rộng, cặp mắt lớn và sáng màu xanh đậm, mũi cao, cặp môi đỏ, nhưng đó chỉ là tạm phác họa thô sơ hình dáng bề ngoài mà thôi, chớ không đủ diễn tả phong độ uy nghi và thần sắc siêu việt của Ngài một cách đầy đủ trọn vẹn. Tóc Ngài màu đen và dợn sóng, không để dài như phong tục Ấn Độ, cũng không hoàn toàn xuống tóc như các vị sư tăng, mà cắt ngắn chỉ cổ, chưa chấm xuống vai, chẻ ra ở giữa và chải ngược về phía sau. Truyền tích nói khi thái tử Sĩ Đạt Ta rời khỏi cung điện quyết chí đi tìm đạo, Ngài rút gươm cắt tóc ngay vừa khỏi đầu, và từ đó đến sau tóc Ngài vẫn để ngắn như thế.

Một khía cạnh đặc biệt nhất của hình ảnh đức Phật hiện, là hào quang của Ngài tốt đẹp vô cùng bao

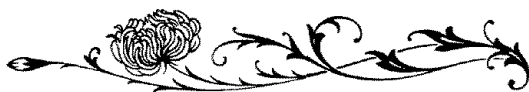
bọc chung quanh. Hào quang đó gồm nhiều tầng lớp đồng một trung tâm, như những hào quang của các bậc đã tiến hóa cao, và chiếu những màu sắc thật đặc biệt. Hình ảnh đức Phật được bao bọc trong một vùng ánh sáng vừa chói lòa, vừa trong vắt, chói lòa đến nỗi mắt phàm không thể nhìn lâu, nhưng đồng thời lại trong suốt, làm cho gương mặt Ngài và màu áo hiện rõ hoàn toàn. Phía ngoài là, một vòng màu xanh dương, nối tiếp theo là những vòng màu vàng chói, màu hường, màu trắng bạc và màu đỏ rất đẹp, tất cả những màu sắc này thật ra là những khối tròn, nhưng hiện ra trên nền trời xanh như những vòng tròn cùng một trung tâm. Phía ngoài tất cả, từ những vòng hào quang này bắn ra những tia chớp đủ màu sắc lẫn lộn có cả màu lục và màu tím.

Trong những sách khác, chúng tôi có nói đến màu đỏ trong hào quang biểu lộ sự nóng giận. Điều này đúng trong thể vía của người thường; thuộc về bốn cảnh thấp của cõi trung giới. Nhưng ngoài ra, chúng tôi còn nhận thấy trên những cõi cao siêu, một màu đỏ trong sáng và đẹp lộng lẫy, giống như tinh hoa của ngọn lửa, là biểu hiện của một lòng dũng cảm và cương quyết mạnh mẽ phi thường. Màu đỏ này trong hào quang của đức Phật tự nhiên là biểu lộ những đức tánh kể trên đến một mực tuyệt đích vậy.

Khi đoạn kinh Mahamangala Sutta ngâm vừa dứt, đức Di Lạc cầm lấy cái chén bằng vàng đựng nước trên bàn thờ, và nâng lên khỏi đầu Ngài trong một lúc.

Trong khi đó, đám đông ở phía sau cũng đã chuẩn bị sẵn và đem theo những bình đựng nước, liền làm theo Ngài. Khi Ngài đặt cái chén lại chỗ cũ trên bàn thờ, thì một đoạn kinh khác lại được ngâm lên, lời lẽ ca tụng đức Thích Ca Như Lai.

Tiếng ngâm vừa dứt, một nụ cười đầy bác ái nở trên gương mặt đức Như Lai. *Ngài đưa bàn tay mặt lên để ban ân huệ, trong khi đó hàng ngàn cánh hoa rơi xuống như mưa giữa đám dân chúng.* Một lần nữa những nhân viên Quần Tiên Hội lại vái chào, đám đông cúi lạy rạp xuống đất, hình ảnh đức Phật trở nên lu mờ và từ từ biến mất, trong khi đó những người hành hương thốt ra những tiếng kêu vui mừng và ca tụng. Những nhân viên Quần Tiên Hội liền theo thứ tự tiến đến bàn thờ, và thay phiên nhau uống hớp nước trong cái chén vàng. Còn dân chúng cũng uống một hớp nước trong bình riêng của họ, và phần còn lại thì họ đem về nhà để dùng làm «nước thánh,» có công dụng trừ tà hoặc để chữa bệnh. Kế đó, đám người hành hương phân chia tứ tán sau khi đã trao đổi những lời chúc tụng lẫn nhau, và họ trở về nhà, mang theo kỷ niệm khó quên của cuộc lễ thiêng liêng mà họ vừa tham dự.



ĐỨC DI LẠC BỒ TÁT

Đức Di Lạc, tên Ngài có nghĩa là lòng bác ái hay từ bi, đảm nhiệm chức vụ Bồ Tát khi đức Thích Ca thành Phật, và từ đó đến nay, Ngài đã giúp đỡ rất nhiều về phương diện phát triển tôn giáo. Một trong những công việc đầu tiên của Ngài khi vừa nhậm chức là thừa dịp thế gian còn đang được thấm nhuần luồng từ điển dồi dào mạnh mẽ do sự hiện diện của đức Phật tỏa ra, Ngài bèn sắp đặt cho những bậc Giáo Chủ xuất hiện cùng một lúc ở nhiều vùng khác nhau trên địa cầu. Bởi đó, trong một khoảng thời gian ngắn, chúng ta thấy không những đức Phật Thích Ca, đức Giáo Chủ Shankaracharya và Mahavira xuất hiện ở Ấn Độ, mà còn có đức Mithra xuất hiện ở Ba Tư, đức Lão Tử và Khổng Tử ở Trung Hoa và đức Pythagoras ở xứ cổ Hy Lạp. Chính đức Di Lạc đã xuất hiện hai lần, một lần làm đức Krishna ở vùng đồng bằng Ấn Độ và một lần làm Christ ở xứ Palestine. Trong kiếp thai sinh làm Krishna, đặc điểm lớn nhất của Ngài vẫn là bác ái; và trong lần chuyển kiếp ở xứ Palestine, lòng bác ái cũng vẫn là điểm cốt yếu trong giáo lý của Ngài. Ngài nói: *«Điều răn mới mà Ta đem đến cho các ngươi, đó là: các ngươi hãy thương yêu lẫn nhau, cũng như ta thương yêu các ngươi vậy.»* Ngài muốn cho tất cả các đệ tử đều có thể hợp nhất với Ngài, cũng như Ngài đã hợp nhất với đấng Cha lành. Vị tông đồ thân tín nhất của Ngài, là thánh John, cũng đặc biệt nhấn mạnh về một ý

nghĩa tương tự: «Kẻ nào không thương yêu đồng loại thì không biết được Thượng Đế, vì Thượng Đế tức là bác ái vậy.»

Người nào đã đọc kinh Bhagavad Gita đều nhớ những giáo điều về lòng bác ái và sùng tín trong quyển kinh đó. Đức Bồ Tát thỉnh thoảng cũng nhập xác đức Tsong Ka Pa, nhà cải tạo tôn giáo danh tiếng của xứ Tây Tạng, và trải qua nhiều thế kỷ Ngài đã từng gọi các vị đệ tử của Ngài như Nagarjuna, Aryasanga, Ramanujacharya, Madhavacharya, v.v... xuống thế gian để thành lập những môn phái mới, hoặc để làm sáng tỏ những chỗ huyền bí trong tôn giáo. Trong số những đệ tử của Ngài, có một vị được gọi xuống thế gian để lập nên đạo Hồi giáo.

Việc phái các bậc Giáo Chủ xuống thế gian như tôi đã kể trên chỉ là một phần công việc của Ngài, công việc giáo hóa này không phải chỉ giới hạn trong vòng nhân loại mà thôi, mà còn gồm tất cả mọi chúng sinh, và luôn luôn cả hàng thiên thần. Như thế, Ngài là vị Trưởng Thượng của tất cả những tôn giáo hiện hữu trên thế giới, và của nhiều tôn giáo khác đã từng mai một với thời gian, nay đã biến mất không còn nữa. Lẽ tất nhiên, Ngài chỉ có trách nhiệm về những tôn giáo đó trong hình thức ban sơ của nó mà thôi, chớ không có liên quan gì đến những sự biến thiên dời đổi do con người tạo ra trong những tôn giáo đó trải qua thời gian. Ngài thay đổi hình thức mỗi tôn giáo để cho phù hợp với nhân loại ở mỗi thời kỳ lịch sử mà nó được

đưa ra; và mặc dầu phần hình thức có thể thay đổi cho phù hợp với trào lưu tiến hóa, nhưng phần giáo lý vẫn giống nhau.

Trong thời kỳ tiến hóa của một giống dân, Ngài sẽ còn trở lại thế gian nhiều lần nữa để thành lập nhiều tôn giáo khác. Mỗi lần như thế, Ngài sẽ qui tụ chung quanh những người nào sẵn sàng theo Ngài, trong số đó Ngài sẽ chọn lấy vài người mà Ngài có thể liên lạc mật thiết hơn, tức là những vị đệ tử, hiểu theo ý nghĩa của huyền môn. Đến giai đoạn cuối cùng của giống dân, khi đã vượt qua khỏi thời kỳ cực thịnh của nó từ lâu, và một giống dân mới bắt đầu ngự trị trên địa cầu, Ngài sẽ sắp đặt cho tất cả những vị đệ tử thân tín đã từng theo Ngài trong những kiếp trước, sẽ đầu thai cùng một thời trong dịp Ngài chuyển kiếp lần cuối cùng xuống thế gian.

Trong kiếp cuối cùng này, Ngài sẽ đạt tới quả vị Phật và hoàn toàn giác ngộ. Khi đó những vị đệ tử của Ngài trước kia, tuy không nhận ra Ngài về phương diện thể xác, nhưng sẽ bị hấp dẫn một cách rất mãnh liệt đến gần Ngài. Nhờ ảnh hưởng của Ngài, một số rất đông các vị đó sẽ bước vào cửa đạo, và nhiều vị còn tiến lên những cấp đẳng cao hơn, vì họ đã từng tiến hóa nhiều trong những kiếp trước. Trong các kinh sách Phật có nói khi đức Thích Ca thành đạo và đắc quả vị Phật, tức thời có một số rất đông người cũng đắc quả La Hán. Khi mới nghe qua, chúng tôi nghĩ rằng điều ấy không thể có được, nhưng xét kỹ chúng tôi thấy câu

chuyện ấy có phần đúng sự thật. Có thể nói số đông người thì hơi quá đáng, nhưng sự thật có rất nhiều vị đệ tử đột nhiên đắc quả vị La Hán nhờ ảnh hưởng tốt đẹp của luồng từ điển và thần lực vô cùng mạnh mẽ và huyền diệu của đức Phật tạo nên.

LỄ ASALA

Ngoài lễ Wesak, còn có một lễ long trọng khác, trong dịp này các nhân viên Quần Tiên Hội nhóm họp chánh thức mỗi năm một lần. Cuộc hội họp này thường nhóm tại nhà riêng của đức Di Lạc, cũng trên dãy Hi Mã Lạp Sơn, nhưng ở sườn núi phía nam, thay vì ở trên sườn núi phía bắc. Trong dịp này, không có sự tham dự của những người hành hương cõi thế gian, nhưng tất cả những người nào biết có cuộc lễ, và đến dự bằng thể vía, đều được hoan nghinh. Cuộc lễ này được cử hành vào ngày rằm tháng Asala, thường đúng nhằm tháng bảy dương lịch, để kỷ niệm ngày đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên cho năm vị đệ tử Kiều Trần Như, mà các kinh sách Phật giáo gọi là ngày Phật «Chuyển Pháp Luân» (quay bánh xe pháp).

Trong lần thuyết pháp đầu tiên này, đức Phật nói về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo. Ngài nêu ra con đường xử thế bực trung, tức con đường trung đạo, gồm có một đời sống hoàn toàn ngay chánh ở thế gian, giữ mực trung bình ở giữa hai điểm cực đoan, một bên

là con đường khổ hạnh quá đáng, và một bên là sự ham mê thú vui vật chất của đời sống trần gian.

Để tưởng niệm Đấng cao cả mà Ngài nổi nghiệp ở chức vụ Bồ Tát, đức Di Lạc truyền linh trong cuộc lễ kỷ niệm này, bài kinh Chuyển Pháp Luân sẽ được lặp lại một lần nữa trước sự hiện diện của tất cả nhân viên Quần Tiên Hội tụ họp tại đó; Ngài thường thêm vào đó một bài thuyết pháp ngắn để giảng giải và áp dụng lời dạy của Phật.

Việc đọc kinh bắt đầu vào lúc trăng tròn, cộng chung với bài thuyết pháp nữa, tất cả kết thúc trong vòng độ nửa giờ. Đức Di Lạc thường an tọa trên chiếc ghế cẩm thạch đặt tại chỗ bao lon trong vườn trước nhà Ngài. Những Đấng cao cả nhất trong Quần Tiên Hội ngồi chung quanh Ngài, còn những vị đạo đồ thì ngồi chung một nhóm trong vườn ở dưới bao lon độ một thước. Trong dịp này, cũng như trong lễ Wesak, thường là những cơ hội trò chuyện vui vẻ, cùng những lời chào mừng, và là dịp ban ân huệ do các Chơn Sư cho những vị đệ tử và những người có nguyện vọng làm đệ tử các Ngài.

Thiết tưởng cũng là một điều hữu ích mà tường thuật cuộc lễ, những lời vàng ngọc của những Đấng cao cả thốt ra trong dịp đó, mặc dầu chúng ta không thể nào diễn tả được sự huyền diệu, tốt đẹp và hùng hồn của những lời mà đức Di Lạc đã nói trong cuộc lễ. Câu chuyện sau đây không phải là để tường thuật lại

một bài thuyết pháp nhưt định nào. Nó gom góp nhiều đoạn rời rạc, nhớ không được rõ, mà vài đoạn đã được mô tả ở những sách khác; nhưng nó có thể giúp cho những người chưa được nghe qua câu chuyện này một vài ý niệm về cuộc lễ diễn ra như thế nào.

Bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật rất là giản dị, và nhiều điểm được lặp lại nhiều lần. Vào thời gian đó chưa có tốc ký để có thể chép lại đúng nguyên văn, và những vị đệ tử phải dùng trí nhớ để ghi lại những lời Ngài nói. Do đó, Ngài chỉ dùng những lời giản dị, và lặp đi lặp lại nhiều lần như một bài hát, để những người nghe có thể nhớ rõ.

Trải qua thời gian, bài «Chuyên Pháp Luân» của đức Phật đã được nói đi nói lại nhiều lần, tuy nhiên với sự hùng biện tuyệt luân và với phương pháp giáo huấn đặc biệt của Ngài, đức Di Lạc mỗi năm mỗi làm cho nó dường như được mới mẻ luôn luôn, và mỗi người nghe đều cảm thấy lời dạy trong kinh dường như chỉ đặc biệt nhắn nhủ riêng cho họ mà thôi. *Ngài nói bằng tiếng nam Phạn (Pali), nhưng mỗi người có mặt đều nghe Ngài nói bằng tiếng nói riêng của xứ sở họ.*



TỨ DIỆU ĐẾ

Bài thuyết pháp đầu tiên bắt đầu bằng lời dạy con đường trung đạo là con đường an toàn nhất, và là con đường chân chính thật sự. Nó ở ngay giữa hai thái cực đoan: một bên, lao mình vào những thú vui nhục thể, khoái lạc vật chất của cuộc đời trần tục, là một điều thấp hèn và không đưa con người đến đâu cả; còn một bên, con đường khổ hạnh quá đáng cũng là lầm lạc vô ích. Có một số ít, thuộc về hạng người đặc biệt, có khuynh hướng sống đời khổ hạnh và cô độc, hạng người này có thể sống một cuộc đời như thế một cách đúng đắn, nhưng cũng không nên khổ hạnh thái quá. Còn đối với người thường, thì con đường trung đạo, tức là sống một cuộc đời ngay thật, chân chính ở thế gian là con đường tốt nhất và an toàn nhất. Bước đầu tiên để sống một cuộc đời như thế là phải hiểu rõ tình trạng của nó; điều này đức Phật đã trình bày cho chúng ta trong Tứ Diệu Đế, tức là bốn điều chân lý:

- 1- Đời là khổ.
- 2- Nguyên nhân sự khổ.
- 3- Vấn đề diệt khổ.
- 4- Đạo giải thoát khỏi sự khổ.

1- Chân lý thứ nhất cho rằng đời là khổ, trừ phi con người biết cách sống cuộc đời của mình cho đúng theo lẽ đạo. Bình luận về điều này, đức Bồ Tát nói «đời là khổ» có hai ý nghĩa. Theo nghĩa thứ nhất, sự khổ có thể không tránh khỏi; nghĩa thứ hai câu ấy hoàn toàn

sai lầm, và sự đau khổ có thể tránh khỏi được một cách rất dễ dàng.

Đối với điểm Chơn Thần (Monad), tức là phần tinh thần của con người, thì đời là khổ, vì sự sống biểu lộ ở thế gian là một sự hạn chế, trí óc vật chất của chúng ta không thể ý thức được, vì chúng ta không có một ý niệm gì về sự tự do khoáng đạt của đời sống siêu linh. Chính trong ý nghĩa này có chỗ nói rằng Christ tự hiến dâng, như một hy sinh lớn, khi Ngài giáng xuống cõi vật chất. Lẽ tất nhiên, đó là một sự hy sinh, đó là một sự hạn chế rất lớn, nó giới hạn những quyền năng cao cả rộng lớn của Ngài trên cõi giới siêu linh. Chơn Thần con người cũng vậy; nó cũng thực hiện một sự hy sinh lớn khi nó tiếp xúc với cõi vật chất hồng trần, khi nó lơ lửng phía trên cõi giới này trải qua một dòng thời gian tiến hóa rất dài cho đến trình độ làm người, đến khi đó mới phân thân ra một mảnh rất nhỏ của nó, để làm một Chơn Nhơn hay linh hồn con người.

Mặc dầu chúng ta chỉ là một mảnh rất nhỏ – thật vậy, một mảnh nhỏ của một mảnh lớn – chúng ta cũng là một sự thật rất huyền diệu. Vì chúng ta là một phần của cái gì cao cả hơn, nên sau cùng chúng ta có thể vượt lên cao và hợp nhứt với cái cao cả đó. Đó là cứu cánh và mục đích của sự tiến hóa của chúng ta. Dầu cho đến khi chúng ta đạt tới cái mục đích đó, ta nên nhớ đó không phải để cho chúng ta tự hào về sự tiến bộ của mình, mà là để cho chúng ta có thể trợ giúp

thiên cơ. Tất cả những sự hy sinh và hạn chế đó có thể được miêu tả rất đúng như bao gồm sự đau khổ; nhưng khi nào Chon Nhon hay linh hồn có được sự hiểu biết hoàn toàn, thì nó sẽ vui lòng chấp nhận những sự hy sinh đó. Một Chon Nhon không phải là toàn thiện như Chon Thần; bởi đó nó không được hoàn toàn hiểu biết ngay từ lúc đầu; mà nó phải học hỏi như mọi người khác. Sự giới hạn lớn lao, mỗi lần nó càng đi sâu vào cõi vật chất, là một điều không thể tránh khỏi, do đó sự đau khổ luôn luôn đi kèm với sự biểu lộ ở các cõi hạ giới. Chúng ta phải chấp nhận sự giới hạn đó như một phương tiện để đi đến mục đích, như một sự kiện cần thiết trong thiên cơ.

Còn một ý nghĩa theo đó đời là khổ, nhưng là một thứ khổ có thể hoàn toàn tránh khỏi. Người sống trên trần thế thường hay bị những chuyện rối rắm đủ mọi thứ. Nói rằng y luôn luôn bị đau khổ thì không đúng sự thật, nhưng y thường bị băn khoăn, thắc mắc và bất cứ lúc nào y cũng có thể bị rơi vào một tình trạng đau khổ, rối rắm và phiền não. Lý do vì y có đủ thứ dục vọng thấp hèn, nó không hẳn là sa đọa hay bi ối, nhưng do sự ham muốn những điều thấp hèn; bởi có những dục vọng đó nên y bị trói buộc và giam hãm. Y luôn luôn tranh đấu để chiếm đoạt một vật gì mà y chưa có, y lấy làm băn khoăn thắc mắc vô cùng không biết rằng y sẽ chiếm hữu đặng vật đó hay không, khi đã chiếm được rồi, thì y băn khoăn sợ hãi sẽ mất vật ấy. Điều này đúng không chỉ về tiền bạc, mà cũng

đúng về quyền hành, tước lộc, danh vọng và địa vị xã hội, v.v... Tất cả những sự ham muốn này gây nên những điều rối rắm bằng nhiều cách khác nhau. Không phải chỉ có sự băn khoăn lo ngại cá nhân của người đang có điều ham muốn trong lòng mà thôi, mà ta còn phải kể luôn tất cả những sự ganh tị, ghen tuông, oán hờn, thù hận gây ra trong lòng những người khác, họ cùng tranh đấu để chiếm đoạt lấy những thứ ấy.

Có những điều ham muốn khác, dường như có vẻ cao thượng hơn những điều kể trên nhưng vẫn không phải là những điều cao thượng nhất. Thí dụ một thanh niên kia đã bao lần mong muốn được tình thương của một người, mà người này không thể đem tình thương cho y. Do lòng ham muốn đó, mà thường xảy ra bao nhiêu sự buồn thảm, ghen tuông cùng nhiều ác ý khác. Ta có thể nói sự ham muốn đó là tự nhiên; đúng vậy, tình thương mà được đền đáp là một nguồn hạnh phúc rất lớn. Tuy nhiên, nếu nó không được đền đáp thì ta phải có nghị lực để chấp nhận lấy hoàn cảnh, chớ không nên để cho bị đau khổ vì dục vọng không được thỏa mãn. Khi chúng ta nói điều nợ điều kia là tự nhiên, thì hẳn là ta muốn nói rằng nó là thường tình đối với mọi người. Những người sinh viên huyền môn phải cố gắng vượt lên khỏi trình độ của người thường, nếu không, làm sao y có thể giúp đỡ người ấy? Chúng ta phải vượt lên khỏi trình độ thông thường đó, để có thể buông xuống một cánh tay

trợ lực, phụ giúp. Mục đích của chúng ta nhằm, không phải là những điều tự nhiên thông thường, mà ta phải nhằm mục đích siêu nhiên.

Người có thần nhãn sẽ nhìn nhận điều chân lý của Phật dạy: nói chung, đời là khổ. Nếu y nhìn vào những thể vía và thể trí của những người chung quanh, y sẽ thấy có rất nhiều những vòng xoáy như hình tròn ốc, xoáy rất mãnh liệt và rất nhanh. Những vòng xoáy đó gây nên bởi đủ thứ những tư tưởng nhỏ nhen, những sự lo âu, phiền muộn, thắc mắc, băn khoăn vì chuyện này hay chuyện khác. Tất cả những thứ đó gây ra những sự xáo trộn và đau khổ, trong khi điều cần thiết nhất cho sự tiến bộ là sự yên tĩnh của tâm hồn. Phương pháp duy nhất để có được sự bằng an, là loại trừ tất cả những thứ phiền não đó, và điều này đưa chúng ta đến điều chân lý thứ hai, là nguyên nhân sự khổ.

2- Chúng ta đã thấy nguyên nhân sự khổ, tức là lòng ham muốn. Nếu một người không có lòng ham muốn, nếu y không tranh đoạt địa vị, quyền hành, hay giàu sang, của cải, thì khi đó, y vẫn bình an và thản nhiên, dầu sự sang giàu và địa vị có đến hay không, y vẫn ung dung tự tại, lòng không nao núng, bởi vì y không cần. Vì y vẫn còn là người, tự nhiên là y sẽ còn mong muốn điều nọ điều kia, nhưng sự muốn đó luôn luôn nhẹ nhàng, êm dịu, và bởi đó y không bao giờ để cho tâm hồn bị xáo trộn. Chúng ta thấy có nhiều người bị cơn buồn thảm bi ai vật ngã, khi người thân yêu của

họ từ trần, nếu tình thương của họ được đặt trên bình diện cao hơn, họ chỉ thương yêu người thân của họ vì linh hồn chớ không phải vì xác thể, thì không bao giờ họ cảm thấy bị chia ly và đau khổ. Nếu họ chỉ ham muốn gần người thân yêu của họ bằng thể xác trên cõi phàm trần, thì lòng ham muốn đó sẽ gây nên sự sầu khổ khi thể xác kia không còn. Nhưng nếu họ dẹp bỏ sự ham muốn đó và sống hòa hợp với đời sống tinh thần, thì cơn sầu thảm kia sẽ dứt tuyệt.

Đôi khi có người lấy làm phiền muộn khi họ thấy tuổi già đã đến, khi họ cảm thấy lưng mỗi gối mòn, và không còn tráng kiện như hồi thanh xuân. Họ muốn có đầy đủ sức khoẻ và tinh thần sáng suốt như lúc còn niên thiếu. Tốt hơn là họ nên dẹp bỏ sự ham muốn đó; họ nên nhận định rằng cái thể xác này đã làm tròn bổn phận và công việc của nó, và nếu nó không còn làm được nhiều việc như hồi thanh xuân, thì họ nên làm bất cứ việc gì mà họ có thể làm một cách êm ái nhẹ nhàng, chớ không nên âu lo phiền muộn vì sự biến đổi vô thường của nó. Không bao lâu, họ sẽ có những thể mới; và phương pháp chắc chắn để có được một thể mới tốt lành là hãy sử dụng cái thể cũ của mình một cách khôn ngoan, nhưng trong mọi trường hợp, hãy giữ một thái độ ung dung bình tĩnh, và không có sự thắc mắc, ưu phiền. Phương pháp duy nhất để được thái độ đó, là hãy tự quên mình, dứt bỏ những điều ham muốn ích kỷ, và hướng tư tưởng ra ngoài để nghĩ đến việc giúp kẻ khác tùy theo khả năng của mình.

3- Vấn đề diệt khổ - Chúng ta thấy bằng cách nào con người có thể chấm dứt phiền não và đạt được sự bằng an; đó là bằng cách luôn luôn nâng tư tưởng lên những điều cao thượng nhất. Chúng ta vẫn còn sống cuộc đời ở thế gian này, mà ta thường gọi là «biển khổ.» Thật vậy, nó là «biển khổ» đối với một số đông, nhưng chúng ta có thể sống trong hạnh phúc, yên vui nếu chúng ta không để cho những dục vọng trói buộc chúng ta với cõi đời trần thế. Tuy sống ở thế gian, nhưng chúng ta đừng lệ thuộc vào thế gian, ít nhất cũng đừng lệ thuộc đến mức để nó gây cho ta những điều âu lo, phiền não. Lẽ tự nhiên, bốn phận của chúng ta là giúp đỡ kẻ khác trong cơn phiền muộn đau khổ của họ; nhưng muốn giúp đỡ kẻ khác một cách hữu hiệu, thì chính chúng ta không nên có những điều phiền não riêng của mình. Chúng ta phải thân nhiên để cho những điều phiền não tự nó trôi qua, không làm cho ta động lòng, ta vẫn ung dung tự tại. Nếu chúng ta sống cuộc đời thế gian với một tinh thần triết lý, bình thân tự nhiên, chúng ta sẽ thấy mình hầu như đã hoàn toàn rửa sạch mọi điều phiền não, nghiệp chướng.

Có người cho rằng một thái độ bình thân vô tư như thế thật không thể nào đạt tới được. Không phải thế, vì nếu đúng như vậy, thì đức Phật không khi nào khuyên dạy chúng ta hãy tập cho được thái độ đó. Chúng ta có thể đạt tới được, bởi vì chỉ khi nào ta có

được sự bằng an, ta mới có thể thật sự giúp đỡ kẻ khác một cách có hiệu quả.

4- Đạo mâu thoát khổ - Chân lý thứ tư, tức con đường đưa đến sự diệt khổ và giải thoát, chính là Đạo Bát Chánh vậy.

BÁT CHÁNH ĐẠO

Bát Chánh Đạo của Phật dạy là đạo xử thế rất quý, nó có thể áp dụng cho tất cả mọi người thuộc mọi trình độ. Người sống ngoài thế gian, thậm chí đến người thất học, có thể áp dụng nó trên những khía cạnh thấp và tầm thường nhất, tìm thấy con đường đưa đến sự bằng an, hạnh phúc. Đồng thời bậc triết gia lỗi lạc nhất cũng có thể áp dụng và diễn đạt Đạo Bát Chánh tùy theo trình độ của mình, và thu thập được nhiều điều bổ ích.

Điều thứ nhất trong Bát Chánh Đạo là chánh tín, tức là tin tưởng chân chính. Có người phản đối điều này, họ cho rằng nó đòi hỏi một cái gì gần như đức tin mù quáng. Không phải vậy, trái lại nó đòi hỏi chúng ta phải có sự hiểu biết nhất định về những yếu tố căn bản của đời sống con người. Nó đòi hỏi chúng ta phải hiểu biết ít nhiều về cơ trời, nếu chúng ta chưa tự mình thấy được thiên cơ huyền diệu đó, thì chúng ta nên chấp nhận nó, như nó vẫn luôn luôn được trình bày cho chúng ta. Có vài điều chân lý căn bản luôn luôn được đưa ra cho người đời dưới hình thức này hoặc hình

thức khác. Những chân lý đó cũng được giải thích cho những bộ lạc dã man, do những thầy phù thủy chữa bệnh của họ, và được phổ biến trong nhân loại do những bậc Giáo Chủ và những loại thánh kinh. Những thánh kinh và tôn giáo tuy rằng khác nhau về hình thức, nhưng cũng có những điểm tương đồng mà người ta phải chấp nhận, trước khi họ muốn hiểu biết cuộc đời một cách đầy đủ để có thể sống trong yên vui và hạnh phúc.

Một trong những chân lý đó là luật nhân quả bất diệt. Nếu một người sống trong sự lầm lạc, rằng y có thể làm bất cứ điều gì tùy theo ý muốn của mình, và những hành động lầm lạc đó không bao giờ đem đến cho y một hậu quả nào, thì chắc chắn là y sẽ thấy một vài hành động đó rốt cuộc sẽ đem đến cho y những điều tai họa và đau khổ. Mặt khác nếu y không hiểu mục đích cuộc đời là tiến hóa, theo luật trời, y phải tiến bộ và càng ngày càng phát triển cho được tốt lành và thanh cao hơn, thì y cũng sẽ tự chuốc lấy sự bất hạnh và đau khổ vào mình, vì y chỉ biết sống với khía cạnh thấp hèn của cuộc đời mà thôi, và cái khía cạnh thấp hèn đó rốt cuộc không bao giờ làm thỏa mãn được phần linh hồn bên trong. Do đó, ít nhất y cũng phải biết một phần nào về những luật lớn trong trời đất, và nếu y chưa có thể tự mình hiểu biết được những luật đó, thì y nên tin theo là tốt. Về sau, ở vào trình độ cao hơn, trước khi được hai lần điểm đạo, chúng ta được biết ta phải diệt trừ mọi sự nghi ngờ.

Có người hỏi đức Phật phải chăng điều đó có nghĩa là chúng ta phải tin tưởng một cách mù quáng, thì Ngài đáp: «Không, nhưng các người phải tự mình hiểu biết ba điều quan trọng này. Một là: Người ta chỉ có thể đạt tới sự toàn thiện bằng cách sống cuộc đời tốt lành, chân chính, và tiến bước trên đường thánh đạo mà thôi. Hai là: Muốn đạt tới mức toàn thiện, con người phải trải qua nhiều kiếp luân hồi sanh tử, và mỗi kiếp y càng tiến lên cao lần lần. Ba là: Có một luật công bình bất di dịch cai quản mọi sự trên thế gian.»

Đến giai đoạn này, người học đạo phải loại bỏ mọi sự nghi ngờ, và phải hoàn toàn tin tưởng nơi những luật kể trên một cách tuyệt đối. Còn đối với người thường ở thế gian, ít nhất y nên tin theo bấy nhiêu đó, vì nếu y không lấy những định luật đó làm phương châm để hướng dẫn cuộc đời, thì y không thể nào tiến xa hơn nữa.

Điều thứ nhì là chánh tư duy, tức là tư tưởng chân chính. Chánh tư duy có hai ý nghĩa khác nhau:

Một là: Chúng ta phải tin tưởng những điều tốt lành, chớ không nên tin tưởng những điều quấy. Chúng ta có thể để dành sẵn trong trí luôn luôn những tư tưởng thanh cao và tốt lành, nếu ta không bận rộn với những vấn đề sinh hoạt thông thường hằng ngày. Ta chớ nên có sự hiểu lầm về điều này. Bất cứ làm việc gì, ta cũng phải làm một cách sốt sắng và chu đáo, với sự chú ý cần thiết để hoàn thành công việc ấy một cách

mỹ mãn. Nhưng phần đông, nhiều người đầu đang làm việc, hoặc trong khi tạm ngưng một lúc, họ vẫn để tư tưởng chạy quanh những vấn đề nhỏ nhặt tầm thường và thấp hèn. Những người học đạo luôn luôn để dành sẵn những tư tưởng Chơn Sư trong trí của họ, để những lúc rảnh rang không bận rộn công việc trần thế, thì lập tức tư tưởng Chơn Sư liền hiện ra, và trong trí họ chỉ có một tư tưởng đó mà thôi. Khi ấy, người hành giả liền nghĩ rằng: «Tôi có thể làm gì để sống cuộc đời tôi cho giống như đức Thầy? Tôi sẽ tự cải thiện bằng cách nào để tôi có thể biểu dương sự tốt lành của Chơn Sư cho những người chung quanh? Tôi có thể làm gì để thi hành công việc của Ngài là giúp đỡ người khác?» Một trong những việc mà chúng ta có thể làm là gọi những tư tưởng giúp đỡ và thiện cảm cho những người chung quanh.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng tư tưởng chân chính phải được rõ ràng nhưt định, chớ không phải là phân chia nhiều ngã. Những tư tưởng trụ nơi một việc trong một lúc, rồi lại nhảy qua việc khác đều là vô ích, và sẽ không giúp được gì cho chúng ta để kiểm soát tư tưởng của mình. Tư tưởng chân chính, không bao giờ nên có một mảy may ác ý nào, và không được có chút gì gọi là khả nghi. Có nhiều người không bao giờ cố tình nghĩ đến điều gì xấu xa hay nhơ bợn, nhưng họ lại ấp ủ những tư tưởng gần như thế, – không thật hẳn là quấy, nhưng có chút ít khả nghi! Trong tư tưởng chân chánh, không nên có những chuyện như thế. Nếu ta lỡ

có một ý nghĩ nào hơi khả nghi hoặc không tốt, ta phải dẹp bỏ ý nghĩ đó ngay tức khắc. Chúng ta phải giữ cho mọi tư tưởng đều được hoàn toàn khả ái và tốt lành.

Tư tưởng chân chính còn có một ý nghĩa khác nữa, là nghĩ đúng, tức là chúng ta chỉ nên nghĩ sự thật mà thôi. Đã bao lần chúng ta thường hay nghĩ lầm, và hiểu lầm những người khác vì thành kiến hoặc vì vô minh. Chúng ta có ý nghĩ rằng người kia là một người xấu, bởi đó, tất cả mọi hành động của y đều là không tốt. Chúng ta gán cho y những ý nghĩ thường hoàn toàn vô căn cứ; như thế chúng ta nghĩ quấy cho y, do đó tư tưởng của chúng ta không phải tư tưởng chân chính. Tất cả những người chưa được đắc quả Chơn Tiên đều hãy còn là bất toàn, có tốt có xấu lẫn lộn, nhưng bất hạnh thay, chúng ta chỉ dùng hết trí lực để nghĩ đến khía cạnh xấu của người khác, và quên tất cả – thậm chí không bao giờ nhìn thấy khía cạnh tốt của họ. Bởi đó, tư tưởng của ta về những người ấy không phải là tư tưởng chân chính, không những là không được nhân từ, mà lại còn không đúng. Chúng ta chỉ nhìn một khía cạnh của người ấy, và không nhìn thấy khía cạnh khác. Hơn nữa, vì chúng ta chỉ chú ý đến điểm xấu của người kia thay vì nghĩ đến điều tốt, nên chúng ta tăng cường và khuyến khích điểm xấu đó càng bành trướng thêm. Trái lại, với tư tưởng chân chính, chúng ta có thể tăng cường và khuyến khích khía cạnh tốt lành của người kia.

Điều thứ ba là chánh ngữ, tức là lời nói chân chính. Điều này cũng chia làm hai phần. Trước hết, chúng ta nên luôn luôn nói những điều tốt lành. Chúng ta không nên nói đến những điều xấu của người khác. Phần nhiều, những câu chuyện mà chúng ta nghe thuật lại về người khác đều không đúng, như thế, nếu ta lặp lại những chuyện đó, thì lời nói của ta cũng không đúng, chúng ta tự làm hại cho mình cũng như ta làm hại cho người mà ta nói quấy. Dầu cho câu chuyện ấy có thật đi nữa, người lặp lại cũng vẫn quấy, bởi vì chúng ta không giúp ích được gì cho người kia, bằng cách lặp đi lặp lại những việc làm quấy của y. Vậy điều tốt nhất mà ta có thể làm là đừng nói gì về chuyện đó. Tự nhiên là ta giữ im lặng, nếu việc quấy đó là do chồng, con, hay anh em ta làm, vì ta nghĩ không nên đồn đãi ra ngoài những việc làm quấy của những người mà ta thân yêu. Nhưng nếu ta tin tưởng nơi tình huynh đệ đại đồng, ta nên biết chúng ta không có quyền đồn đãi chuyện xấu của bất cứ một người nào, ta nên nói điều lành về kẻ khác cũng như ta muốn cho họ nói điều lành đối với chúng ta vậy.

Mặt khác, có nhiều người nói không đúng sự thật, bởi vì họ hay nói quá lớn. Một chuyện nhỏ nhất, tầm thường, có thể do họ phóng đại ra thành chuyện lớn. Tự nhiên đó không phải là lời nói chân chính.

Lời nói phải dịu dàng, khả ái; đồng thời nó cũng phải cho thẳng thắn và ngay thật, chớ không nên đại dộ, hồ đồ. Ở nhiều nơi trên thế giới hiện nay, người ta

có quan niệm sai lầm là người lịch sự phải biết nói chuyện nhiều; nếu không nói năng luôn miệng thì bị coi như què mùa, hoặc thiếu xã giao. Người ta tưởng rằng khi gặp gỡ một người bạn, người ta phải nói huyên thiên không dứt, nếu không, người bạn kia sẽ bị mất lòng. Ta nên nhớ rằng Christ ngày xưa có nói rằng với mỗi lời nói vô ích mà con người thốt ra, y sẽ phải trả lời về cái tội đó về sau này.

Lời nói vô ích thường là một lời nói có ác ý, nhưng đầu cho không phải như vậy đi nữa, những lời nói vô vị đầu rằng vô tội, cũng làm mất thời giờ. Nếu cần phải nói, ít nhất ta nên nói những điều hữu ích và có thể giúp đỡ kẻ khác. Có người muốn làm ra vẻ thông minh và thạo đời, thường hay nói đùa hoặc nói luôn miệng không dứt. Họ luôn luôn nói dặm thêm bất cứ chuyện gì của người khác vừa nói. Họ luôn luôn đưa ra khía cạnh lỗ bịch hoặc hài hước của mọi chuyện. Lẽ tất nhiên, những điều đó đều là những lời nói vô ích và chúng ta cần phải cẩn thận giữ gìn luôn để cho lúc nào chúng ta cũng có được lời nói chân chính.

Điều thứ tư là chánh nghiệp tức là hành động chân chính. Chúng ta thấy ngay rằng ba điều kể trên nối tiếp theo nhau một cách chặt chẽ. Nếu chúng ta luôn luôn tưởng nghĩ điều lành, chúng ta sẽ không bao giờ nói điều dữ, vì chúng ta chỉ nói những gì ta đã nghĩ trước mà thôi; nếu tư tưởng và lời nói của ta tốt lành, thì hành động tiếp theo sau cũng sẽ tốt. Hành động

phải cho mau lẹ, nhưng phải được cân nhắc cẩn thận. Chúng ta thường thấy có nhiều người, gặp lúc biến động khẩn cấp, thì họ đành chịu bó tay, vô toan kế sách; chẳng những thế, họ lại còn là một chướng ngại cho những người khác có một bộ óc sáng suốt bình tĩnh hơn. Có người lại làm càn, không chịu suy nghĩ kỹ. Chúng ta hãy tập suy nghĩ mau chóng và hành động mau chóng, nhưng luôn luôn với một bộ óc sáng suốt và cân nhắc cẩn thận. Trước hết mọi sự, những hành động của ta phải luôn luôn vô tư kỷ, không vụ lợi: đừng bao giờ để cho nó có một mảy may lý do ích kỷ nào, để vụ lợi riêng cho mình. Điều này rất khó làm đối với phần đông, nhưng nó là một quyền năng mà chúng ta phải tập cho được. Là những người phụng sự các đấng Chơn Sư, chúng ta có nhiều cơ hội để thực hành lý tưởng đó trong công việc hằng ngày. Chúng ta chỉ nên nghĩ đến công việc phụng sự và những gì chúng ta có thể làm để giúp đỡ kẻ khác, với một tinh thần hoàn toàn vị tha... Chúng ta không nên nghĩ đến những việc gì chúng ta thích làm, mà chỉ cố gắng làm hết sức mình để thi hành trọn vẹn phần công việc được giao phó cho ta.

Trong thời đại này, ít người sống ẩn dật cô đơn như những nhà tu sĩ thời xưa. Chúng ta sống trong xã hội tập đoàn, do đó những tư tưởng, lời nói hay việc làm của chúng ta đều có ảnh hưởng đến rất nhiều người khác. Ta nên nhớ rằng tư tưởng, lời nói hay hành động của chúng ta không phải là những khả

năng, mà nó là những quyền năng – những quyền năng được giao phó cho ta sử dụng, mà chúng ta phải trực tiếp chịu trách nhiệm. Những quyền năng đó là để cho ta dùng trong việc phụng sự, nếu ta dùng vào mục đích khác tức là ta không làm tròn bổn phận của mình.

Điều thứ năm là chánh mạng, tức là nghề nghiệp chân chính. Điều này là một vấn đề có liên hệ đến rất nhiều người. Nghề nghiệp chân chính tức là những phương tiện sinh hoạt làm ăn, nghề nghiệp nào không làm tổn nhân hại vật, không gây thiệt hại cho bất cứ một sinh vật nào. Chúng ta thấy điều này ngăn cấm những nghề như đồ tể, hàng thịt, nghề chài lưới; ngoài ra nó còn đi xa hơn nữa. Chúng ta không nên làm những nghề tổn nhân hại vật, như vậy nghề bán rượu cũng không phải là một nghề nghiệp chân chính. Người bán rượu tuy không phải là giết người, nhưng chắc chắn là y làm thương tổn và y sống trên sự thương tổn gây cho kẻ khác.

Điều răn này còn đi xa hơn, thí dụ một người lái buôn kia hành nghề một cách bất lương. Đó không phải là làm nghề nghiệp chân chính, vì y lường gạt thiên hạ để kiếm lời nhiều. Nếu người lái buôn hành nghề một cách lương thiện, y mua hàng sỉ và bán lẻ với một số tiền lời vừa phải, thì đó là phương tiện làm ăn chân chính. Nhưng nếu y lường gạt thiên hạ, y bán thứ hàng xấu mà quảng cáo là hàng tốt, thì y là kẻ bất lương. Như thế, một nghề chân chính có thể trở thành

bất chính nếu người ta hành nghề ấy với một tinh thần bất lương. Chúng ta phải xử thế một cách lương thiện với kẻ khác cũng như ta muốn cho họ xử thế lương thiện với chúng ta.

Người đi buôn biết chỗ hay, cũng như chỗ dở về món hàng của họ bán, nhưng người mua thường không biết. Vì không biết rõ món hàng hay dở thế nào, nên người mua hoàn toàn đặt tín nhiệm nơi người bán hàng. Khi người ta đặt tín nhiệm vào một vị bác sĩ hay một luật sư, thì người ta có quyền sở cậy nơi sự làm việc tận tâm của các vị ấy. Trong trường hợp người mua đặt tín nhiệm nơi người bán hàng thì cũng giống như vậy, bởi đó người bán hàng cũng phải có lương tâm phục vụ người mua, cũng như vị bác sĩ hay luật sư tận tâm phục vụ thân chủ của họ. Khi người ta đặt tín nhiệm nơi mình, thì đó là cả một vấn đề danh dự mà mình phải đền đáp lại một cách xứng đáng. Người hành nghề buôn bán thương mại, có quyền thu lợi một cách vừa phải, nhưng đồng thời cũng phải hiểu rõ và làm tròn thiên chức của mình đối với nhân quần xã hội vậy.

Điều thứ sáu là chánh tinh tấn, tức là cố gắng, công phu chân chính. Đây là một điều rất quan trọng. Chúng ta không nên tự hài lòng với sự tốt lành tiêu cực của mình, không làm điều ác cũng chưa đủ, mà còn phải tích cực làm điều thiện. Khi đức Phật tóm tắt giáo lý của Ngài trong một bài thi ngắn. Ngài bắt đầu bằng câu: «Chư ác mạc tác» (Tránh mọi điều ác), nhưng câu

sau liền tiếp theo «Chúng thiện phụng hành» (Nguyện làm mọi việc lành). Như thế, làm người tốt một cách thụ động vẫn chưa đủ. Có bao nhiêu người có ý tưởng tốt, nhưng không làm được điều gì có ích lợi cho ai cả!

Mỗi người đều có ít nhiều năng lực, chẳng những về thể chất mà còn có sức mạnh về tinh thần. Khi chúng ta phải làm một công việc gì trong một ngày, chúng ta biết rằng mình phải tiết kiệm sinh lực và trước khi bắt đầu, chúng ta không phí sức với những việc gì khác, ngoài ra công việc mà ta sắp làm. Cũng thế, chúng ta có ít nhiều mãnh lực về ý chí và cân não mà chúng ta chỉ có thể dùng làm một phần công việc nào đó mà thôi, bởi vậy chúng ta phải giữ gìn và liệu xem chúng ta sẽ sử dụng quyền năng ấy như thế nào. Ngoài ra, chúng ta còn có những quyền năng khác nữa, mỗi người đều có ít nhiều ảnh hưởng đối với bạn bè hay thân quyến của họ. Ảnh hưởng đó cũng là một quyền năng, chúng ta có trách nhiệm phải sử dụng đúng phép quyền năng đó. Chung quanh ta có rất nhiều người như vợ, con, bạn bè, thân bằng quyến thuộc, lao công, tôi tớ, v.v... đối với họ, ta có ít nhiều quyền lực và ảnh hưởng; chúng ta phải thận trọng từng lời nói và cử chỉ, vì ta sẽ là cái gương cho họ bắt chước.

Chánh tinh tấn nghĩa là biết làm việc một cách có hiệu quả chớ không phí phạm sức lực và thời giờ. Có nhiều việc mà ta có thể làm, nhưng có việc cần phải làm ngay và khẩn cấp hơn những việc khác. Chúng ta

phải nhìn thấy chỗ nào sự công phu cố gắng của ta là cần thiết và hữu ích nhất. Không phải tất cả mọi người đều phải làm một việc như nhau, mà phải chia đều công việc để cho công việc được thành tựu một cách mỹ mãn và trọn vẹn, chứ không nên chú trọng ở một mặt mà thôi. Trong những vấn đề này, ta cần sử dụng lý trí và sự khôn khéo của mình.

Điều thứ bảy là chánh niệm, tức là tưởng nhớ chân chính. Người Phật tử thường cho rằng điều này có nghĩa là sự nhớ lại những kiếp trước, cũng như đức Phật có thể hoàn toàn nhớ lại tất cả những tiền kiếp của Ngài. Trong kinh Jataka có thuật chuyện đức Phật bị một người khác nói hành. Ngài bèn dạy lại các đệ tử và nói: «Trong một tiền kiếp, Ta có chửi mắng người này, nên bây giờ Ta bị y nói hành trở lại. Vậy Ta không có quyền giận y.» Lẽ tất nhiên, nếu nhớ lại tất cả những gì đã xảy đến với ta trong những tiền kiếp, thì chúng ta có thể sắp đặt cuộc đời hiện tại của mình một cách chu đáo hơn. Tuy nhiên, phần đông chúng ta không có quyền năng nhớ lại những kiếp trước, nhưng chúng ta không nên vì thế mà nghĩ điều răn chánh niệm không áp dụng cho chúng ta.

Trước hết, điều này có nghĩa là tự kiểm thảo lấy mình. Chúng ta phải luôn luôn nhớ ta là ai, ta có bốn phận gì, phải đóng vai trò gì, và ta phải làm gì cho đức Chơn Sư. Chánh niệm lại còn có nghĩa là phải biết chọn lựa một cách hợp lý điều gì ta cần phải nhớ. Trong cuộc đời của chúng ta, ai cũng có khi chìm khi

nổi, lúc vui lúc buồn. Người khôn ngoan chỉ nhớ những điều vui tươi, tốt lành, và quên đi những điều buồn rầu, đau khổ. Thí dụ có người nói với ta những điều nặng nề, thô bỉ, người đại dốt sẽ nhớ điều đó hằng tuần, hằng tháng, hằng năm, và lúc nào cũng nói rằng người kia nói nặng lời với y. Điều đó sẽ đè nặng trong trí của y. Nhưng thử hỏi có ích gì? Dĩ nhiên là không ích gì cả. Điều đó chỉ làm cho y bực tức và lúc nào cũng nuôi trong trí tư tưởng ác. Điều ấy chắc chắn không phải là chánh niệm vậy.

Chúng ta nên quên và tha thứ cho kẻ khác những điều chẳng lành mà họ làm cho chúng ta, nhưng phải luôn luôn ghi nhớ những điều tốt lành mà ta đã thọ lãnh, để cho tâm hồn ta tràn đầy tình thương và lòng biết ơn. Mặt khác, chúng ta ai cũng có làm nhiều điều lầm lỗi; vậy chúng ta nên nhớ những điều đó để giữ mình cho khỏi tái phạm. Trái lại, chúng ta không nên tự kiểm thảo một cách quá đáng, lúc nào cũng nhồi đi nhồi lại trong trí những điều lầm lỗi đó, rồi đâm ra hối tiếc và buồn rầu quá lẽ. Làm như vậy cũng không phải là tưởng nhớ chân chính.

Điều thứ tám là chánh định tức là thiền định chân chính. Điều này không những nói về cách tham thiền hằng ngày của chúng ta mà cũng có nghĩa là trong mỗi kiếp sống ở thế gian, chúng ta nên chuyên tâm vào mục đích làm lành và phụng sự giúp đỡ kẻ khác. Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta không thể luôn luôn ngồi thiền, vì chúng ta còn phải bận rộn làm công

kia việc nọ; nhưng tôi không chắc nói như thế là hoàn toàn đúng. Chúng ta không thể luôn luôn tách rời tâm thức của mình ra khỏi cảnh giới phạm trần để trụ vào những cõi giới cao siêu. Nhưng chúng ta có thể sống một đời sống thiên định theo ý nghĩa này, là những tư tưởng cao siêu phải luôn luôn được để dành sẵn làm bối cảnh trong trí của ta, như tôi đã nói ở nơi đề mục «chánh tư duy,» để khi nào trí ta không bận rộn một việc gì, thì lập tức chúng ta liền nghĩ đến những điều cao thượng và tốt lành. Chừng đó cuộc đời của chúng ta là một cuộc đời luôn luôn định trí với những vấn đề thanh cao tốt lành nhất, chỉ thỉnh thoảng gián đoạn một đôi lần để nghĩ đến sinh hoạt hằng ngày.

Khi ta tập cho tư tưởng trở thành thói quen như thế, nó sẽ ảnh hưởng đến chúng ta bằng nhiều cách mà ta không thể biết được. Theo luật đồng khí tương cầu, hai người cùng áp dụng một đường lối tư tưởng như thế sẽ kết hợp lại với nhau, và sẽ cảm thấy có sự hấp dẫn lại gần nhau. Như vậy, một trung tâm gồm những người cùng có thói quen nghĩ đến những điều cao thượng sẽ tập hợp lại với nhau và có lẽ sẽ phát triển lần lần thành một chi bộ Thông Thiên Học. Dầu sao, họ sẽ kết hợp lại với nhau, những tư tưởng của họ sẽ ảnh hưởng lẫn nhau, và như thế mỗi người sẽ giúp đỡ rất nhiều cho sự tiến bộ của toàn thể. Hơn nữa bất cứ nơi nào chúng ta đi đến, chúng ta cũng được vây phủ chung quanh bởi những vị khuất mặt, những vị thiên thần, tinh linh, và những người đã rời khỏi xác phàm. Sự thiên định chân chính sẽ hấp dẫn lại gần ta những

phần tử tiến hóa nhứt của các cõi giới vô hình, và đầu cho chúng ta đi đến nơi nào, chúng ta cũng được bao phủ trong những luồng ảnh hưởng tốt lành và thánh thiện.

Đó là lời dạy của đức Phật trong bài thuyết pháp đầu tiên khi Ngài «Chuyển Pháp Luân» để truyền bá chánh pháp của Ngài cho thế gian đã trên nhiều thế kỷ trước.

Một tương lai xa xăm, khi thời giờ xuất hiện vị Phật tương lai sẽ đến, và vị đương kim Bồ Tát chuyển kiếp lần cuối cùng để đạt tới quả vị cao cả đó, Ngài sẽ giảng chánh pháp cho thế gian dưới một hình thức nào mà Ngài cho là thích hợp nhứt cho nhu cầu của thế hệ. Khi đó, Vị kế nghiệp cho Ngài ở chức vụ cao cả của đức Chương Giáo sẽ là Chơn Sư Kuthumi, Vị này đã tự Ngài chuyển qua Cung 2 để đảm lấy chức vụ Bồ Tát của giống dân thứ sáu trong tương lai.



CHƯƠNG 15

QUYỀN NĂNG TRONG BA NGÔI

ĐỨC NGỌC ĐẾ

Về phương diện tâm linh, quả địa cầu của chúng ta được đặt dưới sự cai quản của đức Ngọc Đế, là một trong những vị Kim Tinh Chơn Quân, từ bầu kim tinh đến kể từ bao nhiêu triệu năm nay. Người Ấn Độ gọi Ngài là Sanat Kumara; có chỗ gọi Ngài là đấng điểm đạo độc tôn, Đấng độc nhất vô nhị, Đấng thanh niên trường cửu của tuổi mười sáu (Eternal Youth of sixteen summers); và chúng ta gọi Ngài là đức Ngọc Đế. Ngài là Đấng chủ tể, hào quang của Ngài bao trùm hết tất cả bầu hành tinh của chúng ta. Ngài đại diện cho đức Thượng Đế trên thế gian, và chỉ huy toàn diện cuộc tiến hóa trên quả địa cầu, không những của nhân loại, mà cũng gồm luôn sự tiến hóa của các thiên thần, các tinh linh ngũ hành, và tất cả mọi chúng sinh trên mặt đất. Dĩ nhiên, Ngài hoàn toàn khác hẳn với Đấng cao cả gọi là tinh hoa của trái đất, Đấng này dùng quả địa cầu làm một thể xác hồng trần.

Đức Ngọc Đế gìn giữ trong trí của Ngài toàn diện cơ tiến hóa, ở một mực độ rất cao mà chúng ta không biết gì cả. Ngài là động lực thúc đẩy mọi sự tiến hóa trên mặt đất, là sự biểu hiện của thiên ý trên quả địa cầu. Tất cả những đức tánh biểu lộ trong đời sống của

người thế gian, như sức mạnh, can đảm, cương quyết, kiên nhẫn, cùng những đức tánh khác, v.v... đều là phản ảnh của Ngài. Tâm thức của Ngài rộng rãi bao la, tâm hiểu biết của Ngài có thể thấu đáo trong khoảnh khắc tất cả mọi sự sinh hoạt trên mặt địa cầu. Ngài nắm giữ trong tay những quyền năng tiêu diệt các lực địa ở mỗi chu kỳ, vì Ngài sử dụng điển lực (fohat) trên những mực độ rất cao và có thể trực tiếp sử dụng những mãnh lực vũ trụ ngoài dãy hành tinh của chúng ta. Công việc của Ngài thường liên hệ đến toàn thể nhân loại hơn là liên hệ đến từng cá nhân, nhưng khi Ngài ảnh hưởng đến bất cứ một người nào, chúng tôi được biết rằng đó là một ảnh hưởng trực tiếp xuyên qua Chơn Thần của người ấy, chớ không phải xuyên qua Chơn Nhơn.

Người thí sinh trên đường đạo sẽ có lúc tiến đến một giai đoạn mà y được chánh thức trình diện với đức Ngọc Đế. Những người nào có điểm phúc gặp Ngài tận mặt đều nói Ngài có cái hình dáng của một người thanh niên tuấn tú, nghiêm chỉnh, và từ bi không tả. Tuy nhiên, Ngài cũng có một phong độ oai nghi, biểu lộ một sự toàn năng không thể đo lường, và một uy quyền mãnh liệt đến nỗi có vài người không thể chịu đựng nổi cái nhìn của Ngài, và phải che mặt vì sợ hãi. Đó là trường hợp của bà Blavatsky, nhà sáng lập Hội Thông Thiên Học của chúng ta. Người nào đã có kinh nghiệm đó rồi thì không thể nào quên, và cũng không bao giờ có thể nghi ngờ rằng, dầu cho thế gian có tội lỗi và đau khổ lớn lao đến thế nào, kết cuộc tất cả

mọi sự đều đưa con người đến chỗ tốt lành, và nhân loại luôn luôn được dìu dắt, hướng dẫn đi đến mục đích cuối cùng.

Chúng tôi được biết trong mỗi thời kỳ của bầu thế giới, có ba vị Ngọc Đế nối nghiệp lẫn nhau, và đức Ngọc Đế hiện thời giữ chức vụ đó là Vị thứ ba. Ngài cùng với ba Vị đệ tử hiện nay ở tại một ốc đảo (oasis) trong vùng sa mạc Gobi, gọi là Shamballa, thường được gọi là Đảo Thiên, để nhắc lại hồi thuở vùng này còn là một hòn đảo ở giữa biển thuộc trung bộ Á Châu. Bốn Đấng cao cả này thuộc hệ thống tiến hóa khác hẳn của chúng ta. Những thể xác của các Ngài, mặc dầu bề ngoài giống như hình người, nhưng khác hẳn với xác phàm của chúng ta về cách cấu tạo, được tạo ra để tiện dụng, và những tế bào của nó không có thay đổi như xác phàm con người. *Những thể xác đó không cần ăn uống vật thực, và trải qua hàng ngàn năm vẫn không bao giờ thay đổi.*

Ba Vị đệ tử nói trên là ba vị Độc Giác Phật (Praccheka Buddha or Pratyeka) cấp đẳng ngang hàng với quả vị Phật, trợ giúp đức Ngọc Đế trong công việc của Ngài, và sẽ là ba vị Ngọc Đế tương lai khi nhân loại chuyển qua bầu thủy tinh (mercury).

Bảy năm một lần, đức Ngọc Đế cử hành tại Shamballa một cuộc lễ lớn cũng tương tự lễ Wesak, nhưng trên một qui mô rộng lớn hơn và thuộc loại khác hơn. Trong cuộc lễ này tất cả các vị Chơn Tiên và vài vị đạo đồ ở cấp đẳng thấp hơn đều được mời tham

dự, như thế các Ngài có dịp tiếp xúc với Đấng chủ tể của Quần Tiên Hội. Trong những dịp khác, đức Ngọc Đế chỉ tiếp xúc với những vị trưởng thượng trong Quần Tiên Hội trừ khi nào vì những lý do đặc biệt, Ngài kêu gọi những vị khác đến trước mặt Ngài.

Địa vị cao cả của đức Ngọc Đế đã được diễn tả trong bộ sách «Giáo Lý Nhiệm Mâu.» Trong đó có nói trải qua dòng thời gian, những quả vị lớn lao đưa đến mức toàn thiện vẫn sẽ không thay đổi, mặc dầu toàn thể chúng sinh đều tiến lên mãi. Như thế những điều sở đắc của người hành giả để đạt tới một quả vị nhất định trong tương lai xa xăm về sau, sẽ đầy đủ viên mãn hơn so với thời buổi bây giờ. Sách ấy nói: «Người toàn thiện của cuộc tuần hoàn thứ bảy của dãy hành tinh hiện tại sẽ còn thấp hơn có một bậc so với quả vị cao tột trên địa cầu hiện nay.» Nghĩa là: quả vị đức Ngọc Đế hiện thời ở trên một cấp đẳng cao hơn quả vị mà người toàn thiện của nhân loại chúng ta sẽ đạt tới trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, tức là sau những thế hệ tiến hóa phải trải qua hàng triệu năm và đưa chúng ta đi xuyên qua hai cuộc tuần hoàn rủi gồm bao nhiêu kiếp sinh tử luân hồi với những kinh nghiệm đủ mọi loại. Đấng cao cả nói trên xuất hiện trong thời kỳ giống dân thứ ba để đảm nhiệm lấy cuộc tiến hóa trên quả địa cầu. Điều này được diễn tả trong quyển «Con người, từ đâu đến và đi về đâu?»

«Ngôi bắc đẩu lớn vẫn hoàn toàn chói rạng. Châu Lemuria nằm vắt ngang trái đất dọc theo đường xích

đạo, gồm luôn cả đảo Madagascar hiện nay. Vùng biển cả ngày nay đã biến thành sa mạc Gobi, hồi đó vẫn còn đập sóng vào những ghềnh đá ở sườn núi phía bắc dãy Hi Mã Lạp Sơn. Tất cả đều được chuẩn bị để chờ đón một sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử quả địa cầu: đó là sự xuất hiện của những đấng Thần Hỏa Chon Quân¹¹ từ bầu kim tinh đến.

«Những vị Thái Âm Tinh Quân¹² và đức Bàn Cổ của giống dân thứ ba đã làm đủ hết mọi cách để dìu dắt sự tiến hóa của con người đến một giai đoạn làm cho mầm trí tuệ của họ được nảy nở mau chóng, và Chon Nhơn có thể xuất hiện. Tất cả những kẻ chậm tiến đều được thúc đẩy cho mau tiến lên; trong hàng ngũ loài cầm thú, không còn con thú nào có thể tiến lên thành người nữa.

«Sự tiến hóa của loài thú thành người chỉ bị ngăn chặn lại khi nào thấy không còn con thú nào có triển vọng tiến lên nữa. Hoặc không còn con thú nào có thể tiến lên thành người mà không có sự trợ giúp một đà mãnh liệt, chỉ được ban cho chúng có một lần ở vào khoảng giữa mỗi hệ thống tiến hóa.

«Thời giờ được chọn cho sự việc quan trọng này là nhằm lúc ảnh hưởng của các tinh tú được đặc biệt tốt lành, và trạng thái từ điển của trái đất được thuận

¹¹ (Lords of the Flame) hay là Kim Tinh Chon Quân (Lords of Venus) cũng vậy.

¹² Lords of the Moon.

tiện nhưt. Đó là vào khoảng độ sáu triệu rưỡi năm về trước.

«Khi đó, với những tiếng gầm rung trời chuyền đất giáng xuống rất mau từ những đỉnh cao tột không thể đo lường, bao phủ chung quanh bằng những khối lửa khổng lồ với những lửa đỏ xẹt ra tràn khắp mọi nơi trên nền trời, chiếc xe của các đấng Thần Hỏa Chon Quân từ bầu kim tinh vượt qua không gian giáng xuống địa cầu, và ngừng lại ở phía trên «đảo thiêng» nằm giữa biển Gobi. Đảo ấy cây cỏ xanh tươi, và tràn đầy những khóm hoa thơm muôn màu tươi thắm, dường như là địa điểm tốt lành và đẹp đẽ nhưt của quả địa cầu để nghinh đón đức Ngọc Đế. Ngài đã xuất hiện, Vị thanh niên mười sáu cái xuân xanh, đức Sanat Kumara, vị Chủ Tế mới của quả địa cầu, đã đến chỗ nhiệm sở mới của Ngài cùng với những vị đệ tử là ba vị Độc Giác Phật (Kumaras), và những Vị phụ tá khác ở chung quanh Ngài. Tất cả có đến 30 Đấng cao cả đã xuất hiện, cao cả hơn những gì mà thế gian có thể hiểu biết, với nhiều đẳng cấp khác nhau. Các Ngài đều có những thể tinh anh, do các Ngài tự tạo lấy bằng sức mạnh của ý chí (kriya shakti). Các Ngài gồm thành phần đầu tiên của nhóm Quân Tiên Hội, là cơ quan đào tạo nên các vị Chon Sư tương lai, và trung tâm huyền bí của tất cả mọi sinh hoạt tâm linh trên thế gian. Hòn đảo thiêng này là một nơi đất lành bất diệt, trên đó luôn luôn chói rạng ngôi sao sáng, biểu hiệu của đức Ngọc Đế, chủ tế quả địa cầu.»

Về vấn đề này bà Blavatsky viết trong quyển «Giáo Lý Nhiệm Mâu» như sau:

«Đấng cao cả vừa được đề cập đến ở đoạn trên, vốn vô danh tánh, là cái gốc do đó phát sinh trong những thế hệ tương lai, tất cả những bậc hiền minh thánh triết nổi danh trong lịch sử, như các đấng Giáo Chủ Kapila, Hermes, Enoch, Orpheus, v.v...

«Ngài là nhân vật huyền bí mà những giai thoại được truyền thuyết khắp nơi ở các xứ phương đông, nhất là trong giới huyền môn và những người học đạo pháp bí truyền. Ngài có khi thay đổi sắc tướng, nhưng tựu trung vẫn là một Đấng duy nhất mà thôi. Chính Ngài là vị chủ tể, về phương diện tâm linh, của tất cả các đấng Tiên Thánh đã điếm đạo trên toàn cõi thế giới. Như đã nói ở trên, Ngài là «Đấng vô danh,» tuy có rất nhiều tên gọi, nhưng không ai biết rõ về những tên hiệu thật cùng bản chất của Ngài.

«Ngài là Đấng cầm quyền điếm đạo, gọi là bậc «đại hy sinh.» Đó là vì, ngồi bên ngưỡng cửa ánh sáng, Ngài nhìn vào đó từ bên trong vòng vô minh hắc ám, mà Ngài sẽ không vượt qua; Ngài cũng sẽ không rời khỏi nhiệm sở của Ngài cho đến giờ phút cuối cùng của chu kỳ sinh hoạt hiện tại.

«Tại sao Đấng trông nom vô hình ấy vẫn ở lại nhiệm sở do Ngài chọn lựa? Tại sao Ngài vẫn ngồi một bên dòng suối minh triết, mà Ngài không còn uống nữa, vì không còn điều gì mà Ngài không biết và phải học nữa ở cõi hạ giới hay ở cõi trời? Vì những người

hành hương lẻ bạn cô đơn với bàn chân rướm máu trên con đường thiên lý gian nan trở về gốc cũ, không bao giờ dám chắc cho đến giờ phút cuối cùng họ sẽ không bị lạc đường trong bãi sa mạc minh mông của ảo vọng và vật chất phù du mà người ta gọi là cuộc đời thế tục.

«Vì Ngài phải đưa đường chỉ lối đến nơi tự do, sáng sủa, cho những người nào đã giải thoát ra khỏi sự trói buộc của nhục thể và ảo tưởng. Nói tóm lại, vì Ngài đã tự hy sinh vì hạnh phúc của nhân loại, mặc dầu chỉ có một thiểu số những người hữu phước được thừa hưởng ân huệ của cuộc đại hy sinh ấy.

«Chính nhờ sự dìu dắt trực tiếp và im lặng của Đấng cao cả ấy mà tất cả những vị Chơn Sư, Chương Giáo của thế gian trở nên những Vị hướng dẫn của nhân loại lúc sơ khai, kể từ thuở tâm thức con người mới bắt đầu khai mở.

«Chính nhờ những Vị ấy mà nhân loại ấu trĩ học được những nguyên tắc đầu tiên của tất cả các ngành nghệ thuật khoa học và triết học tâm linh. Chính các Ngài đã xây nền móng căn bản cho những nền văn minh cổ đã từng làm cho thế hệ học giả và sinh viên của thời đại này phải vô cùng ngạc nhiên.»



NHỮNG CUỘC ĐIỂM ĐẠO TỐI CAO

Sự tiến hóa của con người đến quả vị cao tột trong Quần Tiên Hội của quả địa cầu chỉ có thể thực hiện trên cung số 1, vì trên cung này còn hai cuộc điểm đạo tối cao, ở trên quả vị Bàn Cổ. Đó là những vị Độc Giác Phật (Praccheka Buddhas), các Vị này ở trên đức Bàn Cổ một đẳng cấp. Có vài sách vở hiểu lầm một cách lạ lùng là các Ngài có tánh ích kỷ, không dạy lại những gì các Ngài đã sở đắc mà lại vào ngay niết bàn. Thật ra các Ngài không có nhiệm vụ dạy dỗ chúng sinh, vì các Ngài còn có công việc phải làm thuộc về cung số 1 là cung của các Ngài. Sẽ có lúc, các Ngài sẽ rời khỏi bầu thế giới hiện tại, để tiếp tục công việc cao cả của các Ngài ở những hành tinh khác.

Trên quả Vị ấy một bực, là cuộc điểm đạo mà không ai có thể ban cho mình, nhưng mỗi Vị phải tự điểm đạo lấy; đó là quả vị của đức Ngọc Đế. Chức vụ này chỉ được thừa hành trong một thời gian ngắn, nói về trường hợp hai vị Ngọc Đế đầu tiên của một bầu thế giới, và khi giai đoạn ấy đã qua, thì vị Ngọc Đế thứ ba sẽ đảm nhiệm chức vụ này trong một thời kỳ lâu dài hơn.

Trách nhiệm của đức Ngọc Đế thứ ba lớn lao hơn nhiều, so với công việc của hai vị Ngọc Đế đầu tiên, vì Ngài có bốn phận kết thúc chu kỳ tiến hóa vừa qua một cách mỹ mãn, và giao hàng triệu chúng sinh đang tiến hóa vào tay đức Bàn Cổ. Đức Bàn Cổ sẽ có trách nhiệm coi sóc chúng sinh ấy trong thời kỳ nghỉ ngơi ở

khoảng giữa hai bầu hành tinh, và sẽ giao chúng sinh ấy lại cho vị Bàn Cổ tương lai của bầu hành tinh kế tiếp.

Đức Ngọc Đế thứ ba sau khi đã hoàn thành sứ mạng của Ngài, đạt tới một quả vị hoàn toàn ngoài vòng thế gian và ngoài vòng Quần Tiên Hội, đó là quả vị của Đấng trông nom im lặng. Với chức vụ này, Ngài coi sóc toàn thể chu kỳ tiến hóa của một cuộc tuần hoàn. Chỉ khi nào luồng sống sinh hoạt lại tái diễn trên bầu hành tinh của chúng ta, và lại sắp sửa rời khỏi trái đất, thì chừng đó Ngài mới chấm dứt chức vụ lạ lùng của Ngài, và giao lại cho Đấng cao cả kế nghiệp chức vụ ấy.

MỤC ĐÍCH CUỐI CÙNG

Những quả vị cao tột huy hoàng đó, hiện thời hãy còn ở trên chúng ta rất xa, nhưng chúng ta cũng nên nâng cao tư tưởng lên đến các Ngài và thử nhận định tầm quan trọng của các quả vị trên thiên đình. Điều này chỉ cho ta thấy mục đích đặt trước mặt mỗi người trong chúng ta. Chúng ta càng nhìn thấy rõ mục đích ấy bao nhiêu, thì sự tiến bộ của chúng ta trên đường đạo càng mau chóng và vững vàng hơn bấy nhiêu, mặc dầu không phải tất cả mọi người đều có thể hy vọng thực hiện lý tưởng cổ truyền về vấn đề này, là bay như mũi tên thẳng tới đích.

Trên đường tiến hóa vĩ đại đó, mỗi người sẽ có ngày đạt tới sự toàn giác trên cõi cao nhất trong thiên

nhiên, là cõi tối đại niết bàn. Ở trạng thái đó, Bậc toàn giác sẽ ý thức được tất cả mọi trình độ sinh hoạt ở các cõi trong vũ trụ, vì Người đã có quyền năng hoạt động trên cõi cao nhất, nên Người sẽ có thể hiểu và hoạt động trên cõi giới thấp nhất và giúp đỡ ở nơi nào cần đến sự giúp đỡ. Những quyền lực: toàn năng, toàn giác và toàn thông chắc chắn là sẽ chờ đợi mỗi người trong chúng ta, mặc dầu đời sống ở phàm trần hạ giới này không đáng cho chúng ta sống để thụ hưởng hoặc thu thập những gì riêng cho mình, nhưng nó cũng đáng để cho chúng ta chịu đựng và rèn luyện mình, như một giai đoạn cần thiết để chuẩn bị cho chúng ta bước vào một đời sống chân thật huyền diệu, và huy hoàng trong tương lai.

«Mắt phàm không thể thấy, tai phàm không thể nghe, và tâm phàm của con người không thể cảm biết và quan niệm được những gì mà Thượng Đế đã dành sẵn cho những người nào biết kính yêu Ngài,» vì lòng bác ái, sự minh triết và quyền năng của Thượng Đế rộng lớn vô biên, vượt quá mọi tâm hiểu biết của con người, cũng như sự bằng an của Ngài vậy.

VẠN VẬT THÁI BÌNH

Dịch xong tại Adyar, Madras (Ấn Độ),
tháng tư năm 1967

HỘI THÔNG THIÊN HỌC

CÓ BA MỤC ĐÍCH

1. Tạo một tình huynh đệ đại đồng không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng, nam nữ, giai cấp hay màu da.
2. Khuyến khích việc học hỏi và đối chiếu tôn giáo, triết lý và khoa học.
3. Nghiên cứu những định luật thiên nhiên chưa giải thích được và những quyền năng ẩn tàng trong con người.

Muốn gia nhập Hội, bạn chỉ cần thừa nhận mục đích 1 và xin liên lạc với Hội nơi quốc gia bạn cư ngụ; hay với một bạn hội viên nào bạn biết.